

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

ĐẠO LÀM NGƯỜI (1)

I

Này đã đến buổi chiều rồi, đến văn-cảnh cái đời tôi kể cũng dài vậy.

Một đời tôi đã phải từ-giã biết bao nhiêu cái cảnh vui-thú êm-đềm, cảnh gia-đình, cảnh tình-ái; vì cái chết khốc-hại nó đã từng đến thăm nhà tôi biết mấy lần. Nó cướp mất mấy đứa con trai tôi đương tuổi thanh-xuân, làm cho sau tôi không còn ai mang cái tên tôi nữa. Hầu hết những kẻ thương-yêu của tôi, nay không còn nữa, bây giờ tôi lẻ-thui một mình, tôi chỉ tưởng nhớ việc đời xưa.

Lại cũng từ-giã cả cái mộng tương-lai nữa, cái công-phu chăm-chút, cái sự-nghiệp vẫy-vùng, cái công-trình biết mấy nắng mưa khiến cho con người có tài có lực dám mong ra tay cải-tạo cho thế-giới, để lại sau này một cái sự-công đủ làm cho tiếng thơm truyền mãi... , bấy nhiêu cái cũng phải từ-giã hết.

Nhưng tuy nay đã đến cảnh già cỗi, sức yếu không thể làm gì được nữa, cũng lầy-làm phiền lòng, song còn sống được ngày nào, muốn sống cho xứng-đáng.

Muốn thừa cái lúc tinh-thần hãy còn sáng suốt, chừa đến chim - đấm vào trong cảnh hoàng-hôn cuối-cùng, nâng

cao tâm-hồn lên cõi tuyết-dinh kia, là chốn quang-minh thanh-lĩnh, là nơi toàn-tri toàn-giác vậy.

Song muốn cho tới đó, mà tự mình yếu đuối, thì nhờ ai giúp cho?

Có thể nhờ người đồng-thời được không?

Tiểu thay đời này mấy người thành-tâm cầu đạo-lý: Thiên-hạ chỉ biết thờ kim-tiền và khoái-lạc mà thôi. Hay là ta sưu-tập những danh-ngôn ý-hạnh của các bậc thánh-hiền cổ-kim trong kinh-sách hay trong tập-tục còn truyền lại?

Công-việc đó to-tát quá, tôi không còn sống được mấy ngày nữa mà mong làm cho trọn được. Lại bề-bộn quá, khiến cho thần-trí tôi phải đến mê-lạc mất, khác nào như con thuyền lênh-dênh trên bể rộng, sóng gió tứ bề, biết trôi giạt vào đâu.

Cho dầu có muốn lấy những lời cách-ngôn của các bậc cổ-thánh-hiền để tu-dưỡng lấy mình, cũng không mong sao cho hiểu thấu được hết, các ngài cách ta đã bao nhiêu thế-kỷ, mong sao cho tư-tưởng sinh-hoạt được như các ngài, mong sao cho thành-tâm tận-tín được đạo các ngài; những vị thần các ngài sùng-phụng, ngày nay không còn nữa, hết thấy trên mặt đất đã biến-thiên

(1) Dịch mấy thiên trong sách *La Recherche de la Sagesse* (ở đời thế nào cho phải đạo?) của Bác-sĩ E. DUPLESSIS. Bác-sĩ là một nhà luật-học có tiếng, khi trở về già soạn ra sách này để răn đời.

canh-cải cả, nào là sự-nghiệp đế-vương nào là chế-độ xã-hội nào là phong-tục, nào là học-vấn, bao nhiêu cái chân-lý tuyệt-đối ngày xưa, nay thành những ảo-trưởng hão-huyền!

Vấn biết rằng đạo-đức, tri-thức, mĩ-thuật, là vật thiên-niên, cốt-cách bao giờ cũng vẫn thế; nhưng mà qua đời nọ đến đời kia, chịu cái hoàn-cảnh nó phản-chiếu, màu sắc có thay-đổi đi nhiều, mắt ta xem ngày nay có khác bút cổ-nhân mô-tả.

Vậy thời thà tôi đành bỏ cái lòng hoài-cảm chuyện ký-vãng xa-xôi không bổ-ích gì, mà thử cấu-tạo ra những cái tư-tưởng thích-hợp với tôi, vì là sản-nhi của tâm-hồn tôi, thế lại còn hơn.

Thà nhân những tư-tưởng ấy, đem cái tinh-thần cố-hữu của nòi giống nó phẳng-phất trong tâm-hồn tinh-thần ham sáng-sủa, hiểu tự-do, chuộng công-nghĩa, — mà chung-đúc vào, ngoảnh nhìn về tương-lai, thử phác-họa ra một cái khuôn mẫu làm người để làm gương cho các lớp hậu-sinh, thử giải-quyết lấy cho ổn-thỏa mấy cái vấn-đề lớn-lao mà người đời nay đương băn-khoăn lo-nghĩ, thế lại còn hơn.

Vậy thời hỡi mình ơi, mình cầm lấy cái gậy đi đường mà cố đi tìm cho đến cõi đạo-lý. Đi mò-mẫm ở trong đám tối, nếu có lạc đường và nếu có mỏi-mệt, không tới được chốn quang-minh, thời cũng nhác trông được cái tia sáng ở đằng xa vậy. Tia sáng ấy cũng đủ khiến cho mình khuây-khỏa những nỗi sầu-khổ ở đời và đến khi từ biệt cõi đời cũng được xứng-đáng vậy.

Nói về gốc đạo-đức

Người ta, dù chủng-tộc, tôn-giáo, phong-tục, cách-biệt nhau thế nào mặc lòng, cái gốc đạo-đức đầu đầu cũng là một, và xét lịch-sử triết-học trong thiện-hạ, thấy cái luật đại-đồng đó quả có thể thật.

Nhưng tuy người ta đầu đầu cũng một lòng khuynh-hướng cái bụng nghĩ vào một nơi lý-tưởng cao-xa, song các bậc hiền-triết đã dấn-đương cái trách-nhiệm hướng-đạo cho người đời, thời lại dựng chủ-nghĩa của mình vào những cái lý-thuyết rất mô-hồ, rất phồn-tạp, nhiều cái rất có ảnh-hưởng mà xét ra lại sai-lầm.

Các nhà triết-học đời nay dạy rằng luân-lý-học là học cho biết và tự-nguyện làm điều lành, và ông quan tài-phán để hướng-đạo cho người ta biết thương-lương cái cách ăn ở thế nào, tức là thần lương-tâm của mình, điều đó đã hẳn rồi, không còn ngờ nữa.

Nhưng mà các nhà ấy cũng phải thừa-nhận rằng cái « đạo-đức-quan » (*sens moral*), là chủ-động cho lương-tâm, ở mỗi người một khác, lại tùy cái hoàn-cảnh ảnh-hưởng khác nhau mà thay đổi đi nữa. Dù thế nào mặc lòng, lương-tâm cũng có khi lầm, như thế thời sự phán-đoán của lương-tâm cũng không được chắc-chắn cho lắm và không có cái giá-trị tuyệt-dịch vậy.

Nhân kinh-nghiệm như thế, nên các nhà triết-học mới cố tìm xem có một cái gì đủ làm tiêu-chuẩn vững-vàng để hướng-đạo cho sự phán-đoán của lương-tâm, khiến cho những kẻ ở đời muốn theo cho được con đường trung chính (chính là đạo *trung-dung* như Khổng-phu-tử nước Tàu đã dạy từ đời xưa), có thể chắc-bằng không phải ngần-ngại, và vững dạ không sợ lấm-lấn vậy.

Vậy thời các nhà ấy phải giải-thích cái *chí-thiện* là cái gì; bấy giờ nhiều nhà mới tổ-thuật cái tư-tưởng các tiên-triết Hi-lạp (theo ý tôi thế là lầm), bèn xướng lên rằng phạm sự hành-vi của người ta, hề khiến cho người ta được hoàn-toàn hạnh-phúc, thế là hợp với lẽ *chí-thiện*.

Nhưng làm thế nào giải nghĩa được cái hạnh-phúc hoàn-toàn ?

Như trên kia vừa nói, cái « đạo-đức-quan » là chủ-động cho lương-tâm, ở mỗi người một khác. Người duy-kỷ tâm-thường thời cho hạnh-phúc là ở sự vui sướng về nhục-thể, lại có người thời cho là ở cái thú kiêu-ngạo hơn người, lại có người thời cho là ở tấm lòng vị-tha, nhân-từ và quảng-dại, có người nữa thời cho là được thỏa-mãn cái dục-vọng dề-tiên.

Một cái tiêu-chuẩn mà bất-nhất như thế, tùy tình-tình, tùy khuynh-hướng riêng của mỗi người mà đổi khác như thế, thời không gọi là một cái tiêu-chuẩn được.

Các nhà triết-học kia, sau cũng phải ám-nhận như thế, người thời chịu rằng hạnh-phúc không phải là cái mục-dích trực-tiếp của đời người, người thời nói rằng chữ hạnh-phúc là một chữ huyền-bí, không nên giải nghĩa cho rõ lắm, có lẽ cho mơ-màng phảng-phất thời người đời nói với nhau mới hiểu được.

Ngoại - giả còn các nhà bàn - bạc nghiên-cứu cũng nhiều, mà không ai là khám-phá được đến lẽ cả; xem như kỳ Hội-nghị quốc-tế về Đức-dục (*Congrès international d'éducation morale*) họp ở thành Hải-nha (*La Haye*) năm 1912, thời biết rằng các tay triết-học trừ-danh đời nay cũng chịu rằng cứ trình-độ sự học ngày nay chưa thể định được một cái cơ-sở đích-xác cho sự đạo-đức vậy.

Như thế là các học-giả đều tự nhận bất-tài cả; chúng ta dám không chịu như thế, và thử tìm xem có cách giải-quyết được cái vấn-đề ấy không.

Bắt đầu ta phải xét xem cái cứu-cánh của đời người là thế nào, và cứ bằng-cứ ở sự kinh-nghiệm chung của mọi người, dù tư-tưởng tín-ngưỡng mỗi

người khác nhau thế nào mặc lòng, cũng có thể suy-xét được.

Ông Tạo-vật đặt ra trên đời này chỉ có những giống và những vật phải hủy-hoại cả, nhưng lại cho các giống và các vật ấy cái năng-lực tự sinh-sản ra vô-cùng, để bảo-tồn lấy sự sinh-hoạt trên mặt đất và cho cái công-nghiệp của hóa-công có một cái tinh-cách vĩnh-viễn vô-cùng.

Tạo-vật phú-dữ cho người ta những năng-lực khiến cho đứng đầu cả vạn-vật trên địa-cầu. Lại kinh-doanh cái hoàn-cảnh cho thích-hợp với sự cần-dùng của loài người, tựa-hồ như bắt cả vạn-vật phải phục-tòng mệnh-lệnh của tài-tri người ta.

Vậy thời người ta có cái trách-nhiệm phải làm trọn cái thiên-chức chúa-tể vạn-vật mà Tạo-vật đã giao-phó cho. Theo như các tôn-giáo đều dạy, phải sinh-sản phải bành-trướng ra khắp mặt đất, để giữ-gìn để cai-quản cho sự sinh-hoạt; không những sự sinh-hoạt chung của một nòi-giống mình mà thôi, mà là sự sinh-hoạt của hết-thảy quần-sinh trong ba loài trên thế-gian vậy.

Đó là cái mục-dích tối-cao của đời người, cái mục-dích cứu-cánh vì đó mà Trời sinh ra loài người, và lòng người cũng phải thường khuynh-hướng về đó. Cố mà đạt được cái mục-dích ấy, thế là làm điều thiện.

Như vậy thời cái luật phải theo làm tiêu-chuẩn cho đời người là cái luật từ-ái (*la loi d'amour*),

Đức Gia-tô dạy rằng: « Phải nên thương yêu kẻ khác cũng như mình, » là dạy cái luật đó. Khổng-phu-tử kết-tinh lại trong sách *Đại-Học* những mối luân-thường đạo-lý vẫn thịnh-hành ở cõi Đông-Á tự mấy nghìn năm nay, mà tóm tắt có một chữ *nhân*, cũng là giảng cái luật đó.

Cái tôn chỉ này mới thật là chân-chính, vì tình-ái là cái động-lực vừa để sinh-sản, vừa để bảo-tồn sự sống, mới thật là cái nguồn gốc sâu-xa của điều thiện.

Tự cái nguồn ái đó mới sinh ra tình cha con vợ chồng, lòng nhân-từ, bác-ái, thành-thực, công-nghĩa, cùng hết thảy các đức-tính khác.

Người ta sở dĩ phải lao-động cần-cù, phải tính trước lo sau, phải giữ theo kỷ-luật, phải kiêng dủ mọi nết ăn nết ở, cũng là để phục tùng cái luật từ-ái đó và để giữ-gìn lấy đạo hiếu-sinh.

Trái lại với luật từ-ái, với đạo hiếu-sinh, là lòng ghen-ghét, gây ra sự oán-thù, khiến nên tội giết hại. Lòng ghen-ghét là cái nguồn ác ở đời, người ta muốn cho khỏi trái cái thiên-chức của mình thời phải cố mà tiết cho được.

Vậy thời đạo hiếu-sinh và luật từ-ái, ấy đó chính là hai cái tiêu-chuẩn tuyệt-đích của lương-tâm người ta, và chính là nền gốc của đạo-đức vậy.

Hễ theo được đúng hai điều đó, thời người ta tiện-thị được hạnh-phúc, không phải cái hạnh-phúc thô-bỉ của phái khoái-lạc dẫu, nhưng là được thỏa lòng hỏi dạ, được tự khoan-khoái mình, các nhà đại-luân-lý xưa nay cho thế mới là cái hạnh-phúc chân-chính cao-thượng, mới là cái lý-tưởng xứng-dáng cho lòng người vậy.

Như vậy thời cái vấn-đề hạnh-phúc là vấn-đề khó giải cho các nhà triết-học đời nay, có thể gián-tiếp mà giải-quyết được, vì không phải coi là cái mục - đích của đời người, mà coi là một cái kết-quả của người ta hễ trọn được đạo làm người thời sẽ được vậy.

Nói về dạy đạo-đức

Các nhà giáo-chủ như đức Gia-tô, tuyên-truyền giáo-lý, lại dạy thêm người đời những phép-tắc tư-trưởng

hành-vi, để cho biết đường xử-thân tiếp-vật. Điều đó là cần, vì phải định cho mỗi người cái khuôn mẫu ở đời thế nào, để cho biết rõ, phận-sự mình trên đời, và cho biết phân-biệt điều phải lẽ trái, ngô-hầu mới có thể cầu cho được xứng-dáng cái hạnh-phúc thiên-dường lạc-quốc sau này.

Ở những dân-tộc vừa thoát khỏi dã-man, đã được hóa theo ngay một cái tôn-giáo tuyệt-luân, như đạo Cơ-đốc, thời các vị tư-giáo nghiêm-nhiên có cái quyền-thế rất to, tiện-thị làm ông thầy dạy đạo-đức, thiên-hạ tin theo nhiều lắm.

Những khi như thế, thời các nhà triết-học ở ngoài Giáo-hội hình như phó mặc việc dạy đạo-đức cho bọn tăng-lữ, không chú-ý đến nữa. Thế là không phải. Kể không tin đạo, không đến nhà thờ nghe giảng đạo, không phải là ít, mà những kẻ ấy mới lại càng cần phải dạy cho biết cái bổn-phận ở đời đối với riêng mình, đối với xã-hội thế nào. Những kẻ ấy vẫn chịu phục cái luân-lý thiên-nhiên, nhưng không chịu nhận cái luân-lý thần-quyền, không nên đem cái nọ lẫn với cái kia, khiến cho người ta sinh chán, phải có một cách dạy riêng cho người ta vậy.

Cách dạy đạo-đức ở ngoài tôn-giáo ấy lại càng cần lắm nữa, vì cách dạy của Giáo-hội không bao giờ được đủ rộng-rãi và đủ phân-minh. Phép đạo đặt ra đã thiên-niên bất-dịch, phép luân-lý phụ thuộc vào đấy cũng vĩnh-viễn không đổi, thành ra luân-lý ấy rút lại chỉ có mấy điều cốt-yếu, bao giờ cũng như bao giờ. Cái luân-lý ấy quyết là không được rộng-rãi, không được mềm-mại, không được uyển - chuyển cho thích-thiết với tình-tình và cách sinh-hoạt riêng của các dân-tộc; luân-lý ấy không được trực-tiếp với cái tình-trạng chân-chính của các cá-chân và các đoàn-thể,

Sự khuyết-hám ấy thuộc về quốc-gia-luân-lý lại càng rõ-rệt lắm nữa, vì phần luân-lý này thì các giáo-sĩ không thể biết đến được, vì đã là nhà tu-hành xuất-thế thì những việc dân việc nước không hề can-thiệp đến nữa. Và lại về phần luân-lý ấy, cách giải-quyết mỗi nơi một khác, các phép-tắc không có cái tinh - cách tuyệt-đích được. Định ra các phép-tắc ấy là một việc khó-khăn nguy-hiểm, trí người ta thường bị sai-lạc đi vì cái lòng dục-vọng về chính-trị. Vậy nên nhà tu-giáo, muốn can-thiệp đến việc chính-trị, việc xã-hội, không khỏi phương-hại đến cái tinh-cách thần-thánh của tôn-giáo.

Đã nhiều lần tôn-giáo phản-đối cái tình-trạng cách-biệt đó; nhưng lần nào cũng bị chính-quyền ngăn-trở. Có khi thì tôn-giáo đoạt được chính-quyền, có khi thì lại bị chính-quyền sử-linh hay bách-hại. Lần nào tôn-giáo xung-đột với chính-quyền, tôn-giáo cũng có bị tổn-hại ít nhiều; nhân đó rồi sau tôn-giáo cũng giữ lấy thận-trọng, không muốn dính-dáng đến việc đời việc nước nữa, và cái tôn-chỉ chính-giáo phân-ly rồi đầu đầu cũng công-nhận hết cả; bấy giờ phái tu-giáo dạy đạo đức về phần quốc-gia luân-lý, chỉ tóm lại có một câu: «Của Hoàng-đế trả Hoàng-đế», câu ấy là thuộc về tiêu-cực, chỉ biểu cái ý không xâm-phạm đến chính-quyền, nhưng không đủ dạy cho người ta cái nghĩa-vụ, cái quyền-lợi làm dân đối với quốc-gia xã-hội thế nào.

Nhân suy-nghĩ như thế mà ước-ao rằng các nhà triết-học ta sẽ gia công biên - tập cho thành bộ luật luân-lý dạy về bổn-phận công-dân tư-dân trong xã-hội, bộ luật luân-lý ấy hiện nay chúng ta thật chưa có.

Hoặc-giả bác rằng một khoa luân-lý, tự xưa đến nay đã bao nhiêu người chuyên-trị, bao nhiêu người nói, bao nhiêu người viết, tưởng khám phá cũng đã hết các lẽ rồi.

Nói thế đã chắc chưa? Cứ như lời bàn ở mục trên, thì cũng còn ngờ lắm. Dù thế nào mặc lòng, cái công-trình nghiên-cứu bấy lâu cũng còn rời-rạc, cũng còn phiề-tỏa lắm, và có nhiều phần không được thích-hợp với đời nay. Những tay triết-học rất thông-thái chỉ gia-công kết-cấu ra những học-thuyết huyền-diệu tế-toái, dấu nhiều khi không phải là không có đặc-sắc, nhưng thật lắm khi cũng khó hiểu cho người đời lắm. Lại có nhà thi vì cái tư-tưởng thiên-vị, độc-đoán, thường ra ngoài phạm - vi luân-lý mà xâm-phạm đến phạm-vi tôn-giáo, gây ra cái nổi khùng-hoảng trong tâm-hồn người ta. Lại có nhà thi cũng biết chiết-trung, nhưng lại nghị-luận tự-do, quan-sát có điều được có điều chẳng, cũng không khỏi cái tật phiề-tỏa, và cũng chưa tập được đại-thành và soạn được bộ sách hoàn-toàn thích-dụng cho người ta.

Về thế-kỷ thứ 13 có một nhà tu-hành ẩn-dộn, không để tên cho đời sau, soạn một bộ sách luân-lý về đạo Gia-tò, đề là «Mô-phỏng Gia-tò Cơ-đốc.» (*Imitation de Jésus-Christ*), đời sau có người cho là bộ sách hay nhất cả cổ kim. Nay cũng phải nên đặt cho nhất-ban nhân-loại, không cứ người giống nào đạo nào, một cái luật làm người thuộc về tư-nhân, thuộc về công-chúng, thế nào cho đủ hoàn-toàn, đủ chánh-đáng để cho ai ai cũng có thể thừa-nhận được, lại thế nào cho đủ dễ-dàng, đủ sáng-sủa, để cho người nào cũng có thể lĩnh-hội được, và cốt nhất là thế nào cho đủ siêu-việt, đủ cao-thượng, không kém gì bộ sách của nhà tu-hành đời trung-cổ vậy.

Nói về nghĩa-vụ

Nào ai là người muốn nhập - môn trong cõi đạo-đức, không nên quen rằng cái cơ-sở của đạo-đức chỉ ở bụng từ-ái và lòng nghĩa-vụ mà thôi.

Nếu hai chữ nghĩa-vụ không bao giờ cũng chói-lọi ở trong tư-tưởng, nếu không tập quen nhần-nại để một lòng vàng theo nghĩa-vụ thì không khỏi chìm đắm hãm-hại ở trong vòng vật-dục, không khỏi làm nô-lệ cho cái dục-tình nó sai khiến vậy. Như thế thì còn mong sao siêu-việt lên trên giống vật và xưng - đáng cái tên chúa - tể trong muôn loài.

Nay nếu biết thờ thần nghĩa-vụ, thì ở đời không sức gì mạnh bằng. Dầu cái ma-lực gì nó ám-ảnh, nó cảm-dô cũng không thể nào làm cho sòn lòng được.

Phải biết rằng muốn trung - thành với nghĩa - vụ, thì phải hi-sinh nhiều lắm, phải nhần-nhục nhiều lắm. Nên hết sức can-dảm mà chịu, đừng có phàn-nàn, vì đó là cái đại-giá tất-nhiên ở đời, muốn làm con người quang-minh chính-trực ở giữa đám bỉ-tiện ô-trọc, cần phải thế mới được.

Ba bảy con đường bày ra trước mắt, trong đó chỉ có một con đường là hay hơn cả mà thôi. Muốn phân-biệt cho biết mà theo, thì đừng hỏi đến cái tự-lợi, đừng nghĩ đến sự vui-thú, chỉ tự-vấn lương-tâm mình. Nếu còn ngần-ngại chưa biết quyết-định, hay là phán-đoán chưa lấy làm chắc, thôi nên nhờ người khôn-ngoan sáng-suốt chỉ cho; cho đến khi nghĩa-vụ đã rõ-ràng rồi, thì không được còn do-dự nữa, phải đem hết ý-nguyên, đem hết nghị-lực mà làm cho trọn vậy.

Theo đường ấy, có lẽ thiên-hạ không biết cho mình, có lẽ người đời gieo lời phi-báng. Đừng có thấy thế mà động lòng, chỉ nên sát-hạch lại xem công việc mình có chánh-đáng hay không. Nếu quả là chánh-đáng thì cứ việc mà làm, chẳng quản chi miệng đời mai-mĩa. Ngay bây giờ họ ghen-ghét mình, sớm trưa rồi cũng phải biết công.

Vả lại biết hay chẳng biết, ta cũng chẳng nên quan-tâm vào đó làm chi.

Dù công-lao tài-cán của ta thế nào mặc lòng, ta cũng không thể đòi người đời lấy phú-quí, lấy ơn-nghĩa mà trả lại ta được. Làm nghĩa-vụ là tự mình trả một cái nợ thánh-thần đối với ông Hóa-công, đối với xã-hội, đối với bản-thân mình; nay trả nợ, có ai lại mong được thưởng bao giờ?

Tuy vậy có một cái thưởng ta có thể trông mong được, nhưng cái thưởng này tự ở ta mà ra, là được khoan-khoái trong lương-tâm vì đã làm trọn nghĩa-vụ.

Có phái khổ-hạnh kia, mang cái tâm-tính âu-sầu khắc-khổ, không khỏi trách những kẻ nào còn bày vẽ ra cái thưởng ấy làm chi. Phái ấy chắc nói rằng làm nghĩa-vụ là bởi nghĩa - vụ phải làm, nếu làm mà lại còn mong được thưởng cách này hay cách khác, thì khác chi người tầm-thường trực-lợi.

Ta chớ nên nghe những nhà luân-lý khắc-khổ đó.

Làm nghĩa-vụ cũng có lắm cách. Kể nào sợ hình-phạt mà phải làm nghĩa-vụ, là kẻ ấy không phải bản-tâm chính - trực, không đáng tin một chút nào. Kể nào chỉ vì phục-tòng mà làm nghĩa-vụ, không có phần-phát tự mình, không có để thêm vào việc mình làm một cái tia lửa nhiệt-thành, thì người ấy không trách gì được, nhưng không phải là người có giá-trị về đạo-dức. Đến như người phần-nhiên dũng-được mà làm nghĩa-vụ, biết việc mình làm là hay, biết mình nhiệt-thành bằng-hải mà làm là tăng thêm giá-trị cho linh-tinh mình, người ấy thì khác hẳn. Nếu hoan-hỉ mà làm thì lại càng hay lắm, càng thêm xưng-đáng lắm. Cái vui cái sướng ấy là cái vui cái sướng đích-đáng, cứ việc mà hưởng. Những kẻ lạnh-nhạt, kể do-dự trông thấy tất giục lòng bắt-chước, mà

tự người làm nghĩa-vụ cũng thêm được một cái trợ lực mạnh, vì có khoan-khoái trong lòng mới đủ sức tự-tín để ra gánh vác những công việc lớn-lao làm vẻ-vang cho cả nhân-loại.

Nói về kỷ-luật

Phàm cùng nhau sinh-tồn, tất phải có kỷ-luật. Nếu kỷ-luật khéo và nghiêm, được người ta thực-lòng thừa-nhận, thời xã-hội ắt được thái-bình thịnh-vượng. Nếu không thì đến rối-loạn suy-đổi.

Đó là nói về cái kỷ-luật chung, lại chia ra nhiều cái kỷ-luật riêng thuộc về các co-quan trong xã hội. Một dân càng có văn-hiến bao nhiêu, thì các kỷ-luật lại càng phân-minh tinh-tế bấy nhiêu, người đốc-suất, kẻ thừa-hành lại càng cầu phải khôn-khéo và uyên-chuyên lắm.

Ta thử nghiên-cứu qua về vấn-đề này, cũng không phải là không bổ-ích.

Kỷ-luật về tôn-giáo về quân-đội, về xã-hội, là những kỷ-luật rất nghiêm và thật là hạn-chế cái quyền tự-do của người ta lắm, nhưng mà ba cái kỷ-luật ấy có khác nhau nhiều.

Kỷ-luật của tôn-giáo là tuyệt-đối. Kẻ phải phục-tòng kỷ-luật thì không còn có cái cá-nhân tinh-cách gì, nhất-thiết phải uốn mình mà theo vào khuôn phép của bề trên. Bao nhiêu cái bụng tây-riêng, như tinh thương-nhờ, nghĩa bạn bè, lòng danh-lợi, cho đến cái ý-chí, quyền tự-nhiệm, đều phải tiết-diệt hết; cái bản-ngã phải như chết hẳn đi, theo như lời cổ-ngữ: « Người phải như cái tử-thi vậy » (*Perinde ac cadaver*).

Kỷ-luật ấy tuy nghiêm-khắc quá thật, nhưng về tôn-giáo phải cần như thế. Bọn tăng-lữ là đem thân làm tôi tớ Thiên-chúa để tuyên-truyền cái đạo của người cho thiên-hạ; đạo trời truyền ra thời tất phải vĩnh-viễn bất-

dịch, không thể dễ cho người ta mỗi người giảng ra một cách và có thể tự ý thay đổi đi được. Cho nên các nhà truyền-giáo, tư-tưởng cùng lời nói phải cho y như hệt với ý bề-trên, và kẻ bề-trên lại phải có cái trách-nhiệm bảo-thủ cho đạo được thuần-nhất, không sai-suyễn đi tí gì.

Kẻ tu-hành không phải bị hạn-chế gì về vật-chất. Bề trên chỉ yêu-cầu có một điều: thuần thì ở, không thuần thì ra. Ít người đã đi tu rồi lại dám bỏ mà ra, xem thế thì biết cái kỷ-luật tôn-giáo, thuần thuộc về tinh-thần mà có cái sức mạnh to-tát biết dường nào.

Kỷ-luật về quân-đội có cứng-cỏi hơn, nhưng kẻ cũng không nặng-nề mà nghiêm-nhặt đến thế.

Trước nhất là kỷ-luật này không có bó buộc người ta từ thừa trẻ cho đến lúc chết; vì trừ người nào quyết chí theo hẳn về nghiệp binh, còn đại-đa người ta chịu cái kỷ-luật này chỉ trong một thời-hạn ngắn-ngắn mà thôi. Sau nữa kỷ-luật này chỉ làm mất một phần tự-do của người ta, còn cái tự-do trong tinh-tinh, trong tư-tưởng, thời ai nấy vẫn giữ được hoàn-toàn.

Cũng có lúc cái kỷ-luật này nó khắt-cấp, nó khốc-liệt, lúc ấy nghĩa-vụ cũng bắt ta cứ nhắm mắt mà theo, bắt làm một việc gì mình không hiểu dẫn đến mệnh-mối là gì mà đến liều chết cũng phải liều mà làm. Khi việc quan-hệ đến vận-mệnh quốc-gia, thì sinh-mệnh cá-nhân phải hi-sinh hẳn đi, và ý-chí của mỗi người tựa hồ như phải sáp-nhập vào cái chủ-quyền của bậc-tướng-sứ vậy.

Kỷ-luật về quân-đội, cách thi-hành cũng tùy tâm-lý của mỗi dân-tộc, và thứ nhất là tùy cái nhiệm-vụ của quân-đội.

Quân-đội mà dùng làm những việc cao-thượng, việc nghĩa-cử, thời không cần gì phải đặt kỷ-luật nghiêm-khắc

quá mới khiến cho quân-sĩ làm hết hồn - phận. Kể làm tướng-súy cũng không cần phải nghiệt lắm để khiến cho quân lính theo. Quân lính sẽ một lòng một dạ, phấn-khởi dũng-được mà quyết chí hi-sinh

Nếu quân-đội dùng về những việc ác-hại, cướp phá giết tróc kẻ vô-cô, thời cái ô-nhục ấy lây đến cả kẻ sĩ-tốt, kẻ sĩ-tốt dẫu vô-tri cũng biết xỉ vậy. Tướng-súy bấy giờ phải đặt phép rất nghiêm mới làm cho kinh sợ mà phải theo, làm cho quân-sĩ mất cả cái lòng cao thượng, hiếu - nghĩa đi, chỉ biết sinh những cái thói kiếp-lược của kẻ vô biên đê-hạ vậy.

Những khi ấy thì trong hàng quân sĩ có kẻ nào bụng dạ khá cũng phải lấy cái tình - cảnh ấy làm khổn-nạn; hoặc có kẻ căm giận quá mà xoay ra phản-đối lại kẻ cầm quyền bắt mình đi làm giặc, thì tướng tội ấy cũng đáng khoan vậy.

Vấn đề này thật khó giải, vì đối với cái kỷ-luật quá nghiêm, những khi nào có thể trái lại mà không đáng tội, thì cũng khó lòng mà dự biết trước được.

Tuy vậy, nếu nước là một nước dân-chủ, có nghị-viện đại-biểu cho phổ-thông dân-ý, và đặt quyền nhà quân ở dưới quyền chính-trị, theo như các hiến-pháp đời nay, thì tướng có thể lấy mấy điều như sau này làm bằng-cứ vậy.

Kẻ cầm quyền thống-tướng phải có cái trách-nhiệm giữ danh-dự cho quân-đội ở dưới quyền mình, mỗi khi phải dùng quân-đội để làm việc gì thì có cái nghĩa-vụ xét xem việc làm ấy có chánh-dáng không. Nếu xét ra việc không chánh-dáng, đương lấy mà làm có hại đến danh-dự, thì bấy giờ phải nên từ chối không nhận việc. Nếu kẻ cầm quyền cưỡng bắt thời thì bẻ gãy thanh kiếm còn hơn là vâng theo, dù hại đến bản-thân mình thế nào mặc lòng.

Nếu ông chủ-tướng đã nhận làm, thì cái trách-nhiệm của cả quân-đội là chung-đúc vào một mình ông chủ-tướng, ông chủ-tướng bảo sao quân-sĩ cũng phải nghe vậy, vì không có người nào, không có một đoàn-thể nào là có trách-cải lại mệnh-lệnh của ông chủ-tướng. Nếu ai cũng có quyền phán-đoán thời kẻ cầm quân đến vô-lực, và vận-mệnh quốc-gia có khi đến nguy-ngập vì đó vậy.

Song phải có hai điều như sau này thì mới bắt buộc được người ta phục-tòng như thế, hai điều này vừa thuộc về việc nội-chiến, vừa thuộc về việc ngoại-chiến.

Điều thứ nhất là mệnh-lệnh không được trái với ý-nguyên của nghị-hội là đại-biểu cho cả nhân-dân, ý-nguyên này ở một nước dân-chủ là thần-thánh bất-khả-xâm-phạm. Vậy thì quân-đội không được tán-trợ riêng cho một tay lãnh-tụ nào, hay là một đảng nào công-nhiên phản-đối với hiến-pháp.

Điều thứ hai là mệnh-lệnh không được trái với danh-dự nhà quân. Như người lính được lệnh giết nhưng kẻ tù-binh không khi-giới hay là những người lương-dân vô-tội, không từng bị tòa án chính-thức kết án làm tội, thời cưỡng lại lệnh ấy không thi-hành mới là bảo toàn danh-dự vậy.

Nay đến cái kỷ-luật của kẻ làm dân thời khác cả các kỷ-luật trên, Điều cốt-yếu trong kỷ-luật này, là mỗi người phải phục-tòng ý-kiến của phần đa-số đã tuyên-bố ra, hoặc bằng cách đầu-phiếu, hoặc bằng cách ủy-quyền cho kẻ hữu-tư vậy.

Nhà ý-kiến của phần đa-số đã quyết-định mới đặt ra các hiến-pháp, các luật-lệ, phần thiểu-số bao giờ cũng phải tuân-hành,

Khi nào những người trong phần thiểu-số mà tự cho là mình bị áp-ức hay thiệt-hại, thì phải dùng lời nói, dùng

ngạo bực mà yêu-cầu cho được công bằng, chứ không bao giờ được dùng cách bạo-động. Nếu sự yêu-cầu thật là chánh-đáng thì sớm trưa thế nào cũng đắc-lợi. Nếu trông cậy ở lẽ công-bằng mà quyết không thể sao được, thì chỉ còn có một kế bỏ nước mà đi, sau có chết ở chốn tha-hương cũng được cái khoái-lạc như tướng SCIPION La-mãng ngày xưa đề trên mộ-chỉ rằng : « Nước ta đã bạc-đãi, ta không thêm gửi xương ».

Ngoài các kỷ-luật đó, người ta còn phải theo nhiều cái kỷ-luật khác nữa, như kỷ-luật trong gia-đình, kỷ-luật ở trường học, kỷ-luật trong nghề-nghiệp. Không thể kể hết ra đây và giải-thích cho tường được, vì là bao-quát cả đời người, có thể nói rằng trong một xã-hội có qui-cử, người ta không bao giờ được tự-chủ trong sự hành-vi đối với người khác, chỉ giữ được cái tự-do trong tư-tưởng trong tinh-tinh mà thôi.

Mà đến cái tự-do thuộc về nội-tâm đó nữa, cũng chưa hẳn đã được hoàn-toàn. Có một cái kỷ-luật cao-thượng hơn cả các kỷ-luật trên kia, là cái kỷ-luật trong tâm-tĩnh, tự mình bắt buộc mình phải theo, để khắc-kỷ mà hạn-chế những cái vật-dục xấu-xa, khiến cho tâm-tư bao giờ cũng khuynh-hướng về một cái lý-tưởng tuyệt-phẩm tuyệt-dịch vậy. Người nào biết tự-chủ lấy mình là người ấy có sức mạnh ở đời, có thể làm về-vang cho nhà cho nước, vì dù gặp khó-khăn ngăn-trở thế nào, cũng có đủ nghị-lực mà làm nên sự-nghiệp xướng-dáng.

Nói về sự cần-lao

Chính bởi người ta ở thành xã-hội, nên cái nghĩa-vụ cần-cấp đệ - nhất, không thể tránh được, là sự cần-lao.

Làm người gia-trưởng thời phải vui lòng làm-lụng để mưu cho người nhà mình được ấm no sung-túc, để làm gương cho người nhà noi theo, để kích-

thích cái lòng phấn-phát của mọi người lên.

Nếu không phải là người gia trưởng, thời đứng một đầu người trong nhà, cũng phải giúp đỡ người gia-trưởng để tỏ lòng biết ơn, lòng hiếu-đễ; lại phải giúp đỡ những kẻ đồng-loại với mình cùng sinh-trưởng trong một nhà, và phải lo-liệu cho việc tương-lai của thân mình.

Có đầu người trong xã-hội, thời không những phải làm thế nào cho khỏi đề lụy đến xã-hội, mà lại phải vui-vẻ đem giúp một phần công-phu của mình cho xã-hội để trả cái nợ tây-đình với xã-hội.

Dù có-độc một mình nữa, không nhà không nước nữa, cũng không có quyền ăn dung ngồi rồi, vì Tạo-vật sinh ra giống người để làm chúa-tể cả quần-sinh, phải làm hết cái chức-vụ đã phú-dữ cho, không thể tự mình phóng-khi, không thể để cho trụy-lạc được.

Muốn làm ông chúa-tể cho xướng-dáng, người ta phải trau dồi tài-tri của mình. Những điều tri-thức của mình đã tiếp-thụ được ở cái công-phu tổ-tiên mấy mươi đời trước, nay phải dung-hóa lấy cho mình, rồi lại phải truyền-thụ lại cho đời sau. Dù địa-vị ti-tiện thế nào mặc lòng, dù tài-lực nhỏ hẹp thế nào mặc lòng, cũng có thể giúp vào cái công-phu đời trước một phần, cũng có thể gia-công thu-hoạch được một phần tri-thức, tăng-tiến được một bước trình-độ. Phải diu-dắt, phải khai-đạo cho kẻ đồng-loại mình, để cho ở đời mỗi ngày một thêm ân-tình đạo-nghĩa. Nói tóm lại là phải ca-công tụng-đức ông Hóa-công mà khéo lợi-dụng những cửa báu của tạo-vật đã bày ra cho mình, để càng ngày càng tăng-gia, càng tó-điểm thêm cho cái sản-nghiệp chung của cả nhân-loại.

Mà cái công cần-lao đó, về thân-thể, về tâm-trí, là cái công suốt một

đời, bao giờ cũng phải chăm-chỉ, không được trê-nải một phút nào, chỉ đến bao giờ nhắm mắt từ-giã cõi đời mới được nghỉ mà thôi.

Nay làm-lụng cần-cù cũng chưa đủ, lại phải biết cách làm cho có hiệu-lực.

Vậy thì trước hết làm việc gì phải làm cho đến nơi đến chốn. Làm mà chênh-mảng hay hỗn-dộn thì là phí công vô-ích. Người nào làm không chuyên-cần là người ấy trốn cái nghĩa-vụ với xã-hội và cũng liệt vào hạng bất-tài vô-dụng.

Làm việc lại phải cho thực-thà. Người nào làm cho người mà không chăm-chỉ cho được việc là biển-lận với người. Người nào làm cho mình mà lãng-phí thì giờ và vật-liệu, là biển-lận với xã-hội, vì xã-hội cũng có phần vào việc mình làm đó. Người sau ấy lại tỏ ra là không xứng-đáng nữa, tỏ ra cái tâm-hồn kẻ nô-lệ, vì được tự-chủ mà không biết khéo dùng cái tự-do của mình để làm nên công việc có ích.

Làm việc phải cho cần-mẫn, phải có trật-tự và có phương-pháp.

Phải cho cần-mẫn để cho át cái tinh lười-biếng đi và để cho công việc làm được đều-đặn.

Phải có trật-tự và phương-pháp, là để cho việc làm tận-tiện tận-mĩ.

Người làm việc bao giờ cũng phải định một cái mục-dịch cho phân-minh.

Mục-dịch ấy hoặc là trực-tiếp, thế thời cang hay. Nghĩa là người ta muốn đem cái công cần-lao để làm nên một sự-nghiệp gì vẻ-vang cho mình, sự-nghiệp ấy có thể tự-cao là tay mình làm ra, mà tiếng thơm còn truyền mãi về sau này.

Người nào làm cho người thì không có cái mục-dịch trực-tiếp như thế, nhưng cũng phải có cái mục-dịch gián-tiếp. Thí dụ như làm đê cho thoát-ly được cái thân-phận hàn-vi của mình,

làm đê cho mong cũng có tài-sản và khỏi làm một kẻ lao-động suốt đời làm đê mưu sự hạnh-phúc cho con cái mình, mong cho sau này cũng được cái địa-vị thanh-cao.

Người nào làm có mục-dịch như thế thì khiến cho các năng-lực phát-siễn được hoàn-toàn. Bụng chỉ chuyên-chủ một cái mục-dịch đó, khác nào như cái đèn sáng chiếu rọi ở trước mắt, cứ chăm-chú mà đi cho tới nơi, không có sự khó-khăn gì làm ngăn-trở được, việc có chán-nản cũng không ngã lòng, có lâu dài cũng không sót ruột. Chỉ đã quyết làm cho được, thế nào cũng phải làm được.

Trong lúc cần-lao như thế, lại thấy được sung-sướng, vì vui-vẻ rằng cái đời mình có hoạt-động, có ích-lợi cho kẻ khác, được thiên-hạ yêu mến và tự mình cũng hởi lòng. Đời người a chẳng có lúc sầu-khổ hoạn-nạn, gặp những lúc ấy thì làm việc là một cách khuấy-khỏa, là cái thuốc giải phiền ở đời.

Vậy thì nuy ta ngợi khen sự cần-lao ta cũng nên chúc-tụng cho kẻ nào có cái chí ở đời muốn làm nên sự-nghiệp để lại về sau. Như người làm ruộng kia, đất hoang mà làm nên đồng lúa đứng dưới mái gianh chỉ cho con cả những ruộng cả ao liền mệnh-mông trước mắt, thì khoan-khoái biết dường nào. Nhà mĩ-thuật, nhà kiến-trúc họ xây ra cái nhà, đúc nên pho tượng về được bức tranh, đem cái tài sáng tạo mà bày ra cái cảnh mĩ-lệ cho người ta, công ấy chẳng cũng đáng vẻ vang thay! Lại như nhà bác-học làm xa cái cảnh huyền-náo ở đời, ngày đêm cặm-cui trong phòng thí-nghiệm, d cố phá cho ra cái kho bi-mật của tạo vật; lại như nhà tu-tướng, bậc thi-hà gia công mà theo đuổi cái mộng nghĩ năm, danh-dự ấy siêu-việt biết dường nào! Chi-u những kẻ chết mà chữ thành công, hay là mơ mộng như

sự cao xa mà sức không thể làm thành được, những kẻ ấy cũng là đáng danh-dự lắm. Việc dầu không thành mà công vẫn còn đấy, vì đã biết hết sức cần-lao thì cái gương tốt ấy cũng có ảnh-hưởng đến kẻ khác vậy.

Nói về học-vấn

Cái đời kẻ học-hành là một cái đời rất to-tát, mà cũng rất nhỏ hẹp.

Rất to-tát là đem cái thân hèn yếu một người mà suốt một đời tận-tụy để thu-hoạch và để truyền-bá sự học.

Nhỏ hẹp là cái công-phu học-vấn của một người mà sánh với bề học mênh-mông, vũ-trụ man-mác, thì có thấm vào đâu.

Song, cũng không nên chú ý vào cái điều thứ hai đó, vì người ta tuy phải biết tự lượng cái sức hữu-hạn của mình và ngăn cái lòng kiêu-căng lại, nhưng không nên vì đó mà nản chí, và giảm cái lòng sốt-sắng trong khi nghiên-cứu tìm-tòi.

Trời sinh ra vạn-vật, mỗi giống có một cái chức-vụ trong vũ-trụ, phải làm cho trọn cái chức-vụ đó, phải tin ở cái chức-vụ đó, không bao giờ được ngã lòng, như người ta tuy cũng phải biết rằng cái óc mình còn thô-bỉ lắm, cố công cùng sức cũng không khám-phá được hết những cái bí-mật của tạo-vật, nhưng kẻ trong vạn-vật, người ta còn là giống thông-minh hơn cả, và tạo-vật đã phó cho cái chức-vụ làm chủ-tể vạn-vật thời có cái nghĩa-vụ không thể tránh được, và nói cho phải cái đời trí-thức của người ta cũng đủ hay đủ thú, đáng theo đuổi cho đến nơi đến chốn vậy.

Nhưng phải theo đuổi thế nào cho có ích-lợi?

Sự sinh-hoạt về trí-thức có thể chia ra hai thời-kỳ, một thời-kỳ dự-bị và một thời-kỳ hành-dộng.

Thời-kỳ dự-bị là thời-kỳ khó-nhọc nhất, phải mất công-phu nhiều mà

không có hứng-thú mấy. Trong thời-kỳ này người ta phải luôn luôn tập-luyện các năng-lực của mình, lúc nào cũng phải như tập « thể-thao về tinh-thần » vậy. Lại phải tích-lũy cho nhiều các tài-liệu, xếp đặt cho có thứ-tự, để sau này dùng mà kết-cấu nên sự-nghiệp riêng.

Muốn cho thời-kỳ này thành kết-quả mà không nhọc-nhẫn, thì cần nhất là phải bao giờ cũng phải trông qua ra ngoài cái giới-hạn hiện-thời, như bây giờ còn phải khai nguồn đắp nếm mà đã phải biết ném trước cái mùi vị ngon ngọt của quả cây suối nước sau này, phải biết dự-trưởng đến cái thú về sau, lúc tay mình đã gây dựng được cái công-trình hoài-bảo bấy lâu, nó thâm-trầm khoan-khoái biết đường nào.

Sau khi đã dự-bị xong rồi, thì mỗi người cứ tùy cái tài-năng, cái khuynh-hướng của mình mà quyết ra tay hành-động; nhưng dù làm việc gì, bao giờ cũng phải quan-sát, phải suy nghĩ, phải học luôn, vì cả đời người là một sự học không cùng vậy. Người ta bước lên mỗi bước ở đời, bất-cứ già trẻ lớn bé, kể dầu xanh tuổi trẻ, người tóc bạc da mồi, ai cũng nghiệm thấy rằng sự học của mình còn khiếm-khuyết; và lại chung quanh mình, cả nhân-loại làm-lụng luôn, mở-mang luôn, tấn-tối luôn; cái tổng-số những điều tri-thức của người ta thu-hoạch được như thế, mỗi ngày tăng thêm lên vô-cùng, thành ra người nào không theo kịp cái phong-trào học-vấn trong thiên-hạ là người ấy càng ngày càng chậm, và chỉ là một người chơi đồ cổ, cộp nhặt những cái lý-tưởng trần-hủ của đời trước.

Học mà không chuyên-cần, là sự nguy-hiểm đáng sợ nhất. Biết bao nhiêu người tư-chất thông-minh mà sau ra hành-dộng với đời chỉ có một cái vốn học cón-con từ khi còn cắp sách đi học mà thôi. Nhất-đán anh học trò trở nên người tự-do, thì chỉ dựa

chơi cho vui sướng, mắc phải cái bả vinh-hoa, hay là ngã vào trong hang tình-dục ; hoặc nữa lười biếng, không chịu bắt buộc mình làm việc cho có kỷ-luật, chỉ biết nhắm mắt mà theo đường lối cũ, lâu dần thành ra con người hủ-lậu. Bấy giờ thời cái lòng ham biết nguội lạnh đi, tri-tuệ cũng nhạt kém đi, sống ở đời như người mơ ngủ vậy.

Người ta lúc xoay ra hành-dộng, các đường lối bày ra trước mắt nhiều lắm, phải biết chọn lấy đường nào là đường của mình.

Có người không có tài sáng-tạo hay là tổ-chức, nhưng có kỷ-ức tốt, có sức làm việc được lâu và được bền. Những người này thời làm người sửa-tập, làm tay bảo-tồn cho cái học đã thành rồi. Chức-vụ là phải đem cái học sẵn mà dạy cho người đời, cùng truyền cho đời sau.

Có người thời không có tri-tưởng-tượng, nhưng có tri suy-diễn. Những người này thời tinh-toán giỏi, có tài đem ứng-dụng những sự phát-minh của các nhà sáng-tạo, có tài tổ-chức kinh-doanh để mưu ích-lợi cho sự sinh-hoạt.

Sau đến hạng người « trực-giác » (*intuits*), là những tay sáng-tạo, có cái tri tưởng-tượng hăng-hái và mạnh-bạo, ham biết những điều thiên-hạ chưa ai biết. Những bậc danh-nhân lỗi-lạc là ở trong bọn này mà ra.

Tuy vậy cũng ít người vượt lên được bậc trên, vì con đường lên giốc cũng nguy-hiểm và khó-khăn.

Có người thời tự-phụ cái tài mình quá, lúc muốn phấn-trấn bước lên thời bị yếu sức mà ngã. Có người thời không đủ dự-bị và tập-luyện cho bay bổng được lâu. Có người thời không có con mắt trắc-kiến biết biện-biệt cho rõ cái chân-tướng sự-vật, nhiều khi bị mắc lừa về những cái ảo-tượng mơ-hồ, mà gia công theo đuổi cái ma-trơi.

Cách xa xa mới thấy xuất-hiện ra một bậc thật là lỗi-lạc, thật là thiên-tài, vừa có cái tài sinh-tri, vừa có cái tài học-vấn, vừa có phương-pháp, vừa biết cần-lao, lại vừa có cái chí cương-cường bất-bạt.

Vẻ-vang thay cho người nào đó, phấn khởi lên mà siêu-việt được cả người đời xưa, dlu - dất được cả người đời nay, tự trong khối óc mình bật ra một cái tia sáng chiếu-diệu được cả một góc vũ-trụ tối-tăm, khám-phá được lắm cái lẽ huyền-bi.

Những bậc vĩ-nhân đó, ta phải tôn-trọng, phải thành tâm phụng-sự, phải dọn dẹp trên đường cho sạch những chông gai bụi rậm, để cho người ta thanh-thản mà tiến lên, vì cái tương-lai của nhân-loại là hệ ở những người ấy đó.

Ồ ! làm thế nào cho bật được một cái tia sáng trong đêm tối, rồi mà chết ngay nữa cũng cam tâm !

Nói về giới-hạn sự học

Trong cái công học-vấn của người đời, trong sức mạnh bởi cái công ấy, đời đời phát-minh mà thành ra, có giới-hạn nào đến đấy thì thôi không vượt qua được không ? mà giới-hạn ấy có thể định được không ?

Muốn biết rõ thì phải phân-tích và giải-thích sự học ra.

Sự học thuộc về « hình-nhi-hạ », cốt là quan-sát các hiện-tượng do giác-quan của ta thu-thập được, thời phạm-vi vô-cùng mà tần-tới vô-hạn.

Học-giả kinh-nghiệm được điều gì, biên chép lấy, suy-loại việc nọ ra việc kia, so-sánh điều này với điều khác. Dùng phép suy-luận, phép thống-kê, định được phép-tắc chủ-trương mọi việc, lại nhân đó suy-diễn được nhiều điều có ích, thì-nghiêm xem có đúng hay không.

Cái phạm-vi sự học đó thời rộng-rãi vô cùng, sức người không thể tư-lượng được, vì nó mịt - mù bát-ngát trong không-gian thời-gian vậy. Những vấn-đề thuộc về sự học này cũng là vô-lượng vô-biên, hằng-hà-sa-số. Khoa-học mỗi ngày một tấn-tới, thời những phương-pháp khảo-cứu cũng mỗi ngày một tinh-vi, có thể bổ cho sự khiếm-khuyết của các giác-quan người ta và khiến cho lại càng tấn-tới hơn lên nữa. Vậy thời không thể định giới-hạn cho các khoa thực-học, chỉ nên kích-lệ cho người ta cứ theo một đường đó mà tiến lên.

Các khoa-học về tinh-thần thời sự tiến-bộ không được vững-vàng chắc-chắn bằng.

Người ta nghiên-cứu đến bản-thân mình, muốn phân-biệt cho rõ điều phải, lẽ trái cái gì là cao-thượng, cái gì là thấp hèn, thời không thể làm như các khoa thực-học, cứ bằng-cứ ở các giác-quan của mình mà có thể kinh-nghiệm đích-xác như đếm con số vậy. Cho nên người rất thông-minh tài-trí, mà muốn biết rõ tâm-tinh mình, muốn định phương-châm cho đời mình, muốn họa bài nhạc của mình, cho thật hợp với cái điệu thiên-nhiên của mình, nhiều khi cũng ngần-ngại không biết thế nào vậy.

Cứ so-sánh cái lương-tâm của người đời nay với lương-tâm các bậc thánh-hiền đời xưa, có lẽ vị-tất đã thấy hơn gì.

Theo đuổi về các khoa tinh-thần-học, tuy công phu có khó nhọc và thực-hiệu không thấy ngay, nhưng cũng nên gia công cho tấn-tới, vì cái mục-đích sự học đây là ở ngoài vật-chất, không có tư-kỷ, thật là một cái mục-đích rất cao-thượng, người ta đáng nên cố sức cho đạt tới.

Đâu rằng chưa đủ có phương-cách cho thỏa được tấm lòng hoài-bảo của ta, cho phải được cái chí ham-biết sự thực, song ta cũng phải gắng-gỏi cho tấn tới, vì nản chí ngã lòng, là truy-lạc

nguy-vong vậy. Vậy thì trong bọn chúng ta ai là người đã tìm được cái đường lối tốt, không nên ngần-ngại gì nữa, phải ra tay mà dắt-díu những kẻ hãy còn đương phân-vân chưa biết quyết-định đường nào, hay là đã đi mà lầm đường lạc lối.

Song, tuy trong phạm-vi các khoa-học tinh-thần và khoa-học thực-tế, sự học không có giới-hạn có thể định được, nhưng trong bề học mệnh-mông, còn có một cái phạm-vi cao hơn nữa người ta không bao giờ có thể tới được.

Như người ta không bao giờ có cái tài sáng tạo ra được các vật, không hiểu được cái công sáng-tạo của trời đất thế nào, cũng không hiểu được số-dĩ làm sao mà trong vật-chất, trong tinh-thần, trong không-gian, trong thời-gian, là những vật hữu-hạn cả, mà lại có cái vô-hạn ở đó; các năng-lực của người ta chỉ tới được đến đó mà thôi, cao hơn nữa thì không có thể lý-hội, không có thể tác-dụng được nữa.

Lại người ta không bao giờ có thể tự hư-không mà làm ra cái gì được.

Không bao giờ đem cái vật-chất vô-hồn mà truyền cho cái khí sinh-hoạt được.

Không bao giờ có thể phá được đám mây mù nó cách cái tư-tưởng mình với vũ-trụ bao-la.

Từ khi có người ta đến giờ, bao giờ cũng lấy làm bức-dọc về cái nổi bất-tài vô-lực đó. Bao nhiêu nhà tư-tưởng, bao nhiêu nhà bác-học, đã hi-sinh cả một đời để nghiên-cứu cái vấn-đề huyền-bí đó. Những người ấy lánh xa cõi đời, kẻ thời ngày đêm cặm-cui ở trong phòng thí-nghiệm, dùng hết phương-pháp của các khoa-học thực-tế, các khoa-học tinh-thần, để mà cố khám-phá cho đến nơi; kẻ thì lên trên núi cao, vào trong rừng rậm, định tâm-thần để chờ giác-ngộ. Người không có cái chí viễn-đại như thế, thì cả đời nghiên-ngâm, chết đến

cũng phải thú rằng chữa thấy được gì, chữa biết được gì. Có người thì bộ thần-kinh không thể chịu được nỗ-lực lâu như thế, một hồi đã tưởng mình là bậc vĩ-nhân sáng-tạo, mà sau đến phải nằm dưỡng-bệnh ở nhà thương điên.

Vậy thì, ai ơi, ta nên biết cái thân-phận chúng ta trong loài người là giống sinh-vật, chứ không phải là bậc tạo-vật, ta không nên để cho một người nào trong bọn chúng ta được tự-phụ là bậc siêu-nhân-loại, cũng không nên để cho tự-phụ là đã xứng-dáng hẳn cái tên làm người.

Ta lại cũng không nên để cho có một dân-tộc nào, trừ là dân điên-cuồng đồ-dại thì không kể, có thể tự-phụ là được cái đặc-mệnh của trời để giáo-hóa cho các dân khác và tự-tôn tự-dại đặt mình cao hơn cả các dân khác.

Người đời mà kiếm lấy một người tài-trí kiêm-toàn, tinh-tinh cao-thượng, biết dùng các năng-lực của mình được hoàn-toàn và đến cực-điểm, nói tóm lại là làm trọn được cái thiên-chức làm người, kiếm được một người như thế đã có đâu?

Trong các dân-tộc cũng vậy, kiếm đâu được một dân-tộc không từng xâm-lấn, cướp-lược, giết tróc các dân-tộc khác, chỉ vì nghĩa-hiệp mới phải chiến-đấu, bao giờ cũng đem cái gương đạo-đức mà bày ra cho loài người noi theo?

Người ta tự-cao là hơn hết cả các giống vật ở trên mặt đất; nhưng không phải tự mình mà được như thế, không phải mình có công gì vào đó mà tự-cao; vả cứ đem so-sánh người ta cùng địa-cầu với biết bao nhiêu thế-giới hằng-hà-sa-số, tự thiên-vạn-cổ đến giờ và đến thiên-vạn-đại về sau xoay-vàn trong khoảng không vô-hạn, thì người ta là cái gì, địa-cầu là cái gì, chẳng qua là một con bọ nhỏ xuẩn-động ở trên một hạt bụi con quay tít trong khoảng không mà thôi.

Vậy thì sánh với vũ trụ cái thân-phần ta nhỏ-nhen như thế, ta cũng phải cam chịu. Cái đời ta đây có thể làm cho tốt đẹp được ngần nào, thì ta phải cố cho được ngần ấy, còn thì cái bi-quyết của trời đất ta đành không thể nào khám-phá được, nên cúi đầu mà chịu vậy.

(Còn nữa)

T. C. dịch

CÁCH-NGÔN

Cái người chơi không, tự-đắc ta là nhân-nhân đây, nhưng chính là kẻ phế-nhân đó.

Cái thân người lười-biếng cũng ví như là miếng sắt dỉ, dần dần nó mủn nát tiêu mòn mãi đi. Vậy đã làm người thì phải nên cần-lao vận-động luôn, ví như cái khóa thường dùng đến luôn, thì nó càng ngày càng sáng mãi ra mà không dỉ.

Người ta phải nên chạy lên trước con đường sự-nghiệp, chớ có lùi lại sau con đường sự-nghiệp, thì thua kém người xa lắm!

Người ta hay quen được sự lao-khổ, thì mới trả xong được nợ đời; có trả xong được nợ đời, thì mới hoàn lại được cái tinh-thần tự-do của mình.

CHỦ - NGHĨA XÃ - HỘI (1)

10. — Lời phát-đoan

Ngày nay, những cách dệt vải dệt tơ, chế sắt, in sách và các đồ công-nghệ khác, cùng là những máy xe hỏa tàu hơi và các khí-cụ giao-thông khác, trông ra thì thực ghê-gớm như ma quỷ, tới gần thì thực lạ-lùng như núi non, ấy là đều dùng khái-cơ cả đấy. Những thứ khái-cơ ấy sai khiến tự-do, xoay vần vô-ngại, đều là nhờ về cái sức mạnh của hơi nước nó phát-sinh ra đó. Thuật khéo biết chừng nào ! tài giỏi biết chừng nào ! Nếu các cụ ở về đời trung-diệp thứ 18 mà còn sống lại thử xem cái cõi đời ngày nay, thì tất là kinh-hãi lạ-lùng lắm ! Huống chi sau này lại còn điện-khí phát-minh ra rất kỳ, ứng dụng ra rất khéo, đua nhau tranh mới, không biết đâu mà lường được trí khôn người ta cho cùng. Thế mới biết giống người liuh-thiênng hơn muôn vật lắm thật.

Tuy rằng thế, các thứ máy móc ấy phát-sinh và cải-lương mà làm thành ra được đồ tài-sản, cái hiệu-quả nó không những qui về kỹ-thuật xảo-diệp, mà thực qui về sinh được tài-sản thêm nhiều, và làm cho đường giao-hoàn liên-lợi.

Gần đây muốn so-sánh cái trình-độ phát-đạt của sức tài-sản, nhưng sản-nghiệp nhiều thứ khác nhau, không có cái biểu thống-kế kỹ-càng thì không thể xét tường được. Song cứ nói đại-khái thì từ khi lấy máy móc thay sức người đến nay, về đường sản-nghiệp tăng lên rất nhiều. Y-lê-thị bảo rằng : sản-nghiệp tăng thêm lên đến mười phần hoặc hai mươi phần, đồ tư lự tăng thêm đến một trăm phần, sách vở

in ra tăng thêm lên đến một nghìn phần. La - bột - oa - văn - thị ở về hồi đầu thế-kỷ trước đã có nói rõ rằng : « Năm mươi năm trước, những cửa-cái mà phải dùng đến lao-lực sáu mươi vạn (600.000) người mới làm thành ra được, thì nay chỉ dùng lao-lực của hai nghìn rưởi (2.500) người mà thôi. » Một nhà học-sĩ cũng nói rằng : « Những máy móc bây giờ chế ra của cải vừa đủ cung một nhà năm miệng, thì ngày xưa phải dùng đến sáu mươi người nô-lệ mới làm sinh-sản ra được. » Xem thế thì mới độ hơn một trăm năm nay cái sức tài-sản của thế-giới phát-sinh thêm lên, cứ kể cái số quân-binh cũng đến gấp và mười phần, ai cũng chắc tin là thế.

Các thứ tài-sản đã sinh nhiều như thế mà tải đi bán khắp các nơi lại rất là nhanh chóng, xe hỏa tàu thủy đường đi liền như mắc cửi, làm cho trên mặt địa-cầu rút gần lại mấy ngàn dặm, dây điện chẳng chịt như hệ-thần-kinh, làm cho vạn-quốc gần như một nhà, dè thịt ở bên châu Úc có thể gửi sang làm thức ăn cho người Anh, vải dệt ở bên châu Mỹ có thể làm áo mặc khắp cả cho người Á, hoãn - cấp nhờ lẫn nhau, có không đòi lẫn cho nhau, từ khi có lịch-sử đến nay, chưa khi nào thịnh như bây giờ.

Than ôi ! văn-minh vật-chất đến thế là cùng, đẹp dễ thật, sáng-sủa thật, chúng ta may sao lại sinh ra ở cái đời văn-minh này, trông thấy những cái công - nghiệp vĩ-dại như thế, trông cũng đã đủ lấy làm sung-sướng, lấy làm khoe-khoang lắm.

(1) Nguyên của Hạnh-đức Thọ-thủy người Nhật-bản làm ra, Cao Lao đã dịch ra Hán-văn in trong bộ Đông-phương văn-khố.

Tuy rằng thế, chúng ta được làm người ở trên cái thế-giới văn-minh này, hẳn đã đủ sung-sướng chưa? hẳn đã đủ khoe-khoang chưa? Câu hỏi ấy thực là một câu đại-nghi-vấn đó!

Thử xét xem gần đây đã được mấy móc giúp đỡ, tài-sản của người ta đã tăng lên đến gấp mười gấp trăm, có khi tăng đến gấp nghìn, thế thì cái đa-số kẻ lao-động so với trước khi tài-sản chưa tăng, tất là giảm bớt thì-giờ và lượng-số kẻ lao-động đi nhiều. Nhưng xét về sự-thực thì cũng chẳng bớt được chút nào, kẻ lao-động vẫn phải phục dịch đến 11, 12 giờ, có khi đến suốt ngày rất là khó-nhọc vất-vả, như thế là tại sao?

Lại xét gần đây của cái giàu lên đến gấp trăm gấp nghìn, mà lại nhờ được cái cơ-quan vận-tải tự-chỗ này đưa đi chỗ khác, phân-phối đỏi-trắc rất là nhanh-chóng, như thế thì đa-số loài người trong thế-giới, cơm ăn áo mặc tất là thừa-thãi, dầu dầu cũng ca-tụng thái-bình thì mới phải. Nhưng xét đến sự thực thì khác hẳn. Nào những kẻ cơm cháo không đủ, cha mẹ đói rét, anh em vợ con lia tan, sao mà càng ngày lại càng nhiều ra như thế?

Đó là tại nhân-lực tuy không cần dùng mấy, mà cái thì giờ và lượng-số của kẻ lao-động vẫn không bớt được chút nào; tài-sản tuy rằng tăng lên nhiều, mà những đờ-com ăn áo mặc của loài người thì không thêm lên được chút nào. Đã phải chịu lao-động khó-nhọc, lại khổ về nổi áo cơm thiếu thốn. Trường học tuy mở ra nhiều thật, mà người ta vẫn không được giáo-dục tự-do; đường giao-thông tuy rằng tiện thật, mà người ta vẫn không được hành-lữ tự-do; thuật y-tế tuy rằng tinh thật, mà người ta vẫn không được liệu-trị tự-do, cái cách chính-trị cốt về đa-số dẫu đã định rồi, mà người ta vẫn không được tham-chính tự-do, văn-

nghe mỹ-thuật tuy rằng phát-dat thật, mà người ta vẫn không được vui thích tự-do; cái đặc-chất văn-minh đời này, sáng-sủa thật, tốt-đẹp thật, mà kể về phần hạnh-phúc hòa-bình tiên-bộ của đa-số loài người, có được cái giá-trị gì không?

Ồi! Người ta vẫn không phải sống vì bánh mì đâu, nhưng không có cơm ăn áo mặc, thì sao hay tự-do? sao hay tiên-bộ được? Làm sao mà giữ được đạo đức? Làm sao mà học được văn-nghe? Quân Trọng có nói rằng: «Kho thóc có đầy thì mới hay giữ được lễ-nghĩa.» Thế thì cái nghĩa thứ nhất của loài người ta chỉ là cái vấn-đề cơm ăn áo mặc mà thôi. Đời văn-minh gần đây đa-số loài người chẳng phải vì cái có thiếu ăn thiếu mặc mà vất-vả suốt ngày đấy ư?

Ồi! Cái sức lao-động là mẹ đẻ ra cơm áo đó, mà thương thay cái con nà lao-động kia từ khi nhỏ cho đến lớn, đến mãi khi già yếu ốm chết, suốt đời đều vất-vả như trâu ngựa, lau-nhau như kiến ong, hết sức khó-nhọc tần-tiện, không ai khổ như bọn lao-động, mà lại còn vì cái nổi thiếu tò khiếm thuế bị thúc-bách giam giữ, mỗi năm kể hàng vạn người. Mà những người được ăn mặc sung-sướng lại không phải bọn lao-động, chỉ toàn là những kẻ lười biếng ăn không ngồi rồi.

Kẻ lao-động mà phải khổ-sở đã đành. Lại còn những kẻ muốn cầu lấy một địa-vị một chức-nghiệp lao-động mà không được, thì cái cảnh bi-thảm lại còn gì khổ bằng. Những người ấy không phải không có cái thân-thể tráng-khiên, không có cái đầu óc minh-mẫn, không có cái tài nghệ khá dùng, mà cái sức những người ấy cũng có thể làm sinh-sản ra được cơm ăn áo mặc thừa dôi, chỉ vì không tìm được một chức-nghiệp gì, đành phải chịu cùng-đồ mà khóc, rồi chết lẫn ở ngoài lề,

hạng người ấy biết là mấy mươi vạn người.

Xã-hội đời nay toàn là những hạng người ăn mặc về tiền lờ-lãi, ăn mặc về tiền cho thuê đất thuê nhà, ăn mặc về tiền thuế này thuế khác, ấy là những hạng người ở về xã-hội văn-minh đời nay đó. Còn những hạng người không được thế thì toàn là những kẻ lao-động trong hằng ngày, vất-vả, khổ-sở, cùng-túng, không có chức-nghiệp, rút cục lại đến đói chết mà thôi. Nếu không chịu đói chết, thì trai đi ăn trộm, gái đi đánh đĩ, cũng chỉ là một đời đầy-đọa, một kiếp tội-ác mà thôi.

Thế thì cái cõi đời văn-minh ngày nay, một đảng thì phát ra cái vẻ hoa-mĩ quang-huy rực-rỡ, một đảng thì hãm vào cái cảnh cùng-khốn tội-ác tối-lắm. Nhưng mà bay lượn ở trên cái cõi đời về - vang kia, trong nghìn muôn người chỉ độ một vài người mà thôi. Mà chìm đắm ở trong cõi tối-lắm ấy, là một đại-da-số loài người trong thế-giới, thế thì loài người ta đã được thoả-mãn gì đâu,

Than ôi ! Loài người trong thế-giới phải chịu nổi khổ-sở đói rét càng ngày càng tệ, lại càng ngặt như thế, đa-số loài người vì muốn cần sinh-hoạt được tự-do, cơm ăn áo mặc được bình-dẳng, bắt-đắc-đĩ phải hi-sinh mất cả cái hạnh-phúc hòa-bình tiến-bộ đi, đời người dễ thường mắc vào cái cảnh-ngộ ấy chẳng ? hay là tránh khỏi được cái cảnh-ngộ ấy chẳng ? Tội gì lỗi gì ? há phải là chân-lý thế ư ? chính-nghĩa thế ư ? Nhân-đạo thế ư ?

Ôi ! Cái hiệu-quả cách-mệnh tài-sản tốt-đẹp kia, lại không hợp với nhân-đạo chính - nghĩa chân-lý ư ? Trong cuộc đời văn-minh này nhân-đạo chính-nghĩa chân-lý lại không tỏ ra được ư ? Cái vấn-đề ấy là một câu hỏi cần-cấp ở về đầu thế-kỷ thứ 20 này đó. Nếu giải-quyết được thì sống, không giải-

quyết được thì chết, cái vận-mệnh loài người trong cõi đời nay, đều trông về câu hỏi ấy cả đấy.

Thế thì lấy gì mà giải-quyết được cái vấn-đề ấy ? Tôn-giáo chẳng ? Không. Giáo - dục chẳng ? Không. Pháp-luật chẳng ? Quân-bị chẳng ? Không không. Tôn-giáo thì chỉ làm cho người ta mơ-tưởng cái hoan-lạc vị-lai, chứ không hay vì người ta trừ bỏ được cái thống-khổ hiện-tại. Giáo-dục thì hay khiến người ta thêm được nhiều tri-thức, chứ không hay vì người ta sinh được thêm cơm ăn áo mặc một ngày nào. Pháp-luật thì chỉ phạt người, chứ không phải cái đồ làm cho người vui vẻ. Quân-bị thì chỉ giết người, chứ không phải cái đồ làm cho người ta sinh-hoạt. Than ôi ! thế thì lấy gì mà giải-quyết được cái vấn-đề ấy ?

2° Nguyên-nhân nghèo khổ

Muốn chữa thuốc thì tất phải trước xét cái bệnh-nguyên nó thế nào. Nay thử hỏi hiện bây giờ tài-sản sinh sôi ra không phải là thiếu, hóa-vật bán ra ở các chợ không phải là ít, thế mà đa số loài người làm sao vẫn còn phải lo thiếu ăn thiếu mặc là tại sao ?

Không có gì khác đâu, chỉ tại phân-phối không công bằng mà thôi ! không san khắp ra thế giới mà chỉ tích đống lại một nơi ! không chia đều cho chúng nhân, mà chỉ vơ-vét vào một hạng người thiểu-số mà thôi !

Anh, Mĩ hai nước, sản-nghiệp tiến-bộ và thịnh-vượng, thế giới vạn-quốc ai cũng nức khen, mà cái tình-trạng tài-sản phân-phối thì thực là kinh hãi, xem như nước Mĩ cái số tài-sản 70 phần trăm thì bị phải một hạng người thiểu số trong 14 phần nghìn nó chiếm giữ. Còn 12 phần trăm tài-sản thì về một hạng người thiểu-số 92 phần nghìn nó chiếm giữ. Còn một hạng dân chúng đa-số 894 phần nghìn, chỉ được có tài-sản 18 phần trăm. Nước Anh thì đa-số hai

trăm vạn người ; chỉ có tài-sản độ tám ức; mà hạng thiếu-số mười hai vạn năm nghìn người thì chiếm mất món cự-khoản bảy mươi chín ức. Tổng-cộng lại số người chia tư có đến ba phần không có một tí tài-sản nào cả. Những kẻ dân nghèo-cùng hai nước trên ấy thì chỉ trông về tiền công-phí cứu giúp có đến và trăm vạn người.

Xem thế thì chẳng là thiên lệch lắm ru ? Nhưng không những nước Anh nước Mỹ như thế đâu, nước Đức nước Pháp cũng thế, nước Ý nước Áo cũng thế. Tuy các nước cái « độ » và cái « suất » có hơn kém khác nhau, nhưng hiện-thời tài-sản trong vạn-quốc nước nào cũng xô lệch cả về một bộ-phận, đến như nước Nhật-bản cũng thế !

Nước Nhật tuy không có thống-kế đích-xác, nhưng tài-sản phân-phối lại càng xô lệch về một bên, kẻ giàu người nghèo càng ngày càng cách xa, sự-thực ấy không thể giấu được. Thử xem như ruộng đất thì càng ngày càng bị kiêm-tính, tư-bản thì càng ngày càng thấy tụ-hợp, rồi họ lại lấy món tư-bản này hút lấy món tư-bản khác, lấy phần lợi-tức này sinh thêm ra phần lợi-tức khác, cái số-ngạch toàn-thể tài-sản của nhân-dân nhà-nước thì không thấy tăng thêm lên tí nào, mà cái phần tài-sản của một bọn thiếu-số các nhà đại-địa-chủ đại-tư-bản thì càng ngày càng bành-trướng mãi lên, ví như đồng tuyết càng vun quét vào lại càng thấy to mãi lên.

Thử xem như đời nay về đường văn-minh vật-chất càng tiến mãi lên, cơ-khi tinh-tế, kỹ-thuật xảo-diệu, mỗi năm làm sinh ra biết bao nhiêu là tài-sản, nếu cứ công-bình mà phân-phối khắp cho cả đa-số nhân-dân, thì sao đến nỗi lo thiếu ần thiếu mặc như ngày nay. Thế mà nay phân-phối bất-công như thế, chỉ tích đống vào một bộ-phận, vơ vét vào một bọn thiếu-số như thế, không trách được còn bọn nhân

dân đa-số trong thế-giới, vẫn phải trim đằm trong vực cơ-hàn.

Vi thế mới sinh xuất ra một cái vấn-đề, vấn-đề ấy là gì ?

Tài-sản trong xã-hội, quyết không phải từ trên trời rơi xuống, mà cũng không phải từ dưới đất phun lên, dầu từ một hạt gạo, một thoi vàng, cái gì cũng do cái sức của các nhà lao-động làm thành ra cả. Kể lao-động đã làm thành ra kết-quả như thế, thì đáng lẽ những tài-sản ấy phải phân phát cho những kẻ lao-động tự chân tay nó làm thành ra. Thế mà cơ sao còn đa-số kẻ lao-động không được tự-do hưởng dùng cái tài-sản tự nó làm ra, là tại cơ sao ? Cờ-thi có câu : « Kể đầy mình gấm vóc, không phải kẻ chăn tằm ». Cơ sao người chăn tằm lại không được mặc cái áo gấm vóc bao giờ, là tại sao ?

Không tại cơ gì khác đâu, chỉ tại bọn ấy không có cái cơ-quan sinh-sản mà thôi. Nói cho thực ra thì là tại không có tư-bản, không có ruộng đất. Không có tư-bản thì không có sản bột sao gột nên hồ, không có ruộng đất thì chỉ là tay không làm trò gì được, đã không hay lao-động giỏi được nghề gì thì đành phải chịu chết. Nếu bọn ấy muốn cho khỏi chết đói, thì phải kíp mà đi tìm kiếm lấy cái cơ-quan sinh-sản. Muốn tìm kiếm lấy cái cơ-quan sinh-sản, thì phải hi-sinh bỏ cho hết cái hạnh-phúc lợi-ích đi, phải bái qui ở dưới chân những nhà có tư-bản có thổ-địa, để xin được ăn nhờ về phần thổ-địa tư-bản. Muốn được các nhà tài-chủ ấy cho nhờ, thì phải lấy một phần lớn về tài-sản sinh ra, đem dâng nộp vào kho các nhà địa-chủ nhà tư-bản. Mà bọn lao-động ấy suốt năm khó-nhọc suốt đời phục-dịch, chỉ may ra duy-trì được cái thân bất-hạnh ấy mà thôi. Hiện thời bấy giờ những nhà tiền-nông và các nhà công-nghệ nhỏ cái thái-trạng đều như thế cả. Mà những nhà thuyền thợ đi làm công cái thái-

trạng cũng đều như thế, nghĩa là phạm nhất-thiết những người không có tư-bản, không có thổ-địa, thì cơm ăn áo mặc đều trông về tiền công hàng năm, đều nhờ về tiền lương hàng tháng, cái thái-trạng đều như thế cả.

Nếu ruộng đất và tư-bản trong thế-giới mà cho cả đa-số nhân-loại được tự-do hưởng-dụng về cái của sinh-sản, thì những kẻ làm cái nghề chẹt người ta lấy lờ-lãi cho nhiều, bóp người ta để lấy tiền thuê cho đất, hãm người ta thuê lấy nhân-công cho rẻ, những nghề ấy không thể giở trò gì được nữa. Kể lao-động làm được kết-quả ra bao nhiêu, thì tức là của chung cả kẻ lao-động được tự-do tiêu phí, sao đến nỗi phân-phối bất-công, nghèo giàu xa cách thậm-tệ như ngày nay. Nhưng ngặt về nỗi kẻ kia chỉ có lao-lực, mà bao nhiêu ruộng đất và tư-bản thì về tay một hạng người thiểu-số nó chiếm mất cả, không đem một phần sinh-sản to nộp cho nó, thì nó quyết không cho sử-dụng. Vì thế nên đa-số nhân-loại trong thế-giới phải chịu chìm-đắm vào trong vực đói rét mà không gỡ ra được.

Bởi thế nên mới lại khởi ra một cái vấn-đề.

Ôi ! Đất ruộng và tư-bản là cái cơ-quan sinh-sản, mà chính là cái cốt-tủy về đường sinh-hoạt cho cả toàn-thể nhân-loại. Thế mà nay lũng-đoạn mà chiếm lấy cả, thế là chẹt lấy cái tử-mệnh của cả toàn-thể nhân-loại về đường sinh-hoạt đó. Chẳng hay những nhà địa-chủ với các nhà tư-bản kia, nó có tài-đức gì, mà nó lũng-đoạn chiếm lấy cả, chẳng làm phá mất cả cái hạnh-phúc hòa-bình tiến-bộ của đa-số nhân-loại đi ư ?

Các nhà tư-bản và nhà địa-chủ kia không phải là họ không cần-mẫn, không tiết-kiệm, không lao-động làm cho sinh-sản thêm ra. Nhưng cái tài-sản của bọn ấy, quyết không phải chỉ

bởi tại bọn ấy hay cần-mẫn, tiết-kiệm, hay làm việc lao-động mà sinh-ra được đâu. Bọn họ mà giàu có, quyết không những bởi tại họ hay cần-mẫn tiết-kiệm làm việc lao-động mà có được đâu. Hoặc là của tổ-phụ để lại cho, hoặc là gặp dịp mà vớ được lợi, hoặc là lờ-lãi tinh bóp thắt mãi, hoặc cầu may, hoặc khôn vặt, hoặc tham-lam, thậm-tệ có kẻ lừa đảo đổi-trá, trộm cướp ăn hiếp của người ta, thế nào cũng không khỏi vì một điều trên đó mà được của. Được của rồi mới chứa làm tư-bản, chiếm lấy ruộng đất, không phải động chân nhắc tay gì khó nhọc, mà được no được ấm, được suag-sướng hoang chơi, cướp giết mất cả phần kết-quả của bọn lao-động đa-số nhân-loại. Rồi cứ sẵn cái vốn giàu ấy đi cướp giết thêm vào, để giữ làm tư-bản và ruộng đất của mình, cái vốn giàu to ấy tức là cái đồ binh khí đi cướp giết các kẻ giàu khác, kiêm-tinh mãi vô-cùng, cái phần thiểu-số người giàu ấy càng giàu, cái phần đa-số người nghèo kia càng nghèo. Phở-nhĩ-đồn có nói rằng : « Tài-sản là cái của kết-quả đi cướp giết, mà nhà tư-bản tức là anh trộm cướp. » Cứ đạo-nghĩa mà nói, thì bọn tư-bản ấy thực không biết mình là kẻ trộm cướp ở trong bọn trộm cướp. Chúng ta sao lại dung-túng bọn trộm cướp ấy để mặc ý cho nó đi cướp giết ư ?

Ta xem thế thì biết cái bệnh-căn trong xã-hội hiện bây giờ, mà đa-số nhân-loại phải chịu đói rét, là tại tài-sản phân-phối bất-công, tài-sản phân-phối bất-công, là tại những đồ sản-vật sinh-ra không được về tay người làm ra, mà bị phải một bọn thiểu-số nhà tư-bản nhà địa-chủ nó cướp đi mất; sở-dĩ bị các nhà địa-chủ nhà tư-bản họ cướp đi mất, là vì cái cơ-bao nhiêu ruộng đất và tư-bản là cái cơ-quan sinh-sản, đều bị phải các nhà địa-chủ nhà tư-bản họ chiếm mất cả rồi.

Như thế thì đem hết những cái cơ-quan sinh-sản ấy, tự trong tay các nhà địa-chủ tư-bản, đem chia đều cả cho xã-hội, làm của chung cho cả nhân-dân, nghĩa là phá bỏ cái giai-cấp bọn ngồi rồi ăn không di, ấy tức là xã-hội chủ-nghĩa đấy, mà tức là một khoa-học về thần-tủy xã-hội chủ-nghĩa đấy.

Những người đời mà không hiểu rõ cái xã-hội chủ-nghĩa ấy tất là cười mà bảo rằng: Sao lại nói mê, sao lại tưởng càn như thế? Phàm những tài-vật sinh-sản trong xã-hội, chẳng phải do các nhà địa-chủ tư-bản họ xếp đặt thì còn ai? Phân-phối những sản-vật ấy, chẳng phải do các nhà địa-chủ tư-bản họ trở bảo thì còn ai? Về đường kinh-tế nông-công thương-nghiệp đều phải nhờ về bọn ấy họ duy-trì cho; còn đa-số nhân-loại hết thảy nhờ nuôi về trong tay bọn ấy cả, sao lại phá bỏ đi được? Cho rằng có phá đi được nữa, thì xã-hội chẳng thành ra một cõi đời tối mò ư. Chủ-nghĩa gì thế? sao lại nói mê tưởng càn như thế!

Chao ôi! nói mê đấy ư? tưởng càn đấy ư? Xã-hội sau này đành cứ cam chịu cho các nhà địa-chủ tư-bản họ chi-phối mãi ư? Các nhà địa-chủ tư-bản cứ đời đời kiếp kiếp còn mãi được ư? Ta đối với những kẻ không biết ấy ta lại phải nói rõ cái lẽ xã-hội loài người số-dĩ tổ-chức số-dĩ tiến-hóa ra cho mà nghe.

30 Nói về cái chế-độ sản-nghiệp

Ông Tô-sư xã-hội chủ-nghĩa gần đời nay là Mã-khắc-ty (Marx) có vì người nói rõ cái chân-trung loài người số-dĩ tổ-chức thành xã-hội. Ông nói rằng: « Từ khi có lịch-sử đến giờ, không cứ lúc nào nơi nào, phàm nhất-thiết xã-hội mà số-dĩ tổ-chức nên đều là phải tùy cái cách tài-hóa sinh-sản và cách trao-đổi về trên đường

kinh-tế để làm căn-bản, còn những việc chính-trị đương-thời và lịch-sử văn-minh cũng đều theo cái căn-bản ấy mà giải-thích ra »

Thử nghĩ xem loài người ta sinh ra không ăn không được, không mặc không được, không có cái phòng-bị để che mưa che gió không được. Còn như kĩ-thuật, tôn-giáo, học-thuật, cũng tất phải làm cho thỏa-mãn sự yêu-cầu cần-cấp kia trước đã, thì những việc ấy mới phát-chiến ra được. Vì thế nên những đồ sinh-sản và cách trao-đổi của nhân-dân mỗi nơi một khác, thì cái cách tổ-chức xã-hội và lịch-sử phát-chiến cũng mỗi nơi một khác.

Loài người đời cổ-sơ mắt ngang mũi dọc, cùng với loài người ta bây giờ cũng không khác gì. Bọn người ấy lấy là dòng-dõi cùng huyết-thống mà tụ-hợp với nhau, hoặc kết-thành từng bộ-lạc (1) thành ra một xã-hội cộng-sản, cơm ăn áo mặc đều là vì cả toàn-thể xã-hội mà sinh ra, cốt sung cho toàn-thể xã-hội tiêu dùng, không ai nghĩ đến phần cá-nhân nữa, không còn có giai-cấp hạng người nào nữa. Hưởng chi là nhà địa-chủ, nhà tư-bản. Mã-lôi-vu có nói rằng: « Từ khi có nhân-loại xã-hội đến nay, kể đã được đến 10 vạn năm, mà đến 9 vạn 5000 năm còn là thời-dại chế-độ cộng-sản ». Thế thì loài người ta ở vào cái khoảng 9 vạn 5000 năm ấy thực là một thời-dại còn theo về cái chế-độ cộng-sản nhỏ từng dòng-dõi huyết-thống hoặc từng bộ-lạc một, tan ở từng chòm ở trên mặt địa-cầu, mới thoát khỏi cái vòng si-xuẩn như muông dã-thú, rồi sau biến-thiên tiến-hóa mãi lên, trải qua những hồi biết chế cung tên, biết chế thuyền bè, hiểu biết việc chăn nuôi, chăm tập nghề nông-phổ.

Văn-minh tiến-bộ, cũng như hòn đá tự trên cao rơi xuống mặt đất, càng

(1) Bộ-lạc = chòm xóm.

sa xuống gần lại càng chóng. Trải qua các đời số người tăng nhiều dần mãi lên, đoàn-tụ càng ngày càng đông, cơm ăn áo mặc nhu-dụng càng nhiều, cách trao-đổi càng phiền-phức, vì thế cái chế-độ cộng-sản đời cổ, dần dần đổ nát mãi đi, mới sai khiến những kẻ dịch-nhân bắt được, bắt làm công việc cho sinh thêm ra tài-sản, mới sinh ra một giai-cấp hạng người nô-lệ. Từ đó cái lịch-sử nhân-loại xã-hội mới phân ra một đoạn-lạc.

Than ôi ! cái chế-độ nô-lệ, chúng ta ngày nay cũng không muốn nói đến làm chi nữa, nhưng ở về thời bấy giờ thì không những là gây nên cái cơ-sở sản-nghiệp cho toàn xã-hội, mà đến như cái tri-thức của Ai-cập, Tụ-ly-nhã, cái nghệ-thuật của Hi-lạp, cái pháp-lý của La-mã, phạm những công việc rực-rỡ trong lịch-sử nghìn năm đó, đều là cái cao-huyết lâm-lý của ức vạn kẻ nô-lệ cả. Tuy rằng thế, đến được văn-minh như ngày nay vẫn là bởi cái chế-độ sản-nghiệp ấy, mà đánh đổ cái văn-minh ngày nay cũng là vì cái chế-độ sản-nghiệp ấy, vì như là giục hoa nở là nhờ về mưa, mà làm rụng hoa đi cũng là tại mưa cả.

Cái cao-huyết của bọn nô-lệ kia là cái nguồn giàu thiên-nhiên, tất thế nào cũng có một ngày cạn hết. Như La-mã về hồi mặt-vận vì cái ảnh-hưởng ấy mà sinh ra kiêu-xa dâm-dật, tiêu phí không đủ, mới sinh ra đi đánh các nước, để mở - mang lĩnh-thổ, trưng-câu tô-thuế, rồi thành ra bề trong thì nát, kẻ ngoài làm phản, đồng-thời rối loạn.

Từ đó con đường lớn nước La-mã gai góc mọc rườm, trong nước qua-phân ra từng mảnh, toàn-số sản-nghiệp đổ nát hết cả ; kể đó lại lập ra cái chế-độ nông-nô canh-chức, mà lấy cái chế-độ phong-kiến để làm ủng-hộ. Tuy vậy,

mà mới cũ thay đổi, không một lúc nào yên, cái cách sinh-hoạt về đường kinh-tế dần-dà biến-đổi, thì xã-hội tổ-chức cũng dần-dà tiến-hóa mãi lên, nào là cho nông-công được tự-do, nông-nô được giải-phóng, các nơi thành-thị càng ngày càng phồn-thịnh, giao-thông phát-đạt, buôn bán khuếch-trương, sản-nghiệp tăng thêm lên rất là nhanh chóng, cái phen rào phong-kiến của các địa-phương, bị phải cái luồng trào-lưu mậu-dịch của quốc-dân và của thế-giới nó chảy xô vào, thành ra phá đổ đi hết cả.

Ấn-cách-nhĩ-thị có nói rằng : Phạm nhất-thiết xã-hội biến đổi, chính-trị cách-mệnh, cái nguyên-nhân nó bởi tại sao, thì không thể lấy cái lý-trưởng tầm-thường, và cái chân-lý chính-nghĩa nhất-định mà suy-lường được, phải nên xét xem cái cách sinh-sản và trao-đổi nó biến-cải như thế nào thì mới biết được. Cũng bất-tất phải xét đến triết-học, chỉ nên xét kỹ cái thái-trạng về đường kinh - tế các thời-đại. Thử xem như hiện nay xã-hội tổ-chức, phạm những chính-nghĩa hôm trước, hôm nay đã cho làm vô-lý rồi, những chân-lý năm xưa, năm nay đã cho là tội-ác rồi, thế là bởi tại cái cách sinh-sản và trao-đổi nó đã ngấm-ngấm biến-di đi mãi, cho nên những điều gì mà thích hợp với cái cách xã-hội tổ-chức khi xưa, đến nay lại không thể theo mãi như thế được.

Bởi thế nên lịch-sử thế-giới là một cái lịch-sử về phương-pháp sản-nghiệp mà thôi. Xã-hội tiến-hóa hay là thay đổi, cũng bởi tại cái phương-pháp sản-nghiệp ấy nó biến đổi ra như thế nào mà thôi. Ai dám chắc rằng cái chế-độ sản-nghiệp hiện thời nay, cứ giữ được mãi mà không biến đổi đi ư ? Ai dám chắc rằng những nhà địa-chủ, nhà tư-bản bây giờ vẫn cứ đời kiếp còn mãi không biến đổi đi ư ?

Thế thì cái phương-pháp sản-nghiệp của xã-hội thời bây giờ tức là cái phương-pháp riêng mà Mã-khắc-ty bảo là cái chế-độ của các nhà tư-bản ấy, bởi đâu mà thành ra, rồi lại bởi đâu mà mất đi được ?

Ở về mấy thế-kỷ trung-gian trước kia, không có những nhà đại-tư-bản, đại-địa-chủ như ngày nay. Thế mà vẫn duy-trì được sản-nghiệp trong xã-hội, là toàn nhờ về tay những kẻ lao-động. Bọn lao-động ấy ở các địa-phương tức là bọn dân tự-do, hoặc là những kẻ nông-bô đi cấy cấy làm ăn ; ở các nơi thành-thị thì là những tay thợ có nghề-nghiệp độc-lập. Cái cơ-quan của bọn lao-động ấy như là ruộng đất, đồ công-khí, xưởng công-trường, và các khí cụ thường dùng, đều vừa đủ cho các cá-nhân sử-dụng, mà là của sở-hữu riêng của từng người, đều được tự-do mà kinh-doanh sinh-sản ra các tài-vật.

Cái cơ-quan sản-nghiệp mà qui-mô nhỏ mọn rồi vụn như trên ấy, về sau họp chung mãi lại, mở rộng mãi ra, mới biến thành ra một cái gánh sản-nghiệp lớn có thế-lực như ngày nay, vốn vẫn là bởi cái trào-lưu tự-nhiên về sản-nghiệp lịch-sử, mà tức là cái thiên-chức của các nhà công-thương tư-bản đó. Bởi thế mới tìm ra thấy Mĩ-châu, vòng quanh tới Hải-vọng-giốc, mở trường buôn bán ở Ấn-độ thông sang khắp cõi Chi-na, cuộc đời càng ngày càng tấn-tới, làm thúc giục cho cái phương-pháp sản-nghiệp, do từng địa-phương rồi tiến lên thành toàn-thể quốc-dân, do quốc-dân rồi tiến đến toàn-thế-giới, đó là tại cái thế nó phải biến thành ra như thế. Từ thế-kỷ thứ 15 đến giờ, cái phương-pháp sản-nghiệp nó đã trải qua biết bao nhiêu là giai-cấp trong mấy hồi lịch-sử, rồi mới đến cái cõi công-nghiệp 工業 thịnh quá như ngày nay, trong bài "Tư-bản-luận 資本論" của Mã-khắc-ty đã từng bàn rõ hết cả.

Tuy vậy, mà cái cơ-quan sinh-sản vẫn còn hẹp hòi hạn ở trong phương-pháp từng cá-nhân chớ chữa hay theo cái phương-pháp xã-hội mà họp được nhiều kẻ lao-động giúp sức, vì rằng những nhà tư-bản kia chữa hay làm tổ được thế-lực về đường sản-nghiệp to-tát, mà biến đổi ngay cái cơ-quan sinh-sản đi được. Đến khi thời-thế nó xoay chuyển đi, phát-minh ra được nhiều các thứ máy móc dùng bằng hơi nước, cái thế nó phát-đạt chóng quá, làm cho lịch-sử sản-nghiệp biến đổi ngay đi, thành ra một cuộc cải-cách chóng lăm.

Đương quay tơ bằng ống đôi ngay ra máy sợi máy bông, đương dệt lụa bằng tay đôi ngay ra máy dệt tơ dệt gấm, xưởng thợ của từng cá-nhân cũng đổi ngay ra cái xưởng thợ dung đến hàng trăm hàng nghìn người. Từ đó cá-nhân lao-động biến thành ra toàn xã-hội lao-động ; cá-nhân sinh-sản biến thành ra xã-hội sinh-sản. Những vật-sản khi trước tự cá-nhân làm thành ra được, bây giờ thì một sợi tơ, một thước vải, đều là cái công-kết-quả của bọn đa-số lao-động hiệp sức lại mà làm thành ra, chứ không có một vật nào là tự tay một người làm thành ra cả.

Nhưng chúng ta phải nên biết rằng cái nền sản-nghiệp mà cải-cách ra như thế, lúc buổi đầu các nhà công-thương tư-bản kia sơ-tâm vẫn không nghĩ là biến đổi ra như thế. Bọn tư-bản sở-dĩ mà giúp vào cho thành ra cuộc biến đổi, chẳng qua là chỉ mong cho các đồ hàng-hóa thêm phát-đạt ra mà thôi, và chỉ mong cho cái cơ-quan sinh-sản sản-trưởng mãi ra để thu hợp lấy tư-bản cho nhiều mà thôi. Chỉ vì cái cơ-muốn làm cho chóng đạt cái mục-dịch ấy nên mới không tiếc gì cả, làm phá-hoại mất cả cái nền sinh-sản của cá-nhân, và gồm cả cái chế-độ phong-kiến vẫn bảo-hộ cho nền sinh-sản ấy cũng làm

đồ nát đi cả. Trong lúc nó thay đổi ấy không biết là nó diễn thành ra cái lịch-sử sản-nghiệp cách-mệnh.

Ôi ! chỉ cần cho tăng-gia đồ sinh-sản, mà còn cách trao đổi thế nào không hỏi đến chi, chỉ cầu thu hợp lấy tư-bản cho nhiều, còn cái cách chiếm giữ thế nào không hỏi chi cả, vì thế nên những đồ sinh-sản vẫn là hiệp-đồng cùng làm, mà cái cách giao-hoán vẫn không khỏi là của cá-nhân. Tuy rằng tổ-chức ra xưởng thợ đổi mới ra một cách khác, mà cái quyền chiếm-giữ vẫn không thoát khỏi cái mẫu-mực cũ, thành ra hai đảng mâu-thuẫn trái nhau.

Đương cái thời-đại còn là cá-nhân sinh-sản, thì không có cái vấn-đề quan-hệ gì về đồ sinh-sản cả. Vì là các đồ sinh-sản, đều là do cái tài giỏi của tự mình làm ra, và đều bởi cái nguyên-liệu cùng các đồ khí-cụ của mình làm ra, cũng đều bởi cái sức lao-động của gia-tộc họ với gia-tộc kia làm thành nên cả. Cho nên cái kết-quả về đồ sinh-sản sở-hữu, vẫn không thuộc về tay người khác.

Khi xưa cái cơ-quan sinh-sản, quyền sở-hữu vẫn thuộc về cái người làm sinh-sản ra các đồ-vật. Vì là những đồ sinh-sản đều là bởi cái kết-quả về sức lao-động của mọi người, chớ như đời nay thì cái cơ-quan sinh-sản quyền sở-hữu tuy vẫn thuộc về cái người sinh-sản ra các đồ-vật, nhưng các đồ vật sinh-sản lại không phải là cái kết-quả của bọn lao-động, kỳ-thực là bởi người khác mà sinh - sản ra. Thế thì sức lao-động ngày nay là cái sức hiệp-đồng, mà các đồ sinh-sản ngày nay là của chung xã-hội. Thế mà các đồ sinh-sản ấy lại không phải là của chung cả xã-hội, chỉ là của riêng của cá-nhân là những nhà tư-bản nhà địa-chủ mà thôi, thế chẳng mâu-thuẫn lắm ru ?

Ấy cái hiện-trạng mâu-thuẫn ấy, ta xét kỹ ra thì phạm các cái tội-ác trong xã-hội bây giờ đều là phối-thai tự dấy mà ra cả.

Thứ nhất là sinh ra cái hại tranh-đấu về giai-cấp. Xem như gần đây các nghề-nghiệp công-nghệ thịnh lên, trong vút chốc như gió cuốn cát bay, các nhà sản - nghiệp nho-nhỏ của cá-nhân, đều thất - bại hết cả, bất-đắc-dĩ phải bỏ cả những đồ máy móc nhỏ của cá-nhân đi, để đến một đại-công-nghệ-trường, để cùng làm việc sinh-sản ra đồ công - nghệ chung trong xã - hội. Nhưng những đồ sinh-sản ấy lại là của cá-nhân là những nhà tư-bản họ chiếm-giữ cả ; còn những bọn làm thuê kia sở-đắc chẳng qua chỉ được một ít tiền công đủ để chi-tri lấy cái sinh - mệnh trong một ngày mà thôi. Vả lại từ khi cái chế-độ phong-kiến phá-hoại đi mất rồi, thì tha hồ mà kiêu-tinh lấy ruộng đất, các nhà tiểu-nông chốn thôn - quê đều đua nhau ra chốn đô-hội, để làm thuê kiếm tiền cho đủ cung - cấp cơm áo, công-nghệ càng ngày càng phát - đạt mãi lên, các nghề lao-động tự-do độc-lập xưa nay dần-dần tuyệt-tích đi hết cả, những kẻ lao-động đi làm lấy tiền thuê thì càng ngày càng nhiều mãi ra. Vì thế trong xã-hội, một phương-diện thì sinh ra cái giai-cấp các nhà tư-bản chuyên giữ mất cả cái cơ-quan sinh-sản để thu hết lấy các đồ sinh-sản, một phương-diện thì sinh ra cái giai - cấp những kẻ lao-động ngoài cái sức lao-động ra không còn có gì cả. Hai cái giai-cấp ấy chia vạch ra như ngòi Hồng-câu, nên mới sinh ra cái máu - thuẫn ở giữa khoảng một bên là cá-nhân chiếm-lĩnh tư-bản, một bên là xã - hội sinh-sản, trước nhất phát-hiện ra cái cuộc những kẻ lao-động làm thuê xung-đột với những nhà địa-chủ nhà tư-bản,

Không những thế mà thôi, cá-nhân mà chiếm-lĩnh tư-bản thì kết - quả nó thành ra-tự do cạnh-tranh ; tự-do cạnh-tranh quá thì kết-quả về đường kinh-tế nó thành ra vô-chính-phủ. Trước-kia về thời-đại cá-nhân sinh-sản, thì những đồ sinh-sản chỉ cốt để cung cho mình tiêu-

phi, có thừa ra nữa thì đem bán ra các nơi thị-trường nhỏ-nhỏ ở các địa-phương, cái số-ngạch cung-cầu về các đồ hàng-hóa vẫn không thể biết chừng là bao nhiêu cả. Tuy rằng cũng có phép-tắc để chi-phối về đường cạnh-tranh, nhưng cái phạm-vi cũng hẹp hòi, cạnh-tranh cũng không kịch-liệt lắm. Nay thì không thế, những đồ sinh-sản không cốt là để sung về sự tiêu-phi cho mình, chỉ cốt là để tranh cái lợi đổi-trác buôn bán, nên mới mở-mang mãi các thị-trường ra cho rộng, để làm cho tăng gia phát-đạt thêm cái sức sinh-sản ra. Cạnh-tranh càng kịch-liệt bao nhiêu, thì cái xã-hội kinh-tế trong thế-giới, lại càng hăm mắc vào cái trạng-thái vô-chính-phủ, hơn đợc kém thua, kẻ mạnh nuốt kẻ yếu, thắm-trạng không biết là chừng nào ! Bởi thế cái mâu-thuần mới sinh ra ở giữa khoảng một bên là cá-nhân chiếm-lĩnh tư-bản một bên là xã-hội sinh-sản, mới thành ra một đám thị-trường vô-chính-phủ xung-đột với các chủ lập ra công-trường sinh-sản.

Đó là vì nó mâu-thuần quá mới sinh ra xung-đột. Xung-đột mãi lại chẳng thành ra phá hoại ư? Hiện bây giờ thì cái phương-pháp sản-nghiệp của các nhà tư-bản, về đường cối-rễ đã thấy mâu-thuần lắm rồi, vì nó mâu-thuần như thế nên một đảng thì sinh ra xung-đột về giai-cấp, một đảng thì thành ra xung-đột ở các nơi thị-trường, hai đảng xung-đột mãi nhau ví như cơn gió lốc xoáy mãi lại, càng ngày càng kịch-liệt, có khi muốn đem hết cả cái chế-độ sản-nghiệp hiện-thời, làm cho xung-đột phá-hoại lung-tung cả lên thì mới thôi. Sao lại có lẽ thế ?

Vì là trên đường kinh-tế đã thành ra cuộc tự-do cạnh-tranh và giai-cấp chiến-tranh luôn mãi, cái kết-quả nó thành ra một phần đa-số những kẻ bại-liệt bị phá sản, tăng gia mãi cái số người lao-động đi làm thuê ra, các nhà

tư-bản lại càng to thêm vốn thêm sức mãi ra, các đồ máy móc sinh-sản lại càng cải-lương cho tinh mãi ra, Máy móc cải-lương thêm tinh mãi ra, thì số người lao-động đi làm thuê, tất phải dần-dần bớt ít đi, nhưng mà người lao-động vẫn thấy đồng-thời thêm nhiều mãi ra, thì tất có một bọn lao-động đa-số không có nghề-nghiệp gì mà làm, thế là người nhiều hơn việc đó, tức là Ân-cách-nhĩ bảo bọn đó là bọn linh-dự-bị về trường công-nghệ đấy.

Bọn linh-dự-bị về công-nghệ ở đời này cách làm ăn rất khá thương lắm. Đương buổi thị-trường buôn bán thịnh-vượng, thì bọn ấy tuy vẫn có chỗ đi làm công khó-nhoc ; chợt lúc gặp sự buôn bán đình-trệ, thì đến hàng ba bốn vạn có khi đến và mười vạn con người lao-động, đều phải bị thải ra ngoài trường công-nghệ, phải đói rét bơ vơ ở trên đường, cái hiện-tượng ấy vẫn thường phát-hiện ra ở các nước bên Âu-Mĩ. Nước Nhật-bản dầu chưa có cái thắm-trạng như thế, nhưng đường kinh-tế trong xã-hội, cứ để cho nhà tư-bản họ tự-do cạnh-tranh, thì sau này cũng không thể tránh khỏi đợc, chỉ có sai nhậu là chóng hay chậm mà thôi.

Lại còn một nỗi cạnh-tranh này nữa cũng khổ cho bọn lao-động đa-số, là cái giá tiền thuê hạ sút mãi xuống thì kẻ lao-động bất-dắc-dĩ phải làm cho nhiều giờ thêm ra để lấy tiền công thêm mà duy-trì lấy sinh-mệnh, nhà tư-bản nhân lúc ấy lại giữ nghề cài-đạp để cướp giết lấy nữa. Mã-khắc-ty thường nói rằng : « Sự đổi trác quyết không sáng-tạo ra giá-cách đợc, giá-cách cũng quyết không phải sáng-tạo ở chốn thị-trường. » Thế mà nhà tư-bản trong cái khoảng chuyển-vận tiền vốn lại đợc tự-do tăng giá hàng-hóa lên là tại sao ? Không có gì khác đâu, là tại bọn tư-bản có cái năng-lực đợc sáng-tạo giá-cách cho

những người mua đồ hàng-hóa. Ôi ! đồ hàng-hóa là gì ? là cái sức lao-động của con người ta. Những kẻ có cái sức lao-động ấy vì cái cơ sinh-hoạt phải cần đến, bắt-đắc-dĩ phải bán rẻ cái sức mình đi, mà cái vật-giá bởi cái sức mình làm ra trong một ngày, so với cái giá tiền thuê dùng để chi-trị sinh-hoạt trong một ngày lại có phần hơn. Thí dụ như sức lao-động trong một ngày làm thành được sáu tiên-linh tài-sản, thì họ chỉ lấy ba tiên-linh mua cái sức trong một ngày, còn cái phần lòi kia tức là cái phần thặng-dư giá-trị.

Ấy các nhà tư-bản mà mỗi ngày được thêm vốn lên, chẳng qua là cướp giết lấy cái phần thặng-dư giá-trị ấy của mọi kẻ lao-động, mà đem dút vào túi mình mà thôi.

Vì cái cơ cốt để cướp giết lấy cái phần thặng-dư giá-trị ấy, nên mới cần tư-bản tăng thêm lên. Vì được nhiều tư-bản tăng thêm lên, nên lại được cải-lương các đồ máy-móc cho tinh. Sau khi máy móc đã cải-lương tinh-xảo rồi, thì lại chuyển làm cái đồ võ-khí để cướp giết lấy phần thặng-dư giá-trị. Từ đó tuần-hoàn quanh quẩn mãi, làm cho cái sức sinh-sản của xã-hội bành-trướng thịnh-vượng lên vô-cùng, bao nhiêu những miếng thịt béo các chốn thị-trường, đều bị phải bọn các nhà tư-bản ấy họ chiếm lấy mất cả, mà đa-số xã-hội mua dùng đồ hàng thì không thể mua dùng cho hết được. Vì thế các nhà tư-bản thiên-phương bách-kế, chỉ cốt tìm đường để bán cho chạy những đồ sinh-sản ấy đi, nên mới khai-thác ra các thị-trường, mở-mang ra nơi lĩnh-thỏ, làm cho hết sạch những đồ ngoại-hóa đi. Tuy rằng thế, mà thị-trường trong thế-giới chỉ có hạn, mà những đồ sinh-sản kia thì như nước lụt chảy tràn ra vô-hạn, nay muốn lấy cái thị-trường hữu-hạn đó, để ngăn-chừa cái nước lụt vô-hạn kia, thì cái thế nó không thể giữ nổi được.

Thế thời cái đại-nạn sau này tức là cái nạn tư-bản nhiều quá, các nhà tư-bản có khi khổ về nổi không có sự-nghiệp gì khá làm được. Đồ hàng-hóa nhiều quá, có khi khổ về nổi không có nơi thị-trường nào bán đi được. Kẻ lao-động nhiều quá, những lính dự-bị về công-nghệ có khi không có công việc gì để làm; nay các nước văn-minh nước nào mà mở-mang công-nghệ nhiều quá thành ra ứ đọng, thì chỗ nào cũng kêu rằng đồ sinh-sản quá-đa.

Thử nghĩ xem các nhà tư-bản chỉ chú-ý cầu thu hợp lấy tư-bản cho nhiều, tăng thêm đồ sinh-sản cho lắm, mà nay bọn họ lại mắc phải cái nạn đồ sinh-sản quá-đa. Cải-lương máy móc để tỉnh-giảm sức người thì những bọn lao-động đa-số kia, lại mắc phải cái nạn thiếu ăn thiếu mặc. Lấy cái phần đa-số nhân-loại trong xã-hội, mà chế ra các thứ y-phục đa-số, thế mà áo mặc lại không đủ che thân, chẳng biết rằng cái hiện-tượng kỳ-quái ấy tại làm sao thế? Vì thế cái chế-độ sản-nghiệp hiện-thời mới sinh ra mâu-thuẫn xung-đột.

Than ôi ! cái tiếng kêu đồ sinh-sản quá-đa, thực là cái tin báo sắp đến kỳ phá-hoại đó, nếu nhất-đán mà phá-hoại, thì cái họa khủng-hoảng sắp lần lượt mà xuất-hiện ra đó.

Cái họa khủng-hoảng thực là thảm lắm thay, nào là buôn bán thì cực kỳ tồi-tàn, vật-giá thì vụt eái sút hạ, hóa-vật thì đình-trệ không lưu-thông, tín-dụng thì toàn là mất sạch, các xưởng công-nghệ thì bị tóa-bể luôn. Lúc mới thì còn là đa-số những nhà công-thương bị phá-sản, sau đến đa-số những kẻ lao-động phải thất-nghiệp, đến sau nữa thì thịt gạo đầy ở trong kho, mà thầy chết đói lâu ở đường xá, như thế đến và tuần và tháng, thậm-chi tồi-tàn đến và năm mà không thể khôi-phục được, ấy là cái nguy-cơ về nổi xung-đột đó. Ôi ! cái vạ khủng-hoảng

ấy khởi lên không phải là ngẫu-nhiên, mà cũng không phải ngẫu-nhiên tránh đi được. Xem như sau cái lần đại-khủng-hoảng năm 1825, thời mỗi mười năm lại bị phải cái vạ ấy, đủ biết rằng cái cách kinh-tế tổ-chức hiện bây giờ, trong cõi-rê nó sẵn phục có cái họa-co ấy, nên mới sinh ra thế vạ.

Trong cái lúc khủng-hoảng ấy thường cũng có một bọn thiếu-số nhà đại-tư-bản kham được nỗi cái nguy-co ấy, thừa những lúc đa-số các nhà tiểu-tư-bản, linh-tinh võ nợ, thì lại càng được sinh cái bụng thôn-tính. Các nhà đại-tư-bản lại sợ cùng bọn cạnh-tranh lẫn nhau mãi, mà sinh khủng-hoảng, và nguy-hiểm ra chẳng, nên họ mới theo cái phương-pháp xã-hội mà rộng nói cho những người có cái tư-cách cá-nhân buôn bán, để cầu cho khỏi mâu-thuẫn xung-đột, như là lập ra Châu-thức hội xã, và hội đồng-nghiệp đại-dồng-minh. Những thủ-đoạn ấy cũng không thể làm cho dài thêm cái vận-mệnh các nhà tư-bản được đâu, nên các nhà ấy lại đắp ra cái trường-thành « Thát-lạt-ti » nghĩa là hạn-chế mà chuyên-mại để làm một trận ác-chiến tối-hậu. Bởi thế cái chế-độ tư-bản xưa nay vẫn lấy tự-do cạnh-tranh làm cốt, đến lúc phát-đạt quá thời lại hạn-chế không cho tự-do cạnh-tranh, sản-nghiệp của các nước trong thế-giới sắp bị phải cái thành Thát-lạt-ti nó thống-nhất hết cả.

Song Thát-lạt-ti vốn là của sở-hữu của các nhà tư-bản, vẫn không thoát khỏi cái giai-cấp nhà tư-bản. Đương lúc mâu-thuẫn xung-đột ấy không những không hay giải-quyết về tốt-hậu, mà lại thêm kịch-liệt một tầng nữa. Sao thế? Vì cái sự-nghiệp của bọn tư-bản ấy chỉ cốt hạn-chế cái ngạch sinh-sản làm cho giá-cách đắt cao lên. Lợi-dụng cái mưu độc-chiến, chỉ cốt là cướp giết lấy những phần lợi thặng-dư giá-cách, làm cho toàn-

thể xã-hội tăng thêm sự khốn-cùng. Từ đó đa-số nhân-loại trong xã-hội đều phải hi-sinh mà cung cho cái tham-dục một bọn tư-bản thiếu-số giai-cấp, ấy cái cuộc giai-cấp chiến-tranh của các kẻ lao-động đối với các nhà tư-bản, kịch-liệt mãi lên rồi thành ra xung-đột cả toàn-thể xã-hội.

Ôi! toàn-thể xã-hội có thể lâu dài kham được cái trạng-thái ấy không? Đành chịu thừa-nhận cái giai-cấp các nhà tư-bản mà để còn mãi được không? Cái số tiền tư-bản to lớn kia, không thể chi-phối giao cho tay những nhà tư-bản cá-nhân không có trách-nhiệm, không có qui-luật, thì có thể để làm cái của công-hữu cho xã-hội có thống-nhất, có tổ-chức, có điều-hòa, có trách-nhiệm được không? Xưa nay các nhà tư-bản chỉ mong hợp lấy nhiều tư-bản, tăng thêm đồ sinh-sản làm cái thiên-chức của các nhà tư-bản, đến đây thì đã hết cái thiên-chức ấy rồi.

Thế thời ngày nay cái xã-hội công-nghệ hiệp-đồng làm cho phát-đạt đồ sinh-sản, cùng với nhất-ban xã-hội vô-chính-phủ tự-do cạnh-tranh, hai đảng không thể lưỡng-toàn được, và cái thế cũng không chịu thừa-nhận một bọn thiếu-số nhà tư-bản, nên mới sinh ra mâu-thuẫn xung-đột, đã đạt đến cực-diểm rồi. Một phương-diện thì tỏ ra rằng cái chế-độ cá-nhân chiếm-giữ tư-bản, quyết không có cái năng-lực chi-phối được các đồ sinh-sản; một phương-diện thì vì cái áp-lực của đồ sinh-sản bành-trướng vô-cùng làm cho bài trừ mất cái mâu-thuẫn chế-độ sản-nghiệp hiện-thời, để thoát khỏi cái phạm-vi cá-nhân tư-bản, mà yêu-cầu cho thừa-nhận cái tính-chất xã-hội, như thế chẳng phải là một cuộc đời biến chuyển lớn ư? Đó cũng là cái đại-thể lịch-sử sản-nghiệp trong thế-giới nó sở-dĩ tiến-hóa phát-đạt, các nhà tư-bản cũng không thể sao được.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch.

HỌC-THUYẾT VƯƠNG DƯƠNG-MINH

Lập chí thuyết

Nay, sự học không gì cốt-yếu bằng sự lập-chí; phạm kẻ đi học, cái chí phải lập trước. Nếu chí mà không lập, cũng như trồng cây không để cho cây ăn rễ xuống đất, chỉ tưới rội vun-đắp ở trên, thì khó-nhọc mà không có kết-quả vậy. Người ta sờ-dĩ những-những cầu-thả, theo thói tục, tập điều xằng, mà chung-qui làm một hạng người ô-hạ đó, chỉ tại cái chí chẳng lập đó thôi. Cho nên thầy Trình-tử có nói rằng có cái chí cầu làm thánh hiền, rồi sau mới có thể cùng dẫn vào cõi học được. Người ta nếu thực có cái chí cầu làm thánh hiền, thì tất tự-tướng đến những điều thánh hiền sờ dĩ làm thánh hiền ấy ở đâu. Thánh hiền sờ dĩ làm thánh hiền chỉ là cái tâm thánh hiền thuần-hồ điều thiện mà không có điều ác. Nay ta muốn làm thánh hiền, cũng chỉ ở cái tâm ta thuần-hồ điều thiện mà không có điều ác đấy thôi. Muốn cái tâm ta thuần-hồ điều thiện mà không có điều ác, thì tất phải trừ-khử điều ác đi, mà khuếch-sung lấy điều thiện. Muốn trừ-khử điều ác khuếch-sung điều thiện, thì tất phải cầu lấy cái phương-pháp làm thế nào cho trừ-khử được điều ác mà khuếch-sung được điều thiện. Cái phương-pháp trừ-khử mọi điều ác khuếch-sung mọi điều thiện, thì tất phải chất-chính về thánh hiền đời xưa, khảo-cầu những sách vở đời xưa, mà cái công-phu học-vấn, bấy giờ mới không có thể thôi đi được.

Ồi! bảo rằng chất-chính về thánh hiền đời xưa đó, đã cho thánh hiền đời xưa làm bậc tiên-giác mà thờ làm thầy, thì nên chuyên-tâm nhất-chí, bất chước đấng tiên-giác; ta với đấng tiên-giác có điều gì bất-hợp, thì không được bỏ đấy mà chẳng suy-ngĩ, tất phải suy-

ngĩ cho kỹ, suy-ngĩ mà chẳng ra lại phải biện-luận cho xác, cầu lấy minh-bạch, không nên đem bụng hoài-nghi. Cho nên sách *Lê-ký* có nói rằng thầy có nghiêm rồi sau đạo mới tôn, đạo có tôn rồi sau dân mới biết đường kính-tin. Nếu đi học mà không có cái tâm tôn-sùng tin-ngưỡng, thì đường thị-thình cũng mờ mịt ù-ly, đường tư-tưởng cũng hoảng-hốt lông-bóng, đâu có đấng tiên-giác làm thầy, nhưng cũng như không có thầy vậy.

Ồi! bảo rằng khảo-cầu lấy những sách-vở đời xưa đó, thánh hiền đặt ra lời nói, đều là cái phương-pháp dạy người ta trừ-khử điều ác mà bảo-tồn điều thiện, như trong ngũ-kinh với tứ-thư đó vậy. Vì ta muốn trừ-khử điều ác của ta bảo-tồn điều thiện của ta, mà chưa được cái phương-pháp, cho nên phải cầu đến sách, thì trong khi giở sách ra xem đọc, mà suy xét thể-nghiệm về tâm-thần ta, cũng ví như khi đối đối với đồ ăn, vì cầu no mà thôi; khi ốm đối với vị thuốc, vì cầu khỏi mà thôi; khi tối đối với ngọn đèn, vì cầu sáng mà thôi; khi mỏi mệt đối với cái gậy, vì cầu đi mà thôi, há từng có cái tệ chỉ đọc lấy cho khỏe, nhớ lấy cho nhiều, giảng suông bàn hão, để giúp cho lỗ tai cửa miệng đó thay.

Sự lập chí cũng chẳng dễ đâu. Ông Khổng là thánh-nhân, còn nói rằng ta mười-lăm tuổi mà chí học, ba mươi tuổi mà lập. Lập là gì? lập là lập-chí vậy; dầu đến bảy mươi tuổi chẳng qua ngoài phép độ, cũng là cái chí chẳng qua đấy mà thôi. Cái chí há nên coi thường đó thay.Ồi! chí là cái chủ của khí, là cái mệnh của người, là cái rễ của cây, là cái nguồn của nước. Nguồn mà chẳng khơi đào thì dòng

tắc; rẽ mà chẳng vun - trồng thì cây khô; mệnh mà chẳng tiếp - tục thì người chết; chí mà chẳng lập thì khí hôn-mê. Cho nên người quân-tử không cứ lúc nào, không cứ chốn nào, đều lấy sự lập cái chí làm thánh-hiền làm gốc; thẳng mắt mà trông về cõi thánh-hiền, không trông thấy sự khác; lắng tai mà nghe về cõi thánh-hiền, không nghe thấy sự khác, như mèo vồ chuột, như gà ấp trứng, tinh-thần tâm - tư ngưng-tụ dung - kết, rồi sau cái chí mới thường lập, thần-khi mới thường tinh-minh, nghĩa-lý mới thường chiền-trử, hễ có điều ác nó ở trong mình, thì mình biết ngay, tự-nhiên điều ác nó không ở được nữa. Cho nên phàm có một điều tư-dục nó mạnh ra, chỉ trách cái chí làm thánh-hiền của ta chẳng lập, thì điều tư-dục nó tức-khắc phải thoái-thình, có một điều khách-khi nó động lên, chỉ trách cái chí làm thánh-hiền của ta chẳng lập, thì điều khách-khi nó tức-khắc phải tiêu - trừ. Hoặc cái tâm dãi, cái tâm hốt, cái tâm táo, cái tâm dố, cái tâm phẫn, cái tâm-ngạo, cái tâm lạn, cái tâm tham nó sinh ra, cũng chỉ trách cái chí làm thánh-hiền của ta chẳng lập, thì tự - khắc thành ra một bậc người bất - dãi bất hốt bất-táo bất-dố bất-phẫn bất-ngạo bất-lạn bất - tham. Có là không một lúc nào chẳng phải là lúc lập-chí, mà cũng không một sự gì chẳng phải là sự lập-chí. Cái công phu lập chí của ta, đối với những cái nét xấu - xa của ta, có thể ví như ngọn lửa đốt mớ lông, mặt trời mọc ra mà ma quỷ diệt-tích vậy.

Thánh-hiền đời xưa tùy thời lập-giáo, tuy không giống nhau, nhưng đại-ý thực không khác nhau chút nào. Kinh *Thư* nói: *Duy tinh duy nhất* 惟精惟一. Kinh *Dịch* nói: *Kính dĩ trực nội* 敬以直內. Ông Khổng nói: *Cách trí thành chính, bác-văn ước-lễ*

格致誠正博文約禮. Ông Tăng nói: *Trung-thứ* 忠恕. Ông Tử-Tư nói: *Tôn đức* 尊德. Ông Mạnh nói: *Tập nghĩa dưỡng khí, cầu kỳ phóng tâm* 集義養氣求其放心. Tuy mỗi người nói mỗi thuyết, không thể cùng-đồng được, nhưng mà cầu về chốn yếu-lĩnh chốn qui-túc, thì hợp nhau cả. Vì cớ sao? Cớ là đạo thánh-hiền chỉ có một mà thôi, đạo đồng thì tâm đồng, tâm đồng thì học đồng, những thuyết cứu-cánh bất đồng, đều là tá-thuyết. Cái đại - hoạn của kẻ học-giả đời sau, chỉ tại cái bệnh vô - chí, cho nên nay lấy lập chí làm thuyết.

Lời truyền-thụ môn-nhân

Môn-nhân là Từ Ái hồi tiên - sinh cái nghĩa tri hành hợp-nhất. Tiên-sinh nói rằng hằng nói thử xem. Ai nói rằng như người ta đều biết rằng đối với cha nên hiếu, đối với anh nên đễ, mà lại không làm được sự hiếu sự đễ, thế là tri với hành phân-minh là hai cái. Tiên-sinh nói rằng thế là vì đã bị cái tư-dục nó cách đoạn đi rồi, không phải là bản - thể của tri hành vậy; chữa có khi nào đã tri mà chẳng hành, tri mà chẳng hành, chỉ là chưa tri. Thánh - hiền dạy người tri-hành chính là phục lại cái bản - thể tri-hành. Cho nên sách *Hại - học* tỏ rõ ra cái chân-tướng tri-hành, để cho người xem, như hiếu hảo - sắc, như ó ác-xù. Trông thấy cái hảo - sắc thuộc về tri, hiếu cái hảo-sắc thuộc về hành, chỉ là lúc trông thấy hảo - sắc đã tự-nhiên hiểu ngay, không phải là trông thấy hảo-sắc rồi sau lại lập cái tâm nữa để hiểu. Ngửi thấy cái ác-xù thuộc về tri, ó cái ác-xù thuộc về hành; chỉ là lúc ngửi thấy ác-xù đã tự - nhiên ó ngay, không phải là ngửi thấy ác-xù rồi sau mới lập cái tâm nữa để ó. Như người mắt lóa, dầu hảo - sắc ở trước mặt, trong mắt chẳng từng thấy rõ,

cũng chẳng hiểu lắm, cũng chỉ là vì chẳng từng biết cái sắc. Như người mũi tặc, đầu ác-xú ở trước mặt, trong mũi chẳng từng ngửi thấy, cũng chẳng ố lắm, cũng chỉ là vì chẳng từng biết cái xú. Như khen người ấy là biết hiểu biết đê, tất là người ấy đã từng làm sự hiểu sự đê, mới có thể khen người ấy là biết hiểu biết đê được, không phải là chỉ thấy người ấy nói hiểu nói đê mà đã có thể khen ngay là biết hiểu biết đê được. Lại như người biết đau, tất đã tự mình đau rồi mới biết đau, người biết rét, tất đã tự mình rét rồi mới biết rét, người biết đói, tất đã tự mình đói rồi mới biết đói; tri với hành, chia thế nào ra được làm hai. Ấy là cái bản-thể tri-hành, chưa từng có tư-ý cách-đoạn là thế đấy. Thánh-nhân dạy người, tất như thế mới gọi là tri; nếu chẳng thế, chỉ là bất - tăng - tri. Ai lại nói rằng cồ-nhân nói tri-hành chia ra hai cái, cũng là cốt khiến cho người ta hiểu ra một đàng là công-phu tri, một đàng là công-phu hành, cái công-phu mới có chốn mà hạ-lạc. Tiên-sinh lại nói rằng thế là sai mất cái tôn-chỉ của cồ-nhân. Ta chỉ nói tri là cái chủ-ý hành, hành là cái công-phu tri, tri là phần bắt đầu của hành, hành là phần kết-liệu của tri. Nếu hiểu được lẽ ấy, thì chỉ nói một cái tri, đã tự khắc có cái hành ở đó, chỉ nói một cái hành, đã tự-khác có cái tri ở đó. Cồ-nhân sở-dĩ đã nói tri lại nói hành, chỉ vì thế-gian có một hạng người mơ-màng lơ-láo, toàn không biết tư-niệm quan-sát là cái gì, chỉ là một kẻ nhắm mắt làm càn, cho nên tất nói có tri rồi mới hành được chính-đáng. Lại có một hạng người nghĩ vẩn nghĩ vơ, toàn không biết trước-thực cung-hành là cái gì, chỉ là một kẻ mô hình tước ảnh, cho nên tất nói có hành rồi mới tri được đích-xác. Đó là cồ-nhân bất-dắc-dĩ, nói ra lời bồ-thiên cứu-tệ mà thôi. Nay người đời cứ đem tri hành chia ra làm hai,

cho là tất tiên-tri rồi sau mới năng-hành, như nay hằng đi giàng - tập thảo-luận, hạ cái công-phu tri, đợi tri được đã, rồi mới hạ cái công-phu hành, cho nên thành ra chung-lhân bất-hành, mà cũng thành ra chung-thân bất-tri. Cái bệnh đó không phải là cái bệnh nhỏ, mà cũng là cái cố-lật của người đời đã lâu. Ta nay nói ra cái thuyết tri-hành hợp-nhất, chính là phương thuốc đối với cái bệnh người đời, lại chẳng phải là ta huyền-không soạn-xuất đầu, cái bản-thể tri-hành, nguyên là như thế.

Môn-nhân là Lục Trùng hỏi rằng ; kễ nhân-giả cho thiên-địa vạn-vật làm nhất-thể, cơ sao cái thuyết kiêm-ái của họ Mặc lại chẳng được gọi là nhân ? Tiên-sinh nói rằng : lẽ ấy rất khó nói, phải thể-nhận cho kỹ mới được. Nguyên-lai nhân là cái lẽ sinh-sinh bất-tức của tạo-hóa, đầu bàng-bạc ở thiên-địa-gian, không chốn nào là chẳng phải cái lẽ ấy lưu-hành phát-sinh. Song cũng chỉ vì có cái lẽ sinh ra dĩ-tiệm, rồi mới có cái cơ sinh-sinh bất-tức. Thí dụ như đông-chi rồi nhất-dương sinh, tất tự nhất-dương sinh, về sau dĩ-tiệm mới đến thuần-dương ; nếu không có cái khi nhất-dương bắt đầu sinh ra, sao có cái khi thịnh-dại thuần-dương, mà âm-khi cũng thế. Duy có cái lẽ dĩ-tiệm mới có cái chốn phát-đoan ; duy có cái chốn phát-đoan, sở-dĩ sinh-sinh bất-tức. Ví như cái cây kỳ thủy nảy mầm, ấy là cái chốn sinh-ý phát-đoan của cây ; nảy mầm rồi mới thành cây, thành cây rồi mới sinh cành sinh lá, sinh-sinh bất-tức, nếu không mầm sao có cây có cành có lá. Song nó nảy mầm ra được thế, tất là bề dưới nó lại có cái rễ ; có rễ mới phát-sinh, không rễ thì khó chết ; nếu không rễ thì tự đầu mà nảy mầm. Người ta cha con anh em yêu nhau, ấy là cái chốn sinh-ý phát-đoan của cái lương-tâm người ta, cũng như cái cây nó bắt đầu nảy mầm ; rồi tự đấy

mà yêu đến người ngoài, mà yêu cả đến con vật nữa, cũng như cái mầm nó phát-đạt ra cây mà nó sinh cành sinh lá vậy. Người ta đối với máu-mủ ruột thịt không biết yêu nhau, cũng như cây cái rễ đã khô cái mầm đã lụi, dù có yêu người ngoài, cũng là vì cái tư-lợi nó xui khiến đấy mà thôi, không phải là cái bản-thể của nhân, không phải là cái chân-tướng của cây vậy. Cái thuyết kiêm-ái của Mặc-thị, coi ai cũng như ai, coi cha con anh em máu mủ ruột thịt cũng nhất-luật như người ngoài đường, ấy là mất cái chốn phát-doan nảy mầm của nhân; nhân mà đã vô-căn, thì không có thể sinh-sinh bất-tức được, sao gọi được là nhân. Không-môn có nói rằng sự biểu sự đề là cái gốc của sự làm nhân, ấy là sự nhân theo tự trong bản-thể mà phát-sinh ra vậy.

Môn-nhân là Hoàng Dĩ-Phương hỏi rằng : tiên-sinh thường bảo thiện ác chỉ là một vật ; thiện với ác hai mối, như nước với lửa khác nhau, có sao lại bảo rằng chỉ là một vật ? Tiên-sinh nói rằng thiện là cái bản-thể của lương-tâm, trái cái bản-thể ấy thì tức là ác ; không phải là có một cái thiện lại có một cái ác nữa lại đối nhau, cho nên thiện-ác chỉ là một vật. Thầy Trình-tử có nói thiện là tính đã dành, mà ác cũng không có thể không gọi là tính được.

Tiên-sinh ăn cơm, môn-nhân là Vũ-Trung với Quốc-Thượng ngồi hầu. Tiên-sinh nói rằng phàm ăn uống chỉ là cốt để nuôi lấy thân-thể ta, ăn xong cốt phải tiêu-hóa đi mới được ; nếu chỉ súc-tích ở trong dạ dày, thì thành ra chứng đầy bụng ngay, trông-dưỡng thể nào được da thịt. Kể đi học xem đọc lấy cho rộng, nhớ lấy cho nhiều, mà không tiêu-hóa được nghĩa-lý đi, khiến cho lùn-trẻ ở hung-trung, đều là cái bệnh thương-thực đấy.

Có một viên thuộc-quan nhân được nghe tiên-sinh giảng học đã lâu ngày, than rằng sự học rất là hay, chỉ vì những việc bạ-thư ngục-tụng phiền tạp quá, không được có thì giờ nhàn rỗi mà học. Tiên-sinh nghe tiếng, bảo viên thuộc quan ấy rằng ta hà-tặng bảo người bỏ những việc bạ-thư ngục-tụng đấy, mà đi giảng học hảo-huyền ; người đã có cái chức-trách làm việc quan, thì theo ngay trong cái chức-trách làm việc quan ấy mà làm sự học ; như là thấy dân họ úng-đối rắc-rối không nên sinh ra cái nộ-tâm ; thấy dân họ ngôn-ngữ xảo-hoạt, không nên sinh ra cái hỉ-tâm ; thấy dân họ chực-thác việc đẫn, không nên sinh ra cái ó-tâm ; thấy dân họ thỉnh-cầu khẩn-khư, không nên sinh ra cái tham-tâm ; thấy công việc phiền-những, không nên sinh ra cái cầu-thả-tâm ; thấy có kẻ gièm-pha, không nên sinh ra cái la-chức-tâm. Phàm những cái tâm ấy đều là những cái ý riêng, người nên tinh-tế tỉnh-sát, mà trị bỏ những cái tâm ấy đi ; chỉ sợ cái tâm có một chút gì thiên-ỷ, làm điên-đảo mất thị-phi của người, thế là cách-vật trí-trí đấy ; trong chốn bạ-thư ngục-tụng, đều là chốn thực-học ; nếu lia sự-vật ra mà nói sự học, thì là sự học hảo-huyền.

Tiên-sinh thường nói người ta chỉ được cái tâm hiểu điều thiện như biểu cái sắc đẹp, ó điều ác như ó cái hơi xấu, ấy là thánh-nhân. Mọi nghe lời ấy, tưởng là rất dễ ; về sau thể-nghiệm được rồi, sẽ biết cái công-phu trước thực ấy là khó. Như người ta thấy điều thiện tuy biết hiểu, thấy ác tuy biết ó ; nhưng lại thường bị cái ý riêng nó chen lẫn vào ; cái tâm đã bị cái ý riêng nó chen lẫn vào, thì không phải là cái tâm thành-thực hiểu-thiện, thành-thực ó-ác nữa. Nếu điều thiện mà hiểu được thành-thực, thì cái tâm thuần-thiện ; điều ác mà ó được thanh-thực, thì cái tâm không có ác ; như

thế há không phải là thánh-nhân ư ? Cho nên cái học của thánh-nhân, chỉ ở một chữ *thành* mà thôi.

Môn-nhân làm ra văn-chương tiên-tống bẻ bạn, hỏi tiên-sinh rằng : khi làm ra văn-chương không khỏi tổn-phi cái công-phu nghĩ ngợi, đến lúc làm xong lại phải một đời ngày ghi-nhớ bài văn ấy ở trong bụng, sự ấy giải quyết ra sao ? Tiên-sinh nói rằng : khi làm văn-chương tìm tòi nghĩ-ngợi, cũng không hại gì ; chỉ khi làm xong rồi thường ghi ở trong bụng, thì là bị cái văn-chương nó làm hệ-lụy con tâm, trong con tâm có một cái khối vật, như thế thì không nên. Lại sự làm thơ tặng người, tiên-sinh cũng bảo rằng phạm làm thơ văn tặng người, cốt tùy trong cái giới-hạn tình phận mình đối với người ấy, sơ-cập thế nào thì nói thế. Nếu nói ra quá đáng, thì cũng không phải là cái đạo tu từ lập thành.

Môn-nhân hỏi một chương *chí ư đạo, cứ ư đức, y ư nhân, du ư nghệ*, 志於道。據於德。依於仁。游於藝。 ở trong sách *Luận-ngữ*, chương ấy giải thích thế nào ? Tiên-sinh nói rằng : chỉ một câu *chí ư đạo*, đã bao-hàm cả công-phu mấy câu ở dưới ; sự *chí ư đạo* mà đã dụng công-phu, thì sự *cứ ư đức y-nhân du-nghệ* do thế mà tiến, không thể thôi được. Ví như làm nhà, *chí ư đạo* là việc đi chọn đất mua gỗ, định kính-doanh thành một cái nhà, *cứ ư đức* là trừ-hoạch đã thành, có thể cứ nhân tài-liệu đầy mà làm ; *y ư nhân* là cái nhà làm đã thành, thường thường ở trong cái nhà ấy, không dời đi cái nhà khác nữa ; *du ư nghệ* là văn-sức thêm những đồ hội-họa thái-sắc vào trong cái nhà ấy. *Du-nghệ* như là để những việc đọc thơ, xem sách, gảy đàn, tập bắn, vãn vãn, đều là điều-dưỡng luyện-tập cái tâm mình khiến cho tinh-thực về trong cõi đạo. Nếu không *chí ư đạo*, thì đức đâu mà khả cứ, nhân đâu mà khả y, khéo lắm chỉ du-

nghệ đấy thôi. Song chẳng *chí ư đạo* mà *du-nghệ*, khác nào như kẻ lòng-bỏ g vô-trạng, chẳng trước đi kinh-doanh lấy một khu nhà mà ở, chỉ chăm chăm đi mua lấy những đồ hội-họa thái-sắc, chẳng biết đem về thì bài-thiết ở đâu ? Cho nên kẻ đi học phải *chí ư đạo* trước đã mới được.

Môn-nhân hỏi người Vũ-Thức gièm chê ông Khổng-tử, bực đại-thánh-nhân làm sao còn không khỏi sự gièm-chê ? Tiên-sinh nói rằng sự gièm-chê là sự tự bề ngoài lại, dầu thánh-nhân sao có thể khỏi được. Người ta chỉ qui về sự tự-tu, nếu tự mình thực là thánh-hiền, thì túng nhiên có kẻ gièm-chê, lời gièm-chê ấy cũng không tổn hại gì, ví như đám phù-vân che mặt trời, tổn hại thế nào được về quang-minh của mặt trời. Nếu tự mình là kẻ giả-dối, túng-nhiên không có một kẻ nào nói cái ác của mình, cái ác của mình sau này cũng tất có một ngày phát-lộ. Cho nên ông Mạnh-tử thường nói có thứ chê trách-bị cầu-toàn, có thứ khen không xứng đáng sự thực. Sự khen chê là sự ở ngoài, sao có thể tránh được, người quân-tử chỉ cốt tự-tu mà thôi.

Môn-nhân là Lưu Quán - Lượng thích ở trong núi tĩnh tọa. Tiên-sinh nói rằng người nếu đem cái tâm yếm-thế yếm-vật ra mà cầu sự tĩnh, thế thì lại hóa ra dưỡng-thành một cái khí kiêu-căng lẫn-nọ. Người nếu không yếm-thế không yếm-vật, lại ở trong chốn tĩnh hàm-dưỡng được cái đạo thuật xử-thế, cái phương-pháp tiếp-vật, như thế mới là hay.

Tiên-sinh thường nói rằng nhà tiên nói đến thể hư, thánh hiền há có thể trên thể hư thêm được một chút thể thực ; họ Phật nói đến thể vô, thánh hiền há có thể trên thể vô thêm được một chút thể hữu. Chỉ nhà tiên nói thể hư là theo về đường dưỡng-sinh mà nói ; họ Phật nói thể vô là theo về đường xuất-

ly sinh-tử, giải-thoát khổ-não mà nói; đó là do trên bản-thể hư-vô mà gia-nhập cái ý-tứ dưỡng-sinh giải-thoát; dưỡng-sinh với giải-thoát không phải là cái bản-sắc hư-vô, vậy đối với bản-thể hư-vô, còn có chương-ngại. Thánh hiền thì chỉ tuấn trong cái bản-thể quang-minh chính-đại của lương-tri, mà lại phó mặc cho cái bản-sắc của lương-tri, không dụng cái ý-tứ gì cả. Thể hư của lương-tri là cái thể thiên chi thái-hư, thể vô của lương-tri là cái thể thái-hư chi vô-hình; như nhật nguyệt, phong, lôi, sơn, xuyên, dân, vật, phàm cái gì có tượng-mạo hình-sắc, đều ở trong cõi thái-hư vô-bình mà phát-dụng lưu-hành ra, chử từng có cái gì chương-ngại. Thánh-hiền chỉ là thuận cái lẽ phát-dụng của lương-tri, thiên-địa vạn-vật đều ở trong cõi phát-dụng lưu-hành của cái lương-tri ta, hà-tảng có một cái vật gì chương-ngại.

Môn-nhân là Chu Bản-Tư hỏi người ta có cái tính hư-linh mới có cái lương-tri, đến như những loài thảo-mộc ngổa-thạch, cũng có cái lương-tri đấy không? Tiên-sinh nói rằng cái lương-tri của người ta tức là cái lương-tri của thảo-mộc ngổa-thạch. Nếu thảo-mộc ngổa-thạch không có cái lương-tri, thì không thành ra được cái thể thảo-mộc ngổa-thạch. Chẳng những thảo-mộc ngổa-thạch là thể dẫu, đến như thiên-địa không có cái lương-tri, cũng không thành ra được cái thể thiên-địa. Vì thiên-địa vạn-vật cùng với người ta nguyên là nhất-thể; cái chốn phát-khieu tối tinh, thì là nhất-diễm linh-minh của con tâm người ta. Phong lôi vũ lộ nhật nguyệt tinh thần cảm thú thảo-mộc sơn xuyên thổ-thạch, cùng với người ta, nguyên chỉ là nhất-thể. Cho nên những loài ngũ-cốc cảm thú đều có thể nuôi người, những loài được thạch đều có thể chữa bệnh

được cho người. Chỉ vì đồng-thử nhất-thể, cho nên có thể tương-thông vậy.

Văn-chương Vương Dương-minh

Hà-lậu hiên ký

何陋軒記

Ngày xưa ông Khổng-tử muốn đi ra ở chín nơi rợ mọi, người ngoài hiềm là cô-lậu. Ông Khổng-tử nói rằng quân-tử ở đó, có cô-lậu gì. Thủ-Nhân này vì có tội phải trích ra làm quan ở trạm Long-tràng. Đất Long-tràng xưa kia là chỗ hoang-viễn, thuộc về phân-hóa-ngoại; ngày nay thì là nơi yếu-địa, dễ chiền-phủ man-di, nhưng phong-tục ở đó vẫn còn mọi rợ như xưa. Người ngoài đều cho ta là tự nơi thượng-quốc đi ra hẳn coi đất ấy là cô-lậu, không có thể ở được. Thế mà ta ở đó vài tháng, lại có phần yên-thích và vui-thú cầu lấy những điều người ta bảo rằng đất ấy là cô-lậu, mà đất ấy thực chẳng cô-lậu chút nào. Chỉ dân ở đấy thì thất nết dễ ghi việc, tiếng nói như tiếng chim, ở thì ở núi, đồ ăn mặc thì đồ lông gai, không có cái vẻ cung-thất y-quan, cái lễ văn-sức đưa đón gì cả; nhưng còn là thói thuần-bàng chất-phác của đời xưa truyền lại đó. Vì đời thượng-cô chế-độ phép-tắc còn chưa đủ, dân nào mà chẳng thế, không có thể cho thế là cô-lậu được. Chao ôi! những thói ăn gian nói dối, xanh vỏ đỏ lòng, lật mặt như bàn tay, miệng xơn-xót dạ ớt ngậm, người thượng-quốc ta chưa tất đã khỏi đâu. Như thế mà lại áo mũ rườm-rà, lễ-nghi trang-sức, thì người thượng-quốc ta chẳng phải là hủ-lậu đấy ư. Người mọi rợ thì họ không biết những lối ấy, họ chỉ ăn ở giản-dan, nói-năng xô-xã, họ chỉ có thể mà thôi. Đời chỉ biết so-sánh những bề ăn ở, những cách nói-năng, mà cho họ là hủ-lậu, ta đây không bảo là phải Kỳ-thủy ta đến đó, không có nhà mà ở, phải ở vào chỗ cây cỏ gai góc um-thùm, thì uất-ức lắm.

Sau thiên-cư sang ở trái Đông-phong, vào chỗ hang đá mà ở, thì lại âm-thấp tối tăm. Dân ở đất Long-tràng, kẻ già người trẻ, hằng ngày lại thăm nom ta, mừng rằng ta không cho đất ấy là cô-lậu mà có ý buồn. Vì ta có từng sửa-sang ra một cái vườn ở cạnh nơi rừng rậm, dân ở đấy họ bảo rằng ta vui-thú đấy. Họ mới cùng nhau đi dẫn cây chớ gỗ, đem về chỗ đất ấy làm ra một cái hiên, để cho ta ở. Ta nhân trồng lên những cây tùng cây trúc, những các thứ hoa, và các thứ có thể làm vị thuốc được ở xung quanh hiên. Trong hiên thì bày biện ra chỗ này là ngoại-đường, chỗ này là nội-thất, chỗ này là tiền-xế, chỗ này là hậu-phòng, nào cầm-thư nào đồ-họa, mọi đồ giảng-tụng du-thích lược đủ. Học-trò ở nơi khác lại học, cũng dần dần xum-họp vui vầy. Rồi những người đến chơi cái hiên của ta, chẳng khác gì đến chơi những nơi văn-nhã ở chốn đô-thành, mà ta cũng quên hẳn cái cảnh ta là cái cảnh ở nơi rợ mọi vậy. Nhân đặt tên là Hà-lậu-hiên, để chứng-thực lấy lời ông Khổng-tử. Than ôi ! cái cảnh-tượng văn-minh trong thượng-quốc ta, thì diễn-chương lễ-nhạc, do những bậc thánh-nhân ở lịch-dại chế-tác ra mà truyền lại cho ta, mọi rợ họ không có, ta bảo họ là cô-lậu cũng phải. Về sau này thượng-quốc ta khinh-miệt đạo-đức, chuyên chuộng pháp-luật, cái thuật ăn thịt người ra tay, nống máu người ra mặt, không thể làm được, thì lại sinh ra cái thói quý-quyệt gian-trá, vô-sở bất-chí, cái phong thật-thà còn đâu nữa. Dân rợ mọi kia, há không phải là dân tốt; ví như hòn ngọc còn ở trong hòn đá, cây gỗ chừa này dây mực, tuy sù-si mọc-mạc, nhưng còn có thể thi-hành được những sự gọt dũa rửa mài, sao lại bảo họ là hủ-lậu được; ấy ông Khổng-tử sở-dĩ muốn đi ra ở chín rợ đấy dư ! Thực có người quân-tử ở đó, mà giáo-hóa họ, tưởng cũng không khó

gì. Nhưng ta chừa phải là người quân-tử vậy, hằng xin thuật ra mấy lời kỳ để đợi người quân-tử sau này.

Quân-tử đình ký

君子亭記

Dương-minh-tử đã làm ra cái Hà-lậu-hiên, lại nhân khoảng đất ở đằng trước hiên, dựng cột làm đình, xung quanh đình trồng thuần những giống trúc, mà đặt lên gọi là Quân-tử-đình-Trúc, có cái đạo quân-tử bốn điều : Ở trong không-hư mà tĩnh, thông-đạt mà có tầng ngăn, ấy là có cái đức người quân-tử. Ở ngoài có từng dốt mà thẳng, suốt bốn mùa mà cành lá không thay đổi, ấy là có cái hạnh người quân-tử. Ứng mùa xuân hạ mà xuất-hiện, gặp mùa thu-đông mà ẩn-tàng; lúc mưa, lúc tuyết, lúc tối, lúc sáng, không lúc nào là không có cái phong-cảnh nghi-nhân, ấy là có cái nghĩa thời-trung của quân-tử. Gió mát thỉnh-thoảng thổi đến, tiếng ngọc rào-rào tựa như âm-nhạc, khi ấy, khi còi khi-ngựa, như người lễ-nhượng vái chào, như các vị hiền-triết ở sông Thù sông Tứ cùng nhau tập-họp; khi gió định hơi tĩnh, lại nghiêm-nhiên đặc-lập, ra hình bất-khuất, như các vị thánh-thần ở đời Đường đời Ngu, đội mũ cầm hốt, liệt-toạ ở chốn miếu-đường, ấy là có cái dung-mạo người quân-tử. Trúc có bốn điều ấy, mà thành danh-hiệu là quân-tử, cái danh-hiệu của trúc thực chẳng hồ gì. Cái đình của ta có trúc, ta nhân lấy danh-hiệu của trúc đặt danh-hiệu cái đình của ta, cái danh-hiệu đình của ta cũng chẳng hồ gì. Môn-nhân nói rằng chừng là tiên-sinh tự tả cái đạo-đức của mình vậy. Chúng ta thấy tiên-sinh ở cái đình này, chủ-trì cái đạo cung-kính, hàm-duỡng cái đạo tĩnh-hư, chẳng phải là cái đức người quân-tử đấy dư. Gặp cảnh truân-chiến mà chẳng sợ, xử cảnh khốn-nạn mà vẫn vui, chẳng phải là cái hạnh người quân-tử đấy dư.

Trước kia cái đạo tiên-sinh thực-hành ở chốn triều-đình, nay thì cái đạo tiên-sinh thực-hành ở chốn di-dịch, thuận cái lẽ ứng-vật-mà hợp-thời, giữ cái đạo trung-chính mà bất-câu, chẳng phải cái nghĩa thời-trung của quân-tử dấy dư. Giao-tiếp thì kinh-cần, cư-xử thì ung-dung, ý thì thỏa-thích, khi thì ôn-hòa, chẳng phải là cái dung-mạo người quân-tử dấy dư, chừng là tiên-sinh khiêm-nhượng, không nhận cái danh-hiệu quân-tử, mà mượn cây trúc để gọi ra danh-hiệu dấy dư. Tiên-sinh đã từng đặt tên cái hiền là Hà-lậu để tự-cư, thì cái đình này há không phải là để tự-tả dấy dư? Dương-minh-tử nói rằng: Ôi! môn-nhân nói thế là quá-đáng vậy; bốn điều của quân-tử đó, trong mình ta đã có một điều gì đâu, ta chỉ xin học làm quân-tử đó thôi, cái danh-hiệu đình của ta chỉ là cái danh-hiệu trúc vậy. Song ngày xưa ông Khổng-tử chẳng đã từng có nói dấy dư, nói rằng mấy nên làm hạng nho quân-tử, chớ làm hạng nho tiểu-nhân. Người ta phải nhận lấy cái danh-hiệu quân-tử, mà học làm quân-tử mới được. Nếu tự-hiền cái danh-hiệu quân-tử mà không dám học làm quân-tử, thì mấy nổi mà chẳng thành ra hạng người tiểu-nhân, như thế thì sao nên. Môn-nhân ghi lấy.

Tờ thư trả lời quan Hiến-phó họ Mao

Mới đây kinh-tiếp lời thượng-quan sai người hiểu-dụ mõ về đường họa-phúc lợi-hại, và bảo mõ phải miễn-cưỡng thân-bành đến chỗ đại-phủ mà tạ tội. Điều đó cũng là thượng-quan đối với mõ có nghĩa nặng tình sâu, mới được như thế, cảm-khích vô-cùng, không biết nói sao. Duy mõ thiết-nghĩ rằng bữa nọ kẻ sai-viên đến Long-tràng lẳng-mạn mõ, đó là tự kẻ sai-viên cậy thế cậy uy, không phải là thượng-quan có xui bảo hẳn, các rợ ở Long-

tràng cùng với sai-viên tranh-dấu, đó là tự các rợ phần-nộ bất-bình, cũng không phải là mõ có xui bảo họ. Thế thì thượng-quan chừa từng có chi làm nhục mõ, mõ cũng chừa từng có chi ngạo với thượng-quan, mõ có tội gì, mà phải vội đi tạ dấy dư. Cái lễ qui-lạy thượng-quan, cũng là cái thường-phận của tiểu-quan, chẳng đủ lấy làm nhục gì. Song cũng không nên vô-cố mà làm, chẳng nên làm mà làm, cùng với nên làm mà chẳng làm, đều là lẽ thủ-nhục cả. Kẻ tiểu-quan bị phế-trục này, sở-thủ để dợi cái chết đó, chi điều trung-tín lễ-nghĩa mà thôi. Nay nếu lại bỏ những điều trung-tín lễ-nghĩa ấy mà chẳng giữ, thì họa nào với hại nào lớn hơn. Phàm những thuyết họa với phúc, lợi với hại, mõ này cũng đã từng giảng rồi. Người quân-tử lấy điều trung-tín làm sự lợi, lấy điều lễ-nghĩa làm sự phúc. Nếu điều trung-tín lễ-nghĩa chẳng ở đó, thì dấu cho cái lộc vạn-chung, phong cái tước vương-hầu, qui thì qui thật, quân-tử vẫn cho là họa với hại. Nếu điều trung-tín lễ-nghĩa mà ở đó thì dấu dập đầu mỏ tim, quân-tử vẫn lấy làm lợi mà làm, tự cho là phúc vậy. Huống-chi những sự lưu-ly phế-trục, chẳng phải là sự nhỏ-mọn dấy dư. Mõ ở chốn này, chen-chúc với những cái khi chương-lệ cái giống độc-trùng, giao-du với những cái ma li-vị cái quỷ võng-lượng, hằng ngày có sự chết. Thế mà mõ vẫn cư chi thái-nhiên, chừa từng vì sự đó mà dao-dộng trong tâm-chí chút nào. Thực là biết sự sinh-tử đã có mệnh trời, chẳng vì cái cảnh-ngộ một chốc, mà quên cái sự-nghiệp chung-thân. Thượng-quan nếu muốn làm hại mõ, mà tại mõ thực có điều tự-thủ, thì cũng đáng xót-xa. Nếu mõ không có điều gì tự-thủ, mà mắc phải cái phi-tai hoành-họa, thì mõ cũng cho như cái khi chương-lệ đó mà thôi, cái giống độc-trùng đó mà thôi,

cái ma li-vị cái quỷ võng-lượng đó mà thôi, mỗ há vì sự đó mà động tâm thay! Lời dụ của thượng-quan, mỗ này không dám nghe. Tuy không dám nghe, nhưng cũng nhân thế mà càng biết ra cái điều tự-tu tự-phấn không dám cầu-thả bỏ cái mình đi, thì mỗ này tự-giáo nhiều vậy, dám xin đốn-thủ ta-ôn.

Bài văn tế chôn kẻ chết đường

Năm Chính-dức thứ tư, mùa thu, ngày mồng ba. Có một người tự nói ra rằng là viên lại-mục tự Bắc-kinh lại đây. Chứa kịp hỏi tên họ quê-quán là gì, chỉ thấy người ấy đề-buê một người con với một người tớ, sắp-sửa đi ra cung-chức nơi nhiệm-sở, đi qua trạm Long-tràng, vào ngủ trọ ở một cái nhà người thổ-mán. Khi ấy ta cách cái dặng-rào trông thấy, nhưng đương buổi hoàng-hôn mưa dầm, trời đất tối-tăm, đã toan tới nơi hỏi-han một vài câu chuyện sự-tình đất bắc, song chứa kịp. Đến sáng sớm ngày mai sai người lại thăm, thì đã đi rồi. Đến trưa có người tự Ngô-công-pha đi lại nói rằng có một người chết ở dưới chỗ sơn-pha, ở bên cạnh có hai người ngồi khóc thương lắm. Ta nói ngay rằng chắc là người lại-mục chết đấy, thương thay! Đến chiều, lại có người tự chỗ ấy đi lại nói rằng dưới sơn-pha có hai người chết, ở bên cạnh có một người ngồi thổ than. Ta hỏi kỹ cái hình-trạng người chết ấy thế nào, thì ra người con lại chết. Đến sáng ngày mai lại có người lại nói rằng trông thấy ở dưới chỗ sơn-pha có ba cái xác nằm gối vào nhau mà chết, thì ra người tớ lại chết nốt, than ôi thương thay! Ta có nghĩ rằng người ấy phôi xác ở dọc đường, xác ấy là xác vô-chủ, lấy ai làm người chôn. Mới đóng-dả hai kẻ người nhà mang thuồng mang cuốc đi chôn. Hai kẻ người nhà có ý ngần-ngại chưa muốn đi. Ta nói rằng than ôi! cái tình-cảnh thầy trò ta cũng như cái tình-cảnh thầy trò ba người ấy, thầy trò ba người

ấy là kẻ chết trước, thầy trò ta là kẻ chết sau, thầy trò ta chỉ nên hết cái nghĩa-vụ làm kẻ chết sau. Hai kẻ người nhà cảm-động, sa nước mắt khóc, hăng-hái xin đi. Thầy trò cùng nhau tới nơi, đào ở chỗ ven sườn núi, làm ra ba cái huyệt chôn cho ba người. phong đắp thành ba cái nấm tươm-tất kỹ-càng. Rồi lại biện một con gà với ba bát cơm, đem ra chỗ ấy, cử-ai than-vãn mà tế rằng:

— Ô-hô thương thay! ông là người ở đâu? ông là người ở đâu? tôi đây chức là Long-tràng-ấp-thừa tên họ là Vương Thủ-Nhân vậy. Tôi với ông đều là người sinh-sản ở nơi trung-thổ, tên họ ông là gì tôi không biết, quê quán ông ở nơi nao tôi cũng không biết, cứ làm sao mà ông lại đây, làm một thằng quỷ ở núi này đó đư? Xưa nay thường-tình người ta, ai là muốn khứ-quốc ly-hương, đi làm quan cũng không muốn đi ra ngoài nghìn dặm. Tôi đây là kẻ có tội bị thoán-trục mà lại đây đã đành, ông cũng có tội gì đấy ư? Tôi nghe quan chức ông chẳng qua viên lại-mục ngọn bút cài tai, bồng-lộc ông chẳng qua năm đấu gạo. Nếu ông ở nhà đóng-dả vợ con, néo khổ đi cày, thì ông cũng có năm đấu gạo. Cứ làm sao ông lại vì năm đấu gạo mà ông đánh đổi đi mất cái vai năm tấc rộng cái thân mười thước cao của ông, ông đã vậy, lại con ông nữa, lại tớ ông nữa, ô-hô thương thay! Ông mà thật là người quyền-luyến năm đấu gạo ấy mà lại đây, thì ông nên hơn-hở vui vẻ mà tự-chức, cứ sao hòm nọ tôi trông thấy mặt ông cũng có nét buồn, hình như cũng có điều lo lắng đó. Chao ôi! xông-pha sương tuyết vin đá búi cây, trèo qua mấy vạn quả núi, xa-xăm đói khát, cân-cốt mỗi-một, mà lại khi lam-chương xâm-phạm ở bề ngoài, tình ưu-uất giao-bách ở bề trong, tài nào mà khỏi chết đấy ư. Tôi đây cũng biết ông là

tất chết, nhưng không ngờ ông chết chóng như vậy, lại không ngờ con ông tở ông cũng vội theo ông mà chết chóng như vậy. Tôi nghĩ đến ba năm xương của thầy trò ông là vô-y, tôi lại đây vùi lấp cho ông, mà khiến cho tôi có cái thương-cảm vô-cùng vậy, ô-hô đau thay! Nhưng mà, nếu tôi chẳng vùi lấp cho ông, thì ở đây cũng chẳng thiếu gì loài hùm loài cáo ở chỗ rừng già, loài rắn loài hổ ở chỗ hang sâu, cũng có thể giúp việc được cho ông, mà đem chôn ông vào trong bụng, cũng chẳng hề xương thịt ông phải bộc-lộ ra ở giữa trời. Về phần ông thì ông đã nhắm mắt rồi, không biết chi chi nữa. Nhưng về phần tôi, thì tôi đối với ông, há nữ lòng nào đó thay. Tôi tự khi lia chốn trung-thổ mà lại đây, đã hai năm rồi, cái cảnh lịch-duyet cũng như ông, mà tôi may vẫn còn sống; vì trong bụng tôi vẫn thản-nhiên, hằng ngày không có một sự gì đáng băn-khoăn áy-náy gì cả. Mà đến ngày nay tôi khóc-lóc đau đớn như vậy, là vì tôi vì ông mà tôi thương ông, không phải là tôi vì tôi mà tôi thương tôi. Tôi đã bắt-tất vì tôi mà ông mà tôi thương ông nữa. Tôi xin vì ông hát lên một điệu, xin ông nghe cho. Hát rằng:

*Đường núi muôn trùng, chim bay
khôn thông.*

*Khách xa nhớ nước, mù-mịt tây đông.
Lây đông mù mịt, trời một trời chung.
Phương xa đất lạ, trời rộng nước trong.
Tùy thời tùy ngộ, xử đạt xử cùng.
Hồn hề hồn hề, thương ích gì không!*

Bài tự tiễn-biệt ông Trạng-Gam-Toàn

Thầy Nhan Hồi chết, mà cái học của thánh-nhân mất, thầy Tăng Sâm thừa cái đạo nhất-quán, truyền đến thầy Mạnh Kha mà thôi. Lại hơn hai nghìn năm nữa, mới có thầy Chu thầy Trình ra tiếp-tục. Tự đấy về sau, kẻ nhà nho nói càng nhiều mà đạo lại càng

tối, giải - thích càng tinh-trùng mà nghĩa-lý lại càng chi-ly, mà cái kẻ vụ-danh lại càng nhiều lắm. Xưa kia, đời họ Mạnh thì chen có họ Dương họ Mặc, đời thầy Chu thầy Trình thì gặp buổi đạo Phật đạo Lão thịnh-hành. Ngày nay thì kẻ đi học ai nấy đều biết tôn-sùng họ Khổng họ Mạnh, tưởng cái đạo thánh-nhân cả sáng-sủa ra ở đời thì phải. Song mà tôi xét ra, bậc thánh-nhân chẳng được trông thấy đã đành, còn thì có người nào được như Mặc - thì có cái chủ-nghĩa kiêm-ái hay không? Có người nào được như Dương-thì có cái chủ-nghĩa vi-ngã hay không? Có người nào được như Lão-thì có cái tinh-thần thanh-tĩnh tự-thủ hay không? Có người nào được như Phật-thì có cái công-phu nghiên-tâm tính-mệnh hay không? Ta cứ sao lại nhớ đến họ Dương họ Mặc họ Phật họ Lão đó thay? vì họ đối với sự học còn có sở-đắc vậy. Mà kẻ nhà nho ở đời, thì chỉ vẽ từng bài gột từng câu, để khoe-khoang với thói tục, đua nhau giả-dối, thi nhau về những sự ngôn-ngữ văn-từ, mọi nghĩa trong cổ-kinh cổ-diễn nói ra được vanh-vách, tự lấy thể làm đã đủ rồi, mà cái học của thánh-nhân thành ra hư-phế. Cái đại-bệnh ở đời nay, há không phải là cái tệ ký-tụng từ-chương đấy dư. Mà suy-nguyên sở-dĩ có cái tệ ấy, há không phải là tại cái lỗi thích nghĩa quá trường, giải lẽ qua tinh đấy dư (trở về thời - đại bát-cổ). Chao ôi! họ Dương họ Mặc họ Phật họ Lão, họ còn biết học lấy nhân-nghĩa, cầu lấy tính-mệnh, không như kẻ nhà nho ngày nay cho nhân-nghĩa là không thể học được, mà cho tính-mệnh là vô-ích. Ở đời nay mà có kẻ nào học nhân-nghĩa cầu tính-mệnh, gác sự ký-tụng từ-chương ra ngoài mà chẳng làm, thì dấu đạo Dương đạo Mặc đạo Phật đạo Lão, thiên về đạo nào mặc dầu, tôi còn cho là hiền, vì cái tâm người ấy còn biết cầu lấy đường sở-đắc vậy. Than ôi! có

biết cầu lấy đường sở-đắc, rồi mới có thể nói đến được sự học của đạo thánh-nhân. Tôi thua nhỏ, nhặng về sự học-vấn, lãng-mạn hai mươi năm. Kỳ-thủy cũng nghiên-cứu về đạo Phật đạo Lão, nhờ trời mở cho cái trí, nhân có giác-ngộ, mới khuyh-hướng về học-thuyết Chu, Trình, dường cũng có điều sở-đắc. Song ở đời trừ một hai người tri-kỷ ra, không ai hiểu đồng-chí với mình cả; đã có lắm phen sắp đỗ ngã mà lại dậy lên được. Hồi vẫn-niên được kết-giao với ông Trạm Cam-Toàn, rồi sau cái chí tôi mới càng kiên, nghị-nhiên không thể át được, thì sự học của tôi nhờ về ông Trạm Cam-Toàn có phần nhiều vậy. Lối học ông Cam-Toàn, là lối học vụ-câu tự-đắc đó. Đời ít kẻ biết, hoặc-giả lại cho là lối học thiên-gia. Túng-nhiên là lối học thiên-gia, thì đời đã thấy mấy kẻ. Huống-chi ông Cam-Toàn sở-học chỉ tại thánh-hiền, như ông Cam-Toàn há không phải là môn-phái thánh-nhân đó dư, kẻ khen chê không đủ làm bệnh được cho ông Cam-Toàn vậy. Kẻ khen chê không đủ làm bệnh ông Cam-Toàn, và ông Cam-Toàn cũng chẳng vì kẻ khen chê mà tự lấy mình làm bệnh, tôi tin như thế. Tôi với ông Cam-Toàn, cái ý giao-du, không phải nói mà tự-khắc hiểu, cái lời nghị-luận, không phải róc mà tự-nhiên đồng, tương-kỷ với nhau về đạo thánh-hiền, chết rồi sẽ thôi. Ngày nay tiên-biệt ông Cam-Toàn, tôi lo phải nói gì. Duy cái học thánh-nhân khó mình mà dễ boặc, cái thói tập-tục, càng ngày mà càng khó vãn-hồi, ấy-bấy ở trong lòng, dường không thể không nói ra được; thế thì ông Cam-Toàn há cũng cho tôi là nói thừa đó thay.

Bài ký tả về chi-kbí Tông-Ngô đạo-nhân.

Đất Hải-ninh có một người là Đồng La-Thạch, tuổi đã sáu-mươi-tám, nổi

tiếng là thơ hay ở chỗ giang-hồ, cùng với bạn làm thơ ở miền đó đến vài mươi lữ, kết với nhau làm thi-xã, sớm chiều cầm bút ôm giấy ngâm vịnh, cùng nhau dùi mài lấy cái khéo từng chữ từng câu, đến nỗi quên cả ăn ngủ, bỏ cả sinh-nghiệp, kể thời-tục ai nấy đều chề cười, nhưng chẳng đoái chi cả, cho nghề thơ là một nghề cực-lạc trong thiên-hạ.

Hiệu Gia-tĩnh năm giáp-thân mùa xuân, La-Thạch lại chơi đất Cối-kê, nghe Dương-minh-tử đương cùng với học trò giảng học ở trong núi, lấy một cái gậy gánh một cái bầu rượu, một cái nón, và một quyển thơ vào chào. Khi vào cửa, thì chỉ đứng chấp tay, rồi ghé lên chỗ cao ngồi ngất-ngưỡng. Dương-minh-tử coi dung-mạo khi-trợng lấy làm lạ, vả lại tuổi đã già, đứng lên làm lễ tiếp-dãi kính-trọng. Lại hỏi ra biết là Đồng La-Thạch là một kẻ thi-hào, cùng với La-Thạch nói chuyện suốt ngày suốt đêm. La-Thạch khi ấy lời lẽ càng nói càng khiêm, lễ-độ một bước một nhún, bất-giác đời sang chiếu khác mà ngồi. Khi lui trở ra, có bảo với một người học-trò Dương-minh-tử là Hà-sinh rằng tôi thấy những kẻ nhà nho ở đời, chỉ chỉ ly phiến-toái, tu-sức ở bề ngoài, làm ra hình-trạng người gỗ; còn hạng kém nữa thì tham lam vô-sĩ, đua chen ở trong trường phú-qui lợi-dục, tôi vẫn không thèm chơi với những bọn ấy. Tôi vẫn cho là đời há thực có cái học gì là cái học thánh-hiền đó dư, chẳng qua mượn đường học-vấn, để cầu tới cái mục-dịch đối đời, hay hoặc cái mục-dịch kiếm ăn đó mà thôi. Cho nên tôi chỉ chơi về nghề thơ, mà tôi phóng-khoảng ở nơi sơn-thủy. Nay tôi được nghe cái thuyết tri-hành hợp-nhất của tiên-sinh, hốt-nhiên như giấc ngủ say mà được thức dậy. Sau này tôi sẽ biết rằng ngày trước tôi ngày ngày đêm đêm khổ-tâm lao-lực về nghề thơ

đó, so với những phường chìm đắm lợi-lộc ở đời, có khác nhau, chỉ khác nhau về bên thanh bên trọc đấy thôi, kỹ-thực cũng không khác nhau gì mấy. May sao tôi được qua cửa tiên-sinh, nếu tôi không được qua cửa tiên-sinh, thì tôi cơ dễ hư-phi mất cái đời của tôi vậy. Tôi cũng toan chung-thân thờ tiên-sinh làm thầy dạy, chẳng biết tôi đã già rồi, có được như nguyện hay không.

Hà-sinh đứng dậy mừng khen mà nói rằng tuổi đạo-nhân đã già rồi, chỉ đạo-nhân sao mạnh mấy ! rồi vào thỉnh với Dương-minh-tử. Dương-minh-tử ngùi-vậy mà than rằng có thể dư ! ta chữa thấy ông lão nào thế vậy. Tuy vậy, ông ấy nhiều tuổi hơn ta, ta xin dãi là lễ bằng-hữu ; bằng-hữu với sư đệ, nghĩa cũng như nhau ; nếu biết tin lời ta, há tất phân-biệt ra lễ thầy trò. La - Thạch nghe Dương-minh - tử nói thế, than rằng tiên-sinh chừng cho cái lòng thành của ta còn chữa đến nơi đấy dư. Từ tạ về nhà, cách hai tháng, cầm một tấm lụa đến, bảo Hà - sinh rằng : « Tấm lụa này là của nhà tôi tự chế ra, cái lòng thành của tôi kết dệt lại cũng như tấm lụa này, chẳng biết tiên - sinh có thực hứa cho tôi là kẻ môn-nhân đấy không. » Hà-sinh lại vào thỉnh. Dương-minh-tử nói rằng có thể dư ! ta chữa thấy ông lão nào thế vậy. Những kẻ thiếu-niên đời này mới hơi biết cầm bút làm văn, ký-tụng học-thuyết của tiên-triết được đôi ba câu, đã tự lấy mình làm giỏi chẳng biết cái sự thờ thầy học-vấn là sự gì ; hoặc thấy người nào biết đạo thờ thầy học-vấn, thì lại chỉ - trích chê cười, như là trông thấy cái quái-vật. Đồng-ông là một kẻ thi-hào, đã có thể làm thầy được cho bậc hậu-tiến, kẻ theo ông chơi về nghề thơ đã khắp ở nơi giang-hồ, ông đã nghiêm-nhiên là một bậc tiên-bối trong thi-xã. Nhất-dán nghe lời ta, mà chịu khuất lễ thờ thầy, cầu tiến về đường học-vấn. Há những đời nay chữa thấy người

nào như thế, mà xem trong truyện ký đời xưa cũng chữa từng thấy nhiều người như thế vậy. Ôi sự học của người quân-tử, cốt là cầu lấy biến-hóa cái khí-chất đi, khí-chất mà khó biến, là vì cái khách-khí nó làm hại, không thể hư - tâm mà khuất-hạ với kẻ hơn mình được, rồi đến mình lại đối mình, đốt lại giấu đốt, chung-qui làm một hạng người lung - ngao bi-tiện. Nếu biết chủ về điều thiện mà theo, điều thiện đó là thầy, thì khách-khí tiêu-tán, thiên-lý lưu-hành, phi bạc thiên-hạ chi đại-dũng, không đủ nói sự ấy. Như La-Thạch chính là thầy ta vậy, ta há đủ làm thầy La Thạch đó dư.

La-Thạch cố vào xin làm kẻ môn-nhân. Dương-minh - tử cũng cố từ, nhưng không được, mới hứa rằng dãi về lễ sư hữu chi gian. Dương-minh - tử cùng với La-Thạch ngao-du mọi nơi, vào hang Vũ-huyệt, trèo ngọn Lu-phong lên núi lần-vọng, tìm chốn Lan-đình, thăm di-tích đời xưa ; lại tiêu-đạo ở cửa Vân-môn, ở ngôi Nhược-gia, ở hồ Giám-hồ, ở khe Đàm-khúc, La-Thạch hằng ngày được tiếp - thụ cái thú-vị trong đạo học, có nhiều phần sở-đắc, vui thú mà quên về. Những người tử-đệ và thân-hữu của La-Thạch ở trong thi xã ngày trước, hoặc chê cười, hoặc làm thơ đả cho La-Thạch chiều La-Thạch về, và bảo La-Thạch rằng : ông già rồi, sao ông tự khổ như vậy. La-Thạch cười mà đáp lại rằng : tôi may đã thoát khỏi nơi khổ-hải trong làng thơ, tôi mới biết thương các ông là tự-khổ, các ông lại cho tôi là khổ đấy ư ! Tôi đương sắp sửa đề mắt ra ngoài vũ-trụ, sắp cánh ở cõi vân-tiên, tôi sao có thể lại quày đầu về nơi khổ-hải đấy dư ! tôi xin tòng ngộ sở-hiếu. Mới tự-hiệu là « Tòng-ngô đạo-nhân. » Dương-minh-tử nghe tiếng, than rằng mạnh-mẽ thay La-Thạch ! La-Thạch ! niên đã lão, huyết-khí đã suy, mà lại đỉnh-dặc

phần - phát, như kẻ anh-nhuệ thiếu-niên, thực là kẻ biết tông-ngô sở-hiểu vậy. Tuy-nhiên, sở-hiểu cũng có lắm đường. Người đời tông sở-hiểu về phần danh, thì thi nhau giả dối; tông sở-hiểu về phần lợi, thì đua nhau tham-ô, đều tự cho mình là tông-ngô sở-hiểu cả đấy, nhưng há biết cái nghĩa ngô-sở-vị chân-ngô đó thay. Cái chân-ngô là cái gì? là cái lương-tri đó vậy. Cho nên tông về phần danh-lợi vật-dục sở-hiểu, đó là cái sở-hiểu của giả-ngô; tông về phần lương-tri sở-hiểu, đó là cái sở-hiểu của chân-ngô. Tông về phần sở-hiểu của giả-ngô, thì tâm-lao mà một ngày một thấy ngu - chuyết.

Tông về phần sở-hiểu của chân-ngô, thì việc thiên - hạ việc quốc-gia, xử việc gì cũng có thể chính-dáng, lúc phú qui, lúc bần tiện, lúc hoạn nạn, lúc di-dịch, xử lúc nào cũng có thể yên vui. La-Thạch gần bảy mươi tuổi, mới biết cái học tông-ngô, nhưng cũng đừng tự cho thể làm muộn; do cái đức mạnh-mẽ của La - Thạch mà tiến lên cõi thánh hiền, thì cũng có khó gì. Than ôi! những kẻ bạc-phu tục-tử ở đời nghe cái phong La-Thạch, chùng cũng biết lối sở-tông đó dư.

TÙNG-VÂN biên dịch

THĂM HƯƠNG-CẢNG VÀ QUẢNG-ĐÔNG (1)

III

VIII. — Bọn thực-giả phản-đối chủ-nghĩa cộng-sản. — Trường Trung-học Cơ-đốc ở Quảng-đông trục-xuất bọn quá-khích.

Bọn thực-giả thấy đảng cộng-sản lợi-dụng cái thế-lực của mình trong dân-gian, bèn khởi lên phản-đối đã được ít lâu nay.

Tỉ như sự vận-động để kỷ-niệm việc Thượng-hải đã dự-định từ tháng ba mà không làm xong, là bởi bọn học-sinh Quảng-đông không muốn làm những chuyện bãi-học vô-ích. Học-sinh và thầy giáo vẫn thường bị đảng cộng-sản mai-sát, gọi là phường « chó săn » của ngoại-quốc, nhưng mà những tiếng chửi rủa ấy đã dùng nhằm đi lắm, không còn có

nghĩa gì nữa. Như trong báo Quảng-đông mà có những câu nói về trường Trung-học Cơ-đốc rằng: « Trường này có tiếng là hay dùng những thủ-đoạn để-quốc và sản-xuất được nhiều bọn chó săn thượng hạng », thì những câu ấy là phạm đến bọn học-sinh Tàu nhiều hơn là bọn thầy giáo ngoại-quốc.

Tôi được một cái dịp tốt lạ thường để nghiên-cứu về việc bọn thực-giả phản-đối với bọn cộng-sản, và những việc biến xảy ra ở trường học ấy. Trong bọn học-sinh có mấy người đầu đảng cộng-sản, bao nhiêu học-sinh khác đều đồng lòng xin với nhà trường đuổi những người ấy ra, nếu không thì sẽ bãi học hết. Việc ấy xảy ra ở Quảng-đông cũng là một việc lạ.

(1) Dịch bài của một nhà phóng-sư Anh đăng trong nhật-báo nước Anh ở Thượng-hải North Daily News, theo bản dịch chữ Pháp của báo La Politique de Pékin 北京政聞報 — Xem N.-P. số 107, 108.

Những học-sinh đã bị anh em ác-cảm như thế thì nhà trường cố-nhiên là phải đuổi. Chúng tôi đến Quảng-đông giữa lúc học trò bị đuổi đó. Các trường học đều có ý quan-sát xem kết-quả việc ấy thế nào, nghĩa là có-ý nghiệm xem cái thế-lực của đảng Cộng-sản mạnh là đường nào. Tôi bèn lấy tư-cách nhà báo đi hỏi ý-kiến khắp mọi người, học-sinh, thầy giáo, quan chính-phủ, và nhiều người khác nữa.

Bọn học-sinh xin đuổi mấy người thuộc về đảng Cộng-sản là vì những lẽ như sau này (Trước khi làm giấy xin có họp hội đồng bỏ về quyết-nghị thì 484 người quyết xin đuổi, chỉ có 23 người phản-đối mà thôi):

« Từ trước đến nay mấy người học-sinh ấy chỉ quấy-rối ở trong nhà trường, như thế thì cũng không phạm đến định-dự đoàn-thể học-sinh chúng tôi, cho nên chúng tôi cũng rộng lòng dung-túng.

« Nhưng hôm qua có hội-nghị các đại-biểu của hội Liên-hiệp-học-sinh Quảng-đông, thầy LAAM SAN-TÔNG là hội-viên trị-sự hội Liên-hiệp, làm nhục người đại-biểu chúng tôi ở giữa nơi hội-nghị và dám nói dối ở trước mặt mọi người rằng đại-biểu của chúng tôi là đại-biểu bất-chính-thức. Trong khi ấy thì hai người nữa tên là LEI CHANG và NG. KIN-MAN, cùng với một lũ khác xông vào trong nhà hội-đồng để gây sự lôi-thôi. Những kẻ ấy chỉ có tên là học-trò, thực là phường vô-lại. Cách họ cử-động như thế làm tổn hại cho danh-giá cả đoàn-thể học-sinh trường Lĩnh-nam.

« Bởi thế nên chúng tôi họp lại hôm nay để bàn về việc đó. Cả toàn-thể học-sinh quyết-nghị rằng xin với các ngài cầm quyền trong nhà trường hạ-lệnh trục-xuất những người ấy đi, để giữ cho danh-dự bọn học-sinh chúng tôi, giữ cho quốc-dân-đảng khỏi phải mất tay

đại-biểu không xứng đáng và cho việc học-hành của chúng tôi khỏi phải trở-ngại. »

Nhà trường cũng không muốn cho học-sinh can-thiệp đến việc chính-trị, nên đình đuổi ba người học-sinh đã làm tại tiếng như trên kia. Bấy giờ phái quốc-dân-đảng ở trường Lĩnh-nam mới làm một cái giấy tuyên-bố bênh cho ba người bị đuổi và xin với nhà trường bãi cái nghị đuổi đi.

Nhà trường chưa quyết-định thế nào, thì học-sinh lại họp một lần nữa, định rằng hễ ba người cộng-sản lại được vào học, thì cả trường bỏ học hết. Tôi có nói chuyện với ông hội-trưởng Hội học-sinh thì ông nói rằng nhất - quyết làm cho được, thà chết còn hơn là bị thua.

Ông hội - trưởng tên là HUNG KOWONG. Ông có tiếp chuyện tôi mãi đến hai giờ sáng. Ý-kiến của ông tóm tắt trong mấy lời ông đọc cho tôi như sau này :

« Trong việc chúng tôi vận-động, không có cái ý gì là công-kích Quốc-dân-đảng hay là một người nào trong Quốc-dân-đảng cả. Chúng tôi chỉ muốn cho trong trường Lĩnh-nam được yên-ổn để cho học được tốt nghiệp và thi được trúng-tuyển, thế mà thôi. Chúng tôi cũng biết thành - thực yêu nước, chẳng kém gì ai, nhưng không hiểu vận-động chính-trị cách vô-tích như thế thì có được việc gì, đã không lợi gì cho nước lại làm nhiều loạn trật-lự trong trường và trở-ngại cả sự học của chúng tôi. Quốc-dân-đảng phải giúp cho chúng tôi, tức là giúp cho cả đoàn-thể học-sinh trong nước, tức là giúp cho cả sự giáo-dục nước Tàu nữa.

« Nếu nay lại đề-cập tới việc đó nữa, nếu mấy người học-sinh bị đuổi lại được về học nữa, thì chúng tôi sẽ phải hội-đồng một lần nữa để bàn về việc đó, nhưng cứ ý-kiến riêng tôi thôi các học-sinh sẽ bãi-học và bỏ trường hết. Về

phần riêng tôi, thời tôi sẽ xin từ chức, vì anh em chúng tôi không thể hiệp-tác với bọn đó được. Bọn đó yêu nước một cách, chúng tôi yêu nước một cách, chúng tôi không thể theo bọn đó được.

« Chủ-nghĩa ông Tôn vẫn lấy cái tôn-chỉ dân-chủ làm gốc. Chúng tôi cũng theo một cái chính-sách dân-chủ ấy, chúng tôi cho là có ích cho nước. Cách hành-động của chúng tôi là theo ba chủ-nghĩa ông Tôn. Bọn học-sinh bị đuổi thời không nhìn nhận đến ba chủ-nghĩa ấy và lại muốn mua chuộc công-chúng đồ lỗi cho chúng tôi là phản-đối với Quốc-dân-đảng. Nay chúng tôi chỉ muốn giữ lấy cái quyền trong khi đi học thời được học-hành yên-ổn, không phải nhiều-loạn lộn.

« Nếu gặp cơ-hội cần phải đến chúng tôi ra giúp nước, thời chúng tôi sẵn lòng đi ngay và cũng sẽ biết liều thân cho nước, như chúng tôi đã từng tỏ ra nhiều lần vậy. Một ông giáo Linh-nam, một người học trò Linh-nam, hiện nằm trong mộ-địa những người bị hại ở Shakee; kẻ nào ngờ cái bụng thành thực của chúng tôi, chúng tôi chỉ xin trả lời một câu đó. Nhưng nếu ngày nay đem cái tinh-lực mà lãng-phí ra những việc vô-ích, chẳng có mục-đích gì, thời không được việc gì cho nước mà cũng không được việc gì cho việc tương-lai chúng tôi. Ba người mà xử-linh năm trăm người, thế là dân-chủ đây à? Thế có công-bằng hay không?

« Chúng tôi xin đề dư - luận phán đoán.»

Việc học - sinh Linh-nam xung đột với đảng Cộng-sản, lưu-trung không phải là không có một cái cơ riêng. Hiện ở Quảng-đông và ngay ở trong trường có người Tàu muốn đuổi người ngoại-quốc đi để chiếm lấy một nơi cơ-ngơi đương thịnh-vượng. Nhưng mà xem ra các ông giáo người Tàu và cả hội học-sinh đều quyết nghị đuổi mấy người-

cộng-sản đi, đó cũng là một điều nên chú-ý. Hội ủy-viên giáo-dục của chính-phủ thời khuyên nhà trường nên cho mấy người bị đuổi lại vào học. Nhưng nhà trường lại không nghe, việc đem ra tòa chính-trị, hiện còn đương xét. Trong khi ấy thời học-sinh vẫn học và ba người cộng-sản thời chạy khắp tỉnh-thành Quảng-đông để kiếm người cứu-viện.

Bọn cộng-sản công-kích bọn học sinh trường Linh-nam, đại-khái như sau này:

« Chúng tôi vẫn biết đã lâu rằng, trường Trung-học Cơ-đốc Quảng-đông là một cái Cơ-quan giáo-dục về chủ-nghĩa đế-quốc và là một cái trở-lực cho sự-nghiệp cách-mệnh của chúng tôi. Cho nên khi chúng tôi thấy bọn « chó săn » ở trường Trung-học Cơ-đốc mượn cái hiệu cờ Quốc-dân-đảng để trụ - xuất mấy người học-sinh mạnh-bạo có chân đảng chúng tôi, thời chúng tôi cũng không lấy làm lạ chi.

« Chúng tôi cho cái cách cử-động của họ là muốn làm nhục đến đảng chúng tôi là đảng Quốc-dân. Hiện nay cái phong-trào phản-đối Quốc-dân-đảng ở trong hội-nghị học-sinh trường Trung-học Cơ-đốc đã tiết-lộ ra rồi, không còn thềm giấu được nữa. Khắp trong trường đã yết-thị và phát giấy dọa những học-sinh về Quốc-dân-đảng bênh cho mấy người bị đuổi. Trước họ còn xin đuổi có hai người, nay muốn cho nhà trường trục-xuất hết cả những học-sinh thuộc về Quốc-dân-đảng. Chúng tôi nhân dịp này tuyên-bố rằng chúng tôi cực-lực phản-kháng những sự hành-động của bọn học-sinh làm tâu-cầu cho phái đế-quốc đó.

« Xin anh em trong đảng ta và quốc-dân trong các cấp, nên mau mau hiệp-lực tổ-chức, đồng-tâm mà ra quyết-đầu với phái đế-quốc cùng bọn « chó săn » của phái ấy, thứ nhất là bọn « chó săn »

ở trường Trung-học Cơ - đốc Quảng-đông.»

Tôi thuật lại việc xung-đột này khi dài, vì việc này, đủ tỏ ra rằng bọn thực-giả ở Quảng-đông nay đã dám đứng lên chống lại với cái thế-lực của đảng Cộng-sản, vì từ trước đến giờ bọn Cộng-sản vẫn muốn sao muốn vậy, không ai dám cưỡng, ai cũng khiếp sợ. Nay thời chính bọn học-sinh tự mình chứ không phải thầy giáo xui-xiêm gì, đứng lên phản-đối cái phong-trào cộng-sản ở nước Tàu và quyết-chí từ nay chỉ chuyên-chủ việc học-hành mà thôi.

Nhân nói chuyện này, tôi lại muốn nhắc lại việc ông KAN NAI-KOUAN, là lãnh-tụ đảng thanh-niên, trước đã có hời công-kích bác - sĩ HOU SHIH (Hồ Thích), vì bác-sĩ có khuyên học-trò chỉ nên chăm việc đọc sách mà thôi. Ông cho khuyên như thế là làm « chó săn » cho phái đế-quốc. Nhưng mà ở các trường học, bọn học-sinh rất hoan-nghênh những bài diễn-thuyết của bác-sĩ Hồ ở Hán-khẩu và ở mấy nơi khác, những bài ấy đều dạy cho học-trò chỉ nên lấy việc học làm cốt-yếu.

Đảng Cộng-sản hình như không hiểu rằng ở đời còn có cái lòng hiếu-học là một cái thí-dục thanh-cao, còn có người lấy ham đọc sách hơn là đi vận-động, và trong bọn đàn bà con gái còn có người thích đi dạy học hay là chữa bệnh cho người ốm còn hơn là đi nghe diễn-thuyết về tự-do hôn-thú.

Ở Quảng-đông thời sự quyết - nghị của học-sinh-đoàn và của trường Trung-học Cơ-đốc Quảng-đông đủ tiêu-biểu cho cái thái - độ của cả học - sinh nước Tàu, ngày nay đã chán không muốn để cho phí mất cái quang-âm quý - báu và để cho kẻ nọ kẻ kia lợi-dụng, nay đem đi vận-động chỗ này, mai đem đi thí-uy chỗ khác, chẳng có mục-dịch gì, chẳng thành công chuyện gì. Tôi xưa nay vẫn có cảm-tình với cái học-trào của nước

Tàu, và ngay những lúc gian-nan nguy-hiểm, thấy những bọn lãnh-tụ bất-lương lợi-dụng học-trò để làm cái cơ - quan chính-trị, tôi cũng vẫn tin rằng kẻ thanh-niên có học ở nước Tàu là có cái tiềm-lực đủ cái-tạo cho nước nhà sau này vậy.

Trong việc xung-đột của học-sinh ở Quảng-đông, tôi nghiệm đúng như cái y-kiến của tôi từ trước, vì thấy bọn học-sinh đã hiểu rằng để cho thiên-hạ đặt tên xấu mà gọi không có nhục gì, chứ đem cả nước nhà hi sinh cho những cái chủ-nghĩa sai lầm mới thật là xấu. Vì cái cách đàn-áp của bọn cộng-sản chỉ là đặt ra những tên xấu mà gọi người ta, đem những lời vu- oan mà gieo cho người ta, và phao lên những tiếng nói về sự liêm-khiết của người ta.

Bọn cộng-sản đã làm quá lắm rồi, bọn học-sinh không chịu được nữa, bây giờ đã quyết-chí phản-đối vậy.

IX. — Hương-cảng không bị thiệt về đề-chề mấy. — Đối với tương-lai có thể lạc-quan được.

Trước khi tôi rời Thượng-hải đi Hương-cảng, nghe thấy ai cũng nói rằng Hương-cảng bây giờ vắng tanh như nơi mộ-địa, bao nhiêu người Tàu bỏ đi cả, và không có cái hi-vọng văn-hội được nữa. Từ khi tôi về Thượng-hải đến giờ, tôi nói chuyện lại rằng Hương-cảng có đến nỗi nào, thời nhiều người Anh cũng không tin rằng tôi nói thực. Nay trước khi thuật lại tường, tôi hãy xin kể ba việc như sau này :

10) Hiện nay 80% (tám mươi phần trăm) thợ bãi công đã về làm việc và phần nhiều các công-nghệ đã hành-động cả.

20) Phần nhiều các công-ty ở Hương-cảng có lợi-quyền ở khắp thế-giới, không giao-dịch về mặt này thời giao-dịch về mặt khác. Thí-dụ như một món tơ lụa ở Quảng-đông, trước qua Hương-cảng mới đem ra bán ngoại-

quốc, nay thời qua Thương-hải, nhưng mà các công-ty xuất-cảng ở hai nơi cũng là một.

30) Chính-phủ Anh định cho vay Hương-cảng 3.000.000 livres sterlings để đỡ cho các nhà buôn khỏi phải đóng cửa. Hiện nay số đó mới dùng đến có một nửa, còn thời chưa phải hỏi đến.

Khi tôi đến Hương-cảng thời thấy thành-phố vẫn vui-vẻ vẫn hoạt-động, vẫn vô-số người Tàu làm-lụng như thường.

Cũng có người phàn-nàn rằng giá nhà giá đất hạ quá, thiệt-hại nhiều, nhưng lại có người Tàu nói với tôi rằng nhờ thế mà phát-tài. Các giá-ngạch sánh với Thương-hải thời cao hạ không đều, nhưng cũng không thể khái-luận được. Các khách-sạn thời hầu-hạ không được bằng ở Thương-hải, nhưng mà đâu đâu cũng vẫn có nhiều hầu-sáng Tàu. Xe tay, xe ô-tô vẫn chạy như thường. Một người khách du-lich, không biết tình-trạng nước Tàu, thời qua Hương-cảng không ngờ rằng đây chính là nơi trung-tâm-diềm một cuộc kinh-tế chiến-tranh rất kịch-liệt và chôn hải-cảng này đã bị đê-chế ngót một năm nay.

Cứ biểu-diện mà xét thời không thấy có biến gì cả.

Nhưng mà cứ lý-diện thời cũng có nhiều sự lạ. Vì Hương-cảng là một cửa bể tự-do và không có sẵn-sàng sổ thống-kế về thương-mại, nên khó biết rõ được ngay, nhưng tôi có hỏi phàn-minh mấy ông quan Chính-phủ, thì mấy ông ấy cũng trả lời phàn-minh lắm, tôi thuật qua ra đây cũng giải được nhiều điều ngộ-hội.

Nhà Thương-nghiệp Tổng-hội-nghi Hương-cảng, trong tập báo-cáo đồng-niên cũng có kê số-mục về thương-mại, nhưng mà điều-tra không được hoàn-bị và đích-xác cho lắm.

Chắc hẳn rằng số xuất-cảng nhập-cảng có sút đi nhiều, duy có một khoản thiếc thì lại tăng lên. Tuy vậy, việc thương-mại cũng không phải đình-đốn hẳn, nhiều việc thiệt-hại to, nhưng cũng có mấy việc vẫn chạy, và các nhà buôn Hương-cảng không phải là khoanh tay hết cả. Hỏi tôi đến thì xem ra việc buôn-bán lại khởi-sắc hơn thán trước.

Việc hăng-hải là món doanh-ng hiệp đại-tôn của Hương-cảng, thời bị thiệt-hại nhiều nhất, nhưng không phải đã đổ-địa hẳn đâu. Đại-đề, số tàu bè đến Hương-cảng sút kém đi tới một nửa, chứ không phải như người ta đồn rầm lên ở nội-địa Tàu rằng không có một chiếc tàu nào vãng-lai cửa Hương-cảng nữa.

Nhiệt nhất cho nghề hăng-hải là số tàu nhỏ chạy sông, trước mỗi tháng 200 chiếc đi lại đường Quảng-đông Hương-cảng, nay mỗi ngày chỉ chạy có một chiếc mà thôi. Tuy vậy hàng xuất-cảng ở Quảng-đông thời đem lên Thương-hải, rồi ở đây mới đáp xuống các tàu khách, tàu Thụy-điền, Na-uy, Nga và Nhật, để chở xuống các cửa bể Nam-phương. Nhà buôn ở Nam-phương phải trả thêm tiền cước. Hàng nhập-cảng cũng thế, chở đến Thương-hải đã, rồi mới đem về Quảng-đông sau. Tuy Hương-cảng cũng thiệt mất cái lợi tàu hăng quá vặng, nhưng công-ty nào có đại-lý ở Thương-hải thời không thiệt gì lắm. Như thế thời sự đê-chế cũng không phải là hoàn-toàn vậy.

Tuy việc hăng-hải có thiệt-hại to, mà việc hăng-hải là một món lớn trong các món doanh-nghiệp ở Hương-cảng, nhưng tổng-cộng số thâu-nhập của Hương-cảng năm 1925 chỉ kém năm trước có 13 hay là 14 phần 100 mà thôi.

Nói rằng Hương-cảng không hại to về việc đê-chế này thì là cuồng-vông lắm, nhưng tôi thấy những lời đồn của

thiên-hạ quá đáng, nên mới điều-tra các số-mục để cải-chỉnh lại cho rõ-ràng.

Muốn biết cái địa-vị kinh-tế của Hương-cảng đối với phía nam nước Tàu, thời không gì bằng xem ngay số giấy bạc Hương-cảng lưu - thông thế nào, vì giấy bạc Hương-cảng là căn-bản cho tiền-tệ phía nam nước Tàu. Ở ngay tỉnh-thành Quảng-đông, tuy có dùng các thứ tiền-tệ khác, nhưng mà giá-trị các thứ ấy cũng là đối - chiếu với tiền Hương - cảng mà định cả. Chính ở tỉnh - thành, giá hối - đoái Thượng-hải Quảng-đông vẫn còn chiếu giá Hương-cảng Thượng-hải. Thấy việc thương - mại sút kém, nghề hàng-hải thiệt-hại, và đồ hàng Anh bị đề - chế khắp tỉnh Quảng-đông, ai chẳng tưởng rằng số bạc Hương-cảng lưu-thông chắc là kém đi nhiều lắm mới phải. Lại thêm giấy bạc nhà Trung-ương ngân - hàng Quảng-đông vẫn đổi được bình-giá và có khi lại thặng-giá lên nữa, như thế thời ai chẳng tưởng rằng giá-trị đồng bạc Hương-cảng tất bị giảm đi nhiều.

Thế mà ra lại trái lại hẳn.

Trong khoảng ba tháng đầu năm 1926, số bạc Hương-cảng lưu-thông lại nhiều hơn trong khoảng ba tháng đầu năm 1925. Nói rằng sự tăng đó chỉ quan-hệ cho Hương-cảng mà thôi, là nói không đúng, vì tiền ấy lưu-thông cả khắp phía nam nước Tàu, xét ra tiền Hương-cảng không giảm giá chút nào, thì đủ biết rằng dân phía nam nước Tàu vẫn còn tin ở cái thế-lực kinh-tế của Hương-cảng lắm.

Tổng số bạc lưu thông tăng lên được là 21.527.932 đồng.

Trên kia đã nói rằng giá nhà giá đất ở Hương-cảng giảm sút đi nhiều lắm, và nhiều công-ty bị lỗ về việc đó. Nhưng xét ra thời giá nhà giá đất ở Hương-cảng tự năm 1922 đến 1925 tăng lên dữ quá, tới gấp hai gấp ba giá cũ, là vì có lắm

kẻ đầu-cơ cho nên thiên-hạ đua nhau đầu-giá cao lắm. Nay giá giảm sút thời lại ngang bằng giá trước năm 1922, nghĩa là chỉ mất cái thặng giá đầu-cơ mà thôi, chứ thực giá nhà đất vẫn không giảm mấy. Xem như trong hạt Kowloon đất một thước vuông Anh năm 1921 giá tự 2 \$ đến 3 \$ năm, 1923 tăng lên tới tự 5 \$ đến 9 \$, đầu năm 1926 này thời vào khoảng 2 \$ 50 và 4 \$ 50, như thế thì tà quay về giá cũ, chứ không phải có sút kém gì.

Người Tàu ở Hương - cảng chia ra làm 2 hạng: một hạng là người Tàu sinh ở Hương-cảng và coi là thần-dân của nước Anh; một hạng là người đầu không sinh ở Hương-cảng và coi là dân ngụ - cư. Hai ông nghị-viên Tàu Sir Show Son Chow và R. A. Kotewall, là thay mặt cho cả người Tàu đối với chính-phủ. Đáng lý thì các ông chỉ cử ra để thay mặt người Tàu sinh ở Hương - cảng thôi, hạng này mới có tham-dự việc chính-trị và trung-thành với chính-phủ.

Tôi xét ra những người Tàu làm dân Anh ở Hương-cảng lại phản-đối với Quảng-đông dữ hơn là các người ngoại-quốc ở Hương-cảng. Họ không bằng lòng cho chính-phủ Hương-cảng phải bồi-thường gì cho Quảng-đông. Họ bênh chính-phủ Hương - cảng và lấy làm vẻ-vang được làm dân Anh. Nói đến quyền-lợi nước Anh cũng sôi-sảng như người Anh vậy.

Đến như hạng ngụ-cư thời khác hẳn, họ tự coi là người ngoại-quốc.

Có người tôi hỏi chuyện, nói rằng không muốn nói chuyện ngoại-giao, vì lẽ rằng: « Chỗ này không phải đất của chúng tôi. Chúng tôi đến đây để doanh-nghiệp, cũng tự biết rằng nếu không bằng lòng ở nữa, thời có thể đi cũng được.» — Sau tôi cố dò ý họ mãi, thời hiểu rằng họ muốn cho chính-phủ

Hương-cảng có việc gì trực-tiếp với họ hơn là để cho qua tay bọn người Tàu dân Anh,

Thuộc về vấn-đề chủng-tộc bình-đẳng thời người Tàu sinh ở Hương-cảng không có phàn-nàn gì. Người Tàu khác thời cho là Anh đối-đãi có ý cáo-kị. Người Anh thường ở những xóm trên về thượng-tầng núi, người Tàu thì ở các xóm dưới, họ cho thế là có ý phân-biệt. Không phải rằng họ có ưa gì ở trên núi cao đâu, nhưng mà họ không muốn cho nói rằng lên ở trên ấy không được. Vấn-đề này thời ở Hương-cảng cũng như ở các nơi khác trong nước Tàu, và sau này cũng phải giải-quyết theo một cách. Tổng-đốc Hương-cảng, SIR CECIL CLEMENTI, là một người có cảm-tình với nước Tàu lắm, người Tàu ở Hương-cảng cũng đều biết cả.

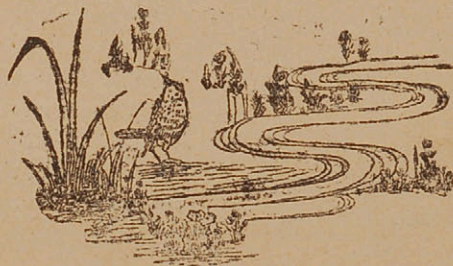
Vấn-đề người lai Ấn-độ ở Hương-cảng thời không có quan-hệ gì về chính-trị lắm, vả lại cũng dễ giải-quyết vì hạng Tây lai này tự coi mình như người Tàu làm dân Anh vậy. Họ sinh-hoạt như người Tàu và cũng tham-dự vào các hội đảng Tàu. Người Tàu Hương-cảng thì lấy thế làm tự-nhiên lắm, nhưng người Tàu ngụ-cư thời chưa được quen cái tình-trạng đó, cho nên cũng có dị-nghị.

Trở lên là tôi chứng - giải rằng Hương-cảng không phải vì xung-đột với Quảng-đông mà đã đến đồ-địa đâu. Nay thử hỏi đến câu : Sau này sẽ thế nào ?

Phép thường về kinh-tế là phạm tài-sản lưu-thông bao giờ cũng chạy về nơi ngân-hàng làm trung-tâm-điểm. Nay Hương-cảng chính là nơi trung-tâm-điểm ngân-hàng cho cả phía nam nước Tàu. Hiện nay chưa thấy có có gì đủ làm cho mất cái địa-vị đó. Không những thế, mà hội-nghị quan-thuế đương hợp bây giờ lại củng-cố thêm cho địa-vị Hương-cảng nhiều lắm, vì các nơi phụ-đầu khác ở nước Tàu tự nay trở đi đều phải tăng thuế lên nhiều và phải chịu thêm thứ thuế về xa-xỉ-phẩm, còn Hương-cảng thời là cửa bể tự-do, không phải chịu thuế xuất-cảng gì cả, như thế là được lợi nhiều lắm, vì cứ như cách thu thuế hiện-hành ở nước Tàu thời cửa bể tự-do được lợi hơn các nơi phụ-đầu khác nhiều. Khi nào thuế ngạch mới ban-bố thi-hành, thời chắc là việc buôn bán đổ về Hương-cảng cả.

HẾT

HỒNG-NHÂN dịch



HƯƠNG-SƠN DU KÝ

香山遊記

Bài phú tổng-luận

(Lấy vần : Ngày thu chơi huyện Hương-sơn).

Hào-hoa tinh-khí; trắng gió tình-hoài.

Grom đàn nửa cánh; Hồ-hải hai tay.

Kết bạn-bè hề một vài người; chơi danh-thắng hề năm bảy ngày.

Trải bấy lâu thành - thị ra vào, những chân bên đường chỉ giở bụi; Này mấy lúc lâm-tuyền cười cợt, lần vui ngoài cuộc chỉ khói mây.

Ướm hỏi đâu đây? Hương-sơn ấy vẫn nước non này!

Nước non thế nào? nước biếc non cao.

Danh-lam u-nhã; cồ-sái thanh-tao.

Địa-linh chứa non Kim chi ngọc; thiên-bảo sinh nước Phổ chi châu.

Thiên-nhận thành hoang, Lê-tổ anh-hùng còn dấu cũ; Lục-niên bia đá, tiên-sinh ân-dật để đời sau!

Nhìn xem phong-cảnh thanh-u, cỏ tốt lan thơm đầy đất cũ; mặc sức tao-nhân đề-vịnh, trắng trong gió mát giữa trời thu.

Giang san đã tốt; nhân-vật càng khen.

Trần-Tú phong-lưu, nào khác sông Hoàng người chở rượu; Cúc Đình khoáng-dật, kém gì bến Xích kẻ chơi thuyền.

Gái hồng-nhan giữa độ xuân xanh, lần hạt đánh chuông tu niệm phật; trai bạch-diện cao tài hàn-mặc, ngâm thơ uống rượu cách đài tiên.

Chùng khi ấy;

Nguyệt lơ-dờ; phong xấp-xối.

Sông hà diễm sao, lưng trời tạnh cõi.

Nhân đêm thu-tiết cảnh thanh-thanh; giục khách hào - hoa tình phới-phới!

Đầu núi lơ-mờ mây lặng ngắt, gót ngọc lần qua; dưới sóng cuộn-cuốn nước trong veo, thuyền tình vừa tới.

Nào cợt nào cười; nào chớn nào chơi,

Nào cùng liên-cú; nào cùng chia bài.

Khi non Kim đề-vịnh; khi núi Trun chơi bời.

Khi Phổ-giang dật hứng; Khi Nhân-linh đua tài.

Bước tới tao-dàn, thơ bạch-tuyết ngấm vần xương họa; uống ra kỳ-trần, rượu hoàng-hoa rót chén đầy voi.

Chủ-ý ân-cần; khách-linh quyến-luyến.

Nhân phẩm-đề mà cố nghĩa kết-giao; lấy thi-tửu mà giải lòng khiên-quyền.

Ba người bạn một tình một nét, chi-lan nao-nức khối văn chương; bảy hôm trời khi âm khi nôm, giao-tất đề-huê duyên bút nghiên.

Tuy văn-hoa phú-thịnh vẫn có nhiều châu; nhưng trung-hậu tài-danh này là một huyện.

Thăng-long văn-vật so Trung-quốc, Thuận-hóa phần-hoa sánh Lạc-dương.

Nhưng sao có:

Núi hề thương-thương, đá dựng như tường; thủy hề ương-ương, nước chảy bay hương.

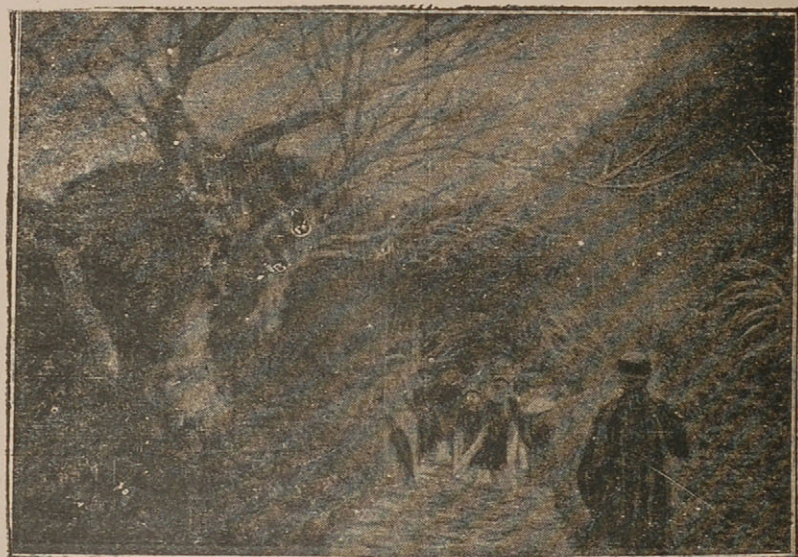
Phong-vận thuần-mĩ; cảnh-sắc thanh-lương.

Lần xem diện-mạch trước Nam-giao, hoa bay nước huyện; ngó lại yên-hà trên Bắc-lĩnh, sắc ánh đầy đường.

Cảnh Hương-son (Chùa Hương)



Chùa ngoài (Thiên-trù), ở trong trông ra



Đường vào chùa trong

Như Hương-sơn ấy : Họa đồ một
bức rục phong-quang!

TỪ RẰNG :

(Điệu Nhất-tiên-mai)

Nhìn xem phong cảnh huyện Hương-sơn,
Núi chạy hồi-loan,
Nước chảy hồi-loan.

Trăng trong gió mát chắt thuyền lan.
Say tỉnh bồi bàn,
Lang-tạ bồi bàn.

Lưu-thủy cao-sơn một khúc đàn,
Ngồi tựa lan-can,
Đứng tựa lan-can.

Lý-đỉnh cạn chén lệ như chan,
Khách ý bàn-hoàn,
Chủ-ý bàn-hoàn....

I

Cổ - nhân rằng : « Học muốn quyền
sách không bằng đi ngàn dặm đường
讀萬卷書不如行千里路 »,
nghĩa là con mắt mình thân thấy, lỗ tai
mình thân nghe, thì kiến - văn được
rộng, còn hơn ngồi đọc sách. Vì sớm
đọc tân-văn, tối xem kỳ-truyện, lý-hội
đều là việc cũ, tiểu - đàm với khách
người xưa, chỉ là cái học « qui nhĩ tiện
mục » (qui lỗ tai khinh con mắt), kẻ lậu-
nho thường mắc bệnh ấy.

Người ta thò đầu bên cửa sổ, ra vào
ở thành-phố, chơi bời với hương-thôn,
quanh - quanh quần-quần, kiến-văn
không được một chòm, thường-thức
chẳng ngoài ngàn dặm, cho nên tri-
lượng nhỏ-nhen, học - thức cạn - hẹp.
Chữ rằng : « Dục học văn, tiên học du
欲學文, 先學遊 », nghĩa là muốn
học làm văn thì trước hết phải học đi
chơi đã. Vậy thì có đi chơi mới rộng
kiến văn thêm trí-lự

Danh-sơn tú - thủy phong-quang dầu
chẳng có kỳ-quan ; cổ-sái danh - lam,
thắng-địa còn nhiều ghi cụ-tích. Nhân-
dân, phong-tục, kỹ-nghệ, thổ-sản, mỗi
nơi mỗi khác, mỗi xứ mỗi hay. Ngạn-

ngữ phương-ngôn, trạch thiện nên gồm
phong phú ; đồng-đao mục-xương, thái-
phóng cũng có khuyến trừng, lịch duyệt
nhiều thì thức lượng càng cao, tao-ngộ
lắm thì kiến-văn thêm rộng. Ngày xưa
ông Tô Đông-Pha, ông Lý Thái-Bạch,
khí hào trùm chín châu, dấu chân khắp
thiên-hạ, cho nên hùng-văn đại-bút, tri-
sinh cổ-kim, chẳng phải vì thế chẳng ?
Than ôi ! chơi cao lên tuyệt-đỉnh, văn
hùng muốn nuốt cả tinh-thần ; chơi bề
lời trùng-đương, khí mạnh toan thôn
vòi Văn-mộng !

Ta nhân đi chơi Hương-sơn mà tưởng
đến nghề chơi như thế. Không phải nói
mình đi như thế, nhưng cũng kiến-văn
thêm được một vài, nên chép ra tập
« Hương-sơn du ký 香山遊記 » này
làm kỷ-niệm.

Ta có một người kim-hữu, họ Lê,
biệt-hiệu là Cúc đình. Cụ thân đậu tú-
tài, sinh ông về năm canh-ngọ, thật là
thông-minh tài mạo khác vời, vào trong
phong nhã ra ngoài hào-hoa. Bình-sinh
không sách gì không đọc, ông thường
nói học quán tam - tài vị chi nho - giả
學貫三才謂之儒者. Nho, y
lý số, đều là nghiên-cứu, cầm kỳ thi
họa, đủ cách phong-lưu. Tuy là một
người cao-đẳng cựu-học, nhưng tân-
học tân-thư cũng đều yêm-bác.

Ông với ta tuy tuổi-tác khí già trẻ
không đồng, song ý-dầu tâm khế, nghị-
l luận hợp, kiến-văn hợp, mà tính-tình
cũng hợp thành ra giao - tình mạc-
nghịch. Mấy lâu không thấy nhau
thì đã xuân-thiên Vị-thụ, mơ tưởng
âm - dung ; nguyệt lạc ốc - lương, xiết
bao tình-tự ! Độ ông về sen mới nở
hoa, mà nay cúc đã lả-dà cành sương,
xui-xụt ba canh mưa gió tủi, ngậm-nuôi
ngàn dặm nước non xa, nên ta mới
định đi Hương-sơn để thăm ông.

Ngày mồng chín tháng chín sắm sửa
hành-lý, cộ thuyền ra đi. Thuyền đi
một đêm, sáng hôm sau đến bến Tam-

thoa. Trên Tam-thoa có một hòn núi, trên núi là đồn Linh-cầm. Núi tuy một dãy con-con, nhìn xem phong-cảnh cũng ra hòn danh-sơn, bên bảo thuyền ghé vào chơi. Trèo lên đỉnh núi thì bỗng bật được một miếng đá bia, rêu xanh lốm-dốm, nét chữ lờ-mờ, không còn biết được sự-tích gì nữa. Tim thổ-nhân hỏi thì họ nói núi ấy là núi Tùng-linh, tổ-sơn của làng Đông-thái. Ngày xưa ông Nguyễn Thân kéo quân đóng đồn ở đó để đánh đảng nghĩa-sĩ Phan-Đình-Phùng. Ông Phan chết, nghĩa-sĩ tan, ông Nguyễn-Thân mới dựng bia trên núi để ghi công đức mình. Tưởng rằng người ấy lập nên công ấy, huân-nghiệp ngàn thu : bia này truyền với núi này, thanh-danh muôn thuở ! Ai ngờ sau người Tây bạt núi đi để dời đồn lên, thành ra bia cũng phá mất. Có người lại nói rằng bia ấy bị trời đánh tan. Hai lời nói tuy chưa biết ai phải, song ngùi-ngùi cảm-khái lòng ta, tang-thương đến thế cũng là tang-thương ! Nhân ngâm mấy câu rằng :

Xưa nay phải trái kinh-quyền,
Mấy lời công-luận còn truyền sử-xanh.
Huân-danh thế mới huân-danh,
Bản người nghĩa-sĩ, phá thành cần-vương.

Anh-hùng một đấng đường-đường,
Dựng nên bia đá lưu-phương muôn đời.

Nào ngờ chưa được mấy hồi,
Đá bia đã bị thiên-lôi phá tàn !

Hỏi trời sao đánh bia tan,
Trời rằng ta vị giang-san sạch chùi,
Kéo bia nét mực đen thùi...

Ngâm xong mấy câu ca ấy xuống thuyền qua Tam-thoa. Tam-thoa có hai ngã : ngã Phố-giang lên huyện Hương-sơn, ngã Thâm-giang lên huyện Hương-khê. Hình như chữ « thoa 叉 » nên gọi Tam-thoa. Nhân cảm-phú một bài thơ :

Thâm, Phố hai đường một ngã ba,
Giang-san khéo tạc dạng như « thoa » !
Lao-xao dưới bến thuyền anh lái,
Khênh-khặng đầu non búa cụ già.
Say tỉnh trời thu cùng thảo-thụ,
Ngậm ngùi đất cũ với yên-hà.
Nhìn xem phong-cảnh còn ghi tạc,
Chín khúc hồi-trường một khúc ca.

Tam-thoa là chỗ tiếp-giới của huyện Hương-sơn và huyện La-sơn. Theo ngọn Phố-giang lên huyện Hương, hai bên phong-cảnh đều có vẻ vui. Dãy núi Thiên-nhạn hình như thiên quân xuất trận, vạn mã bôn đặng. Kỳ-hình tú-trạng nhiều lắm, nhưng lòng ta lúc bấy giờ đương khát gặp bạn, giận không hay chấp cánh mà bay, hóa cung mà bắn, chò nên chưa sá nhẹ bước đặng-lắm, mở túi đề-vịnh. Thuyền đi một mạch ba giờ chiều đến bến sông Năm,

Sông Năm là chỗ địa-dầu xã Hữu-bằng. Ghé thuyền vào, bước lên bờ, thấy giầu cau xếp từng đống của người ta buôn. Đi thẳng một dỗi đường gặp nhiều người đương gặt. Kẻ đứng dưới ruộng, kẻ hái trên đường, đánh dòn xóc mà hát rằng : « Mồng chín tháng chín có mưa, cha con sấm sủa cây bira làm ăn. Mồng chín tháng chín không mưa, cha con sấm-sủa cây bira cất đi... » Than ôi ! mệnh-chê hồ thiên, sống chết nhờ trời. bao giờ dân ta mới có máy nước máy cây như bên Thái-Tây vậy. Đi một thôi đường nữa thấy hai người con gái đương hái rau hát rằng : « Cậu ơi, buông áo tôi ra, để tôi đi chợ kẻo mà chợ trưa, Chợ trưa rau héo mất đi, lấy gì nuôi mẹ lấy gì nuôi em ? » Phong-tục tốt đẹp thay, một lời nói mà trinh, chính, cần, kiệm, hiếu, hữu, sáu đức đều đủ. Cậu ơi, buông áo tôi ra, chẳng phải là « trinh » ru ? để tôi đi chợ kẻo mà chợ trưa ấy là « cần » chợ trưa rau héo mất đi, ấy là « kiệm », lấy gì nuôi mẹ ấy là « hiếu », lấy gì nuôi em ấy là « hữu ».

Ta thấy câu ấy hay, nhân theo lối kinh Thi dịch ra chữ rằng: » *Ta bĩ nam-nhi, phóng-thích ngã y, ngã hành vu thị, vô sử tà-huy, Tà-huy, tà huy, khô ngã hoắc quý, ngã mẫu ngã đệ, xan phạn hà y?* 嗟彼男兒。放釋我衣。我行于市。無使斜暉。斜暉斜暉。枯我萑葵。我母我弟。餐飯何依。»

Đi quanh-co một lúc lâu nữa mới đến cổng ô g Cúc-đình. Trông vào thấy ba gian nhà tranh, nghe tiếng ô g đang đọc sách. Ta vừa lên tiếng gọi thì đã thấy ông chạy ra, cười cười nói nói cầm tay, vội vàng làm lễ mời ngay vào nhà. Ông gặp ta mừng lắm như được của gì quý không bằng :

— Non nước xa nhau, tình sương mấy độ, ngày nay được trận gió may ở đâu xô đẩy qui hữu đến đây, thật là thiên-tải nhất-thời.

Ông nói đến đó thì vừa bà ở nhà trong ra, chào ta một cách ân-cần trang-trọng.

Trong nhà ông trên án vài chõng sách một, bên tường một chiếc bàn không. Cầm một trương phiếm chặt phiếm long; kỳ một bản quân sừng quân gỗ. Bên hè một vài chậu lan, ngoài sân năm bảy cây cảnh. Tuy rèm sương vách tuyết ra thể hàn-nho; nhưng gió mát trắng trong có chiều u-nhã.

Hai bên cột nhà dán đôi câu đối tập cổ rằng:

Thi vấn sơn trung thù thị chủ?

試問山中誰是主。

Bất tri tiên-sinh hà hử nhân?

不知先生何許人。

Năm giờ chiều người nhà bưng cơm ra. Hai người cùng ngồi uống rượu nói chuyện. Ta nói:

— Đã lâu không được nghe kim-hữu đề-vịnh, cao-sơn lưu-thủy lắng tai Chung-Kỳ. Ngày nay gặp nhau xin

xương khúc xuân-dương, tả lòng thu-hứng. Chẳng hay tôn - ông có hứng không?

Ông nghe nói gật đầu, thuận miệng đọc ngay :

Nhất biệt phong-trần cường bán thu,
一別風塵強半秋。

Cổ-nhân nhật dạ ức đồng du.

故人日夜憶同遊。

Hồng Lam hoa thảo đề thanh-nhãn.
鴻藍花草題青眼。

Hương Phố vân yên đính bạch-đầu.
香浦雲煙訂白頭。

Đạ tinh xao tàn trùng hải nguyệt,
夜靜敲殘重海月。

Giang thanh ngâm đoạn cửu hồi lưu.
江清吟斷九回流。

Tương tương hà dĩ thù kim nhật,
相相何以酬今日。

Thi bách thiên chương tửu nhất hồ.
詩百千章酒一壺。

Ông đọc xong nói:

— Xin qui-hữu xướng câu bạch-tuyết cho tôi tả tấm khát hoài, nên chăng?

Ta cũng thuận miệng đọc rằng:

(TA-THU-NƯƠNG)

Ôi! ton hợp,

Bèo nước lúc xông-pha.

Hôm nay chén rượu cùng say tỉnh,

Mai sáng đường mây đã cách xa.

Tán tụ biết đâu là?...

Ông nghe ta đọc khen rằng:

— Quả giai-tác, giai-tác! Nguyệt lãng tình thu, hơn của tôi nhiều lắm!

Trong lúc uống rượu ông có kể cho biết truyện một người con gái ở làng bên cạnh, nghe cũng hơi lạ, nhân chép cả vào đây.

II

Ông nói : « Ở làng kia có một người con gái, tính nết dịu-dàng, kiến-thức cao lớn mà duyên phận long-dong, hóa-công thật cũng nở lòng, ngày xanh mòn môi má-hồng phôi-phai. Hay là cái câu « hồng-nhan bạc-mệnh » đã trở nên công-lệ của thiên-diễn rồi ?

« Người con gái ấy ở làng Phố-châu. Cha làm thợ may, mẹ buôn hàng nhẹ, lúc nàng lên ba tuổi thì người cha khuất núi. Nàng có một người em trai lên một, hai chị em cùng ở với mẹ. Khi nàng lên mười thì người mẹ cũng qua đời. Nàng tuy còn ít tuổi nhưng lanh-lợi lắm, cũng biết lo tống-táng tử-tế cho mẹ. Cái vốn buôn hàng nhẹ vẫn còn giữ được. Nàng thuê một người vú già ở coi nhà và mình buôn bán nuôi em đi học. Nắng qua mưa lại, bóng chạy như thoi, chẳng bao lâu mà niên-hoa nàng đã mười tám. Tóc đen rậm nhánh, má phấn môi son, tuy không trầm-ngư lạc-nhạn, nghiêng-nước nghiêng-thành ; nhưng cũng bẽ-nguyệt tu-hoa, chữ tài chữ sắc, kia người dề-duyên hồng-diệp nọ kẻ đỉnh ước kim - hoàn, rõ ràng một đóa trà-mi, xôn-xao ngoài cửa thiếu gì yến-oanh ! Nhưng nàng vẫn ngọc lành đợi giá chưa đành cho ai cả. Chị em thường khuyên rằng : « Ngày xuân chị có mấy hồi, chị sao không nghĩ, chị ngồi mãi ru ? » thì nàng đáp :

Chị em tôi mờ-côi mờ-cút, nương nẫu với nhau, nếu chị xách nón ra đi thì em biết nhờ ai săn-sóc ? Sớm khuya một chắt (1) lấy ai đưa cháo dâng cơm ; kinh-sử nghiệp nhà, thôi cũng phải xếp nghiêng gác bút ! Cho nên còn phải ở lại để nuôi em đi học, đợi khi nào em tôi thành nhà cửa, phủ nguyện loan-hoàng sẽ hay.

Sen tàn cúc nở, thay đổi được hai lần thì người em vừa mười tám tuổi. Nàng bèn cưới vợ cho. Hoa vàng hột vàng, áo là khăn lượt, sinh-lê lan-giải đều chu-tất. Sau khi cưới vợ cho em thì tuổi nàng vừa đúng hai mươi, xuân-xanh đến độ, càng ngày càng son !

Lại nói chuyện bên hàng xóm có một ông Phan chạc độ ba mươi, vào trong phong nhã, ra ngoài hào-hoa, về nghỉ phép ở đó. Ông ta đoạn-huyền đã hơn một năm mà chưa tục, là vì ngày ngày ghé mắt trông đồng, có ý muốn cùng nàng kết tóc. Ông mượn băng-nhân đưa tờ ngư-tín, ba sinh nguyện-ước, tính cuộc vuông tròn, nhưng nàng cự đi không thuận. Bà con thân-thích đều khuyên nàng lấy ông ấy. Người em cũng nói :

— Ông Phan là con nhà phú-hậu, tài-mao kiêm toàn, đã quan sang cả, lại lương thực nhiều. Nếu cùng ông xe tơ kết tóc, vui nhịp sắt cầm, thì rồi đây bện ngọc thề vàng ăn ngồi chung-đỉnh. Chị nên quyết-ý đi thôi.

Nàng đáp :

— Em lấy thế làm tốt làm nên ; chị lại vì thế mà lo mà sợ. Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn, khuôn-xanh biết có vuông tròn cho chẳng ? Nếu vào nhà bần-tiện, chịu đặng ném cay thì họa có bớt được lòng giận của tạo-vật ? Nay mình vào chốn vinh-hoa chỉ tổ cho tạo-vật thêm lòng ghen-ghét. Địa-ngục thân đã sa vào lại đào sâu nữa, biết khi nào cho ra ?

Người em khuyên bảo thế nào nàng cũng không nghe. Nhưng ông Phan đã bảo tiến ; ra ngoài rằng nàng là vợ chưa cưới của ông, nên không ai đến vấn-danh nữa. Dùng-dằng mãi đến hai

(1) Một cắc (tiếng nghệ) nghĩa là một mình.

năm mà nàng vẫn không chịu nghe lời, song ông Phán cũng chưa từng lui chí. Người em lại khuyên: « Cơ trời họa phúc biết đâu, ngày xuân chị phải lính sao kéo già. » Bất-dắc-dĩ nàng phải thuận. Từ ngày về nhà ông Phán, vợ chồng thật là giao-tất, đêm ngày tiếng sắt tiếng cày, xiết bao ân-ái; khuya sớm chén trà chén rượu, rất mực phong-lưu. Nàng tuy là vợ ông Phán mà vẫn quần thâm áo vải như thường chứ không bắt chước ai đài-diễm! Người nói nàng « cần-kiệm », kể bảo nàng « kiêu-tinh » nhưng cần-kiệm và kiêu-tinh đều không trúng ý nàng cả. Ăn cơm thô uống nước lã, công việc nặng nề trong nhà đều dùng tay làm cả. Ông Phán thường can mà nàng cũng không nghe là vì ý muốn làm cho khổ-sở để cầu tạo-vật thương, kéo hồng-nhan bạc-mệnh.

Ba năm sau, ông Phán tự-nhiên đổi tính, thường hay đi chơi. Nay ăn tiệc với ông Phán này, mai ăn tiệc với ông Phán khác. Khi thì uống rượu, khi thì thuốc phiện; đêm thì sóc-đĩa, đêm thì ít-xì. Dần dần lương không đủ tiêu, thành ra mang công mắc nợ, đến nỗi bao nhiêu tư-trang của nàng ông Phán cũng đem cầm cố hết. Nàng can thì lại bị đòn, nhưng cũng không lấy thế làm điều. Lúc ấy phần thì túng thiếu, phần thì nợ hỏi như rươi, ông Phán bỏ việc quan không làm, phải bị triệt. Buồn giận quá thành ra mắc bệnh nội-thương, may được nàng là người khôn-khéo, cháo lão thuốc thang, bảo-dưỡng nhiệt-thành, nên chẳng bao lâu ông ta đã khỏi hẳn. Song hiềm vì nợ hỏi nghiệt quá không lấy gì trả được, phải trốn lên *Vientiane*. Một năm sau viết thư về cho nàng rằng đã xin được việc ở trên tòa sứ và nhân có người bạn dưới này sắp lên, tỏ ý muốn bảo nàng đi luôn thể. Nàng nhận được cái tờ ấy bàn với em rằng ông Phán là người bạc-hạnh

không có lệnh-chung, nhưng nghĩ mình là kiếp hồng-nhan ấy người bạc-mệnh, nên mới dẩy thân vào đám chồng gai, trải mùi tân-khổ, hoặc con tạo thấy thế thương tình bớt lòng ghen-ghét mà may có lúc được thanh-nhan chăng? Chứ nào có phải như ai thấy người giàu sang mà tối mắt đầu. Nay nếu lên trên ấy, một mai có biến-cổ gì, cái thân nàng khổ ai vì cây trồng? Vì thế nàng không đi. Mấy tháng sau người bạn về bảo rằng ông Phán đã chết, và nói: Độ trước ông bảo nàng lên để bán cho người khác năm nén bạc (?) Nghe tin ấy ai cũng chịu là nàng cao-kiến, nàng khóc rằng « Một ngày cũng nghĩa vợ chồng, phượng chi chẵn-chiếu ba đồng trời tròn »; rồi sắm đồ tang-phục chịu chế 3 năm, hai mươi bảy tháng chay tuần tiêm-tất. Năm hết tang rồi, lên chùa xin thụ-giới. Nàng thường ở nhà buôn hàng xén, cứ rằm mồng một lại lên chùa thắp hương tụng kinh. Năm nay tuổi đã hai mươi sáu, nhưng hoa tàn mà lại thêm tươi, trắng tàn mà lại hơn mười rằm xưa. Thấy cái thân bỏ-tát mà cũng ngày vì tình; trông nét mặt từ-bi lại thêm say vì nết; kẻ đua thư nhận, người nhả tin hồng, nhưng màu thiên đã bén nâu sồng, còn chen vào chốn bụi hồng làm chi? Hiện nay nàng đương tu ở chùa ấy. Sau này kết quả ra sao kể vật-luận không đoán hẳn được, tự ý quý-hữu thì thế nào? »

Ta nói:

— Nhan-sắc có, mà tình-ái không, thương em thì hết sức lo lương, thờ chồng thì có lòng trinh-tiết, biết ông Phán là người bạc-hạnh, biết mình là kẻ hồng-nhan, thế mà cũng giao-tất mấy năm, chịu điều khổ nhục. Ấy là kiến-thức cao-trác, phùng tu-mi cũng phải chạy làng, tâm-địa từ-bi, tình ma-kiếp đã thanh niêm tục! Lòng nàng như thế cũng là tu rồi, hà tất phải tụng kinh lần hạt mới gọi là tu sao?

Ta nói xong ngỏ ý muốn đi chơi, ông nạt vì trời đã tối. Năm suốt một đêm khi xem bóng nguyệt, khi nghe tiếng gà, chỉ mong trời sáng mau mau để rủ nhau lên chùa xem cảnh...

Sáng hôm sau dậy thật sớm hai người chít khăn mặc áo rồi cùng ra đi. Bước một đôi đường đã tới chùa, phong-cảnh xem có vẻ thanh-tạo chẳng khác gì một cái động tiên vậy. Sau Tượng-son đá dựng cao vót, trước sông Phổ nước chảy trong veo, gió thổi thông reo, cây cao chim hót. Trong chùa trên tòa trông lối -nhớ những bụi. Một cái mõ lớn, một cái chuông lớn, đều là đồ cổ. Hai người vào chùa dưới thì vừa gặp sư-cụ đi ra, sư-cụ mời vào chơi rồi gọi tiểu pha trà đưa lại. Vào chùa lại sự nghĩ đến câu chuyện hôm trước. Cúc-dinh liền phú một bài từ :

Nam vô Di-Đà, (1)

Nam vô Di-Đà,

Một tiếng chuông kinh tỉnh giấc ma.

Đốn bễ hoa thảo,

Nửa bực yên hà,

Tan niềm tục,

Mở lòng bà,

Ba nghìn thế-giới,

Cửa thiền nào hẹp khách vào ra,

Chị mày nga,

Chị mày nga,

Buồm từ ai kéo,

Bè bửu ai qua,

Tu đâu hơn được bằng tu nhà? ...

Ta họa rằng :

Sớm niệm Di-Đà,

Tối niệm Di-Đà.

Đáy loan đã đoạn kiếp tình ma !

Mở buồm bửu-phiệt,

Qua bến mê-hà,

Lên cửa bụi,

Niệm Phật bà,
Nhân-duyên quả-báo,
Trời xanh cũng tại tâm lòng ra !
Chị Hằng-nga,
Chị Hằng-nga,
Thiên-đường ai tới,
Địa-ngục ai qua,
Thôi về kéo đờ vắng trong nhà...

Hai người ngâm xong vỗ tay cười. Sư-cụ hỏi :

— Các ngài làm thơ dụng ý thế nào, tôi không hiểu ?

Cúc-dinh nói :

— Chúng tôi làm thơ dụng ý mờ-mịt lắm không thể nói dễ bạch ngài được.

Ngồi chơi một lúc nghe trống huyện đánh bãi hầu, mở đồng-hồ ra xem vừa đúng 11 giờ, hai người bèn cáo từ sư-cụ ra về. Vừa đến nhà đã thấy bà Cúc-dinh đưa rượu ra. Rửa tay xong cùng ngồi vào mâm. Bà hỏi :

— Hai ông hôm nay đi chùa có gặp cô Phác không ?

— Không.

— Hôm nay ngày mười cô ấy không đến chùa, nếu muốn gặp thì đến rằm lại đi nữa.

Cơm nước xong thì có hai người khách lạ lại chơi. Một người chừng năm mươi tuổi, một người chừng ba mươi. Chân đi đôi guốc cao, đầu đội mũ khăn vải, Cúc-dinh đối với hai người ấy xem ý lẽ-mạo lắm. Một người nói :

— Chúng tôi thường nghe ông Cúc-dinh xưng tụng qui-hữu hiểu văn lắm, nên hôm nay qui-hữu lên chơi, chúng tôi lại tiếp.

(1) Bài từ này người chép lại quên mất tên điệu. Ban lang vẫn ai biết, xin làm ơn bảo giùm

— Ta đáp :

— Ông Cúc-dinh quá yêu tôu-xung như thế, chứ tôi học ít tài hèn, văn-chương nào đã biết gì mấy.

Trong lúc nói chuyện hai người khi thì vênh râu bàn ngọn kiếm, khi thì rung gối tụng bài văn, khi thì bàn luận lịch-sử Âu-Tây, khi thì bàn luận hình-thể Trung Nhật. Không biết trong lòng có bao nhiêu học-thức, bao nhiêu kinh-tế, mà bề ngoài thì thật là hùng-biện cao-dàm kinh tứ diên 雄辨高談驚四筵.

Hỏi ra thì cũng là hai ông đồ bên cạnh làng. Ba giờ chiều khách về. Ta nghĩ rằng : « Lớp tân-học ngày nay những kẻ tự gọi mình là anh-tuấn thanh-niên, văn-minh tân-tấn thì phần nhiều chỉ là thô-chất văn-minh. Ngoài thì kim-ngọc, trong thì bại-như. Xưa có người chê ông Trần Bỉnh rằng : « *Ngoại như kim ngọc kỳ trung vị tất hữu* 外如金玉其中未必有. » Câu ấy nên bàn cho họ. Than ôi ! phần nhiều những người học yêm-bác năm châu, thông-đạt thời-thế, mà chúng ta thường đã được mắt thấy tai nghe đó, há chẳng phải bởi trong mấy « thầy đồ » mà ra chăng ? Thế mà khốn-nạn, những hạng nói trên kia cứ lấy hai chữ « thầy đồ » mà chê cười thì thiết ưởng cũng không tự-lượng vậy. »

III

Ta vẫn-vờ nghĩ-ngợi như thế thì thấy đầu hơi choáng-vàng, nên một mình lững-lững ra đường dạo mát, ngẩng lên thấy bóng tà-dương, con ó đã nửa ngậm gương non doài ! Nhìn xuống ruộng lúa nửa xanh nửa vàng : đầy đồng nhấp-nhoàng bóng tà-dương, trời đất trông ra một sắc vàng ! Sự nhớ đến câu thơ của Tống Huy-tôn rằng : « *Nhật lạc văn hà kim thế-giới* 日落晚霞金世界, » thật là cảnh sắc lúc bấy giờ như in.

Trèo lên mấy nhíp cầu, dưới một hồ nước trong veo. Xa xa đoàn trâu chạt-vật đi về, mục-dồng ngồi trước lưng, tiếng hát chen cùng tiếng địch. Người đi gặt lũ ba lũ bảy, gánh lúa về kể trước kẻ sau...

*Xem ra cảnh thú nhà quê,
Khác nơi thành-thị có bề thanh-thanh.*

Ta đương ngắm cảnh bỗng thấy một người chừng 27, 28, ăn mặc ra dáng tân-học, ở đường xa đi lại. Người ấy thấy ta cất tiếng chào, rồi hỏi :

— Qui-hữu có phải mỹ-tự Nguyên Như, hiệu Minh-phượng chăng ?

Ta nói :

— Phải, sao qui-huynh biết tiêu-đệ ?

— Chúng tôi cửa - ngưỡng, cửa ngưỡng, thường đã được gặp nhiều lần dưới tỉnh và nghe ông Cúc-dinh nói qui-hữu học-vấn gồm cả kinh-tế văn-chương, nhân-cách đủ cả hào-hoa phong-nhã. Tình thì đa sầu đa cảm lại hay mang nặng lấy tình, khăng-khăng mình buộc lấy mình vào trong ! Hôm qua nghe nói qui-hữu lên chơi ở bên ông Cúc-dinh. Tôi toan đến thăm, ai ngờ lại gặp, ở đây nhiều kỳ-sơn tú-thủy cổ-sái danh-lam, qui-hữu có định đi chơi đâu không ?

— Tôi lên đây thăm ông Cúc-dinh và cũng có ý lịch-lâm danh-thắng nữa. Qui-huynh mỹ-tự là gì, xin cho được biết ?

— Tiệm - danh là Trần Tú-Thanh. Ngày mai xin sẽ lại đàng ông Cúc-dinh rồi chúng ta đi chơi Kim-sơn nhân thế.

Nói xong hai người từ-biệt. Ta về nhà nói chuyện với Cúc-dinh và sắm sửa để hôm sau đi chơi sớm.

Kim-sơn ở về làng Tiên-bi. Dưới chân núi có ba khúc vực. Ngày xưa người đánh cá lặn xuống thấy trong cát lổm-dổm sáng, lấy lên xem thì là vàng sống từng phiến cả, cho nên gọi

là Kim-son (núi Vàng), những lúc đêm thanh trời tạnh thường thấy một diêm sáng như ngôi sao đi lờ-dờ trên núi. Tương-truyền rằng con ngọc đi ăn, nó là mã vàng. Về phía đông có núi Trun (tiếng thổ âm nghĩa là sụn); về phía bắc có sông Năm. Phong-cảnh thanh-tao, giang-son như vẽ.

Núi Trun cũng ở gần Kim-son. Sông Phố chảy quanh ba phía. Dưới núi có hang sâu âm thông với vực Ác bên Thâm-giang. Tục-truyền dưới vực có Long-vương ở. Xưa có người lái thuyền ở tỉnh về lúc qua ngã ba phủ nghe trên không có tiếng gọi rằng : « Nhờ đi qua vực Năm báo hộ rằng ông but thất-trận rồi ! » Người lái thuyền lấy làm lạ, nhưng khi thuyền về tới Năm quên đi không gọi, cho nên thuyền cứ vô-cố lênh - bênh không chèo chống được, sực nhớ lời dặn vội gọi to lên, bỗng nghe dưới vực âm âm như thiên-bình vạn-mã kéo đi, rồi tự-nhiên gió thổi như bão, mưa sa như trút. Người ta nói đó là quân Loag-vương kéo đi. Núi thì năm ba năm lại tự-nhiên sụt xuống cho nên gọi là núi Trun.

Sáng hôm sau cơm nước xong, bà Cúc-dinh nói :

— Hôm nay hai ông đi chơi núi thì hẳn có thơ, đã có thơ thì phải có rượu. Tôi đã mua sẵn một bầu dầy, có dùng không?

Ta nói :

— Thế thì còn gì hơn nữa. Bà thật không kém bà Tô Đông - pha, chỉ sợ văn chúng tôi không bằng Xích-bích-phú.

Nói đến đó thì vừa Trần Tú-Thanh lại. Ba người cùng ra đi, đem theo một đĩa trể mang bầu. Đi một lúc

nghe tiếng mục-dồng hát, giọng hát véo-von trầm bổng rất vui tai. Ta hỏi chúng hát truyện gì. Tú-Thanh nói :

— Bài hát này của ông Chánh Thửu là anh ruột ông Cúc-dinh làm ra để cười năm người học trò hỏng thi. Nguyên ông ta đương cày thấy họ về hỏi : « Làng đậu được mấy người » thì thầy Khỏa là một thầy trong năm thầy đi đó gất rằng : « Cày họ biết cày, hỏi làm chi ? » Bởi thế nên ông mới làm bài này.

Nghe bài hát mà biết ảnh-hưởng khoa-cử đời ấy và phong-tục làng ấy, nhân chép ra sau đây :

« Đặt cày xuống hỏi các thầy (1),
Khoa giáp - thân thi cử được người
nào không ?

Nhất sĩ nhì nông,

Đương trông mong rượu thịt, đương
mơ-màng rượu thịt.

Ai ngờ trường đệ nhất,

Đã hỏng hết đi rồi,

Như rùa thì thối,

Lua (2) năm tên nhì dĩ, được năm-
thầy nhì đi.

Tướng thành công chi mi,

Đậu tú cử vài ông,

Cho thỏa tấm lòng.

Lòng nông-phu ạo-ước, dạ kẻ cày ạo
ước, ! . . .

Văn-chương mục thước,

Có đồ Bát (1) Cau Viên (2),

Có đồ Chung (3) đồ Nghiên (4),

Bốn thứ con đề đậu, vào nhị-trường đề
đậu.

Ra trường thi đường phú,

Có thầy Khỏa ta đây,

Chăm nhăm lúc may,

Ưu quan sơ hẳn có, bình ngoại-trường
hẳn có.

(1) Lối hát dặm

(2) Lua là còn.

(1-2-3-4.) Bốn thầy cùng đi với thầy Khỏa.

Dầu rắng đốt chó,
 Nhưng Nho Tất Viên Đương,
 Lắm bạc lắm vàng,
 Hồng phú thì không hải, hồng nhi-
 trường không ngại.

Tay giắt bò tặc trái,
 Lòng mừng chưa kịp no,
 Bông dậu thấy chiếc dò,
 Năm bộ tới sau lái, năm ống bầu sau lái!

Dừng bò đứng lại,
 Hỏi chiếc thuyền về đâu,
 Chém cha đũa cầm sào,
 Bến cây xanh ghé xã, bến chợ Năm
 ghé xã (5)

Giờ lòng tôi buồn bã,
 Cây cũng nọ muốn cây,
 Dở tỉnh dở say,
 Thương cho ai trong xã, thương năm
 thầy trong xã.

Thương năm thầy trong xã,
 Bước dòn noi lên về,
 Hồng đệ-nhi trường-kỳ,
 Nghe tiếng reo cũng lạ, nghe tiếng cười
 cũng lạ.

Một cười duyên chưa đạt,
 Hai cười phận chưa phát,
 Ba cười phú tổ tiên,
 Bốn cười về phong-thổ.
 Cười về phong-thổ,
 Đã bốn năm khoa liền,
 Không đậu được một tên,

Cho vui trong tử-lý, cho vang-lừng tử-lý!
 Giờ rượu Năm rượu Trĩ,
 Mặc sực kẻ gánh xuôi,
 Bỏ chợ Chòi chợ Gỏi,
 Không thấy ai đòi ngược, nọ thấy ai
 đuổi ngược!

Trời làm chi cực,
 Trước cực thân học trò,
 Sau cực kẻ nông-phu,
 Thôi trông mong rượu thịt, hết mớ-
 màng rượu thịt.
 Đêm năm canh lịch-mịch,
 Mỏ mã tiền toán chơi,
 Thấy chữ hậu phúc lai,

Chắc năm sau khoa dậu; còn đợi chờ
 khoa dậu.

Bộc thư thiên bất phụ,
 Hữu chí sự cánh thành,
 Khuyên ai thơ phú tập-tành hơn xưa.
 Đề cho tôi yên việc cày bừa... »

Đi một lúc nữa đến bến Năm đã
 thấy Kim-sơn, xa trông hình như
 xuất-trận kỳ. Qua một cái cầu thì đến
 núi. Ba người trèo lên tận ngọn, thẳng
 bé con cũng chịu khó theo sau. Bên
 nam một dãy Kê-lĩnh thoi-ngôi-liên-lạc
 như bức màn giăng; bên bắc một dãy
 Phổ-giang khuất-khúc chi-huyền như
 con rồng lộn; bên tây núi Giăng-màn
 xanh ngắt, bên đông núi Hồng-lĩnh
 đứng ngang. Muôn dặm giang-san như
 hoa như vẽ; một vùng phong-cảnh nửa
 tục nửa tiên. Ngọn gió hắt-hiu, cỏ cây
 rung động cũng hình như có ý chào
 khách. Chung khi ấy lên cao đặc-ý, đặt-
 hứng suyên-phi, thấy cảnh sinh tình
 thi-hoài bột-phát. Từ rằng:

(Phá - Tề - Trận)

Đầu núi lờ-mờ con ngọc,
 Dưới sông lốm-đốm lá vàng,
 Trời qui vật hoa,
 Đất sinh thần-khi,
 Nghìn năm dấu cũ Việt-thương.
 Nam trông núi Trục hoa như vẽ,
 Bắc ngó sông Năm nước sực hương.
 Ai tạc khối văn-chương.

Cúc-dinh khen: « tuyệt-diệu, tuyệt-
 diệu, ngôn giản ý tận » rồi họa:

Cuốn-cuộn ba chòm sông Phổ,
 Xanh xanh trăm trượng non Vàng,
 Nước lãng kim sinh,
 Đềm thanh ngọc rõ,
 Nhìn xem phong-cảnh khác thường.
 Nửa bức giang-san tô vẽ gấm,
 Bốn mùa hoa-thảo nức mùi hương.
 Mặc kẻ khách bình-chương.

(5) Xã = nghĩa là quách. Ghé xã = ghé quách.

Tú-Thanh nói : « Hai người làm đều dụng-ý viên-ôn, từ-diệu thanh-tao, mà bài trên câu : « nghìn năm dấu cũ Việt-thường » lại khôn cùng cảm-khái. Tôi thường chưa làm từ-khúc nên không dám họa, xin nghe thôi. »

Nói xong rót rượu ba người cùng uống, rồi kéo nhau sang núi Trục thì quả thấy sườn núi eo xướng và có đường nứt đổ như mới sụn. Lưng núi thì dựng như bức tường. Cúc-đỉnh trầm-ngâm một hồi rồi đọc tức-cảnh rằng :

(Giả-cổ-thiên)

*Hương-sơn vẫn thiệt nước non hương,
Sao có sơn băng sự bất-tường ?
Trung-ưng hầu khí về thủy-tộc,
Mấy phen thay đổi cuộc tang - thương.*

Ôi ! Thủy-phủ,

Ôi ! Long-vương,

*Rầm-rột binh qua hội chiến-trường.
Khách đã chán đời nhiều khói lửa,
Nào hay âm-giới cũnng hưng-vong !*

Ta họa rằng :

*Quanh quanh cuộn cuộn nước sông
Hương,*

*Lóm-chóm non cao tựa bức tường.
Dựng núi ngàn thu ngày một khác,
Tang-thương thế ấy mấy tang-thương !*

Ai tranh bá,

Ai đồ vương,

*Ai dưới âm-ty cũng kịch-trường !
Tranh-chiến vẫn là lời huyền-ảo,
Khách-tình cảm-khái cuộc hưng-vong.*

Tú-Thanh cũng họa :

*Hoa bày như gấm nước sinh hương,
Núi lở có dấu sự bất-tường.
Điền-hải còn hay ra gắng sức,
Kề gì thay đổi cuộc tang-thương.*

Này đế-bá,

No hoàng-vương,

*Giữa cõi minh-minh hội chiến-trường,
Ba phủ xưa nay truyền tích cũ,
Âm dương cũng một lý hưng-vong.*

Ba người làm xong. Cúc-đỉnh quay lại ta mà rằng :

— Bài của qui-hữu thì từ-khí hoạt-bát, bài của ông Thanh thì khí-cốt, bài của tôi thì cảm-khái, đều có sở-trường cả.

Ta nói :

— Ông Thanh tự-khiêm không quen làm từ-khúc, xem như bài này thì nên gọi từ-lâm bạch-mi.

Tú-Thanh khiêm-tốn mà rằng :

— « Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng », bởi theo các ngài nên mới được thế. Xin đừng quá khen,

Xem đồng-hồ vừa đúng 3 giờ. Bèn cùng dắt tay nhau xuống núi, ai về nhà ấy. Ta bàn với Cúc-đỉnh đến mười-tư sẽ thuê thuyền chơi Lục-niên, bắt chước ông Tô chơi Xích-bích.

IV

Ngày xưa đức Lê Thái-tổ là Lê Lợi khởi nghĩa-binh trên Lam-sơn để đánh với quân Tàu. Tướng ngài là Nguyễn Trãi thiết kế rằng : « Tinh Nghệ-an người nhiều đất rộng, nên đem binh về đánh trước để làm chốn lập-cước, rồi sau sẽ trường cò giống trống đánh dần ra bắc thì thiên-hạ đại-định được. » Thái-tổ lấy làm phải bèn đem binh về Nghệ đóng đồn ở núi Thiên-nhận, chống cự với quân Minh. Sau quá chém được Liễu Thăng, phá đồn núi Rum, đánh ra bắc, đại-định thiên-hạ. Nay trên núi Thiên-nhận hiện còn có thành, ngọn núi ấy tên là Hỏa-hiệu vì trước ngài đốt lửa chiêu-binh ở trên ấy.

Đến đời Lê-mạt ông Nguyễn Thiếp muốn khôi-phục không chịu làm lời Tây-sơn, nhưng biết thế không nổi, mới lên ẩn ở đó sáu năm, cho nên gọi là Lục-niên phu-tử. Lúc Nguyễn Huệ đem binh ra đánh Gàu ở Bắc có thân-hành lên nhà ngài hỏi kế. Trước ba ngày ngài đã dọn biết nói với học trò. Nguyễn Huệ đến nơi ngài mời vào

ngồi, song không chịu xưng thần mà vua Tây-sơn cũng không trách, hỏi ngài rằng : « Nay trẫm đem quân ra đánh Tàu, tiên-sinh có kế gì hiến trẫm không ? » Ngài tâu : « Binh quý thần-tốc » Vua Tây-sơn nghe nói mừng quá, lấy tay đập mạnh vào đùi rồi vùng đứng dậy, gãy cả ghế, sau kéo quân ra Bắc, quân Tàu bất-ý không xoay kịp phải thua.

Đến đời Gia-long, đức Cao-hoàng triệu ngài về Kinh bệ-kiến và ban cho quan tước, nhưng ngài không nhận. Đức Cao-hoàng phải để ngài về, ban-tử rất nhiều và dặn rằng : « Tiên-sinh về tác-thành nhân-tài cho nước » Ngài ở đó sáu năm thì mất, hiện nay bia ngài hãy còn.

Hai giờ chiều hôm mười bốn sắm sửa vật-dụng xong, bảo người bưng rượu xuống thuyền thì vừa Trần Tú-Thanh ở đầu đến :

— Các anh sắm sửa đi chơi Xích-bích thì thật là cao-húng, tiêu-đệ tuy bất-tài cũng muốn đi theo, hoặc khi có phân-vật, liên-cú, các anh trưng-kỳ kích-cổ làm ông nguyên-sứ tao-dân, thì tiêu-đệ chấp-trệ tiền-khu, làm đũa sai-phu văn-uyên nên chẳng ?

Hai người cùng nói :

— Chúng tôi dương mong, được đại-huynh đi với thì còn gì hơn nữa.

Ba người xuống thuyền bảo chèo đi. Ngồi tựa lan-can, xa trông lên núi, thấy một dãy từ bắc chạy xuống đông-nam : hòn to hòn nhỏ, đỉnh thấp đỉnh cao, liên-lạc linh-tinh không biết bao nhiêu mà tinh. Sơn-thế đi thì hùng-dũng như thiên binh vạn mã, như kích-cổ trưng-kỳ, hồ-cứ long-bàn thật là nơi anh-hùng dụng-võ. Thuyền ghé vào bến, ba người cùng lên đi bộ, cứ theo sườn núi mà trèo. Đạp đá sỏi, vịn cành cây, vạch lau lách, gắng sức trèo. Lên được nửa chừng thì thấy một khoảng

rộng, ước dung được vạn người, bèn rủ nhau ngồi nghỉ. Đứng đấy trông thấy dấu-tích một cái thành, đá lở lô-chò, sáng cỏ tấp-nập. Phía đông có ngọn cao gọi là Hỏa-hiệu, cao vào trong mây ; phía bắc có khe nước gọi là Bờ-đái, nước chảy như thác. Đó chính là chỗ đức Thái-tổ đóng đồn.

Chơi cao thì lên cho cao, càng lên thì khí càng hào càng lên. Mấy người cứ theo sườn núi mà trèo, cho nên hào-khí phát ra, câu-lực càng khỏe. Một lúc lên đến ngọn nhìn xuống thiên-sơn vạn-lĩnh đều thấy thấp nhỏ như gò cồn và châu cả về chỗ mình đứng. Hoàn-hson đứng về phía tây, xanh xanh như bức màn giăng; Hồng-lĩnh đứng về đông ngút ngút như lam tiền-án. Sông Phố chảy bên hữu, sông Lam bọc bên tả. Bạng-sơn y-thủy cực-kỳ hiểm-cố. Than ôi ! thấy giang-san lưỡng sinh lòng cảm-khái, tuy không bia « truy-lệ » mà nước mắt nhỏ sa, sức nhớ Dương-công lên núi Nghiê-nson, tinh-cảnh phảng-phất cũng giống. Cúc-dinh nói : « Người xưa dâng cao tác phú là một cái thú rất vui, chúng ta ngày nay đứng giữa đỉnh núi : ba nghìn phần-đại, tám trăm yên-hoa, đều đưa lại dâng cho sáu con người ta thắng-thưởng. Và nhân khi trời quang mây tạnh, chính-tiện ngâm-dề, chúng ta nên phú mỗi người một bài, hoặc hán-văn hoặc quốc-văn tùy ý mà đều làm hết sở-trường, phẩm-bình xong mới được xuống núi về thuyền. »

Ta với Tú-Thanh vỗ tay cười mà rằng : « Đại-diệu, đại-diệu, chính hợp ý chúng tôi. »

Uống mỗi người một chén rượu rồi Tú-Thanh đọc trước :

(HOA-PHONG-LẠC)

Ồi non ơi ! ời nước ơi !

Hòa-dao cơ-nghiệp vắng dấu rồi ?

Hoang-thành đá chất,

Hỏa-hiệu mây khơi.

Trái bao vật đổi với tình đời,
 Một cuộc nhung-trường cỏ tốt tươi.
 Ơi non ời ! Ơi nước ời !

Non còn cao,
 Nước còn dài,

Anh-hùng danh tiếng để muôn đời.
 Giang-san dấu cũ còn ghi đó,
 Khiến khách qua chơi luống cảm-
 hoài.

Ta làm bài thơ trường-thiên :

Ông cao chí-khí hơn trong đời (1)
 Kết bạn tìm xuân lên núi chơi.
 Đạp đá vạch hoa trèo tới ngọn,
 Chốn cao chễm-chệ khoan tay ngồi.
 Tiệc rượu kỳ-bình chung tựa lậu,
 Câu thơ vô-dịch bút như bay,
 Một cơn hào-hùng đầy non nước,
 Đặc-ý nhọn-nhơn đồ trận cười.
 Vừa đồ trận cười sinh cảm-khái,
 Đăm-đăm bỗng thấy lệ châu rơi.
 Trước ta chơi núi trăm nghìn khách,
 Sau ta chơi núi trăm nghìn người.
 Người sau chẳng biết khách trước mấy,
 Khách trước chẳng biết người sau ai.
 Trước ta sau ta đều vắng vẻ,
 Chỉ còn một núi đứng thôi-ngôi !
 Người nay khôn thấy núi xưa đượ,
 Núi nay đã thấy người xưa rồi.
 Xưa nay lịch-duyệt một hòn núi,
 Dấu bề bao nhiêu cuộc đổi đời !
 Khéo vẽ làm chi bia « truy-lệ ».
 Đời sau vẫn-tự chắc ai hay ?

Cúc-đình làm bài thơ chữ :

Lộ nhiều thanh hương phóng cổ-thành,
 路 遠 清 香 訪 古 城。

Tương truyền nam bắc cựu giao-binh.

相 傳 南 北 舊 交 兵。

Cừu yên thảo mộc phong do hưởng

仇 安 草 木 風 猶 響，

Nó thiếp ba-đào ngọc thượng kinh,

怒 帖 波 濤 鑿 尚 驚。

Thập tải nhung-trường trần đốn tĩnh

十 載 戎 場 塵 頓 靜。

Bách niên Hồ-lỗ mã vô thanh.

百 年 胡 虜 馬 無 聲。

Lục-niên phu-tử kim hà tại ?

六 年 夫 子 今 何 在。

Ứng vị giang-san tố bất-bình.

應 爲 江 山 訴 不 平，

Ba người làm xong phạm - bình cho
 nhau. Ta nói :

— Bài thơ của ông hoài-cổ mà lại
 thương-kim. Câu kết rằng : « Ứng vị
 giang-san tố bất-bình 應 爲 江 山
 訴 不 平。 » khôn cùng cảm-khái !

Tú-Thanh cũng khen :

— Bài của ông Cúc-đình làm cao-tử
 lắm : đầu trực phá thành, thứ hai hoài
 Lê-tổ, thứ ba khen công lớn, kết Lục-
 niên phu-tử là cao-tử, vì Thái-tổ dấy
 nhà Lê, đến Lê hư thì phu-tử lại muốn
 phục. Nay hoài Phủ-tử là hoài Lê-tổ
 vậy.

Cúc-đình cười mà rằng :

— Hai người vẫn thiệt là tri-âm của
 tôi, nhưng so lại thì bài trường-thiên
 nên đoạt-cầm. Lập từ cổ-kính, cấu-từ
 kỳ-dị, nên gọi là tao-đàn nguyên-súy.

Tú-Thanh nói :

— Bài ấy thì tôi xin bài-phục. Đầu
 phá một chữ « cao » đã khai-môn kiến-
 sơn rồi. Đoạn giữa câu : « Vừa đồ trận
 cười sinh cảm-khái, đăm-đăm bỗng
 thấy lệ châu rơi » đương cười thoát
 khóc thật là kỳ-văn. Có ý như câu của
 Hán Vũ-đế rằng : « Hoan lạc cực hề
 ai-tình đa 歡 樂 極 兮 哀 情 多 »
 Đoạn cuối câu : « Trước ta sau ta đều
 vắng-vẻ, chỉ còn một núi đứng thôi-
 ngôi » thì tứ bao-quát kim cổ, dấu Tô
 Đông-pha, Lý Thái-Bạch cũng không
 đứng được.

(1) Bài này đã đăng ở mục Văn - nghệ trong Nam-Phong số 204.

Cúc-dinh nói :

— Bài của ông Tú-Thanh câu : « Hòa-đạo cơ-nghiệp vắng dấu rồi » có ý tra hỏi giang-san lấy sự hưng vong, vẫn cũng dài-các. Ba bài thì bài của qui-hữu đứng đầu, còn của ông Thanh và tôi thì bắt-phân thượng hạ.

Nói xong ba người trông nhau cả cười, rồi cùng dắt tay xuống núi. Về thuyền vừa đúng 5 giờ, bèn bảo dọn rượu. Một bàn gia-hào thịnh-soạn cùng nhau khai-hoài sướng-âm.

V

Lúc ấy mặt trăng lấp-ló bên đông, thấp-thoáng bóng nga, hiu-hiu ngọn gió. Rõ ràng gió mát trăng trong, non cao nước biếc, chẳng kém gì phong-cảnh Xích-bích, vậy Cúc-dinh xướng tức-sự rằng :

(HÀNH-HƯƠNG-TỬ)

Một lá thuyền qua,

Tiểu-ngạo vân hà,

Thú thích-tình ta lại với ta.

hiu-hiu gói thời,

Thấp-thoáng trăng tà,

Đương cầm vừa trượng, sênh vừa gõ,

khách vừa ca ...

Ta tục rằng :

Bè bạn đôi ba,

Thắng-thưởng yên hoa,

Tình-cảnh này ai vẽ cho ra ?

Chén quỳnh diu-dật,

Câu tuyết ngâm-ngà,

Khí cảnh chưa tan, gá chưa gáy tuyết
chưa pha !

Tú-Thanh ngời nghe khen thật là tuyệt-diệu ! Em cũng xin dịch bài thơ cổ « Trùng-du Xích-bích » để trợ-hứng, nên chăng ?

• Bài dịch rằng :

Năm trăm năm lại thấy thuyền Tô,

五百年前獨此遊。

Mặt nước chân mây sắc một màu.

水光依舊接天浮。

Thấp thoáng rừng đông in bóng nguyệt,

徘徊今夜東山月。

Mơ màng năm tuất ánh màu thu.

彷彿當年壬戌秋。

Có chài bèn Xích người qua đó.

有客得魚來赤壁。

Chở rượu sông Hoàng khách vắng đầu.

無人載酒出黃州。

Một khúc ngâm rồi ngàn núi lặng.

吟成一曲千山寂。

Qua thuyền chim hạc chéo trời nhau !

孤鶴橫山棹過舟

Ba người rót rượu cùng uống bình hai bài lại. Cúc-dinh nói :

— Ông Tú-Thanh dịch thơ nghĩa lý rõ-ràng, từ-hàn trong suốt, nhưng lấy ông Tô Đông-pha tự-cư thì e chưa đúng, vì ông là người địa-vị cao, phẩm-vọng lớn, chúng ta sánh làm sao được

Tú-Thanh nói :

— Qui-hữu nói thế, vẫn phải, song ý tôi thì nghĩ rằng : « Trời đất có một nguyên mười hai hội, mà người ta chỉ ba vạn sáu nghìn ngày. Thân-thể như hột dẹt trong thái-xương, quang-âm như bóng câu qua cửa sổ, hoàng vương để bá, khanh tướng công hầu, rầm-rột mấy năm trời, chung-qui ba thước đất ! Cuộc thế-biến trải bao nhiêu tang-hải, mà giang-san thì vẫn cứ cao-thâm. Cho nên người xem nước non mà cảm-khái hưng-vong ; trông hoa-thảo mà bồi-hồi kim-cổ. Thấy cảnh sinh tình, nhân tình sinh hứng, bày ra thi-từ, hình ra ca-vũ, thì xưa nay cũng cùng một tính-tình, nam bắc cũng cùng một khí-khái. Há lẽ tạo-vật dễ riêng cho ông Tô mà chúng ta không được hưởng cuộc chơi ấy ru ?

Ta nói :

— Hai ông lập - luận đều cao cả, nhưng tiểu-dệ lại có lời rằng : Chúng ta đi chơi so với ông Tô, đại-đồng nhi

tiêu dị. Phú Xích-bích có câu : « *Cố nhất thế chi hùng dã, nhi kim yên tại tai* 固一世之雄也。而今焉在哉。 » Ngày nay đọc đến còn khiến người vô-cùng cảm - khái, nước mắt nhỏ sa. Nhưng ông Tô đương triều minh-thịnh, đặt thân miếu-đường, không có lòng ru-thời mãn-thế ; nhân hứng đi chơi, chỉ một tình hoài-cổ. Còn như chúng ta ở đời nay thì đã khác hẳn đời ông Tô rồi. Ta cảm-hoài ấy há chẳng phải đức Lê Thái-đỗ chăng ? Đương khi ngài chém Liễu Thăng, đuổi Mộc Thạch, phá-trúc Bắc-kỳ, đại-dịnh thiên-hạ, quang-phục được giang-san Hồng-Lạc, bảo-toàn được tộc-loại tiên-long, hà đẳng anh-hùng, hà đẳng khí-thế ? mà nay sao vắng vẻ vậy ? Lòng ta thương-kim mà thêm tư-cổ, so với ông Tô lại bội phần cảm-khái !

Hai người khen : « lời bàn ấy thật phát-minh và xác-luận, nên thưởng chén rượu. »

Ba người cùng uống, chén tạc chén thù, dở say dở tỉnh. Ta nói :

— Chúng ta nên đề-vịnh bài gì hoặc phân-vận hoặc liên-cú đề ghi lấy cuộc chơi hôm nay.

Gú-Thanh nói :

— Liên-cú một bài trường-thiên thi đồng-lạc.

Cúc-dinh nói :

— Liên-cú thi diệu lắm. Cứ mỗi người viết hai câu xong thì uống chén rượu, rồi người khác viết, phải luân-lưu mà đi. Nếu viết chậm hoặc vô-nghĩa thì phạt chén nước lạnh, câu nào hay sẽ thưởng.

Tú-Thanh vỗ tay cười :

— Thế thì các anh ra đề-mục xướng lên cho mau, kéo năm đầu ngón tay của tôi nó hóa ra rồng mà bay mất !

Ta nói :

— Thi-đề đại-diệu. Xin nhượng ông Cúc-dinh ra đề mục và khởi câu phá.

Cúc-dinh không từ, cầm bút viết ngay. Đề-mục là « *Du Thiên-nhân-sơn hoài-cổ* 遊千仞山懷古. »

- C.Đ. *Rốn bề phong-cảnh một màu thu,*
M.P. *Giục khách hào-hoa chỗ lá đò.*
Phơi-phơi dầu non cơn gió mát,
T.T. *Tà-tà trên núi bóng trăng thấu.*
Một vùng hoa thảo như màu gấm,
C.Đ. *Nửa bức giang-san giống vẽ đồ.*
Sáng rực khối văn này trước mắt,
M.P. *Săn sàng của tạo chắt đầy kho.*
Đường đàn ẩn-dật đương ghi đó,
T.T. *Cung kiếm anh-hùng đã vắng dấu.*
Thành-lũy ngàn xưa còn dấu tích,
C.Đ. *Yên-hà cảnh cũ vẫn thanh-u.*
Bời-bời cuộc thế ba canh mộng,
M.P. *Cuồn-cuộn tình xưa chín khúc sầu.*
Ghi tạc ai truyền bia đá Ngụy,
T.T. *Chơi bời khách chỗ lá thuyền Tô.*
Kêu sầu mỗi miệng quy cũ-cước,
C.Đ. *Học nói buồn cười yểng liu-lo.*
Vùn-vụt quang-âm giông ruid ngựa,
M.P. *Lênh-dềnh thân-thế nổi chìm âu !*
Ngâm tàn tình đầu câu đề-vịnh,
T.T. *Hưng dậy giang-san chén tạc-thù.*
Đổi cảnh cao bay cơn dật-hùng,
C.Đ. *Rượu ra kỳ-trận giốc nghiêng bầu.*

Ba người viết xong, Gú-Thanh tốt tiếng bình lại, cùng ngồi phẩm-đề. Cúc-dinh nói :

— Chẳng phải là « mẹ hát con khen » song chúng ta làm văn thật là đặc-thể. Đầu phá thu, thứ hai nhập-đề chơi thuyền, thứ ba bốn câu tả-cảnh, thứ tư sáu câu hoài-cổ, thứ năm hai câu thương-kim, thứ sáu hai câu tả-tình, sau kết-cục thi-tửu : tuy liên-cú hợp cả ba tay mà nhất-khí như ra một bút. Thật là hợp bát - trận thành mũi đại-dĩnh, thu chúng-mĩ chế áo cầm-y, so với bài « Tây-hồ » của ba ông Hoàng, Lý, Ngô, tuy bên chữ bên nôm nhưng thể-cách cũng không kém gì nhau vậy.

Tú-Thanh nói :

— Ông Cúc-dinh thường bảo qui-hữu đa-sầu đa-cảm, nay xem câu : « *Lên-dềnh thân-thể nổi chìm đâu* » thì thật vốn sầu-cảm chi cực.

Ta nói :

— Tôi hạ câu « *Bia đá Ngụy* » có ý chơi khoả cho khó đối, mà ông Tú-Thanh đối « *Mái thuyền Tô* » thì thật là giỏi. Xưa Bình Như Hành có câu : « *Thanh-vân-lộ đối hồng-tuyết-ca* 青雲路對鴻雪歌. Yển Bạch-Hạ khen « *Phi y sở tư* 匪伊所思 », nay nên lấy câu ấy mà phạm-bình cho ông.

Ba người vừa làm thơ vừa uống rượu nhiều quá nên say, Cúc-dinh lấy đàn gảy, Tú-Thanh đứng dậy múa tự xung khúc « *Nghê-thường vũ-y* », ta hát khúc « *đảo-hà-hừng* ». Hát rằng :

Dặc-dặc đêm thu,

Mờ-mờ bóng thỏ.

Hên cầu dương-liều hiu-hiu gió,

Khách ba người,

Rượu ba lọ,

Cầm một trương.

Thì một bố,

Đầy thuyền phong nguyệt xa thành-phố.

Nước lặng gió trong,

Mây cao trăng tỏ.

Câu hừng dậy giang san,

Tiếng đàn lừng vũ-trụ.

Đèn đường danh lợi sạch như không,

Giữa cuộc phong-lưu ai dễ có ?

Chơi gì đó,

Chơi gì đó,

Giang-hồ là lạc-thú,

Chén rượu rưng rưng !

Trong cuộc trần-hoàn gì cũng nhỏ !

VI

Thế rồi ngủ đi lúc nào không biết. Lúc dậy thì đã 11 giờ trưa, bèn bảo thuyền chèo về. Qua nhà Tú-Thanh, ông mời vào uống nước. Trong lúc nói chuyện, người em ông là Tú-Minh đi

dâu về hỏi anh rằng : « Có phải anh đi chơi Thiên-nhận về không ? » Tú Thanh đáp : — phải. Thì chàng nói : — Mưa Âu gió Á, rậm-rột phong-trần, thế-giới này là thế-giới gì ? Chính nên đánh trống trương cờ, dắt nhau cùng lên thiê-diễn; xoa tay múa cánh, ghé vai mà gánh địa-cầu. Kia người ta đương cao bay xa chạy, tấn-tối văn-minh; sao các anh lại uống rượu ngâm thơ say lòng sơn-thủy ?

Tú-Thanh nghe nói sẽ nhếch mép mỉm cười, nhưng trong cái cười ấy ngụ một cái ý rất sâu xa đau đớn. Ông đáp :

— Chủ trách thế cũng phải, song chỉ biết một mà không biết hai. Chủ có muốn nghe truyện tôi nói cho chủ nghe ? Một con chim cu-mồi bị buộc chân trên cành bay không được. Đương đứng củ-rủ gài mỏ vào cành thì chợt một con chim ngoài bay đến ; « Bên kia có một đồng lúa tốt và một bụi cây cao. Sao anh không bay đến đó, ngày ăn lúa, đêm đậu cây có phải sướng không ? ». Cu-mồi ta nghe nói thích quá bay vụt lên một cái thế nào bị cái dây buộc ở chân kéo lại, ngã treo dưới cành . . Chim ngoài thấy thế vội bay đi mất !

Người nước ta ngày nay có khác gì con chim cu-mồi ấy ? Thiên-diễn ai cho ra, địa-cầu ai cho gánh ? Học ba chữ làm ông Tham ông Đốc, chẳng qua nô-lệ thẳng thầy; biết vài số làm thông-phán thông-ngôn, nào có kiến-vấn gì lạ ? Từ ngày cải-lương đến nay, tính đã hơn hai mươi năm, học trò thiếu-niên có nghìn vạn đứa, thế mà những kẻ lâu xanh cửa tia, có ai tở-chức được sự gì lợi-ích cho xã-hội không ? Những người quần nọ áo kia, có ai nghiên-cứu được kỹ-ghệ gì tranh-chiếm lấy lợi-quyền không ? Ta thấy lợi-ích xã-hội thì không, mà bác-luợc xã-hội thì có, tranh chiếm lợi-quyền thì không, chứ ăn đút lợi-quyền thì có. Thế thì văn-minh của các anh tôi biết rồi : Văn-

minh ca-lâu, văn-minh cô-đầu, văn-minh thuốc-phiện, văn-minh trà-tàu ! Còn như cơ-khi thế nào do, điện-khi thế nào thu. . . thì các anh mịt-mịt mù-mù, chẳng khác gì mấy thầy đồ ! Chúng tôi ở nhà dạy con bảo cháu, giữ lấy cương-thường ; ra xóm về làng, bảo-toàn phong-hóa. Lấy tính-tình mà vui cũng non nước ; mượn thi-tử mà bạn với yên-bà ; tuy không hợp-quần, nhưng cũng không thương-quần ; tuy không ái-quốc, nhưng cũng không hại-quốc. Văn-minh nghe nói huyền-thiên, rồi ra vét được đồng tiền là thôi !

Thấy anh em họ cãi nhau như thế ta và Cúc-dinh cáo-từ ra về. Đến nhà vừa đúng 5 giờ chiều, bèn thu xếp hành-trang định mai cưỡi sớm, Chủ-nhân có ý lưu, song không thể ở lâu được vì nhà có việc.

Sáng hôm sau bảo người mang đồ đạc xuống thuyền. Nói « đồ đạc » cho nó sang, chứ kỳ-thực trừ vài bộ quần áo, mấy cái vật-vĩnh và một bó văn-thơ thì « va-ly » rộng tuốt ! Cúc-dinh cũng xuống thuyền định đưa khách đến Tam-thoa mời trở lại.

Thuyền đi một lúc qua núi Thái: nước non u-nhã, phong - cảnh thanh - tao, chim kêu thánh-thót, gió thổi phát-phơ, hình như có ý chào mời mặc-khách qua chơi ngâm đề, Cúc-dinh nói : « Đây gọi đền Trúc, vị thần là Chiêu-vương. Ngài người đời Lê qua đánh Chiêm-thành thắng-trận, kéo quân về đến đó thì bị bệnh mà qua đời, cho nên nhà nước mới sức dân làng làm đền thờ, bốn mùa hương-hỏa, nghìn hu miếu-đường, ngày nay hãy còn sùng-tự. Hiện mộ ngài cũng ở trên ấy. » Ta nghe nói biết là một chốn phong-quang nên thưởng-thức, bèn bảo thuyền ghé vào chơi. Trong điện di-tượng thanh-cao, từ đường nghiêm-chỉnh, giữa treo bức hoành ba chữ « Trung - dũng vương 忠勇王. » Hai bên câu đối rằng : « Bắc-

địa giáng thần truyền cổ-lục; Nam-thiên hiển thánh hách linh-thanh 北地降神傳古錄, 南天顯聖赫靈聲. » 1 rước cửa đền có một tấm bia đá, nét chữ còn rõ lắm, Mĩ-húy là Lê Khôi, sắc phong Chiêu-vương. Ta vịnh bài từ rằng :

(NGUYỄN-LANG-QUY)

*Tượng-công giống trống rút gươm qua,
Man-khẩu kinh hồn xa.*

*Nghìn thu hương-hỏa tượng nguy-nga,
Trải mấy bóng dương tà.*

Cúc-dinh phú bài hán-văn :

*Trúc-linh phong cao thạch-lộ đê,
竹嶺風高石路低。*

*Chiêu vương từ thượng vọng thiên tề,
昭王祠上望天齊。*

*Nam-chinh kiếm kích ba đào dũng,
南征劍戟波濤湧。*

*Bắc chí quan hà thảo thụ mê,
北至關河草樹迷。*

*Nhất phiến tàn bi vân tán tụ,
一片殘碑雲散聚。*

*Thiên niên di trủng nguyệt đông tây.
千年遺塚月東西。*

*Anh-hùng tâm sự vô kim cổ,
英雄心事無今古。*

*Thán-tức tư công phủ bích-khê.
嘆息思公俯碧溪。*

Xem xong hai người về thuyền bảo đưa rượu ra uống. Thuyền đi một lúc thì thấy một hòn núi chia ra giữa sông. Trên núi có một cái đền trông cũng tráng-lệ. Hỏi lái thuyền thì họ nói là đền « Thọ Giác. » Lấy làm lạ ! Thọ giác sao lại có đền ? Cúc-dinh cũng không biết. Lái thuyền nói : « Đời xưa truyền lại thọ Giác và bà Bửng thế nào, tôi dốt nghe không hiểu. » Hai người cười, cùng phủ một bài từ dùng điệu « Bộ-bộ-thiền ».

Từ rằng :

*Bên sông có núi cao trăm thước,
Trên núi có đền, đền Thọ Giác !*

Thợ Giác mà sao cũng có đèn,
 Có công gì lạ nên ghi tạc ?
 Hay đời ấy cũng mê như giấc,
 Ông ra gỡ mở khoa chuông thức.
 Chỉ tiếc đời nay không có trăm nghìn
 Giác cho thiên-hạ ra máu độc. [óng,

Ngâm xong Cúc-đỉnh nói : « Gọi thợ
 Giác là Giác thế, thế mới cảnh-cú ! »
 Nói xong đặc-ý cùng nhau cả cười.

Mảng còn uống rượu nói chuyện,
 chẳng bao lâu mà thuyền đã đến Tam-
 thoa. Cúc-đỉnh từ xin trở lại. Ta mời
 xuống tỉnh chơi, ông hứa tháng sau sẽ
 đến. Ta nói :

—Lúc sáng ra về vội-vàng không kịp
 chào Tú-Thanh, sợ ông ấy trách chẳng ?
 Vậy xin gửi lại một cái thư nhờ làm
 ơn giao lại cho ông ấy.

Trong thư có bài thơ nói sự từ-biệt
 rằng :

Ai tốt mắt xanh giữa bụi hồng,
 Giang-san ghi tạc dấu trong-phùng.
 Một phen ngắm-lộng cùng trăng gió,
 Nửa thế giao-đề với núi sông
 Tuyết-diệu thiếu gì đờn khúc Bá,
 Tri-âm lưỡng thẹn diếc tai Chung.
 Ly-đỉnh một cuộc chia đôi ngã,
 Người ở non Kim kể lại Hồng.

Cúc-đỉnh nhận cái tờ ấy rồi sang
 thuyền khác trở về. Thuyền ta đi
 thẳng, ba giờ chiều tới núi Rum. Trông
 lên núi thấy một cái thành đất. Ngày
 xưa Liễu Thăng đóng đồn ở núi ấy để
 chống cự với đức Lê Thái-tổ. Nhân
 cảm phú một bài từ :

(TRƯỜNG-TƯƠNG-TU)

Mây núi Rum,

Nước sông Rum,

Một dãy thành hoang đá chấp-chồng.

Hồ-lở vắng như không.

Ai anh-hùng,

Lê anh-hùng,

Ngàn-thu còn nhận dấu binh-nhung

Danh tiếng đề Lam Hồng !

Mười giờ đêm hôm ấy thuyền tới
 bến. Một mình lững-thững đi bộ về
 nhà, hồi-tưởng đến đất Hương-son thì
 lại mơ-màng phảng-phất như đương
 ngắm cảnh ngắm thơ cùng hai ông bạn.

Than ôi ! phong-cảnh thanh-tao,
 giang-san tú-lệ, dân-tục thuần-mĩ, nhân-
 vật phong-lưu ; Hương-son thật đã
 không phụ cái dấu chân của ta đi chơi
 vậy.

Một bức thư

Ta về nhà được ít lâu thì viết cho
 Tú-Thanh cái tờ sau này :

Chim có bạn đua nhau mà hót, giọng
 hót mới hay ; ngựa có bạn tranh nhau
 mà phi, nước phi mới mạnh ; bởi vì
 cảm-kích với nhau, cùng ganh lấy sức
 cùng đua lấy tài. Phương-chi người ta
 há lại không nhờ bạn mà nên chẳng ?
 Kinh nói : « Đoạn-kim », Truyện nói :
 « Lan-hóa », bạn bầu thanh-khi tương-
 đồng, cũng là một mối ở trong cương-
 thường ; cho nên đạo bè bạn rất có
 quan-hệ không thể khuyết được.

Học trò có bạn học trò : cùng đèn
 cùng sách, chung chiếu chung chăn,
 cùng nhau mà nấu sủ sôi kinh, cùng
 nhau mà thức khuya dậy sớm, cùng
 nhau mà đề-lệ lấy tài, ra công mài sắt
 có ngày nên kim.

Đi cày có bạn đi cày : vào ra một
 ngõ, cày cấy một đồng, mượn trâu thay
 bò, giúp cày đỡ cấy, khi mưa đồng
 nắng hạ, tân-khổ chung nhau ; khi vào
 núi ra đồng, gian-nan cùng đỡ. Cùng
 nhau ruộng lúa nương khoai, gia công
 lao-khổ có ngày vinh-hoa.

Làm thợ có bạn làm thợ : cùng nhau
 gia công, cùng nhau đấu-xảo, cùng nhau
 mà kỹ-nghệ cho tinh, cùng nhau mà
 vật-dụng cho khéo. Thợ cưa thợ mộc
 thợ giấy, thợ rèn thợ đúc thợ may thợ
 nề, thợ nào chẳng có bạn bè ?

Đi buôn có bạn đi buôn : cùng nhau hợp - cõ, cùng nhau công - ti, cùng nhau mà ra tàu vượt biển. Hóa gì xuất-cảng, hóa gì nhập-cảng, bảo nhau mà tranh lợi với ngoại-dương ; vật gì giá hạ, vật gì giá cao, bảo nhau mà bán buôn cho trúng giá. Ngạn rằng : « Hòn đá quặng đi, hòn chì quặng lại, buôn có bạn bán có phường ; bên đông có mây, bên tây có ta, giàu vì bạn sang vì vợ » .

Làm quan có bạn làm quan : cùng vin cánh phượng, cùng phan vẫy rồng. Người kia đồng-dối trăm-anh, người này cũng ăn ngồi chung-đỉnh, hội rồng mây nổi gót trước lầu son ; đáng phù-nhận sánh vai ngoài cửa tía. Trong triều ngoài quận ở đâu chẳng có bạn bè, chiếc thuyền bè hoạn treo-leo, hầu khi sóng gió chung chèo với nhau.

Nhưng bạn bè lại chia ra làm hai thứ là quân-tử và tiểu-nhân. « Quân-tử chi giao đạm nhược thủy, tiểu-nhân chi giao, cam như lễ. 君子之交淡若水。小人之交甘如醴。 » cho nên người quân-tử làm bạn với nhau tình ý xem ra nhạt-lẽo, kẻ tiểu-nhân làm bạn với nhau, tình ý ngó ra mặn-mà. Quân-tử bảo nhau làm điều chính, rủ nhau làm điều thiện, giúp nhau tập-tành, khuyên nhau tấn-tối. Ngoài tuy nhạt-lẽo mà trong thì giao kết càng sâu, một lòng thủy chung, dầu cách mặt cũng như tương-đối ; mấy lời hẹn ước, tuy đổi thế mà còn nhớ lời xưa.

Kẻ tiểu-nhân cùng nhau làm điều tà, đưa nhau tập điều ác, rủ nhau cờ bạc, khuyên nhau rượu chè, ngoài tuy mặn-mà, mà trong thì có lòng ghen ghét. Đồng-ác tương-tế, dầu làm bạn sau làm cừ ; dĩ lợi tương-giao, có lợi tụ, không lợi tán.

Nhưng đó chỉ là bàn rộng đạo bầu bạc không thiết gì cảnh-ngộ của chúng ta. Thiết cảnh-ngộ của chúng ta thì có một lớp bạn này,

Người đời xưa cách ta đã có trăm nghìn năm, ta ngồi đọc *Thi Thư*, thấy sự tích của người, ngâm nghĩ ý-vị, vui mừng đạo-đức, tinh-thần tưởng-tượng như cổ-nhân đương ngồi nghị-luận đàm-tiểu với mình. Người xưa đã cách muôn đời, mà hình như thế ngồi chơi một nhà. Mạnh-tử rằng : « *Thượng hữu cổ chi nhân 尚友古之人* » nghĩa là làm bạn với người đời xưa là thế vậy.

Lại có người cũng sinh ở một đời nhưng người ở bên bắc, người ở bên nam, hoặc người ở bên đông, người ở bên tây, chưa từng gặp-gỡ, chưa từng tấn-tiếp mà tinh-thần thì đã khế-hợp, thanh-khi thì đã ứng-cầu, ấy là thần-giao minh-khế. Cho nên đến khi thiên-ly phùng-nghinh, nhất-đường tu-thủ, thi tâm-dầu ý-hợp, kiến-thức không trái, nghị-luận không sai, tình giao-lất một ngày một gần, nghĩa trúc-mai càng kết càng sâu. Vãn-cảnh tương-giao, giao-tình mạc-nghịch, khi vận-mệnh đương cùng, công-danh chưa đạt, thì cùng nhau mà xướng-họa, cùng nhau mà ngâm-đề ; bạch-tuyết đong-xuân, câu thẳng-thương vui với yên hà, cao sơn lưu-thủy, khúc cầm-ca chơi cùng non nước. Nếu may khi có duyên thái-bạt, gặp hội thăng-giai, thì cùng nhau mà mở tủ kinh-luân, tán-dương minh-thịnh ; cùng nhau mà đem tay kháng-tế, phủ-phất hoàng-du. Khi cùng thì đều ở, khi thông thì đều ra. Đành vậy. Nhưng nếu chẳng may xuất-xù hai đường cùng thông khác mệnh ; một người ra vào khe hác ân-dật làm cao, một người giông ruồi đường mây, công-danh làm trọng, song tình-ý chưa từng ngang trái, tinh thần vẫn cứ mơ trông, phải điều kẻ bắc người đông, lấy tình ghẻ lạnh ra tình ghét-ghen, Thử bạn ấy thật như chúng ta ngày nay, tuy cảnh-ngộ chưa thấy như nói trên, song khi-vị thì chẳng khác gì vậy,

Tiêu-đệ sinh-bình, ái-tài như mệnh, có ý muốn kết- nạp thiên-hạ anh-tài, nghe đâu có văn-gi hay cũng muốn kết-giao. Song lịch-duyệt bao nhiêu văn-chương, tấn-tiếp bấy nhiêu nhân-vật, mà hai con mắt xanh này thật chưa từng để ai vào cả. Không phải dám khinh-thể ngạo-vật, nhữn không nhất-thể đầu. Người văn có tài, văn vẫn có hay, nhưng tinh-tinh không hợp, ý-tứ không ưa, thành ra mấy năm trời có công kết-nạp mà không được một người thẳng-hữu.

May-mắn thay, nay lên đất Hương-son ngoài ông Cúc-đỉnh lại được một người mấy năm trông mong chẳng thấy, ao-ước chẳng nhảm, mà tinh-cờ lại gặp. Người ấy dung-quang kỳ-dị, tinh-nết phong-lưu, lưỡilạnh như sóng, mắt sáng như châu, bút hạ như con tằm ăn dâu, văn làm như con vượn qua cầu, khôi-khôi kỳ-kỳ, một dáng danh-nho, tinh-thần tương-khế, ý-khi tâm-dầu, thật là người bạn của mình rất quý. Hỏi ai? — Rằng Trần Tú-Thanh vậy.

Gặp nhau đã mấy hôm trời,
 Khiêm-thẳng thưởng khingày nhân-du.

Khi Kim-son phóng bộ,
 Khi Phổ-thủy phẩm chu.
 Khi Nhân-linh đồng du,
 Khi Trun-son ngâm độc.

Rượu thánh tạc-thù năm bảy cốc,
 Thơ thần xướng-họa một và câu.

Thú thích-tinh lên hát nghêu-ngao,
 Giọng nước chảy non cao lờ-đờ.
 Con đăc-ý giăng tay ra mùa,
 Dáng xiêm-nghê áo vũ tung-tăng.
 Nào non nào nước nào gió nào trăng,
 Cửa tạo-vật ấy rằng vô-tận.

Thi luật lao tao quán tự mãn,
 詩律勞騷君自憫。

Ngâm hoài tiêu sái ngã không bi.
 吟懷蕭洒我空悲。

Có đồng-âm mới gọi khách tương-tri,
 Càng họa đáp càng vì dân-di.

Ấy mới biết tinh-thần tương-cảm-triệu,
 Mượn câu thơ chén rượu tả tình-hoài,

Từ đây tài mới gặp tài,
 Ngàn thu ghi lấy hôm nay làm đầu!

Tiêu-đệ nhân có việc phải về, vội vàng xuống thuyền không kịp cùng nhân-huynh từ-biệt, trong lòng có giới-dải, cho nên gửi lại thốn-tiên từ-biệt và một bài thơ để tỏ tấm lòng gắn-bó. Lại ước ao rằng khi nào ông Cúc-đỉnh xuống chơi thì mời nhân-huynh quá bộ xuống luôn thể, để cho tiêu-đệ được tả tấm lòng khát-vọng.

Xuân-thiên Vị-thụ, nguyệt-lạc ốc-lương, ngày tưởng đêm mơ, xiết bao thương nhớ! Than ôi! trời đất hãy còn người mặc-nghịch, thì giang-san còn để chữ tương-phùng. Đợi ta tạc một chữ đồng, ngày xuân ắt hẳn trùng-phùng có khi.

MINH-PHƯỢNG



QUẢ DƯA ĐỔ (1)

PHIÊU-LƯU TIÊU-THUYẾT

(Được phần thưởng văn-chương Hội Khai-Íri Tiến-Đức năm 1925)

VII

XVII. — Mừng thăm

Vợ chồng An-Tiêm đi làm lễ núi Vọng chuyển này về, hai vợ chồng đều thấy trong mình nhẹ-nhàng mạnh-khỏe, hai đứa con thì chúng nó cũng vẫn chịu ăn chịu chơi, vì ở đây cả một cõi đời chỉ trở ra có bốn người cha con chồng vợ với nhau, còn lấy ai làm vú bõ nâng-niu như lúc ở nhà, các cậu không nũng-nịu, không quấy ai được, nên tự bỏ hết cả cái thói xấu của con nhà giàu có, bố mẹ hay nuông ở trong nội-địa. Cái thiên-tính của con trẻ được phát-đạt ra một cách dẽ-dàng, vui-vẻ nó chơi cả ngày, nhất là Mai-Lâm tinh-khi ngoan-ngoãn dẽ bảo, cử-chỉ lanh-lợi, thông-minh mà lại chăm học, nó cũng am-hiểu cái tình-cảnh của bố mẹ, lúc nào bố mẹ rồi thì dạy cho học và tập viết mấy chữ, lúc bố mẹ phải đi làm, thì Nàng Ba đặt con bé con lên cái võng bằng vải cái thừng cói mà nàng mới bện ra mắc ở gian mé nam nhà thảo-đường cho Mai-Lâm đánh đưa cho em, lâu lâu thì nàng lại về trông qua rồi lại đi làm. Một buổi tương-quân với phu-nhân đi kiếm cá về, râu cá loi-thoi, chân tay lấm-láp, mới về đến đầu nhà nghe tiếng võng đưa cọt-két, tiếng cậu cả Lâm ru em hời-hởi, hát những câu ca ngẩn-ngẩn, bài thơ giản-dị, mà ông lớn bà lớn đã dạy cho, thì hai vợ chồng bảo nhau đứng lại đầu nhà bên ngoài cửa sổ vừa ròm vừa nghe con hát.

An-Tiêm nói :

— Nghe cái tiếng hát của đứa tiểu-đồng, trông cái miệng cười của đứa hài-nhi, nó có cái thú-vị tự-nhiên thật không âm-nhạc nào vui bằng, bao nhiêu cái vất-vả về sinh-nhai, bao nhiêu cái phiền-muộn về thân-thể, tự-nhiên tiêu-tán đi đâu cả mà không biết, cái lòng từ-ái của Thượng-đế điều-ló ra những chỗ ấy, như ngày về buổi sáng, năm về mùa xuân, có cái khi-tượng hoan-hô âu-yếm vũ-trụ biết bao, xem như cái cảnh của ta ở đây còn gì vất-vả buồn rầu bằng, thế mà bấy lâu ta quên cả cái vất-vả buồn-rầu đi mà cùng nhau vui thú, khiến cho cái chỗ vắng-vẻ thiên-cổ này được có cái thú nhân-sinh như ngày nay, há chẳng phải là nhờ có đôi chút con thơ làm bầu làm bạn này đư? Mới biết ông tạo-hóa đã bằm-thụ vào trong lòng người ở đời là phải ham cái việc gây dựng con cái, mở-mang cõi bờ, cho nên ở đời cảnh nào cũng có cái sướng cái khổ, mà phần sướng với phần khổ vẫn ngang nhau, tham-luyện cái vinh-hoa của thế-tục, mà chịu cái ô-nhục của người đời, thì chi cho bằng kham lấy việc thiên-chức mà hưởng lấy cái thú thiên-nhiên thì có hơn không.

Nói rồi vợ chồng mới bước vào trong nhà, Nàng Ba vội vớt râu cá xuống nền nhà mà ôm lấy Quế-nương hôn-hít rồi-rit. An-Tiêm ngăm xem cái

(1) Xem N.-P. từ số 103. — Bộ tiểu-thuyết này tác-giả giữ bản-quyền, không ai được in lại.

dáng-cách của vợ con, cái ngấm ấy chả khác chi của người đi đầu xa vợ xa con, nay mới về, trông thấy lạ mắt mà lăm-bầm mừng thầm, bởi vì lâu nay chàng có lúc nào trông đến vợ con, nhất là trông đến vợ thì chỉ trông qua cái khi-sắc mà thôi, không dám nhìn kỹ đối-diện bao giờ, sợ cái cảnh khổ dễ khiến cho hai người càng phải động mỗi đau lòng, bây giờ thấy vợ con đều đổi ra một cách quang-nhuận sinh-sắc hay hay, khác với cái dáng-cách mọi ngày ở nhà, còn chàng tự nghĩ trong mình sờ thấy râu rậm mà dài không có gương soi xem cái diện-mục mình nay ra thế nào, nhưng thấy mình ăn ngon làm khỏe, mát xương mát thịt, bắp chân bắp tay nở nang thì chàng tự đoán rằng, mình lâu nay dầu sương dãi nắng, người đã đổi ra một anh béo hoãm đen xì thì phải, thôi có thế thì cũng là hay, có thế thì mới thực là cái chân-dung của con trai ông tạo, có da sắt mình đồng, già mưa dạn gió mới gánh nổi cái việc cần-khôn, thì chàng lấy làm mừng cho cả nhà, chắc có cái thế-lực của Thượng-đế âm-phù mặc-trợ cho mới được như thế. Bỗng trông ra bờ núi trước cửa sổ hướng nam, thấy có một bụi cây mọc xa xa có vài cái hoa nhỏ nhỏ mà trắng trông giống-giống hoa mai, chàng bèn mượn cảnh vịnh một bài thơ hoa mai để ngụ-ý, đọc lên rằng :

*Gốc mai nghiêng ngả bên đồi,
Mưa xuân nhuần thấm cây còi lại tơ.
Gió đông diu-dặt phát-phơ,
Thao vàng bông bạc nhõn-nhờ trên
cành.*

*Cho hay tạo-vật hữu-linh,
Cần khôn còn rộng còn dành giống hoa.*

Nàng-Ba nghe đọc biết ý chồng lấy gốc mai còi lại tơ mà tự ngụ-cảnh gia-đình lúc đó, nàng không nói gì chỉ gật gù mà mỉm-mỉm, nàng nhân trông ra ngoài cửa sổ nói rằng :

— Cái tự-dàn ngoài kia, bệ đã khó rồi, chỉ còn sửa lại lối đi nữa, phải cho xong đi, để lấy chỗ mà lễ bái.

An-Tiêm nói :

— Phải, tôi cũng nghĩ thế, vì mấy hôm cá mú được sai mà lại dang cữ nặng, nên phải phơi lấy ít lương khô nữa để giao cuối hè này mưa nhiều khỏi lo, có sẵn lương thì mới thư mà chăm đến việc sửa-sang khác được, hơn một năm nay đã nghiệm khắp một vòng thời-vật thay đổi trong bốn mùa, đã nghĩ được nhiều nghề kiếm ăn, nào vớt, nào vó, nào cần câu cua, rọ, khăm, đặng, lưới cá, cứ đến mùa nào thì giở nghề ấy, thế là cái việc con nhà chài đấy, mình đã thành thuộc rồi ; quần áo thì bằng coi còn nhiều, mưa gió cũng có việc làm, hang kho dặng kia chỗ thì chất bằng cổi, chỗ thì để cá khô, cá mực khô, tôm khô, chỗ thì để đặng lưới rọ cùng củi khô, các thứ lịch-trữ cũng đã nhiều, còn thứ rau muống bẻ xem ra nó mọc kế-tiếp nhau không bao giờ thiếu ăn, nó cũng như tính rau muống trong nội-địa, ăn không chán mà cũng mát ruột, ta phải trân-trọng mà giữ lấy cái giống rau ấy để bù vào ngũ-cốc ở đây. Kề cái kế y-thực như thế là chắc-chắn rồi, cũng là nhờ được cái thổ-sản thiên-nhiên phong-hậu ở đây, ta cũng đỡ cái khổ gian-nan mà không kiếm đủ nhậ-dụng, thì cái phạ-quí của tiền-thân Thượng-đế đã cho ta ngó thấy cái hé sáng rồi đó, nhưng tạo-vật sở-dĩ hậu-đãi người là muốn cho người ta khoan cái kế sinh-nhai mà lo những việc lâu-dài trong vũ-trụ, chứ trời có ghét gì những sản-vật ở đó mà đem bợn người tham-tàn lười-biếng đến để ăn-tàn phá-hại những sản-vật của trời sinh ra đâu.

Nói rồi hai vợ chồng cùng nhau ra chỗ tự-dàn mới sửa-sang con đường đi vào, rồi vào núi đá đánh cây đánh các thứ hoa về giồng từng hàng từng

luống, ở đảo này không có những giống cây to hoa đẹp, nhưng cây tuy nhỏ, hoa gọi là có sắc, giồng được độ dâm trời, cây tươi lại ngay, thì trông cũng ra một cái cảnh-trí đẹp mắt, tiện dịp cũng lại đánh thêm cây thêm hoa về giồng ở trước nhà thảo-lư nữa.

Nguyên cái tự-đàn ấy, vợ chồng An-Tiêm khởi công làm ngay từ hôm sau ở núi Vọng về, vợ chồng bàn với nhau rằng. «Lễ-nhạc là cái gốc trị nước, có lễ-nhạc thì nhân-đạo mới thành-lập, cho nên lúc mới đến mở hạt sông Đờ cũng phải lo-liệu việc ấy cho dân ngay, một ngày có lễ-nhạc thì nhân-đạo lập được một ngày, một người có lễ-nhạc thì nhân-đạo lập được một người, đây tuy tịch-mịch cũng là một nhà, muốn tính cái việc tràng-cửu, há không lo-liệu lấy nhân-đạo cho một nhà dư ? Trên núi Vọng vừa cao vừa xa dễ riêng làm nơi lễ trời mà quan-vọng hải-vũ, trên ấy sau dù đông dân cũng không nên lập ra miếu-vũ gì, vì tế trời nếu tế bằng một cách thiên-nhiên, thường-niên lên lễ một lần, còn thì phải có một nơi ở bình-dịa gần-gần để thường-thường thờ-kính chiêm-ngưỡng các đức Quốc-tổ, các vị thần-thánh trong nước mà phải thiết ra có đàn-sổ hần-hoi, xem có một chỗ chân đồi giữa quãng, một bên thì hang Hương-Việt, một bên thì mộ ông tử-tướng với bến Sứ, con đường từ nhà ra mộ ông tử-tướng hay bến Sứ tất đi qua đó, chỗ đó phong-cảnh cũng đẹp, sau lưng là núi Vọng, trước mặt hướng tây-bắc trông về cố- quốc, lập được một cái tự-đàn ở đó, thì những ngày diên-lễ trong nước như ngày tế các quốc-tổ, các thánh-thần, ngày hóa-nhật đức Phù-đồng thiên-vương cùng những ngày nhớ các bậc vĩ-nhân trong nước, thì vợ chồng con cái đưa nhau ra đó quét sạch rồi đốt năm gổ thơm, đặt ít hoa núi mà tưởng-vọng công-đức các ngài. Ở đây là một nơi ly-biệt với

tôn-bang mà làm được như thế, tức là tỏ cái lòng hoài-vọng đó, chỗ này cũng là cõi nước, ta ở đây tuy còn ít người, nhưng cũng đã có óc nhà người sống, có ngôi mồ người chết, đã ký-thác một cái tâm-tinh với cỏ cây đất nước ở đây, nữa là cái lo xa còn lù-lù ở trên mộ ông tử-tướng kia, bao giờ được tin non-sông vô-dạng thì mới mừng, thế thì ta đã lập được một chỗ thờ-kính ấy chính là chỗ để duy-trì cái tâm-thân ta với chốn nước cũ muôn dặm xa-xôi kia, chính là để duy-trì cái tâm-thân ta với tinh-anh tổ-tiên đời trước với vận-mệnh con cháu mai sau ở đây vậy, ta có làm được những việc có thủy có chung thì Thượng-đế mới thương mà giúp cho ta, làm nên những công-cuộc lớn-lao mà dễ phúc về hậu-nhật.» Bàn như thế rồi vợ chồng mới ra lái cỏ chặt bụi, phá quang được một khu rộng-rãi vuông-vắn, chồng lấy gươm xới đất, vợ ra bê xách nước, rồi nhào đất đắp một cái bệ vuông, cao ngang ngực người, đắp xong lấy đá nện nhẵn, lại mới nung được một cái bình hương sành để lên trên bệ, thì trông đã nghiêm-nhiên ra ngay một chỗ thờ kính tôn-nghiêm rồi, chỉ hiềm không có những cây kiêu-mộc cô-thụ rườm-rà bóng mát như các nơi tự đàn ở trong quê nhà.

Hôm sửa sang xong, vợ chồng đặt một mâm hoa, đốt một lò hương, vợ chồng cùng mặc quốc-phục, cung-kính làm lễ, khấn vái chí-thành, tưởng-niệm xong, An-Tiêm mùa khức Đại-thần-vũ ca-tụng công-đức quốc-tổ thánh-thần, Nàng Ba thì đọc mấy bài «thơ tụng» rồi tiếp theo, vợ chồng lấy làm cảm-khích xôn-xao một cách lạ đường. Mai-Lâm khi ở nhà đã được đi xem tế miếu về những ngày diên-lễ, nên nay thấy bố mẹ làm lễ, thì cũng hiểu mà mừng rỡ giắt em đứng xem không biết mỏi.

Sáng hôm sau trời dâm mát, vợ chồng nghỉ ở nhà chế cối đánh sợi, Mai-Lâm

thì đổ em ở cái bệ về gian mé nam, lấy võ sò võ ốc bày biện cho em chơi, Nàng Ba với An-Tiêm thì ngồi giữa nhà làm việc, mỗi người ngồi một bên đối nhau vừa làm vừa nói chuyện.

An-Tiêm thấy Nàng Ba mình thì mặc xiêm bông áo cói, đầu vấn tóc trần mái tóc mây lâu nay không lược chỉ gỡ bằng tay gội bằng nước lã, chẳng có dầu sáp gì, mà nó vẫn đen rung-rức, dính bết vào da đầu, đường ngói trắng toát mà thẳng, nét mặt thì lại đầy đặn hơn xưa, nước da càng ra nắng gió lại càng săn-sắn, đôi má đào chon-chót phân sắc với cái trán phải đi làm chít khăn óm nắng trắng tinh như ngọc, thật là người tốt không phải về lụa, mà gái ba con mắt trông lại càng thêm mơn, chàng bèn ngâm lại câu : « Ngắm ta ta cũng nực cười, răng đen má phấn vốn người ta xưa. » Nàng Ba cũng thở dài một cái mà đọc : « Răng đen má phấn càng thêm bận lòng. » Hai người lại trông nhau cả cười, thì đôi mắt phượng của Nàng Ba lóng-lánh như đôi vệt thương-hải ở dưới bóng trăng thu dào-dạt; cái miệng hoa ngâu, hàm răng hạt rền của nàng mà chiếu dọi vào trong mắt của An-Tiêm; khiến cho trống ngực An-Tiêm phải nện lên thình-thình, tưởng như cái thân cậu đồng-tử họ Chủ lại ngã nghiêng đầu trên cánh tay bà Tiên Dung rồi vậy. Nàng Ba cúi đầu trông xuống, An-Tiêm cũng đứng lên đi ra cửa đứng. Chàng trông thấy mấy bông hoa núi đá mới trồng ở trước cửa mà nghĩ một mình rằng : ôi, cái vườn xuân kia chẳng phải của đông-quân làm chủ bấy lâu nay thì của ai, sao bây giờ chúa xuân yêu hoa mà không nở vin cành là vì đâu, chẳng qua cũng chỉ là chúa xuân thương hoa dầu mưa dãi nắng mà ái ngại nê vì đấy thôi, vợ chồng mình từ khi bị phóng-trục đến nay, hình-ảnh lại càng theo sát không giây phút nào rời, để cùng hiệp-lực đồng-tâm mà

theo đuổi với cuộc biển, đem cái tinh khâm-trâm ra làm nghĩa kim-lan, đổi cái lòng yêu giấu ra làm cái bụng kinh vi, cùng nhau thiết-tha cần-trọng giữ một niềm trai-thành mà khẩn cầu Thượng-đế thần-minh cho đủ sức mà vâng chịu cái uy lệnh nghiêm-nhật, tư-nghĩ vì mình mà cho cái thân phận của một nhà đến nỗi oan-khốc thảm-thương nước đời chưa từng thấy này, cũng may trong nghĩa tử-sinh mà lại được người bạn thiết, cùng nhau một lòng sắt đá, chiến-đấu với cái tai-nạn, nuôi lấy đôi chút con thơ của huyết-mạch ân-ái chung đã kết nên này mà gánh lấy cái gánh càn-khôn, đền ơn quân-phụ, trọn nghĩa thờ trời, cho tới ngày cùng nhau mãn-kiếp, chứ mình có phải sống như muông cầm muông thú đâu mà sáng không biết thẹn với bóng, tối không biết đau với lòng, không biết trên cao-cao còn có chi-chi, mà còn si-tưởng đến nguyệt kia boạ nọ, về phần nàng thì chắc nàng cũng nghĩ như ta, nên bấy nay vợ chồng cùng nhau ăn ở ra vào, ngày trông nhau mà tủi thân không dám nhìn, đêm nằm chung mà quên cả cái mộng xuân ngày bình-nhật.

Nghĩ thế rồi lững-thững đi ra những chỗ cây hoa, vừa đi ngắm hết cây nọ sang cây kia, xem những bông hoa ở đấy khác cả với cái nhan-sắc hoa trên thượng-uyển, thoạt trông thì tâm-thường giản-phác, mà tế-nhận mới biết cái vẻ tài-tình riêng, cho hay tạo-hóa cũng nhiều tứ-khéo, không một qui-cử nào; lại nghĩ lần-thần rằng :

« Tao-vật đối với trong vũ-trụ, không bỏ sót một chỗ nào mà không trông nom thương yêu đến, người ta cứ thấy chỗ đô-hội thì cho là linh-tú, thấy chỗ hoang-vu thì cho là tịch-liên, đó là cái ý thiên kiến của người, chứ có phải là ý trời đâu, mà ý người cũng lại là tạm chứ không phải là nhất-định, thử xem chỗ đô-hội nào mà không hóa

thêm chua xốt », nghĩ thế, nhưng rồi lại sợ thất-y chồng, bèn đưa bài thơ lại cho chồng, nhách mệp mà rằng : « bài này hay đấy », rồi tươi tỉnh nét mặt mà bảo chồng rằng :

— Hôm nay mát trời ta làm mãi lấy sợi để nâng lên mà phơi.

An-Tiêm lại ngồi xuống chế cối, hai vợ chồng lại làm việc như thường.

XVIII. — Lại có đèn

Vợ chồng làm việc lúi - húi, trông lên đã nhá tối, mới đưa hai con ra cửa chơi mát, bỗng trông thấy ba bốn con quạ bẽ ở ngoài bãi, mỗi con bay một ngả rải-rắc về tổ, một con bay qua nóc nhà. An-Tiêm nâng mặt trông theo thì thấy nó bay qua cả mấy cái núi đá ở đấy mà theo những con kia bay mãi về đàng tây-bắc, rồi nghe vắng vắng có nhiều tiếng quạ bẽ kêu râm-ran cả một nơi xa xa trong vùng núi đá mà mấy con vừa bay đến ấy. An-Tiêm nói :

— Mọi ngày vẫn thấy mấy con quạ bẽ ăn ở vùng bãi mé nam núi Vọng, tối thì bay về vùng núi đá sau hang Hường-Việt, tôi cứ nghĩ nó về tổ nó ở trong những hốc đá sau hang này hôm nay mới biết nó ở mãi đàng kia chứ không phải ở quanh đây. Nghe tiếng quạ kêu nhiều thế thì đàn quạ ở đây đông lắm đấy. Tiếng kêu nghe như bay lên bay xuống, chồ nọ ra chồ kia, nhón-nhác truyền cành truyền cây, thì ở đây có cái miếu rậm thì phải, mà tiếng con quạ đậu rồi thì nghe thấp lắm, chắc miếu ở chồ ấy cũng thấp chứ không cao, mai tôi thử tìm xem có đường đi được không.

— Có đi phải cẩn-thận mới được.

— Phải, nào có phải thân của một mình mình.

Sáng mai An-Tiêm đóng khố mặc áo bị, đeo một cái rọ, một nắm dây

cói, một ít cỏ khô, và grom với đá lửa, tay chống cái gậy song để dò nước, tìm đường bãi đi về tây-bắc, lội len-lỏi đi vào những khe núi đá trên bãi nước, mỗi chỗ lại bỏ một cái cỏi hay phạt một cây xú xuống để đánh dấu lối về, cứ thấy nước sắp-sênh cỏ chân mà cát tro thì cứ đi, đi một ít lại trèo lên mồm đá mà trông chung-quanh, một chốc thì thấy một cái bãi cỏ xanh nổi trên mặt nước, chung-quanh lác - đặc có cái núi đá nhỏ ở rìa bãi, như cái cọc cắm giữ lấy cái bãi. An-Tiêm mừng lắm vội-vàng lội đến chân bãi, chống gậy nhảy tót lên trên bãi đứng mà trông vào, thấy bãi rộng thung-thinh, cỏ xanh rêu-ọp, ba mặt đông tây bắc đều nhiều cây to, miếu rậm xanh tốt um-tùm, biết đích đàn quạ bẽ kêu hôm qua là ở đấy rồi. An-Tiêm trông khắp một lượt mừng rú cả người lên, chấp tay cảm ơn Thượng-đế mà rằng :

-- Một cái chồ giữa bẽ mà cỏ cây ư-nhã, tú-khi uất-thông của Thượng-đế ban cho ta này, ở trong tất còn có nhiều cái đặc-án nữa chứ chẳng không.

Nói rồi trông lên một cái ngàn thông gần đấy, bèn đi vào thời có nhiều thông lắm, cây lớn cây nhỏ cũng có. lăm cây lụ-khụ mấy trăm đời đã lữa ra như đá non-bộ mà vẫn sống, có cây thì đồ đã mục ra, có vô-số mộc nhĩ, An-Tiêm lấy mộc-nhĩ nhét vào đày một rỏ rồi chặt thủng mấy gốc cây cho nhựa chảy ra, lại đem cỏ khô của nhà đất di, ra khỏi rừng thông đốt, lữa bốc lên. An-Tiêm nói :

— Đó là ngọn khói ta cáo với Thượng-đế biết rằng ta đã thừa-nhận lấy cái lâm-viên mát-mẻ, cái kho vô-tận thiên-nhiên này để mà cấp phát vào trong cái công-nghiệp của ta ở đây đó.

Bấy giờ lại đi tản-bộ trên áng cỏ mà nói :

— Cái thổ-tính ở đây âm mà có màu thế này, tất có mạch cam-tuyền lẫn-nhuận ở trong chỗ này rất có lợi cho việc canh-nông, sau có dân đến thì ta sẽ để cho bọn ngư dân với bọn thương-dân ở bên hang Hương-Việt mà cho bọn nông-dân sang ở bên này, nay ta hãy trở lại nhà, kéo mẹ con nằng mong đợi, rồi vài ngày ta lại sang xem xét một lần cho khắp cả những chỗ rừng cây bụi rậm kia tìm lấy những cái vật giai-phẩm và thưởng lấy những cái cảnh thanh-u kia.

Bèn đi trở lại ngàn thông trông xuống những gốc thông chém thủng thì nhựa chảy ra lệt cả cổ, chàng bèn cắt lấy cỏ mà tắm vào nhựa quấn làm một bọc đem về. Về đến nhà mừng rỡ hơn-hớ khoe với Nàng Ba. Nàng cũng mừng lắm. Từ đó ấy trở đi, trong cái lều tranh trước núi đá trên bờ một cái đảo vùng Nam-hải, tối đến trong chỗ tiếng vọng ru em cọt-két, tiếng trẻ con học y-a cùng xen với tiếng nói cười ngâm-ngợi, có một ánh sáng lọt qua cửa sổ mà thấp-thoáng lơ-mờ soi ra ngoài, khiến cho một đám trời mờ-mịt thiên-cổ đến nay có vẻ ràng-rạng. Ánh sáng ấy không phải là sáng đèn thuyền đi bể, cũng không phải là sáng lửa ma trời, chính là cái sáng ngọn mồi nhựa thông mà An-Tiên mới tìm được ở cái bãi mới về métây-bắc cách hang An-Tiên ở một quãng đem về làm vào cỏ mà làm mồi thấp đem đó. thật là một ngọn đèn từ khi có đảo đến nay mới có vậy.

XIX — Tính về sau

Trong hang từ khi có mồi nhựa thấp sáng, được thêm thì giờ, đêm nào vợ chồng cũng thức khuya, lúc làm việc, lúc viết lách, Tối hôm ấy nhà đi ngủ rồi, An-Tiên nằm với con trai lớn ở nhà ngoài, trần-trọc không ngủ được, trở dậy đốt ngọn mồi nhựa thông ngồi nghĩ lần-quần một mình rằng :

— Vũ-trụ có là gì, vũ-trụ chỉ là một vườn xuân của Thượng-đế, mà một cái cõi của vạn-vật sinh-nuôi, Thượng-đế sinh ra vạn-vật, vạn-vật tự sinh-sản mãi ra mà hưởng lấy ơn-huê của Thượng-đế, người ta là con trưởng của Thượng-đế, có quyền coi cả vũ-trụ mà mở-mang cái kho bảo-tàng để làm tốt-đẹp cho thế-giới, thời người ta lại càng phải tự trân-trọng gây-dùng lấy giống nòi của mình, cổ có câu : « Va điều bất hiếu, vô-hậu là lớn hơn », một người đàn ông hay đàn bà mà tự mình làm cho mình vô-hậu, ấy là một người phải tội bất-hiếu với ông bà, một nước mà tự mình để cho người dân sa hèn lụn-bại, ấy là một nước phải tội bất-hiếu với Thượng-đế, cho nên cái sự nam-nữ không phải là cái sự vì khoái-lạc, chính là cái kể vì tôn-diêu, mà cái việc sinh-nuôi dạy bảo con cái tức là một đạo thờ trời đó. Thượng-đế vốn lòng hiếu-sinh, Thượng-đế không muốn cho loài nào mất giống, Thượng-đế đem cái khoái-lạc mà thưởng trước, chính là tham-y tạo-vật lấy cái khoái-lạc mà sai khiến cho sự sinh-nuôi đó. Vật-loại thì nó dùng sự khoái-lạc đúng mực với lệnh trời, mà người ta thì có điều quá-dáng, cũng là vì cái tệ bởi người ta có trí khôn, những kẻ lạm-dụng sự khoái-lạc thái-quá, đến bỏ mất sự sinh-nuôi là những kẻ ngu-ngoa không kể, nhưng người ta cũng vì biết dùng sự khoái-lạc hơn vật-loại, nên người ta cũng thân-ái nhau hơn vật-loại nhiều lắm, kể cái cảnh-hưởng của vợ chồng mình ở đây bây giờ lấy cái việc trước mắt mà xét thì sống cũng là sống gương, còn biết chi là khoái-lạc, mà lấy cái kể lâu dài mà nói thì sự yêu-giấu nhau không những là cầu vui mà lại là cái phận-sự còn phải làm nữa, nếu cái sự-nghiệp ở đây mà sớm được như nguyên thì đã đành, nhưng nếu còn chậm lại ta chưa kịp thấy, thì cái kể tràng-viên ở đây phải nghĩ thế nào, một cái đảo tốt-đẹp quý-

báu của quốc-giới xa-xôi mà Thượng-đế để dành cho ta này, ta không kịp hưởng cái thành-công khai-thác. thì ta quyết lưu-truyền phó-chức lại cho con cháu ta kể lấy cái chí của ta, lẽ nào ta chịu để cho cái khí-vận nó đè nén chúng ta cho đến tiêu-trầm mà cam bất-trung bất-hiếu với tổ-tông với 1 hượng-đế, lúc trời đất mới mở-mang một ông Bàn-cổ mới ra đời mà đến nay sinh-sản biết bao nhiêu dân, làm vẻ-vang rực-rỡ cho vũ-trụ. Nay vợ chồng tuy cũng đã có đôi chút con thơ thừa-tự, nhưng vợ chồng vừa mới trung-niên, đem cái nghĩa kinh nê bấy nay điếm chút tình yêu-giấu, Thượng-đế thần-minh giáng phúc thêm cho năm ba lần cát-mộng nữa, thì độ vài ba đời về sau, ta không phải là ông bà Bàn-cổ mà truyền cái giống người Bách-Việt ra giữa cõi đất tre-leo này dư? Nhưng vợ mình chấp-nệ chẳng biết có nghĩ như mình không, ta phải lấy thơ mà hỏi ý nàng mới được.

Bấy giờ lại đốt thêm ngọn đèn viết bốn câu thơ sau này :

*Hôn-mang khi mới dựng thành,
 Một hai, hai bốn hóa sinh muôn loài.
 Sinh-sinh là đạo của trời,
 Đã sinh ra giống ở đời phải sinh.*

Viết rồi để ở bệ mà đi ngủ. Sáng mai Nàng Ba dậy ra bệ ngồi, thấy bài thơ mới, bèn cầm lấy xem, xem rồi có ý buồn-bã không nói gì, An-Tiêm thấy thế cũng ngường-nguơng, nhưng lại thấy nàng có ý vui-vẻ hơn trước, thì chàng cũng không để ý đến việc ấy nữa.

Độ ấy chừng về mùa thu, nắng đã nhạt, khi trời lạnh-lạnh lại gặp tuần trăng, tối hôm ấy, vợ chồng giải chiếu trước thảo-lư, ngồi chơi chờ trăng, chập tối trăng còn khuất cái núi đá sau nhà, An-Tiêm bèn thấp một ngọn đèn mờ nhựa thông ở bên cạnh chiếu để vợ chồng ngồi nó với con, một lát hai con buồn ngủ, vợ chồng bế hai con vào trong nhà, rồi lại ra ngồi trò chuyện, bỗng vàng trăng vắng-vác kéo lên đi l

núi Hương-Việt, rồi từ từ lên giữa trời, bóng sáng chiếu ra, cỏ cây mây nước đều có vẻ tinh-huỳnh, ngoài bề xa xa, một vệt sương trắng xóa chặn ngang như cái thành, trước cửa lều, vợ chồng lại được nhận thấy cái vẻ thanh-quang dưới bóng nguyệt của nhau ngày nọ.

An-Tiêm sức nhớ đến cái cảnh đêm rằm năm xưa, ngồi thần người ra không nói năng gì.

Nàng Ba thấy ý chồng không vui, tự nghĩ rằng :

Cái đạo đàn bà ở đời là phải giữ việc nổi dỗi, giữ việc tề-gia mà cũng phải giữ việc làm khuấy-khỏa cho kẻ trượng-phu, xem phong-thi bên bắc-quốc, có tiếng gà giục-giã lúc tinh-sương, lại có tiếng thư-cuu họa vãn cầm-sắt, ấy là người xưa đã liệu đủ cái đạo vợ chồng ở với nhau một cách giai-lão cho được êm-ái, mình tuy vụng về, song từ thuở vịnh thơ Đào trở đi, làm hết bõn - phận không hề để cho trong gia-đình có điều gì rầu-rĩ bao giờ. Duy từ khi binh-địa ba - đào tới nay, cái tai-nạn nó làm cho xiêu hồn bạt vía, may nhờ được cái lòng can-dảm cái chí kiên-cường, cái niệm trung thành, thờ trời giúp nước của đấng trượng-phu, nên Thượng-đế thần-minh a-hộ cho mẹ con vợ chồng sống được với nhau ở đây đến giờ. Vả đấng lương-nhân ta xưa nay không phải là người nặng tình chần gối mà thế chi non sông, chẳng qua là chàng bấy nay hết sức khuyên ta biết tin cậy đấng Thượng-đế nhân-từ quảng - đại, nay đâu cái phúc sau lưng chưa thấy mà cái họa trước mặt cũng đã thư-thư, nên chàng nghĩ đến ân-ái nghĩa cả mà thương ta, chàng sợ ta đàn bà non dạ, tuy bề ngoài nề chồng thương con mà miễn-cưỡng cho qua sớm tối, nhưng trong lòng vẫn lo-âu khiếp sợ, có ngày rồi đến ngã lòng, nên chàng tỏ ý thương ta, cho ta quên hẳn mọi cái lo-âu khiếp sợ kia đi. Ôi! xử một cái cảnh ghê

gồm lạ đời này, mà vợ chồng còn dám thương yêu đến nhau, thì mới thực là can - đảm kiên - cường, mới đủ sức sáng-lập lấy một cái cuộc đời mới cho mình. Vậy thì trời chữa tuyệt mình, mà mình nỗ lực-tuyệt, thì sao cho phải cái đạo thờ trời, sao cho phải cái đạo thờ nhà thờ nước và thờ chồng

Nàng nghĩ đến đây thì An-Tiêm vừa nói :

— Trăng đêm nay cũng giống như trăng đêm hôm rằm ở sông Bờ, thắm-thoát đã ba năm nay rồi, trong ba năm nay biết bao nhiêu nổi nổi chìm chìm tử, trăng có hay cùng và trăng có nhớ đến hai người cũ này là ai chẳng ? Nhưng sao trăng đêm hôm ấy thì nao-nức làm vậy, mà trăng đêm nay thì lạnh-lẽo như kia ?

Nàng Ba mỉm-mỉm đỡ lời lên một cách vui vẻ mà rằng :

— Hay là đêm ấy có chén rượu nhạt của trong nhà nên trăng vui, mà đêm nay thì suông hẳn nên trăng buồn ?

An-Tiêm cũng bật cười lên mà rằng :

— Đang khi người xưa nguyệt cũ, trùng-phùng nhau ở giữa bề trời này, tôi với hiền-thê mỗi người ta làm một bài thơ « Vãn-nguyệt » để ghi cái giai-hứng đêm nay,

— Vàng, xin lang-quân đọc trước.

An-Tiêm đọc rằng :

Đôi người đôi bóng dưới trăng.

Trông trăng lại nhớ trăng rằm năm xưa.

Xiết bao còn mấy câu thơ.

Mà đôi người cũ bây giờ vẫn đây.

Tơ-tình mặt nước chán mây,

Nhớ nhau nên đến chốn này tìm nhau.

Nàng Ba cũng đọc tiếp lên rằng :

Bấy lâu quên cả tháng ngày,

Thấy trăng thanh chắc đêm nay đêm thâu.

Càn khôn dằng-dặc mỗi sầu.

Chị hằng kia vẫn sống lâu một mình.

Có thương chăng kẻ oan-tình,

Sóng Ngân một sợi tơ mảnh năm năm.

An-Tiêm nói :

— Đồng-sinh đồng-tử, vấn - vít to-mạnh, chị hằng kia cũng phải then...

XX - Gặp cô Việt-Nga

Lại nói về An-Tiêm từ khi tìm được cái bãi mới, vợ chồng mừng lắm, đặt tên là vườn Lạc-viên, theo chữ Lạc-điền của quốc-tục, vài ba ngày chàng lại sang một lần, lúc thì lấy mộc-nhĩ, nhựa thông, lúc thì kiếm củi cắt cỏ, lâu lâu lại cho vợ con sang chơi một buổi.

Rày tối mai qua, đã đến mùa xuân thứ ba rồi, An-Tiêm bảo Nàng Ba rằng :

— Thượng-đế ban cho ta cái vườn Lạc-viên ấy để bảo-trợ thêm tài-liệu vào cái sự-nghiệp của ta bên này, ích-lợi thực vô-cùng, nhưng tôi xem cái chỗ linh-tú khác-thường như thế, tôi chắc ở trong còn có một cái trân-tàng mà Thượng-đế sẽ đặc-thưởng cho ta nữa, chứ không những vật đã thấy đấy mà thôi đâu, bởi thế tôi chịu khó xem xét lắm, hề thấy một cái quả một cái lá một dòng nước một hòn đất lạ con mắt thì tôi khảo-nghiệm kỹ-càng, xem có dùng làm việc gì được không. Tuy vậy, hôm nào sang cũng chỉ ở được có nửa buổi lại về, nay đã tới xuân rồi, khí trời ấm-áp, bóng chiều quang soi khắp càn khôn, các giống cỏ cây được khí dương-xuân đều nảy nở, vậy ta nên sắp đồ-dạ cho cả nhà sang chơi, trọ lại vài ba ngày, vừa thưởng cái cảnh vườn xuân cỏ hoa xinh đẹp, vừa tìm kỹ xem có được cái gì lạ không.

Nàng Ba nói :

— Lang-quân định hôm nào đi ?

— Hễ hôm nào sắp đủ lương-thực thì sang.

— Thế thì mai lang-quân sẽ sang giùm lấy một cái vòm, để tôi ở nhà đi hái rau cho nhiều, ngày kia thì sang.

— Phải đấy.

Sáng mai hai vợ chồng chia nhau mỗi người đi làm một việc. Cách một ngày đến ngày thứ ba, vợ chồng An-Tiêm đưa con và gồng gánh lếch-xếch sang chơi Lạc-viên, đến nơi, An-Tiêm đem gánh để vào bên vòm, Nàng Ba giải chiếu vào ò trong vòm cho hai con ngồi chơi, vợ chồng đưa nhau đi tiêu-dạo khắp mọi chỗ, hết mướu họ đến rừng kia, hết trong bụi lại ra ngoài bãi. Nàng Ba nói :

— Một vùng cỏ hoa cây cối thế này mà trừ một thứ quạ bề ra, không thấy có một loài chim nào khác, và một con ong bướm nào ?

An-Tiêm nói :

— Ý-giả chỗ này bé nhỏ chon-von giữa bề, xa cách cõi lục-dịa, nên những giống ấy cũng không ra được.

Hai vợ chồng cùng đi vắn-vơ trên bãi cỏ, An-Tiêm ngậm lên rằng :

*Xanh xanh một áng cỏ xuân,
Nước non chẳng chút bụi trần vắn-vơ.*

Nàng Ba cũng ngậm lên rằng :

*Đưa nhau lên đến vườn trời,
Trời đi đâu vắng bốn người ngẩn ngơ.*

Vợ chồng càng thấy cái cảnh-vật giống với cái cảnh-vật chốn quê nhà, thì lại càng lưu-luyến đến hơn hai ngày, lần mò mọi chỗ, chẳng thấy cái gì lạ, An-Tiêm nói :

— Phàm của quý tạo-vật hay cất kín ta chịu khó tìm mãi rồi cũng thấy.

— Hết lương rồi, ta hãy cho con về, khi nào thư thì lại sang.

Hai vợ chồng bèn trở lại vòm, An-Tiêm chợt trông thấy con gái bé, tay cầm mấy cái cây con mà chơi, chàng vội cầm lấy một cây xem, thì nó giống như cây bí mới nở, chàng bảo con gái bé đưa cả cho chàng xem, thấy mỗi cái mầm ấy có một cái rễ cái đâm xuống đất, hai cái lá tròn mà dày, bởi hai mảnh hột nở ra, một cái nõn mới nhú lên. An-Tiêm hỏi Mai-Lâm rằng :

— Những cây này ở đâu thế con ?

Mai-Lâm vừa nói vừa trở ra bãi trước cửa vòm mà rằng :

— Em khóc, con dứt những cây ấy ở chỗ kia cho em chơi đấy.

An-Tiêm vội chạy ra xem, và gọi Nàng Ba cùng ra, đến chỗ con trở thì thấy những cái mầm cây ấy mới nở đều một lượt nhiều lắm, lẫn cả vào với cỏ. Chàng lại nhặt lấy hai cái mầm vỏ ở ngoài hột mà nó mới nở rơi ra chấp lại thì to hơn cái hột bí mà mập và đen, hai vợ chồng lại xét kỹ, thì những cái vỏ ấy rơi ra còn nhiều, cái nào cũng đen như thế cả, An-Tiêm đoán rằng :

— Những cây này nó cũng về loài bầu bí hay loài dưa gì đó thôi, chỉ lạ có hột đen thì không biết quả nó ra kiểu gì, ta thử đi vùn ra cả chung-quanh đây xem có còn không.

Hai vợ chồng lại đi ra khắp cả một khu gần đấy thì thấy lác-đặc mỗi chỗ có năm ba cây, chỉ có chỗ xen trước tiên là nhiều hơn mà quang sạch hơn, hai vợ chồng lại trở lại, Nàng Ba nói :

— Sao không có cây lớn nào mà lại có giống cây con ?

— Có lẽ thứ cây này có từng mùa, hết mùa thì cây chết, quả bỏ lại rồi cũng thối nát đi, còn ít hột dính xuống đất đến mùa lại nảy lên, cứ tự-sinh tự-diệt như thế mãi, nhưng cũng là một thứ sản-vật mới thấy ở đây, chứ tôi không thấy bầu-bí dưa nào đen hột như hột na thế này bao giờ, ta hãy cứ nhặt cỏ và chôn chút cho nó đẻ sau ra quả xem sao. Cái lẽ tạo-vật hữu-chư trung tất hình-chư ngoại, một cái kho tàng tráng-lệ ở trong đất có nhiều đồ quý, một cái non sông gấm vóc khi-hậu trong lành ở trong đất có nhiều nhân-tài lỗi-lạc, cho nên tôi thấy cái bãi nhỏ giữa bề giữa trời này, mà cỏ cây hơn-hở, cảnh-trí phong-quang, khiến cho khách tầm-phương phải lưu-luyến

không dứt tình ra được, nay trong chỗ cây rừng cỏ nội này mà lại có cái cây giống như những cây ngon lành, mới nảy ra trông đã có cái vẻ kỳ-tú-bất-phàm thế này, thực cũng khá-nghi, biết đâu đã không phải là cái số-ước của ta là đây rồi ư. Vả tôi đã nói những thứ ăn dùng ở trong đời cũ là cỏ-nhân phải tìm nghiệm dần dần, còn từ nay về sau còn phải tìm nghiệm nữa, chứ như thế đã biết hết được cái kho vô-tận của ông tạo đâu, ta ở đây là cái đời mới, cái gì cũng thiếu cũng cần, mà cái gì cũng phải tìm ra mới có được, bây giờ thấy cái này khác con mắt, ta cứ trân-trọng mà giữ lấy, chẳng được quả mà ăn cũng được cảnh mà chơi có hại gì.

Hai vợ chồng cùng ngồi xuống nhõ cỏ, rồi vào miếu chặt cành đem ra rào chung quanh, lại đánh mấy cây con về trồng trước cửa nhà để trông nom cho tiện.

Từ hôm ấy trở đi, công việc trong nhà An-Tiêm, trừ đi hái rau, kiếm cá, đủ bữa ăn rồi, thì lúc nào hai vợ chồng cũng lui-hùi ở bên Lạc-viên, trồng-tọt những cây con mới tìm được ấy, kể grom người dao, cắt cỏ xới đất, rồi bở hốc, trồng ra mỗi hốc một cây con, mỗi cây cách nhau năm sáu thước. Đến khi đã đủ lá thành cây lớn, xem đích là cây dưa, nhưng không biết là dưa gì, vợ chồng mừng lắm, càng chăm bẵm thêm, nắng quá thì chặt cành cây cắm mà che, mưa lắm thì khơi rãnh cho khỏi úng-thủy, bữa ăn vội-vã, đêm ngủ mơ màng, chỉ tơ tơ tưởng tưởng cho dưa chóng có quả, mà quả ra làm sao, thôi thì nâng giắc nom dòm từng li từng tí, hơn là mong con lớn, mong cho có lá, lá xanh tốt thì mới mừng, lại mong cho có nụ, nụ nở hoa thì mới mừng, giữ từng cái lá cho khỏi muội, giữ từng cái hoa cho khỏi thui, nhưng An-Tiêm không phải là tham nhiều, cũng có biết tí

bớt hoa, cắm bớt ngọn cho quả to, không biết những cây dưa ấy kết-quả ra sao, để đền cái công khó nhọc, cái ơn tri-ngộ của hai ông bà An-Tiêm ở nơi vắng vẻ này, mà dưa đã từng vinh khô bao đời không ai biết tới, nhưng vợ chồng An-Tiêm cũng đã nhờ có những cây dưa ấy mà được cái thú tiêu-khiển rất vui trong hai ba tháng trời. Đứng giữa vườn dưa mà trông lên tứ bề : núi đá lô-sô, ngàn thông xào-xạc, cây um-tùm chẳng tiếng chim kêu, hoa rap-ròn vắng con bướm liệng, chung quanh vắng ngắt như tờ, non sông khuất nẻo càng ngo ngằn người. Thế mà đứng trước cửa vòm mà trông xuống vườn dưa : hàng kia luống nọ. đen biếc như mây, trước gió lá rung, lá như đón ta mà múa, quanh người hoa nở, hoa như mừng ta mà cười, gọi là mượng thú điền-viên, chẳng ăn hoa-lợi cũng yên-ủi lòng. Đến khi hoa tàn quả kết, vợ chồng lại càng nể-nôm, mong đêm mong ngày, mong cho chóng đến kỳ quả lớn đây mà thử xem ruột xem gan dưa thế nào. Một ngày kia Nàng Ba vì dãi nắng ở ngoài ruộng quá, bốc hỏa lên thành bệnh đức đầu phải nghỉ, An-Tiêm cũng loanh quanh ở nhà mất hai ngày để tìm đồ chữa cho vợ mà chưa khỏi. An-Tiêm phần thì nóng ruột về vợ yếu đau, phần thì nóng ruột về công việc ở bên đồng dưa, nửa buổi hôm sau bỗng nghe thấy tiếng quạ kêu ở bên Lạc-viên nhiều lắm. An-Tiêm bảo Nàng Ba rằng :

— Xưa nay quạ kêu không ở mướn ban ngày bao giờ, sáng hôm nay nó kêu như vỡ tổ làm vậy, hiền-thế hãy ở nhà với con, tôi sang một tí xem sao rồi lại về ngay.

Nói rồi lội bãi đi sang, tới nơi thấy đàn quạ dô đen sì cả ở dưới vườn dưa. An-Tiêm vội chạy vào thì quạ bay tản mác cả đi, chàng bèn đi lần lượt từng gốc dưa xem qua

xuống làm gì, thì thấy có mấy quả dưa to quạ đã mở thủng ra mà soi mắt ruột rồi, chàng trông thấy cái ruột dưa đỏ tươi đòng-đọc mừng lắm, vội chầy lấy năm quả mà quạ đã mở thủng, ngồi ngay xuống chỗ bên luống dưa, hai tay nâng từng quả lên mà ngắm nghía, gang thủ một quả xem chu-vi chiều dài được độ hơn sáu gang, chiều ngang một nửa quả hơn hai gang, hình tròn da đen như quả trám. Chàng lấy gươm cắt ngang một quả ra làm đôi, thì có hai vành bốn sắc khác nhau, vành ngoài là vỏ xanh và cùi trắng trong như ngà, vành trong là ruột thì đỏ đặc như tiết vẩn lộn lên, hột thì đen lóng-lánh hình như cái răng cò mĩ-nhân nước Việt. Chàng nghĩ một mình rằng :

Trước kia mà ta chưa đến đây thì cái giống dưa này chỉ để cung cho đàn quạ bẻ ở đây thôi, quạ nó đã thích ăn thì chắc cũng vô-độc, ta thử nếm một tí xem sao. Nói rồi cắt lấy một khoanh, gọt vỏ ngoài đi rồi cắt lấy một miếng ruột nếm một tí thấy ngọt, nuốt đi thấy mát cổ, bèn ăn cả miếng thấy khi-vị thanh-hương êm-ái, ngâm nghĩ một lát không thấy xón-xao ruột gan gì, lại ăn hết cả khoanh thấy đang lúc trời oi khi nực, mình bõ hơi tâm-tã thấm cả ra ngoài áo bị, vừa mệt vừa khát mà bỗng mát ngay ruột, tỉnh ngay người ra, khoan-khoái dễ chịu.

An-Tiêm bất-giác lấy làm thích lắm mà rằng :

— Ta định đem nhân-lực mà tranh với cuộc thiên - hoang ở đây, nay Thượng-đế lại đặc-ân mà giúp cho thứ qui-vật này, thời cái công-nghiệp của ta ở đây càng chóng thành-tựu được.

Bấy giờ mới cắt bỏ chỗ quạ ăn đi mà ăn hết cả quả dưa ấy, ăn xong, chàng tưởng như cái khí thanh-hương thấm-thía ra khắp cả người, không những các thứ dưa đã ăn qua trong nội-địa, không thứ nào ngon bằng, mà

đến lê năm mùi của Tàu, nhãn lồng vài tiến của đất Việt là những thứ trân-cam có danh trong thiên-hạ cũng không thấm vào đâu. Chàng bèn đặt tên là « Tây-quạ », là vì tìm được dưa ấy ở mé tây vườn Lạc-viên, lại gọi là « dưa đỏ », là vì ruột nó đỏ, xem xét kỹ rồi đứng lên cầm gươm đi vào trong vườn, vừa đi vừa có ý vui mừng thích ý lắm, đến vườn cắt dây làm hai cái quai con, chặt một cái cây làm cái gậy, lại đi ném đuổi những con quạ bẻ còn đậu ở trên cây đi, rồi mới ra gánh dưa đem về. Nàng Ba ở trong nhà, đang dục đầu như hổ, miệng thì khô mà ráo, người thì nóng mà buồn bực, Mai Lâm ngồi bóp đầu cho mẹ nó ở nhà ngoài, nghe tiếng bố về đến đầu nhà, cười nói mừng rỡ, nó chạy ra đón, thấy bố quảy mỗi bên hai quả dưa to, nó cũng reo lên mà mừng. An-Tiêm bèn đem dưa vào để bên bệ cho vợ con xem. Nàng Ba cũng ngồi nhóm dây, mẹ con mỗi người bẻ một quả dưa mà xem. An-Tiêm hỏi :

— Hiền-thê đã khỏi dục đầu chưa ?

— Lại càng tăng bệnh lên.

— Đã có thuốc dây rồi, rồi đem cái sự quạ ăn dưa cùng những cái tinh-chất cam - mĩ của dưa mà chàng đã thí-nghiệm nói cho vợ nghe, tức thì bẻ ra một quả cho vợ con ăn, chàng ăn một miếng trước, cho vợ con bắt chước. Nàng Ba thấy chồng ăn một cách rất ngon lành, cũng cầm lấy ăn và cho hai con ăn. Nàng ăn xong thì đầu thấy nhẹ đi, bao nhiêu bệnh bỗng đi đâu mất cả, nàng ngợi khen cái khi-vị của giống dưa qui-báu ấy mãi mà rằng :

— Nếu không có lang-quân tiên-kiến, thì suýt nữa ta phụ mất bao nhiêu hồng-ân của Thượng-đế.

Nàng lại thú thực với chồng rằng nàng đã thấy khác mình. An-Tiêm mừng lắm nói rằng :

— Ta thêm được đất, ta thêm được giống dưa qui hóa này, nay mai ta lại thêm được người, thế là Thượng-đế lo liệu cho ta đủ cái kế trang-viên ở đây rồi đó.

Hôm sau An-Tiêm lại sang cắt một gánh dưa về làm lễ tri-cáo Thượng-đế, thần thánh và gia-tiên, rồi từ hôm ấy trở đi, hôm nào cả nhà cùng sang vườn dưa từ sáng sớm đến tối mới về để coi quả. Một buổi đang trưa trời nắng như đốt, vợ chồng con cái bỏ một quả dưa ăn, An-Tiêm vừa ăn vừa đọc lên bài thơ đề kỷ-sự quả dưa đó rằng :

*Gặp em ngoài cõi bể Đông,
Yêu em về một tấm lòng thắm trời.
Răng đen nhuộm miệng em cười,
Đầu trời nắng nực cũng người con rồng.
Yêu em anh bế anh bằng
Nước non ghi nghĩa tưng-phùng từ đây.*

Nàng Ba nghe chồng đọc mấy câu thơ dưa, mà tí dưa với một người mi-nhan để nọ cái cuộc nhân-duyên gặp-gỡ tình-ái nào-nùng, nàng bất-giác cũng đỏ mặt lên, hai người cùng cười phì cả dưa đương ăn ra. Nàng cũng thừa hứng mà đọc :

*Nhờ duyên cái phận em tròn,
Bỏ công giữ phận gìn son những ngày.
Tưng-phùng nghĩa cả là đây,
Nắng mưa che chở nước mây dào-bông.
Chàng về chốn cũ non sông.
Thì chàng cho thiệp về cùng với nhe.*

Hai người lại cười ò lên. An-Tiêm nói :

— Cho về lắm chứ !

Hai vợ chồng lại bàn đặt một tên nữa cho dưa là « Việt-nga-qua ». An-Tiêm nói :

— Cứ câu kết bài thơ của hiền-thê thì thế nào rồi ta cũng kịp đem cô con gái mà hồng răng đen ở Nam-hải này

về nơi quê cha đất tổ, mà chính là câu thơ xấm của thần-minh ứng-khẩu ra.

Thấm thoát lá vàng dây héo, dưa chầy về hết, vợ chồng chọn ra được mấy quả da mùi đậm-lục, bày chõ ngồi chơi, mấy quả già để làm giống, còn thì cắt cả vào trong hang để ăn dần. An-Tiêm chọn ra mười quả, khẩn-nguyện Thượng-đế rồi cầm gai vạch mỗi quả hai bài thơ vào hai má, rồi đem thả ra bốn mặt bể chung quanh đảo mà rằng :

— Cửa qui của tạo-vật, không có lẽ trăm-mai, năm năm mười năm, đôi ba mươi năm cho đến mãi mãi, tất có ngày tao-ngộ.

Vợ chồng lại bàn nhau đến mùa sau sẽ thả số dưa tăng lên để thông tin cho thiên-hạ biết. Cuối năm ấy Nàng Ba sinh hạ được một thằng con trai nữa. An-Tiêm đặt tên là Mai-Hải. Đảo Hải-nam từ nay đã thêm một người nữa là năm người rồi. Cái cảnh gia-đình của vợ chồng An-Tiêm càng thêm vui vẻ, mà công việc càng thêm phấn-trấn.

Quanh-quần đã đến năm thứ bốn, mùa dưa năm nay được nhiều hơn năm ngoái, là vì năm ngoái chưa biết là cây gì, còn trồng thử, năm nay mới vô cỏ trồng, mà trồng nhiều hơn lên, mùa này An-Tiêm lại chọn lấy hai mươi quả, cũng khẩn-nguyện Thượng-đế rồi viết thơ như mùa trước, rồi đem thả ra bể mà nói rằng :

— Cửa qui của tạo-vật, không có lẽ trăm-mai, năm năm mười năm, đôi ba mươi năm cho đến mãi mãi, tất có ngày tao-ngộ.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

VĂN - U YÊN

Nhớ bạn

(*Thơ ngũ-ngôn*)

Nhớ bạn cách non sông,
 Chiều chiều đứng đợi trông.
 Lòng vàng đau chín khúc,
 Luy ngọc rỏ đôi dòng.
 Gửi nhận lòng ngơ-ngẩn,
 Nghe quyên dạ não-nùng.
 Bắc nam người mỗi ngã,
 Ai biết nổi này không.

Giấc chiêm-bao

(*Thơ tứ-tuyệt*)

I

Câu chuyện đêm qua thực rõ ràng,
 Tỉnh ra mới biết giấc hoàng-lương.
 Trăm năm thế-sự ầu là thế,
 Cái kiếp phù-sinh kiếp đoạn-trường.

II

Giấc mộng đêm qua khéo nực cười,
 Tỉnh ra mới rõ cái trò chơi.
 Ai say ai tỉnh ai ai đó ?
 Say suốt đêm rồi có một tôi.

Cảnh sáng

(*Lối Vi-tam-thanh*)

Người còn yên giấc khỏe-khỏe-khoe,
 Ấc đã chệnh-chệnh hé-kẽ-hè.
 Cỏ nhọt màu sương biêng-biếc-biếc,
 Hoa đua sắc thắm tõe-tõe-toe,
 Chim kêu lia tở chinh-chinh-chích,
 Gà gáy gọi đàn té-tẻ-te.
 Muốn vật gọi người kia-kia-kìa,
 Người còn yên giấc khỏe-khỏe-khoe.

Cảnh chiều

Bèn đồn kèn đã tõe-tõe-toe,
 Cái bóng hoàng-hôn lóe-lóe-lòe,

Chuột rúc quanh thềm chia-chít-chít,
 Muỗi bay ngoài cửa vé-ve-ve.
 Quyên kêu tìm tổ cuông-cuông-cuốc,
 Để hét gọi đàn bé-bẻ-be.
 Cảnh-vật tiêu-diêu kia-kia-kìa,
 Cùng ai mà kể nhè-nhè-nhe.

Gửi cho bạn

(*Thơ chiết-từ*)

Cuộc đời chán lắm ai ơi !
 Cay đắng ta nay đã trải rồi.
 Trông thấy non sông bùng mặt khóc,
 Nhia ra thân thể mím môi cười.
 Dọc ngang trời đất toan rằng đứng,
 Dầu dài phong sương chán phải ngồi.
 Cũng muốn phen này xoay đất lại,
 Kéo mang tai mắt kiếp làm trai.

Thư-sinh tự-anán

(*Thơ chiết-hạ*)

Cũng dòng thi lễ cũng con người...
 Số-phận không may gặp phải thời...
 Bấy nổi ba chìm thương cái kiếp...
 Năm liều bảy lĩnh chán cho đời...
 Gặp thời chắc cũng tìm phương nhảy...
 Vạy gặp cho nên phải chịu ngồi...
 Thời vạy vạy dành cho cái phận...
 Biền vàng hốt bạc để nhường ai...

Pnú đặc

Khéo ngằn-ngợ thay lũ trọc đầu

Người thế mà ra mãi thế a ?
 Trông người sao chẳng ngắm vào ta.
 U-ơ cả nước đương thời trẻ,
 Bập-bẹ ba câu lúc tuổi già.
 Lại vẫn cứ ưa lẽ lối khách,
 Chả lo chi đến nước non nhà.
 Mơ màng cả lũ sao dần thế,
 Nghĩ nổi sau này dạ xót-xa.

Tự nói mình

(Điều lộng-hoàn thủ vĩ liên-châu)

lấy vần « đời tôi thối »

Ngửa mặt trông lên ngăn sự đời,
Trông tôi tôi chán cái mình tôi.
Anh em đâu đấy đều khôn cả,
Tôi vẫn điên rồ mãi thế thối.

Tôi vẫn điên rồ mãi thế thối,
Tính quan người lính ấy là tôi.
Nếu còn thơ thần như rày mãi,
Chắc hẳn long-đông suốt cả đời.

Chắc hẳn long-đông suốt cả đời,
Có ai hay có một mình tôi.
Công-danh sự-nghiệp không gì cả,
Lại thối ganh đua hão với đời.

Lại thối ganh đua hão với đời,
Riêng tôi tôi cũng sợ cho tôi.
Bao giờ mở mắt cùng thiên-hạ,
Ngửa mặt trông lên ngăn sự đời.

ĐẶNG XUÂN-QUYÊN

Cung oán

I

Gương yểu ngồi lên vén cửa màn,
Trông ra trời đất khổ muôn vàn.
Chiếc bèo dòng nước thân trời nổi,
Chồi cúc tuần mưa lệ chứa chan.
Gió lạnh không thương cảnh liễu yếu,
Mưa sâu riêng giận cánh hoa tàn.
Lòng này độ với phong-quang ấy,
Ai nhin cầm sao giọng thổ than.

II

Mưa đen gió tối áng mây mù,
Bên cảnh, bên tình ngắm cũng phu.
Phận ấy mỏng tanh không khác giấy,
Lòng này lạnh ngắt đã như thu.
Chỉ vì má đỏ xui nên nổi,
Ai biết trời xanh nở thế du ?
Cái thuyết luân-hồi như có đúng,
Kiếp xưa âu hẳn vụng đường tu !

III

Đoạn-trường thăm lắm hỏi ai ôi !
Thối thế thì thối cũng một đời.
Mặt đẹp không ngờ duyên hóa xấu,
Người buồn có lẽ bóng còn tươi.
Gió mưa xui-xụt riêng thương phận,
Nóng nổi gần xa chỉ trách trời.
Một hội một thuyền ai đó tá,
Đoạn-trường thăm lắm hỏi ai ôi !

IV

Phấn kia dần nhạt, nhị dần phai,
Cám cảnh đời hoa, muốn thở dài.
Hữu-bạn tuổi xanh chừng mấy độ,
Vô-tình tóc bạc chẳng chờ ai.
Vừa căm lại tức trò duyên nợ,
Đã tiếc mà thương chữ sắc tài.
Hỡi chị trắng già cay nghiệt lắm,
Chữ đồng khôn lẽ bẻ làm hai.

V

Thân này mà đến nỗi này a ?
Thối thế thì thối, thế cũng là !
Nào biết nợ duyên, duyên nợ nhỉ ?
Buồn trông ngày tháng, tháng ngày qua.
Bao phen nhin bóng bao phen tủi,
Một chuyến thương tâm, một chuyến già.
Chẳng nói mặc dầu thối chẳng nói,
Trời xa xa lắm mấy từng xa ?

VI

Kiếp sau chừa nhỉ kiếp sau chừa,
Độc chẳng vừa thối độc chẳng vừa,
Mưa gió, gió mưa, mưa gió mãi,
Thắm sâu, sâu thắm, thắm sâu chưa.
Than càng tủi lắm, than càng tủi,
Nói cũng thừa du, nói cũng thừa.
Tài sắc, sắc tài, tài sắc hỡi,
Kiếp sau chừa nhỉ kiếp sau chừa.

VII

Ngọn đèn mờ tỏ lúc đêm sâu,
Người vẫn ngồi đây bụng nghĩ đau.
Gờ mãi tờ sầu năm bảy mối,
Nổi thêm thơ thắm một vài câu.
Bề phù-sinh nợ bao làn sóng,
Sông đoạn-trường kia mấy nhịp cầu.
Tóc rối hương phai, hoa nhạt phấn,
Chứa xuân sao nở phu phàng nhau.

VIII

Đa-tình sao chẳng giống vô-tình,
 Ngâm truyện người xưa ngân truyện
 mình,
 Mệnh bạc góm sao mà mệnh bạc.
 Trời xanh chẳng lẽ, hỏi trời xanh,
 Muốn sao cho được, sao mà muốn,
 Đành thế thì thôi, thế cũng đành.
 Rầu-rĩ tại ai ai có biết,
 Năm canh ngồi thức cả năm canh.

IX

Soi gương trông bóng khác vài phân,
 Chín khúc như tơ về ngại-ngầu.
 Thương cái má hồng phai mãi vẻ,
 Buồn con én trắng tiếc gì xuân.
 Đất trời vi-vút thêm phiền nổi.
 Ngày tháng thờ-ơ luống tủi thân.
 Nóng nổi xui nên oan-nghiệp nhỉ,
 Kiabông hué thắm rụng đầy sân.

Nhớ quê nhà

Hỡi ai có nhớ « Thái-bình » không,
 Nhớ mãi lòng ta luống chạnh lòng.
 Nhớ núi « Bồng - tiên » trăng thấp -
 thoáng,
 Nhớ sông « Bờ-thủy » nước mênh-mông.
 Nửa năm phần-tử dần xa cách,
 Muôn dặm quan-hà những ngóng trông.
 Thôi nhớ mà chi đừng nhớ nữa,
 Tài trai nên trả nợ non sông.

Con gái đi tu (1)

Nâu sông chưa át vẻ trăm hoa,
 Nặng nợ vì đâu phải xuất-gia.
 Chỉ biết sắc không về với bụi,
 Còn thì tình biếu để cho ma.
 Ai rằng thoát tục cho xong nợ,
 Tớ bảo ăn chay cũng phải già.
 Bấm sáu đường tu ai có biết,
 Tu đâu bằng được cái tu nhà.

Nhớ bạn đồng-song

Nhớ khi họp mặt vui cười,
 Cùng nhau bàn bạc sự đời sự ta.
 Nhớ khi gió thoảng mùi hoa,
 Bên hồ sen ngát lân-la cùng ngồi.
 Bây giờ cách trở đôi nơi,
 Biết bao giờ lại gặp người đồng-song.
 Ngày hè ve hót náo-nùng,
 Đêm hè ngắm cảnh trăng trong cang sâu,
 Những khi trần-trọc đêm thâu,
 Lòng thơ lai-láng mối sầu vì đâu.

Đêm khuya nghe hát

Tiếng ai lanh-lảnh hát bên sông,
 Tiếng hát nghe ra giọng náo-nùng.
 Ai-oán cô-thần khi mất nước,
 Nỉ-non trinh-phụ lúc xa chồng.
 Ru con luống xót niềm oan-uổng (1).
 Viếng quỷ dài than nghĩa thủy-chung.
 Tiếng hát bên sông ai hát thế,
 Khiến người lữ-khách lệ đôi dòng.

Gửi cho ý-trung-nhân

Mấy độ tương-tư đã bạc đầu,
 Hỡi người khuê-tú biết cho nhau.
 Đồi hàng tâm-huyết đồi hàng lệ,
 Một khối tình chung một khối sầu.
 Tắc dạ những buồn khi gió thổi,
 Tơ lòng càng ngán lúc đêm thâu,
 Yêu ai nhớ lấy lời ai nhé,
 Cho bỏ công-trình đã bấy lâu.

Đêm hè dất khách

Ngon đèn le-lói giống đêm qua,
 Tiếng trống canh trường đã điểm ba.
 Cảm với non sông tình bát-ngát,
 Buồn về thân-thể nỗi gần xa.
 Ngần - ngờ mấy tiếng quỳên kêu nước,
 Trần-trọc canh thâu khách lạ nhà.
 Chị nguyệt nhớ ai sao chữa ngủ,
 Bây giờ còn thấy dạo vườn hoa.

(1) Cô này năm nay tuổi chừng hơn hai chục, không biết cô vì tình duyên trắc trở hay vì cảnh gia-đình, mà cô gửi thân vào nơi cửa bồ-đề, cô con nhà phú-hào ở tỉnh Thái - bình, cô ở phố Đệ-nhất, tôi ở phố Đệ-tam. Bây giờ hiện cô tu-hành ở chùa tỉnh-ly, chùa ấy giáp phố Đệ - nhất và phố Đệ-tam.

(2) Bà Thị-Kính

Củi cho một người trong xóm Bình - khàng

Trương-phu ngo-ngần thương dầu bạc,
Mĩ-nữ phối-pha thẹn má hồng.
Buồn ấy ngậm-ngùi cùng đất nước,
Sầu này dằng-dặng với non sông.
Nghìn thu sự-nghiệp khôn nên truyện,
Đôi chữ tình duyên khéo bận lòng.
Bình-thủy tương-phùng là thế đấy,
Niềm riêng ai có tỏ cho không.

Khóc ý-trung-nhân

I

Khất-khe chi lắm hồi tình ôi !
Luống để chàng Phan những ngậm-
ngùi.

Cái dóa hồng-nhan đầu mất nhĩ,
Con thuyền bạc-mệnh chỗ đi rồi.
Nước thề non nguyệt làm chi tá !
Đất lở trời nghiêng cũng thế thôi.
Xum họp kiếp này còn chẳng được,
Mong gì kiếp khác lại thành đôi !

II

Rõ-ràng mở mắt tưởng năm mơ,
Tiếng sét bên tai bụng vẫn ngờ.
Hồi khách hồng-nhan sao vội mấy,
Nghĩ chàng « quốc-sĩ » đã buồn chưa.
Đoái trông quạt ước son chưa ráo,
Ngảnh lại gương loan thủy đã mờ.
Xum họp biết rằng không có số,
Tơ tình rút đứt những-ngày xưa.

Nam-kỳ NGUYỄN TRUNG-CHÍNH

1. Đi tàu thủy đêm

Trời cao sông rộng quãng trời vờ,
Trên mạn tàu đêm khách thần-thơ.
Trăng khuất một màu hoa cỏ tối,
Sương gieo muôn dặm nước non mờ.
Hắt-hưu trước mặt cơn mây thổi,
Phất-phối từng mây bóng nhạn thưa.
Bờ cõi xem chừng long lở lắm,
Anh em cùng chuyển biết hay chưa ?

2. Vịnh người tát nước

Mong cho tốt quả với tôi cây,
Gắng sức làm cho đất nước đầy.
Cái nghĩa hợp-quần bền một dạ,
Mà dây liên-lạc vững đôi tay.
Tuyết sương vẫn đượm làn râu tóc,
Nắng gió đã quen với mặt mày.
Củi giữa thấp cao không thẹn bóng,
Có công trời há phụ người ngay.

3. Đêm đông buồn

Bốn phương mờ-mịt lúc đêm đông,
Trăng khuất sao thưa gió lạnh-lung.
Điểm xóm chưa thưa dùi trống gác,
Chùa làng ai động tiếng chuông trong.
Trông với cây cỏ thêm ngày đã,
Nghĩ đến giang-san luống bận lòng.
Mong sáng đã lâu trời chưa sáng,
Anh em ai tỉnh có buồn không ?

4. Thu-dạ cảm-hoài

Đêm thu thơ-thần chốn thu-biên.
Ngắm cảnh trăng sông nhớ bạn hiền.
Non nước biết bao giờ nữa-hạnh ?
Cỏ cây coi lắm nỗi vô-duyên.
Cuộc cờ cao thấp lòng còn bận,
Canh bạc hơn thua chỉ chứa yên.
Đã biết đời người là mộng cả,
Mộng mà vẫn phải cố đua chen.

5. Đảo tượng Phật (1)

Ông ở tây-phương tới chốn này,
Đốc lòng nhân-ái tiếng còn đây.
Ông coi phong-cảnh trời Nam thế,
Xin cố làm cho tốt cỏ cây.

6. Đề bức tranh sơn-thủy

Hiu-hắt trời thu khí sắc mờ,
Rừng cây man-mác cảnh tiêu-sơ.
Muôn trùng hoa cỏ coi như vẽ,
Một dải non sông lặng tựa tờ.
Mặt nước long-lanh thuyền thấp-
thoảng,

(1) Bài này là họa văn thơ ông Mai Văn-Liem,

Tầng mây man-mác nhận lơ-thơ.
 Giang-san bởi có ai là chủ ?
 Đề khách quan-hoài dạ ngẩn-ngờ,

7. Thích câu : « Con sấu quấy rầu
 nôi canh »

Vò-linh nên mới đề còn sấu,
 Cho mới gáy nên làm truyện rầu.
 Ngon-ngọt một nôi thành rẻ-rúng.
 Noãn ai thối chó vôi cười rau.

8. Đêm không ngủ (1)

Đêm thu bốn phía một màu thanh,
 Nghĩ truyện giang-san luống giạt
 mình.
 Trận gió thê-lương đưa thoảng-thoảng,
 Vàng trắng tri-kỷ dải chênh-chênh
 Nặng lòng những ngán tuồng nhân-sự,
 Mở mắt mà mê nỗi quốc-tình.
 Mong mỗi sao cho gà gáy sáng,
 Bồi-hồi nghe trống chũra tan canh.

9. Buồn

Thần-thơ đêm vắng chốn văn-lâu,
 Càng nghĩ càng thêm dạ ngẩn sầu.
 Trước án bắt-hiu cơn gió thoảng,
 Bên thêm lách-tách hạt mưa mau.
 Nhớ người tri-kỷ bần-khoăn dạ,
 Vắng bạn văn chương nhạt-nhèo thâu.
 Giấc điệp mơ-màng thêm tẻ ngắt,
 Vời trông non nước những đầu đầu.

10. Nguyễn Huệ

Bốn phương ngang dọc chịu nhường ai !
 Thao-lược như ông dễ mấy người.
 Đất Bắc đẹp tan quân bạo-ngịch,
 Trời Nam lưu dễ tiếng cừ-khôi.
 Thua gì Sở-bá hay nâng vạc,
 So với Tề-công chẳng kém tài.
 Thành, bại việc thường chi xá kể,
 Anh-hùng sự-nghiệp thọ muôn đời.

11. Nghĩ truyện giang-sơn

Đêm xuân ngơ-ngẩn chốn thư-song,
 Nghĩa truyện giang-sơn luống bận lòng.

Học-giới những ai là chí cả ?
 Hoạn-trường bao kẻ tỏ gương trong ?
 Sông ngò vàng đỏ thêm ngao-ngán,
 Rừng quế muông leo lại sợng-sùng.
 Văn-vật từ xưa giờ đến thế,
 Thương thay tình-cảnh giống tiên rồng.

12. Họa bài « Thán biệt tình-nhân »

Bến Hiệp mình về đề tứ di,
 Lối-thời bờ liễu lá xanh rì.
 Nước bèo ngán nổi cơn tan-tác,
 Mây khói buồn thay lúc biệt-li.
 Những trách giao-tình đen với bạc,
 Mà xem hiền-hữu tỉnh hay mê.
 Dấu lia ngó ý tơ duyên vương,
 Càng nhớ càng thêm một chữ si.

13. Lê Lai

Liều mình cho hết đạo làm tôi,
 Gan ruột như ông được mấy người.
 Kế-Thiệu che vua khôn sánh tiết,
 Văn-Trường tìm chúa chẳng hơn tài.
 Một vâng chính-khi như đây rầy,
 Muốn thừa dân-thanh há đổi đời.
 Vì nước vì dân mà thiệt phận,
 Tiếng khen trung-nghĩa để đời đời.

14. Nghĩ sự đời

Đêm xuân chợt tỉnh giấc hoàng-lương,
 Tâm-sự vì đâu những vấn-vương ?
 Nhân-nghĩa mấy ai ghi đề dạ !
 Tài-tình bao kẻ bước sai đường.
 Lê-dân khôn cậy phùng tham-những,
 Hoa-khách đã tranh việc cổ thương.
 Câu chuyện nước non ngao-ngán nỗi,
 Hỡi người tri-kỷ bạn văn-chương !

15. Đêm thu mưa

Ngọn gió thê-lương lọt bức màn,
 Hồn mai chợt tỉnh đã ba canh.
 Cổ cây u-âm tuôn hàng lệ,
 Non nước đầy vơi nặng gánh tình.

(1) Bài này là họa thơ ông Mai Văn-Liêm.

Gà gáy vườn nam người chửa dầy,
 Trống rền xóm bắc diêm còn canh.
 Ánh văn-minh để nơi đâu tá?
 Mà đóa kim-ô khéo ẩn-ninh.

16. Chiều mùa đông trên bãi bể

Hiu-hắt trời đông buổi ác tà,
 Lòng sầu vì nước đợi bơ-vơ.
 Đầu ghềnh mù-mịt làn sương phủ,
 Mặt bể mênh-mang bóng nọan mờ,
 Mấy chiếc ngư-thuyền buồn tấp-thoảng
 Một vùng thôn-dã cảnh lơ-thơ.
 Dừng chân đứng ngắm tranh thiên-tạo,
 Xui mảo tình riêng đến ngẩn-ngờ.

17. Đêm thanh ngâm

Giữa trời vắng-vặc bóng trăng thanh,
 Mặt nước trong veo ngọn gió lành.
 Khi-vì êm đềm quang-cảnh thú,
 Thường-nhân chùng lăm kẻ vô-tình.

18. Câu đối đề hội Tri-tri

Đương thuở cạnh-tranh, non nước
 cần người cách-tri.
 Giữa nơi văn-vật, giống nòi nhờ
 bực tiên-tri.

BÙI HỮU-ĐIÊN (Thụy-anh)

Cảm tặng một người nghĩa-khi

I

Cảm kích cho ai gặp bội-phần,
 Tâm lòng vì nước với vì dân.
 Phong trần đã hói ba phần tóc,
 Danh lợi không xòn một chiếc thân.
 Cũng muốn tung mây ra bắt gió,
 Nào ngờ tưng đất phải sa chân.
 Thôi thôi còn nói làm chi nữa,
 Cầm gươm ông trời ở chẳng cân!

II

Gặp khi nước vỡ với dân tan!
 Ai bảo là người chẳng có gan?
 Bề Bắc mênh-mông linh cố-quốc,
 Trời Nam lai-láng lệ giang san.

Tấm lòng nghĩa-khi chung trời đất,
 Giọt huyết lưu-cầu để thế-gian.
 Đời đời biết chẳng hay chẳng biết,
 Vì đâu nên nổi phải gian-nan?

Thân cò

Nông nổi này ai có thấu không?
 Thân cò lặn lội ở bờ sông.
 Một đời ốm xác nuôi con bọ,
 Mấy độ nai lưng gánh gạo chông.
 Xương-tuyết ba thu dày-dạn mặt,
 Giang-sơn một gánh ngồn-ngang lòng.
 Một năm một tuổi xuân đi mãi,
 Non nước sau này biết có công?

Thơ gửi cho anh ký

Anh ký ơi! Từ ngày anh mông-bỏ việc
 hòa-xa,
 Phương trời thăm-thẳm nhớ cái lúc
 anh bước chân ra một mình.
 Song-le em thời chiếc bóng năm canh,
 Strong thu nắng hạ anh có thấu chút
 tình ấy chẳng?
 Nay anh ký ơi! Nhưng nam-nhi tiếng
 đã gọi rằng:
 Tang-bồng hồ-thỉ sao cho bằng người ta,
 Bắc-nam thôi dù đâu cũng chẳng có xa,
 Giang-hồ anh yên chí việc nhà đã có
 em đây.
 Anh ký ơi! Chốn phòng loan em cũng
 xin đắp nhớ để làm khuấy,
 Dầu sông mòn đá cạn em cũng chẳng
 dám dỗi thay tác vâng.
 Nghĩa ái-ân anh ơi kể xiết muôn vàn,
 Trôi cao bề rộng em tam mấy hàng
 gửi đến cho anh.

TẠ BÌNH - HẢI

1. Giọt lệ đêm trường

Giọt lệ đêm trường những chứa chan,
 Thương mình thương cả đến giang san.
 Nhân dân mấy triệu người lơ-lao,
 Đất nước ba kỳ nghĩa cách tan.

Nước bốn ngàn năm còn yếu kém,
Giống chi thiên-cổ mãi mê man.
Muốn kêu một tiếng cho to tát,
Gọi tỉnh hồn ai lúc khắc tàn.

2. Giang-hồ nhớ bước

Bên trời góc bể bước reo-neo,
Nghĩ lại thron thân lúc khốn nghèo.
Phù-bạc thấy đời mà chán ngán,
Cảnh-tình lắm lúc lưỡng buồn teo.
Mắt xanh bạn nợ còn thay trắng,
Gan tím người dẫu có hóa điều,
Tri-kỷ cho hay là của hiểm,
Đời mà dẫu có chẳng bao nhiêu.

3. Vị chữ bản

Cay chua mặn nhạt đủ trăm phần,
Cũng vì da-mang cái chữ bản.
Cha mẹ không màng con cũng kệ,
Anh em chẳng trông vợ nào thân.

Còn rằm ba chữ toan đem bán,
Lấy một vài quan để đỡ lần.
Trời có riêng ai trời đóng cửa,
Bởi mình kém cạnh nổi chen chân.

4. Nhớ nhà

(Khi ở đường rừng)

Chiếc thân lưu-lạc quê người,
Nghĩ bao nhiêu lại ngậm ngùi bấy
nhiều.

Buồn thay cái lúc ban chiều,
Trông về cố-quận như kêu tắc vàng.
Núi cao rặng thẳm muôn hàng,
Mây mờ khói tỏa cây vàng nước xanh.
Nước non nghĩ mới buồn tênh,
Hỏi người tri-kỷ thấu tình chẳng ai!
Một đêm năm trống canh dài.

TẠ QUANG-NINH

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Tình-hình chính-trị ngoại-giao trong thế-giới. — Tháng trước đã kể qua về các việc lớn xảy ra ở các nước trong khoảng gần đây. Nay tổng-thuat tình-hình chính-trị ngoại-giao trong liệt-quốc cho biết các việc ấy liên-lạc với tình-thế trong thiên-hạ thế nào. Việc thế-giới ngày nay phiền-phức quá, nhiều khi không thể vừa thuật mà lại vừa bàn được. Một việc xảy ra, cứ theo điện-báo hằng ngày thời biết vậy mà thôi, nếu điện-báo tường-tất, cũng có thể thuật được lại, nhưng khóag hiểu được quan-hệ với việc khác thế nào, quan-hệ với thời-cục thế-giới thế nào, khó lòng mà bình-luận cho chánh-đáng được. Mà phạm việc kỹ-thuật phải có bình-luận, mới rõ được đầu đỏi ngành-ngọ,

không thời rời-rạc vụn-vặt, không có hứng-thú gì. Cho nên thuật rồi phải có bàn, mà bàn thời thường phải cách ít lâu mới quan-sát được rõ ràng. — Hiện nay thời các việc chính-trị ngoại-giao trong thế-giới xảy ra cho đến cuối tháng sáu tây đã có thể tiếm-tiếm cai-quát được cai đại-thế thế nào.

Xét ra thời đến cuối tháng sáu tây, các việc lớn trong thế-giới cũng vẫn còn phân-vân như trước; bao nhiêu những vấn-đề quan-trọng vẫn chưa giải-quyết được ổn-thỏa. Ở nước Anh thời việc bãi-công chưa xong đã kể đến cái vấn-đề than mỏ cũng rất nguy-kịch lắm, càng nghĩ phương-kế giải-quyết, càng bày ra nhiều sự khó-khăn. Ở Ba-lan, ở Bồ-đào, thời như

có một cái luồng gió nội-loạn, khiến cho chính-thể chuyên-chế hầu như muốn thể vào chính-thể dân-chủ. Hội Vạn-quốc cũng đương qua một buổi nguy-cơ, có lẽ thoát được thời sẽ được vững-vàng hơn lên, nhưng hiện nay thật lấy làm bối-rối lắm. Đầu đầu các Chính-phủ, các Nội-các cũng bấp-bông cả. Không đầu là kẻ cầm quyền được vững tay mà làm việc. Chí-ur thủ-tướng Ý là MUSSOLINI coi bề ngoài thì trông là mạnh mẽ lắm, nhưng cứ nội-dung cũng chưa lấy gì làm chắc-chắn. Đến như tình-hình tài-chính, thì đầu đầu cũng nguy hết, không nước nào là thoát khỏi, ngay như nước Mỹ, tiền của tít ra, đồ hàng chất đống, còn đương lo làm thế nào mà tiêu-thụ ra ngoài, nếu không thì ngưng-trệ lại đấy tất có hại về sau. Đại-loại những xứ được giá hối-đoái cao đều lo về cách tiêu-thụ cho hàng-hóa mình và lo chống lại với đồ hàng những xứ giá hối-đoái thấp. Nước họ chống với nước kia, đồng *livre* chống với đồng *dollar*, chỉ những nước tài-chính suy-sút quá như nước Pháp, là phải thiệt, nhưng cách chống-chọi nhau đó cũng chẳng hay-hè gì, vì chẳng bên nào mong ăn đứt được bên nào, chỉ là một phùng đồng-hệnh mà không biết tương-liên đó mà thôi. Trong cuộc cạnh-tranh vô-bổ đó, bị thiệt nhất là nước Pháp, nước Tỉ, nước Ý. Thứ nhất nước Pháp đương qua một buổi rất hiểm-nghèo. Cái độc chính-trị đương thâm-nhập vào cốt-tủy. Cái chính-thể đại-nghị không được quốc-dân tin chuộng nữa, mỗi ngày một giảm mất giá đi. Trong không-khí như có một cái luồng gió bất-bình, e có ngày nổi nên giông-tổ. Trách-nhiệm đó đảng họ đổ cho đảng kia, nhưng phái cầm quyền cũng như phái phản-đối, đều có cừu vào đó cả. Có kẻ bi-quan cho cái tình-hình nội-chính nước Pháp đến thế là cực,

không biết quá nữa thời xảy ra thế nào. — Ấy là việc bên Âu-Mĩ; đến bên Á-đông ta nước Tàu vẫn cứ nội-loạn mãi; Ấn-độ thời phe Hồi-giáo với phe Ấn-độ-giáo cứ xung-đột nhau hoài; Nhật-bản thời tuy ngoài mặt yên-đàn, nhưng bề trong cũng có nhiều điều lo về nội-trị-an, và về đường kinh-tế. — Nay xét rõ về tình-hình mấy nước lớn ở Âu-châu như sau này.

Nói về Đức. — Như kỳ trước đã nói, việc quan-trọng nhất ở nước Đức trong khoảng tháng sáu là việc điều tra chúng-dân ý-kiến về vấn-đề bồi-thường cho các hoàng-tộc Đức đã bị thu-đoạt tài-sản. Khi sắp mở cuộc điều-tra, trong dân-gian lấy làm nao-động lắm. Đến khi điều-tra thời kết-quả như sau này: mười bốn triệu rưỡi người bỏ vé phản-đối sự bồi-thường, có một triệu rưỡi người bỏ vé ưng mà thôi. Nhưng cứ theo Hiến-pháp nước Đức thời phạm khi nào bỏ vé để điều-tra chúng-dân ý-kiến, được phần nhiều số người bỏ vé chưa đủ, phải đợc phần nhiều số người có tên trong sổ bỏ vé mới được. Thành ra cái dự-án của Chính-phủ định đền cho Hoàng-tộc không thể thi-hành được. Giải-quyết như thế thật không ổn-thỏa chút nào, và dư-luận chung trong nước là muốn tìm một cách điều đình chằm-chước thế nào cho xong việc, nhưng tìm mãi vẫn chưa được. Nhân đó đã sợ rằng Nội-các MARX bị đổ, và có lẽ Nghị-viện đến phải giải-tán. Nhưng Giám-quốc HINDENBURG muốn cố giữ thủ-tướng MARX, và nói cho phải, nước Đức còn nhiều việc quan-hệ đến tiền-đồ trong nước hơn là việc đó, không phải vì đó mà Chính-phủ đến phải khuynh-đảo vậy. Thiên-hạ mong rằng việc ấy sớm trưa rồi cũng điều-đình xong.

Nay cũng phải nên biết ý-nghĩa cuộc điều-tra chúng-dân ý-kiến ấy thế nào và bởi có g nhiều người không bỏ vé

như thế. Trước hết thời xét ra nhiều người có quyền bỏ vé mà không bỏ vé là có ý cần-thận không muốn công-nhiên tỏ ra rằng mình ưng-thuận sự bồi-thường, lại ra mặt như phản-đối nữa, mà kỳ - thực theo lối đầu-phiếu như thế thời không bỏ vé tức tựa-hồ như là ưng cho bồi-thường vậy. Nước Đức ngày nay đã theo về chính-thể dân-chủ, nhiều người Đức không muốn để cho bị ngờ rằng còn có lòng hoài-vọng về đế-chế. Và lại cái vấn-đề bày ra như thế thời cũng là phiền-phức quá, không thể chỉ đáp lại rằng có hay rằng không mà không giải nghĩa thêm cho rõ được. Trong tài-sản của các hoàng-tộc Đức, phải chia ra nhiều thứ của khác nhau; có thứ của có thể cho là công-sản của nhà nước được, lại có thứ của là tư-sản của các nhà. Nay nhất-luật đem tịch-ký hết, không phân-biệt gì, không bồi-thường gì, chỉ lấy một lẽ là của hoàng-tộc mà thôi, thời điều đó phần nhiều người Đức cho là một sự không công-bằng, vì vốn có cái lòng tôn-trọng tài-sản và không có chủ-ý ghét gì hoàng-tộc; có lẽ là sợ để thành ra cái lệ xâm-phạm đến tư-sản người ta, dù là của hoàng-tộc hay của bình-dân mặc lòng, nên nhiều người mới không muốn đi bỏ vé như thế. Sự không bỏ vé ấy, tưởng không có ý-nghĩa gì về chính-trị, vì không thể nhân-đấy cho là phần nhiều quốc-dân Đức có ý khuynh-hướng về Đế-chế vậy. — Nay cuộc điều-tra tuy không có ý-nghĩa thiên về chính-thể nào, nhưng cũng chứng-rằng các đảng tả ngày nay xem ra đã có thế-lực mạnh hơn mấy năm trước: kỳ tổng-tuyển-cử ngày 7 tháng 12 năm 1924 các đảng tả được có 10 triệu rưỡi vé; kỳ điều-tra này thời được tới ngót 15 triệu.

Nói về Ba-lan. — Tướng PILSUDSKI đã từ không chịu nhận chức Giám-quốc thời chức ấy về ông MOSCICKI, như kỳ trước đã thuật. Thế là việc chính-biến của phái quân-phiệt ở Ba-

lan nay đã qui về pháp-luật, không có cái tình-cách cách-mệnh nữa; tuy vậy cũng chưa phải đã giải-quyết được cái vấn-đề chính-trị ở Ba-lan. Mục-dịch cuộc chính-biến là muốn đổi lại Hiến-pháp để tăng quyền Tổng-thống lên và giảm quyền Nghị-viện đi. Phe nọ đảng kia đã vận-động về việc đó nhiều lắm, cho nên khó lòng giải-quyết ngay được. Nay chưa biết rằng sự đổi Hiến-pháp ấy sẽ làm theo pháp-luật, nghĩa là do Nghị-viện quyết-nghị, chịu thuận đến cuối năm 1927 mới lại họp, tức là Nghị-viện tự cam-phóng-khi quyền-lợi, hay là sẽ do Chính-phủ chuyên-quyền cưỡng-bách? Điều đó chưa rõ được, nên nội-chính nước Ba-lan vẫn còn phân-vấn lắm. Hiện nay thời nước này là liệt vào hạng những nước bề ngoài là nước dân-chủ, công-nhiên theo chính-thể đại-nghị, mà bề trong thời đã phải chịu bỏ đi mất nhiều quyền lợi tự-do để giữ cho nước được trị-an trật-tự. Ấy đó cũng là một cái chính-trào lạ trong thế-giới đương buổi bây giờ.

Nói về Bồ-đào. — Nước Bồ-đào (*Portugal*) ngày nay đương ngập vào trong cái chính-trào đó. Nói về chuyện chính-biến ở Bồ-đào thời từ xưa đến nay biết bao nhiêu mà kể. Nước này vẫn có tiếng chuyên-môn về cách-mệnh, và cái tình-hình nội-chính không được mấy lúc là bình-tĩnh yên-ổn. Việc chính-biến mới đây thì rõ-ràng thiên về mặt chuyên-chế và thu chính-quyền vào tay đảng quân-phiệt. Chưa biết rõ đầu đuôi ra làm sao, nhưng có thể chắc-ràng các quyền tự-do về chính-trị đã bị hạn-chế đi nhiều. Thành ra ở Bồ-đào cũng như ở Ba-lan, ở Ý-đại-lợi, ở Tây-ban-nha, ở Hi-lạp, v.v., đều bị một cái luồng gió chuyên-chế nó thổi khắp hết cả. Cả Âu Mĩ để chỉ trừ có mấy nước lão-luyện, đã có kinh-lich về chính-trị nhiều lắm, như Anh, như Pháp, như Đức, như

Mĩ, là thật giữ được hoàn-toàn cái chính-thể đại-nghị, mà nghe như cũng đã có phái lấy làm chán rồi, còn thời đầu đầu cũng đều thấy mặt ngoài thời gọi là dân-chủ đấy mà kỳ-thực thời chính-quyền là ở trong tay một người chuyên-chế vậy. Hoặc-giả nói cái lý-thuyết tự-do ở Âu-châu ngày nay đã đến hồi phá-sản, lời tuy khí quá, nhưng cũng có phần đúng vậy.

Nói về Ý-đại-lợi. — Xem như gương nước Ý thì lại rõ-rệt lắm nữa. Thế-lực đảng Pha-xi mỗi ngày một bành-trướng ra khắp trong nước mà lại muốn tràn ra cả nước ngoài nữa, Nghĩa là đối với ngoài muốn yêu-cầu, muốn sách-nhiều lắm cách làm cho sự quốc-tế giao-thiệp càng thêm khó-khăn ra. Ở ngay Hội Vạn-quốc cũng muốn xử cách như thế, may có ông nghị-trưởng MOTTA khéo điều-đình mới khỏi thành ra chuyện lời-thối. — Như kỳ trước đã nói, cái chính-sách của đảng Pha-xi là hết sức kích-thích cái quốc-gia tư-tưởng trong dân-gian, đó là cái nguy-hiềm cho đảng ấy. Thủ-tướng MUSSOLINI vẫn có ý khôn khéo cố giữ cho không mất lòng các lân-bang, nhưng chỉ sợ không biết có đủ sức mà ngăn cầm được các đảng-nhân không. Chuyện điều-ước Anh với Ý về việc Abyssinie lúc mới đầu vì cái thái-độ cứng-cỏi của Ý đã e thành ra chuyện lời-thối với Pháp, nhưng may sau cũng phân-giải được êm cả. Tuy vậy, nước Pháp cũng lấy làm mất lòng về việc đó, và trách Anh với Ý xử không được lịch-sự, ba nước đã cùng giao-kết với nhau giữ lấy liên-dái-quan-hệ trong việc xử-tri về nước Abyssinie, thế mà hai nước kia lại ký ước riêng với nhau không cho Pháp biết. — Về đường tài-chính, thiên-hạ thường khen chính-phủ Pha-xi nước Ý là khéo chính-đốn không đến nỗi nguy-hiềm như nước khác. Song lời khen đó chưa chắc đã chánh-dáng. Tiền *lire* ngày nay tuy có cao giá hơn tiền

franc thật, nhưng tài-chính nước Ý xem ra cũng không có khởi-sắc hơn gì nước Pháp, duy cái tổng-số chi-thu ít hơn Pháp nhiều cho nên không phải lo lắm mà thôi; vả lại các khoản ngoại-trái của Ý cũng không nhiều bằng Pháp và Ý lại cũng không có những châu-quận bị tàn-phá về chiến-tranh cần phải tu-bổ lại, như thế cái gánh tài-chính đối với Pháp cũng có nhẹ hơn nhiều. Nhưng mà sớm trưa rồi cũng có ngày tiền *lire* lên xuống bấp-bông quá, chính-phủ Ý tất phải đến hạ-lệnh đặt giá nhất-định, nghĩa là cũng trải những bước gian-nan như các nước đã từng qua cái cầu tiền-tệ khủng-hoảng ấy vậy. Nay có một cách có thể bỏ-cứu được cái tình-cảnh khó-khăn ấy cho nước Ý và các nước đồng-bệnh như nước Ý, là phạm việc giao-dịch tiền-tệ, ba nước Pháp, Ý và Ti nên liên-lạc với nhau, nhưng cứ cái tình-hình chính-trị ở Ý bây giờ chưa chắc có thể làm được. Hiện nay thời thủ-tướng MUSSOLINI và đảng Pha-xi muốn dùng một cách mạnh-bạo và quả-quyết hơn, là cưỡng-bách hạn-chế sự tiêu-phi ở trong nước, bắt người trong nước phải tiết-kiệm trong cách ăn dùng và cho phép các nhà máy các xưởng thợ được bắt thợ làm chín giờ một ngày. Nhất-diện thời lại dùng cái chủ-nghĩa Pha-xi làm một cách giáo-hóa cho dân. Song, người đề ý quan-sát cho kỹ thời biết cái cách chính-trị đó cũng có nhiều điều mâu-thuẫn, chưa gọi là đắc-sách vậy.

Nói về Thổ-nhĩ-kỳ. — Việc nước Thổ ký ước với nước Anh để giải-quyết vấn-đề Mossoul, kỳ trước đã nói qua rồi. Ước ấy Nghị-viện Thổ đã duyệt-y. Tự nay sự giao-thiệp nước Thổ với xứ Irak thuộc Anh sẽ được lương-hảo hơn trước. Thiên-hạ cho việc này xử-tri được ổn-thỏa như thế là một sự đắc-thắng cho nhà ngoại-giao nước Anh. Điều-ước có mấy khoản như sau này là quan-trọng: cứ giữ đường địa-giới đã

định ở hội-nghị *Bruxelles*; mỗi bên đặt một cái giới-tuyến rộng là 75 cây-lô mét không được đặt quân-bị gì; sau tháng sau khi duyệt-y điều-ước sẽ đặt một hội-dồng quan binh Thổ và *Irak*, do một người Thụy-sĩ đứng đầu, để định đường giới-tuyến ấy; người dân được quyền tự-do nhập-tịch nước Thổ; phạm các mỏ dầu trong hạt *Irak*, mỗi năm nộp thuế cho chính-phủ *Irak* bao nhiêu thời phải nộp một phần mười cho nước Thổ; phần thuế phải nộp cho nước Thổ do, nước Thổ được quyền đặt thành tiền vốn để vào các công-ti khai mỏ. — Ta còn nhớ rằng hồi đầu, lúc Hội Vạn-quốc mới xử về việc *Mossoul* đại-khai cũng như thế, nước Thổ kháng-kháng không chịu, hết sức phản-đối là dường nào, thế mà sao nay lại xử nhũn mà thuận nhận các điều-khoản như thế? Cái đó là nhờ sự khôn-khéo của nhà ngoại-giao nước Anh đã dành rồi. Nhưng cũng là bởi kẻ cầm quyền nước Thổ đã biết suy nghĩ kỹ mà hiểu rằng nên điều-đinh với Anh còn lợi hơn là cố chống-cự lại. Giám-quốc Thổ *MUSTAPHA KEMAL* biết rằng nước mình chưa đủ sức đánh nhau với Anh được, như thế thì thà chịu nhũn mà chám-chước cho được lợi còn hơn. Về phần nước Anh thời giữa đương lúc nội-chính bối-rối, mà ngoại-giao đặc-thắng như thế, thật cũng tài. Cách chính-trị của Anh xưa nay vẫn thường có những cái thủ-đoạn cương-nghị và quả-quyết như vậy.

Nói về Hội Vạn-quốc. — Kỳ hội-dồng hội Vạn-quốc đầu năm nay đã tỏ ra cái hiềm-tượng bất-hòa ở trong Hội rồi. Đầu dưới thế nào ta đã biết. Nguyên cái mối phân-tranh là ở việc nước Đức xin vào Hội, lại xin một ghế thường-trực ở Hội-nghị. Có mấy nước khác có chân Hội bên kháng-nghị nói rằng nếu nước Đức được chân thường-trực thì mấy nước ấy cũng xin được thường-trực. Việc điều-đinh không

xong, nước *Brésil* tức-khắc xin ra Hội. Theo chương trình Hội Vạn-quốc thời phạm xin ra Hội như thế phải đợi đến hết hạn, nghĩa là hai năm nữa mới được ra hẳn. Nhưng ngay tự bây giờ nước *Brésil* có thể không đến dự hội-dồng được. Ngoài nước *Brésil*, lại còn Tây-ban-nha nữa cũng tỏ ý không bằng lòng, nói rằng nếu nước Đức được vào chân thường-trực ở Hội-nghị mà mình phải tạm bãi ra ngoài thì quyết không chịu. Nay hăng nói riêng về việc nước *Brésil*; nước này xin ra Hội Vạn-quốc, dư-luận các nước lấy làm kích-dộng lắm, Thiên-hạ cho là làm khi quá-đáng và không thích-hợp thời-thế. Hoặc có người nhận thấy nhiều việc khác xảy ra ở ngoài doãn rằng có lẽ các nước Mĩ-châu muốn suy-tôn Hoa-kỳ làm minh-chủ mà lập riêng ra một hội Liệt-quốc châu Mĩ để đối lại với Hội Vạn-quốc *Genève* chẳng. Song điều đó chưa lấy gì làm chắc, và cũng có lẽ nước *Brésil* làm như thế là vì những duyên-cớ riêng khác. Có người nói việc này tự ông Giám-quốc nước ấy, vốn không ưa Hội Vạn-quốc và lại sắp đến ngày hết hạn về, muốn làm ra như thế để bó-buộc ông Giám-quốc sau hiện đã cử rồi, ông này lại là người tán-thành cho Hội Vạn-quốc. Nếu cái thuyết đó là đúng thời sự nước *Brésil* xin ra Hội Vạn-quốc chẳng qua cũng là một việc nhất-thời mà thôi. Hiện nay thời nước ấy đã công-nhiên xin ra Hội rồi, Hội Vạn-quốc cũng lấy làm khó xử vậy, — Nay nói rằng Mĩ-châu muốn biệt-lập một Hội Liệt-quốc mới, điều đó cũng chưa có chứng-cớ gì rõ-ràng. Xem như trong việc phân-tranh nước *Chili* và nước *Pérou* thuộc về mấy hạt *Tacna* và *Arica*, nước Hoa-kỳ đứng lên đảm-đương cái trách-nhiệm trọng-tài mà phân-xử không xong, thời đủ biết rằng các nước Mĩ-châu cũng chưa sẵn lòng công-nhận nước Hoa-kỳ làm minh-chủ vậy. Như vậy thời

đã sắp đến ngày lập được một Hội Liệt-quốc Mĩ-châu chưa? — Việc nước *Brazil* xin ra Hội Vạn-quốc rút lại chỉ là một cách cảnh-cáo cho Hội Vạn-quốc biết cần phải nên sửa đổi cái chế-độ trong Hội lại cho thích-hợp với thời-thế mà thôi. Tự-trung lại còn tỏ ra một cái ý như sau này nữa : là ở Hội Vạn-quốc cũng như ở Quốc-tế Lao-động-cục, các nước Nam-Mĩ lấy làm không bằng lòng vì chưa được cái địa-vị xứng-đáng. Điều đó Hội Vạn-quốc cũng phải nên chăm-chước mà sửa đổi cho công-bằng. Hội Vạn-quốc cho được xứng-đáng cái tên ấy thì phải làm thế nào cho gồm được hết cả các nước trong thế-giới, bất-cứ là Âu-châu hay Mĩ-châu, nước lớn hay nước nhỏ, đều được bằng-đẳng nhau cả, cho khỏi mang tiếng là một công-ti mấy cường-quốc Âu - châu họp nhau lại để giữ quyền chuyên-chế các nước khác. Việc nước *Brazil* mới xảy ra tức là một cái bài học cho các nước cầm quyền trong Hội Vạn-quốc vậy.

Nói về nước Anh. — Ở nước Anh thời việc tổng-bãi-công xong rồi, nhưng việc bãi-công ở các mỏ than vẫn chưa xong. Hai việc ấy thiệt-hại cho cuộc kinh-tế nước Anh nhiều lắm. Vừa phải tăng số sản-xuất, lại vừa phải giảm số kinh-phí, cái vấn-đề thật cũng khó giải-quyết thay. Hiện nay thời Anh không có than mà dùng, phải mua than khắp mọi nơi, nhất là ở Mĩ. Còn sự phân-tranh bọn chủ mỏ với thợ mỏ thời xem ra cũng khó lòng hòa-giải được, chủ thì đòi thêm giờ làm, thợ thì nhất-định không chịu. Chính-phủ đã có đệ cho Nghị-viện xét một cái dự-án định giờ làm việc mỗi ngày là tám giờ. Dự-án ấy đã quyết-nghị rồi, nhưng đảng thợ vẫn chống lại. Nay có lẽ định lương lại cho họ thì họ chịu chăng? Nội-các *Baldwin* quyết điều-đinh cho xong và dư-luận trong nước cũng theo với Nội-các.

Mới xét ra thời không khỏi lấy làm lạ rằng muốn cho khỏi cái nạn thợ không có việc làm mà lại bàn tăng giờ làm việc của thợ lên, lại muốn cho khỏi cái nạn bán không được giá mà lại bàn tăng số sản-xuất lên, như thế thì cũng kỳ thật. Nhưng xét cho kỹ thì biết cái mưu của nước Anh định tăng số sản-xuất lên là muốn giảm cái giá vốn đi để bán cho được rẻ mà địch với các chợ ngoài. Mưu đó chưa biết lợi hại thế nào. Hiện nay thời nước Anh phải cái nạn bãi-công này thật cũng là một sự nguy-hiểm to vậy. Sự nguy-hiểm này lại thêm to hơn, vì nhiều duyên-cớ khác nữa, thứ nhất là sự giao-thiệp ở trong Anh-đế-quốc không được thập-phần lương-hảo. Tuy trong các hội-nghị quốc-tế rút lại bao giờ các thuộc-địa tự-trị của Anu cũng về bề với Anh hết cả, nhưng kỳ-thực thời cái giây quan-hệ của Mãn-quốc với thuộc-quốc có mỗi ngày một trùng một yếu đi nhiều. Anh-mãn-quốc hằng ngày phải chậm-chước cho thích-hợp với cái tình-thế mới đó, thật cũng lấy làm khó-nhọc lắm. Lại thêm hiện nay cái cách đối-đãi với nước Nga cũng khó nữa. Trước kia còn ngờ, chứ nay thì đã rõ rằng việc tổng-bãi-công ytra rồi, tuy thủy-chung phát-sinh và giải-quyết theo như thủ-tục nước Anh cả, nhưng thực là xui nên tự đảng Cộng-sản Nga và cũng được đảng này trợ-cấp cho nữa. Chính-phủ Anh có gửi giấy kháng-nghị ở *Moscou*, nói rằng việc bãi-công ấy là một sự vận-động trái quốc-luật và trái hiến-pháp, không thể nào dung cho người Nga can-thiệp vào được. Thành ra Anh với Nga ngày nay đương bất-bình nhau lắm. Anh có quyết tuyệt-giao với Nga không? Chính-phủ Anh còn do-dự. Từ khi Nội-các *Lloyd George* năm trước xướng ra cái chính-sách thân-thiện với Nga, nhiều nhà buôn Anh đã bắt đầu giao-dịch với Nga nhiều, nay Anh mà tuyệt-

giao với Nga, thời tất thiệt hại cho các nhà ấy lắm; tuy Nội-các ngày nay cũng không phải vì gì các nhà buôn ấy, lại có ý muốn bỏ mặc để mà tự-liệu lấy, nhưng mà ngoại-giả nước Anh còn nhiều lợi-quyền khác nữa, sợ tuyệt-giao thì tổn-hại mất, lại sợ đảng cộng-sản không kiêng nể gì nữa tất gia-công truyền-bá cô-động ở các thuộc-địa Anh ở Á-châu, thứ nhất là Ấn-độ, hiện nay phòng-bị cũng đã khó-nhọc lắm rồi. Vậy thời có lẽ thủ-tướng BALDWIN còn trụ-trữ, và hiện hằng đặt cách canh-phòng cẩn-mật cho người Nga ở Anh không thể mượn tên tòa sứ Nga mà làm việc âm-mưu cách-mệnh vậy. Tuy vậy mặc lòng, hiện nay ở Anh cũng đã có một đảng quá-khích dương hoạt-động, cái hiểm-tượng ấy người Anh cũng lấy làm lo. Xem thế thì nước Anh tuy được hưởng cái lợi hồi-đoái cao mà không phải là đã được thái-bình yên-ôn cả vậy.

Nói về nước Pháp. — Kỳ trước đã thuật qua về tình-hình nội-chính nước Pháp, việc Nội-các BRIAND đổ, Nội-các POINCARÉ thành. Nay kể lại rõ đầu đuôi từ tháng sáu đến giờ. Trong khoảng tháng sáu, tình-hình ấy lại càng bối-rối lắm. Đồng phật-lãng mỗi ngày một sụt giá xuống đùng-đùng. Tuy ở Ma-lạ-kha, tướng ABD EL KRIM đã hàng rồi, việc quân sự cũng tạm yên, nhưng chưa phải là đã dẹp yên hẳn. Về mặt bắc, ở miền Taza, quân thổ-phỉ hầy còn chống lại dữ, dẹp cho yên được có lẽ lại còn khó hơn là đánh thua được ABD EL KRIM vậy. Song sớm trưa rồi cũng yên, mà có yên rồi nhiên-hậu phần đất Ma-lạc-kha thuộc Tây-ban-nha mới có thể chính-đốn kinh-doanh được. Lại dự-định làm cho xong đường xe-hỏa từ Tanger đến Fez, thế là có thể mong gây được cái cơ sở thái-bình ở đất Ma-lạc-kha. — Nhưng còn việc Tây-lợi (Syrie) thời thế nào? Hội Vạn-quốc họp hội-đồng để xét việc ủy-quyền cai-trị thuộc-địa, nghị-viên DE JOUVENEL làm tổng-đốc

Syrie đã ra hội-đồng thay mặt nước Pháp bàn giải các lẽ, Hội-đồng duyệt-y cả. Nhưng đó có phải cái chứng-cớ rằng việc Syrie nay đã yên cả rồi không? Tuy cứ theo tin-tức trong các báo thời dường như nước Pháp không còn phải lo gì về việc ấy nữa, nhưng cũng có người hoài-nghi chưa cho chắc hẳn là thế nào.

Song những việc đó dù quan-hệ mà chưa khẩn-cấp bằng cái tình-hình nội-chính đương khốn-nạn. Đầu tháng sáu đồng phật-lãng đột sụt giá xuống hạ quá, tạm-thời dùng cách nọ cách kia để cho nâng cao lên, nhưng sau cũng vô-hiệu cả. Ông Tài - chính RAOUL PÉRET phải từ chức, Nội-các BRIAND cũng nhân đó phải đổ. Quan Giám-quốc lại cử ông BRIAND tổ-chức Các mới, nhưng ông xét ra không thể nào liên-hiệp được các đảng, bèn từ chối không nhận. Đến ông HERRIOT cũng muốn ra sức điều-hòa xem có được không, lại hỏng nốt. Ông BRIAND lại phải ra một lần nữa, sau tổ-chức được một Nội-các lấy ông CAILLAUX lĩnh bộ Tài-chính mà lại đặc-cách kiêm chức phó thủ-tướng (chức này theo lệ thường vẫn thuộc ông Tổng-trưởng bộ Tư-pháp, nay đặc-cách như thế là có ý biệt-đãi ông CAILLAUX để cho rộng quyền làm việc). Ông CAILLAUX chuyển này lại ra cầm quyền một lần nữa như thế có phải là tổ ra Chính-phủ đã quyết-định thi-hành một cái chương-trình nhất-định về tài-chính không? Hay là chẳng qua Chính-phủ mời ông ra là cốt để lấy lòng ông, sợ ông có thể-lực đứng ngoài không khỏi cản trở chăng? Lại trong một Nội-các mà có hai tay kiệt-thủ bằng nhau như BRIAND và CAILLAUX đó, thời tay nào sẽ đoạt tay nào, BRIAND thời như mà CAILLAUX thời cương, người nào sẽ thắng người nào, và người nào sẽ có đủ tài đủ sức cứu được cho đồng phật-lãng và cho cả nước Pháp nữa? Đối với cái tình-hình bối-

rồi, cái Nội-các hai đầu đó, thời Nghị-viện vẫn cứ phân-vấn, chỉ biết cản-trở cho Chính-phủ không làm được việc mà không biết tập-hợp cho thành một phe đa-số để giúp cho Chính-phủ có đủ sức mà thi thố. Ngày 25 tháng 6, suýt nữa Nội-các mới thành lập đã bị đổ ngay, chỉ vì một cái cơ côn-con chẳng vào đâu. Nội-các chỉ xin với Nghị-viện hoãn mấy ngày để đợi cho Hội-đồng chuyên-gia định xong cái chương-trình chính đốn tài-chính, rồi sẽ đem ra thảo-luận ở Nghị-viện. Chỉ có thế, chứ cũng chưa có thảo-luận điều gì, thế mà cũng có một ông Nghị can-thiệp vào làm cho chỉ một tí nữa là Nội-các chửa kịp làm việc mà đã bị đổ. Trong dân-gian thời thấy những cách hành-dộng như thế lấy làm chán lăm. Nhưng thiên-hạ đã chán Nghị-viện mà Nghị-viện dường như không biết. Có nhiều người thấy những nước có tay kiệt-hiệt đứng lên chuyên-chế, như nước Ý, mà thêm. Cái phong-trào chán-ngán về chính-thể đại-nghị và cam chịu theo chính-thể chuyên-chế để giữ lấy trị-an trật-tự, nhóm lên tự sau khi chiến-tranh đến giờ, càng ngày càng thấy mạnh thêm. Có nhiều người Pháp như khao-khát muốn cho nước Pháp có một tay quả-quyết mạnh-bạo đứng lên mà đảm-đương việc nước thời đầu có phải tam-thiệt mất quyền tự-do cũng cam chịu.

Ấy cái tâm - lý của người Pháp về khoảng cuối tháng sáu như thế

Song đến tháng bảy thời cái tình-hình đã thấy hơi rạn-rạng một chút. Đầu tháng thời Nội-các BRIAND-CAILLAUX cùng với hội-đồng chuyên-gia (*comité des experts*) đương trừ-tính lập cái chương-trình chính đốn tài-chính. Nội-các đã xin được Nghị-viện thuận cho cái chương-trình của Chính-phủ được xét trước cái chương-trình của đảng xã-hội. Ngày 14 tháng 7, nhân có vua Ma-lạc-kha MICHAËL YOUSSEF sang chơi Paris, ở Nghị-viện cũng được

binh-tĩnh một độ, tưởng rằng các ông nghị đã hiểu rõ tình-thế mà bỏ những chuyện thuyết-lý hão-huyền, đảng-tranh vô-ích, để cùng nhau gia-công gắng sức mà cố tìm lấy cái phương-pháp cứu-quốc. Nhưng tưởng thế là tưởng lăm. Khi ông Tài-chính CAILLAUX đem ra trình cho Nghị-viện xét một cái chương-trình chính-đốn tài-chính đã nghiên-cứu đến nơi, sắp đặt kỹ-càng, do các chuyên-gia khảo đi sát lại tường-lập, thời cả đảng xã-hội phản-đối không chịu hiệp-tác, đảng ôn-hòa do nghị-viên Louis MARIN chủ-trương cũ g về hòa với đảng xã-hội, đảng cấp-tiến thời do đảng lãnh là HERRIOT đương ngồi ghế nghị-trưởng xuống ghế nghị-viên để diễn-thuyết phản-đối, tuyên-bố rằng không thể bỏ vé tin-dụng Nội-các BRIAND-CAILLAUX được. Các đảng hiệp nhau lại mà phá như thế thời Nội-các nào đứng cho được. Khi bỏ vé thời phải 288 vé phản-đối, được có 243 vé tán-thành, Nội-các BRIAND xin từ-chức. Ngày 20 tháng 7, HERRIOT nhận-lập Các mới, lấy CHAUTEPS vào bộ Nội-vụ, DE MONZIE vào bộ Tài-chính, bữa ấy giá hối-đoái của tiền *lire* nước A h lên đến 240 phật-lãng Pháp. Ngày hôm sau 21, Nội-các mới mới ra đọc tờ tuyên-bố chính-kiến ở Nghị-viện, các đảng nhao-nhao lên phản-đối, đến khi bỏ vé tin-dụng thời Nội-các được có 237 vé tán-thành, mà phải 290 vé phản-đối; thế là trước sau chỉ được có một ngày đã bị đổ. Hôm sau bầu lại nghị-trưởng thời RAOUL PÉRET được trúng-cử 227 vé, còn phó-nghị-trưởng tại-chức BOUÏSSON được 215 vé. Xem cách hành-dộng của Nghị-viện như thế thì ra không có định-kiến gì cả, không có một đảng nào đủ đa-số để phụ-trợ cho một Nội-các đích-đáng. Các nghị-viên bấy giờ thấy thế cũng phải lấy làm lo; nhân nghị-viên MORINAUD hạt *Constantine* xuống lên, liền tổ-chức ngay thành một liên-đảng gọi là « cứu-quốc

liên-dảng » (*intergroupe de salut public*). Ngày 24 tháng 7 thời quan Giám-quốc cử ông nguyên-thủ-tướng POINCARÉ ra tổ-chức một tòa Nội-các liên-hiệp (*ministère d'union*), trong Các gồm cả những tay chính-trị trứ-danh trong các đảng như BRIAND, BARTHOUS, ALBERT SARRAUT, PAINLEVÉ, HERRIOT, MARIN, BOKANOWSKI, TARDIEU, LEYGUES, bấy nhiêu người ý - kiến bình - sinh thật là cách - tuyệt nhau hẳn, duy lâm-thời đồng-tâm hiệp-lực để cứu cho nước khỏi cái bước tài-chính nguy-vong vậy. Các đảng đều có đại-biểu ở Nội-các cả, duy đảng xã-hội thời vẫn đứng ngoài. Ngày 27 tháng 7, Nội-các mới ra tuyên-bố chính-kiến ở Nghị-viện được 368 vé tán-thành và phải có 131 vé phản-đối mà thôi, phần nhiều vé phản-đối là thuộc đảng xã-hội và đảng cộng-sản cả. Nội-các không những được Nghị-viện tín-dụng mà được cả phần nhiều quốc-dân hoan-ngheh nữa. Ông POINCARÉ được cái may-mắn ra giữa lúc thiên-hạ đã chán những sự đảng-tranh mà khao-khát được một người nào có nghị-lực ra đảm-dang việc nước. Ông là một tay chính-trị lão-luyện, đã từng làm Giám-quốc, lại từng làm thủ-tướng mấy lần; ông có tiếng là một người cương-Nghị-quả-quyết lắm, năm xưa làm thủ-tướng cũng chỉ vì cái tính cương-nghị quá đó, cổ khăng-khẳng giữ quyền-lợi cho nước Pháp, không chịu chằm-chuốt với ai, nên đã làm cho mất lòng cả liệt-cường. Nhưng nghĩ cũng lạ: nghị-viện bầu ngày 11 tháng 5 năm 1924 là cốt để phá cái chính-sách của ông POINCARÉ hồi đó đương làm thủ-tướng; thế mà nay lại chính một Nghị-viện ấy, kinh-qua bao nhiêu Nội-các trong hơn hai năm nay rồi, đến giờ lại bỏ vé tín-dụng cho một Nội-các POINCARÉ nữa: kể mưu mà ông năm trước, nay lại mời ông ra cầm quyền, Nghị-viện tất phải bối-rối lắm mới xử-tri một cách trước sau bất nhất

như thế. — Nội-các POINCARÉ chuyển này thời có thể mong vững được. Đồng-phạt-lãng không thấy xuống nữa, mà đã thấy nhích lên giá một chút. Ngay ngày 31 tháng 7, Nội-các đã đệ chương-trình tài-chính cho Nghị-viện xét, Nghị-viện đã duyệt-y rồi. Từ nay Nội-các đương bắt đầu chỉnh-dốn tài-chính và thi-hành cái chính-sách kiệm-ước mà CAILLAUX đệ trước đã đặt tên là Chính-sách « đại-khổ-hạnh » (*la grande pénitence*). Thời-kỳ này là thời-kỳ nặng-nề khó nhọc cho dân Pháp. Nhà nước thời phải giảm các khoản kinh-phí, bãi các ngạch quan-lại đi nhiều, nhân-dân thời phải chịu thuế nặng hơn lên và phải hạn-chế đủ đường trong cách ăn dùng tiêu phí. Cái trách-nhiệm của Nội-các POINCARÉ nặng-nề to-lát vô-cùng. Phạm người thực-giả nước Pháp ai cũng chúc cho đứng được lâu để đương việc nước. Nhưng ngọn sóng chính-trị khi lên khi xuống bất thường lắm, không biết đâu mà đoán trước vậy.

Tình-hình nội-loạn nước Tàu —

Việc nội-loạn ở nước Tàu nay đã đến một thời-kỳ mới, là thời-kỳ liệt-cường can-thiệp vào. Nguyên quân Bắc phạt Quảng-đông tiến lên đánh Vũ-xương Hán-khẩu của quân Ngô giữ đã hai tháng nay, mãi đến đầu tháng chín tây mới hạ được hai thành ấy, quân Ngô thua phải chạy về phía Bắc. Ai cũng biết rằng quân Ngô có nước Anh ám-trợ. Quân Quảng-đông vẫn ngờ tàu Anh đi đường Trường-giang đem đạn-dược cấp cho quân Ngô, nên lâu nay vẫn có ý dò xét. Một hôm bắt hai chiếc tàu buôn của người Anh, không biết có khám xét được gì không, nhưng người Anh nhân cơ-đó liền đem chiến-thuyền vào cửa Quảng-đông và lên đường Trường-giang, hai bên áp-đảo bắn nhau, bên Anh chết mất mấy người quan thủy. Ấy việc xảy ra như thế, không biết sau này sẽ trở nên to

thế nào, và trong liệt-cường có còn nước nào nhân đó can-thiệp vào nữa không. Hiện nay thời thiên-hạ đương chú-ý về thái-độ nước Mĩ và nước Nhật. Có điện gần đây nói rằng Chính-phủ Anh đã hạ lệnh cho hạm-dội Anh ở Địa-trung-hải sang đóng bên Á-đông. Việc này quan-hệ lắm, nhưng tin-tức nay còn ít, chưa hiểu rõ đầu đuôi, phải đợi sau này mới biết được.

Việc nước Tàu từ nay trở đi chắc càng ngày càng biến, chưa biết rồi xoay ra cái cục-diện thế nào. Hiện nay thời cái bàn cờ chính-trị ở nước Tàu có thể chia ra đại-khái như sau này:

10 Ở Bắc-kinh thời có một Chính-phủ gọi là Chính-phủ trung-ương, nhưng quân-dội không có, công-khố không có, không có quyền-thế gì, mà cũng không có ai chủ-trương nữa, vì từ ngày liên-quân Ngô Trương đắc-thắng vẫn chưa tổ-chức nên một tòa Nội-các chính-thức. Cái chính-phủ phát-phơ đó còn sống được là chỉ nhờ có Ngô Bội-Phu công-nhiên giúp và Trương Tác-Lâm thời cũng là giúp một cách gián-tiếp mà thôi.

20 Ở Quảng-đông thời có một chính-phủ cách-mệnh, hơi có khuynh-hướng về chủ-nghĩa quá khích, và được phe tả trong Quốc-dân-dảng tán-trợ, hiện cầm quyền thống-trị tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây và một phần tỉnh Hồ-nam.

30 Ở Vân-nam có Chính-phủ Đường Kế-Nghiêu, thống-trị tỉnh Vân-nam và tỉnh Quý-châu, lại có ý muốn lấn sang Quảng-tây và Tứ-xuyên nữa.

40 Ở miền trung-bộ thì có chính-phủ của Ngô Bội-Phu, giới-hạn cũng còn mập-mờ lắm, nhưng phạm-vi có thể cho là gồm cả tỉnh Hồ-bắc, một phần Hồ-nam, một phần Tứ-xuyên, tỉnh Sơn-tây cũng theo cả Trương Tác-Lâm nữa, một phần tỉnh Thiểm-tây và Trực-lệ,

lại có quyền giám-đốc chính-phủ trung-ương.

50 Ở miền duyên-hải thì có Chính-phủ của Tôn Truyền-Phương, gồm năm tỉnh giàu nhất là Phúc-kiến, Chiết-giang, Giang-tô, Giang-tây và An-huy, lại kiêm lĩnh cả Thượng-hải.

60 Ở miền Đông bắc thì có Chính-phủ Trương Tác-Lâm, nhất-thống Đông-tam-tỉnh, bắc-Trực-lệ và một phần Sơn-tây.

70 Ở Sơn-đông thì có Chính-phủ của Trương Tôn-Xương, kiêm cả một phần Trực-lệ và kết-liên với Trương, với Ngô và với Nhan ở Thiểm-tây đề-trừ cho hết tàn-quân của Phùng Ngọc-Trường.

80 Ở miền Tây-bắc thời có Chính-phủ của Phùng Ngọc-Trường thống-lĩnh Quốc-dân-quân, được Chính-phủ Sô viết giúp ngầm, Chính-phủ Quảng-đông tán-trợ. Đầu tháng sáu tây Quốc-dân-quân còn đóng khắp tỉnh Cam-túc, một phần tỉnh Thiểm-tây và cả đất Mông-cổ. Từ đó đến nay nghe đầu liên-quân đã đánh ra ngoài địa-giới Tân-cương rồi.

Ấy nước Tàu hiện còn tam-phân ngũ-liệt như thế, biết bao giờ thống-nhất cho được? Nay lại thêm ngoại-quốc can-thiệp vào nữa mới càng rối.

Việc vệ-sinh và giáo-dục ở Nhật-bản. — Cuối năm ngoái ở Đông-kinh (Tokyo) có họp quốc-tế hội-nghị nghiên-cứu về các bệnh nhiệt-dại. Hội-nghị này là thuộc Hội Vạn-quốc chủ-trương và kỳ họp năm ngoái là kỳ thứ 6. Các nước đều có gửi đại-biểu đến Nhật; các thuộc-địa lớn của các nước Âu Mĩ cũng có đại-biểu cả. Chính-phủ Đông-Pháp thừa lệnh Chính-phủ Pháp có cử hai y-sĩ có tiếng bên này, là ông Y-chánh Jourdan, giám-đốc nhà thương de Lanessan Hà-nội, và ông Y-chánh L'HERMINIER. Hai ông ở Nhật về có làm tờ báo-cáo cho Chính-phủ, tờ báo-cáo

này thuật tường về phép vệ-sinh giáo-dục ở Nhật-bản thế nào.

Cứ như các báo Tây thuật lại tờ báo-cáo ấy thời chính-phủ Nhật-bản rất chăm về việc vệ-sinh trong nước. Đặt riêng hẳn ra một Bộ đề chuyên về việc ấy, và cấp cho đủ các phương-tiện để thi-hành cho đắc-lực. Mục-đích Bộ Vệ-sinh là để dùng đủ cách phòng-bị cho dân khỏi bệnh tật. Việc dẫn nước lọc nước, việc tiêu-trừ các chất bẩn, việc giữ-gìn đồ ăn uống, đều có đặt thể-lệ nghiêm-nhất. Sự nghiên-cứu các thực-liệu thực-phẩm lại chuyên-trị đến nơi đến chốn lắm. Có đặt ra nhiều sở thí-nghiệm, như nhà « Dưỡng-sinh-viện » (*Institut de la Nutrition*), để phân-tích các đồ uống, các thứ rau và thứ thịt. Như rau thì nghiên-cứu xem phải luộc hay nấu trong bao lâu để cho diệt được các trùng vi-trùng mà không biến mất các « sinh-tố » (*vitamines*) trong chất rau. Ở Đại-ban (*Osaka*) có phòng thí-nghiệm vệ-sinh đã thử nấu rau xanh từ 3 phút cho đến 10 phút, thời thấy nấu được 3 phút là các vi-trùng đủ diệt hết, mà nấu quá 10 phút thời các sinh-tố cũng mất. Người Nhật ăn uống không cốt lấy ngon, mà cốt lấy bổ, dù cách chế nấu thế nào mà giữ được toàn-chất bổ cũng được. Lại sở thí-nghiệm nghiên-cứu cả các thứ lá cây và rễ cây có thể dùng làm đồ ăn được, Tinh người Nhật ưa ăn rau cá nhiều, nên ít dùng thịt. — Các hàng bán đồ ăn rất sạch-sẽ. Như hàng kẹo và hàng bánh thời bao nhiêu bánh kẹo để vào lọ thủy-tinh cả, mà miệng lọ để ngang chứ không để thẳng cho ruồi muỗi và bụi-bặm khó vào được. — Các nhà thương ở Nhật-bản thời tổ-chức một cách rất hoàn-bị và chỉnh-đốn. Người phục-dịch như y-sĩ và khán-hộ thật nhiều. Khán-hộ phần nhiều đàn bà. Có nhiều nhà thương mỗi giường người ốm một người khán-hộ. Nhà thương

nào cũng đủ phòng thí-nghiệm về các khoa, đủ thư-viện và bác-vật-viện — Chính-phủ Nhật-bản chuyên-chủ nhất là tạo-thành lấy những người dân thân-thể kiện-toàn và giữ được cái mỹ-tục võ-sĩ đời xưa. Cách tổ-chức và kinh-lý các trường học là theo về một mục-đích đó cả. Ở các trường học đều trân-trọng giữ-gìn lấy các cái quốc-tục hay cùng những lễ-lối lễ-phép cũ. Như cái tục « lễ trà » (*cérémonie du thé*) là điều cốt-yếu trong cách khoản-tân tiếp-khách, nhà trường có khoa dạy riêng, mỗi trường học có đặt phòng khách, có chiếu giải, có bàn kỷ, có khay sơn, có ấm chén, có hỏa lò sẵn-sàng cả. Lại mỗi tháng hai lần có quan vệ-sinh đến khám các trường học, trường nào cũng có đồ vệ-sinh và các vị thuốc cần dùng cả. Thầy giáo phải chăm nhất là dạy cho học trò tập thói quen sạch-sẽ. Ông y-chánh JOURDAN có được xem một buổi dạy học trò đánh răng, mỗi trò có một cái bàn chải răng bằng sợi cây chứ không phải bằng lông súc-vật, sắp hàng đứng đều cả, rồi cùng đánh răng. — Trường học thì làng nào cũng có một nhà trường, thường là nhà rộng-rãi cao ráo nhất trong làng. Trường làng là chính tiền của dân làng cung cấp. Số người bắt buộc ở Nhật-bản ít lắm. — Cách khu trừ những bệnh hoa-liêu cũng nghiêm-nhất lắm. Mỗi năm số những người thanh-niên ra tuyến lĩnh mắc bệnh ấy thấy ít dần đi — Số kẻ phạm tội ở Nhật-bản cũng kém các nước khác. Người Nhật cho được như thế là bởi trong nước còn giữ được những cái mỹ-tục về đạo danh-dự, giống nòi không bị ngoại-tộc xâm lấn nên vẫn giữ được thuần-túy, cách sinh-hoạt dễ-dàng, khí-hậu mát-mẻ, thổ-địa phì-nhiều, lại được những công cuộc từ-thiện cứu-tế đặt ra nhiều, kẻ làm ăn cũng dễ kiếm việc sinh-nhai, con trẻ thời giáo dục kỹ-càng cẩn-thận. — Có một điều nên chú-ý, là chính-phủ Nhật-bản muốn cho dân

được mạnh khỏe thời chăm về việc phòng bệnh hơn là việc trị bệnh ; lại chú-trọng đệ-nhất về sự thể-thao. Bởi thế nên cái phong-trào thể-dục thịnh-hành lắm. Năm 1924, có mở một đại-hội thể-thao, chính bộ Nội-vụ chủ-trương và sở Vệ-sinh tru-biện. Hội tự ngày 28 tháng 10 đến mồng 3 tháng 11, quang-cảnh không khác gì các hội *jeux olympiques* ở Hi-lạp ngày xưa. Trong mấy ngày hội có làm lễ kỷ-niệm vua Minh-trị thiên-hoàng, cốt để nhắc lại cho nhân-dân nhớ đức-nghiệp của ngài. Những thuật thể-thao thời có kiếm-thuật, cung-thuật, kiếm thời cả đàn bà con trẻ cũng đánh được, nhu-thuật (*jūjitsu*) là lối đánh vật thời lưu-hành trong dân-gian lắm ; còn những lối thể-thao mới, như *tennis*, *foot ball*, cũng thịnh-hành.

Các lối chơi ở Hội thể-thao có tới 16 thứ. Người tham-dự các cuộc chơi ấy năm ngoài 3000 người, năm nay có lẽ được 4500, còn những người ngoài muốn biên tên vào Hội kể đến 20.000. — Nói tóm lại thời việc vệ - sinh cũng như việc giáo-dục ở Nhật-bản thật sắp đặt đã hết sức chỉnh-đốn, hết sức châu-đáo. Phạm điều gì quan-hệ đến hai việc đó thời dù có trái với tập-tục, dù có ngược với những sự tin-tưởng trong dân-gian, người Nhật cũng cố làm cho kỳ được. Như việc đặt lò thiêu người chết, hiện nay đương cổ-động riết lắm, các nhà cổ-động công-nhiên lấy cái lẽ rằng đất nước Nhật ít, nên để cho dân cây cấy hết, không thừa đâu mà bỏ không làm mộ-địa được.

Việc trong nước

Tình-hình chính-trị. — Hội-đồng chính-phủ đã họp tại Sai-gòn ngày 20 tháng 9 tây, kỳ này cũng không có chuyện gì lạ, duy có bài diễn-thuyết khai hội của quan Toàn-quyền VARENNE có mấy đoạn ta cũng nên bàn qua, như đoạn thuộc về vấn-đề chỉnh-đốn việc học, thuộc về vấn-đề chỉnh-đốn các hội-nghị bản-xứ. Nói về việc học thời quan Toàn-quyền công-nhận rằng việc học, bấy lâu nay kết-quả không được như ý, vì cách dạy học sai lầm. Trong bài diễn-thuyết năm ngoài, ngài đã nói về sự cải-cách bậc tiểu-học, nên dùng tiếng bản-xứ để dạy học và đặt cách cho phổ-thông trong dân-gian. Nay xét đến bậc trung-học và bậc cao-đẳng thời

ngài thấy còn khuyết - diếm nhiều lắm : bậc trung-học thời không thích-hợp với bản-xứ và bậc cao-đẳng thời trình-độ còn thấp quá. Vậy đã dự-định cải-cách cả hai bậc đó để cho các bậc học được liên-tiếp nhau và sự học được thống-nhất. Ngài về Pháp chuyên này sẽ thương với bên bộ cho các bằng-cấp Trung-học Đại-học bên này đối với bản-xứ cũng có cái giá-trị ngang bằng các bằng-cấp của Pháp, nghĩa là thí dụ như trường Thuộc Hà-nội đặt thành trường Đại-học thời học trò tốt-nghiệp ra được bằng y-khoa tiến-sĩ bản-xứ, dùng ở bản-xứ cũng có giá-trị ngang bằng bằng y-khoa tiến-sĩ của các trường Đại-học bên Pháp ; về bằng tú - tài

trung-học cũng vậy. — Nói về sự chính-dồn các hội-nghị thời quan Toàn-quyền định đại-khái như sau này : mỗi xứ (Trung, Nam, Bắc-kỳ, Cao-miên Ai-lao) sẽ có hai hội-nghị bản-xứ, một hội-nghị người Tây và một hội-nghị người bản-dân (hội người bản-dân tức là Hội Dân-biểu như bây giờ mà cho rộng quyền hơn một chút, Nam-kỳ thời cứ giữ Hội-đồng Quản-hạt như ngày nay), hai hội biệt-lập nhau, nhưng quyền-hạn cũng bằng nhau. Trên các Hội-nghị bản-xứ đó, sẽ đặt một Cao-dẳng Hội-nghị Đông-Pháp gồm các đại-biểu vừa người Tây vừa người bản-dân của các Hội-nghị bản-xứ bầu lên, cả thảy là 16 người Tây, 16 người bản-dân, cùng họp cùng bàn với nhau, mỗi năm họp ở một xứ mà nghị-trưởng là nghị-trưởng Hội-nghị Tây ở xứ họp đó. Cái đặc-sắc của sự cải-cách này là người bản-dân cũng được bằng-số và bằng-dẳng như người Tây. Nhưng đó còn là dự-án của quan Toàn-quyền, phải đợi bên Pháp duyệt-y mới thi-hành được.

Hội-đồng Chính-phủ xong, ngày 4 tháng 10 quan Toàn-quyền VARENNE về Pháp để thương-thuyết mọi việc với bên họ. Hoặc-giả nói ngài về chuyến này là có ý ra ứng-cử thượng-nghị-viên đầu sang năm. Theo lệ thường thời quan Chánh Toàn-quyền đi vắng, quan Phó Toàn-quyền tại chức quyền-lĩnh chức Toàn-quyền. Nhưng kỳ này lại cử quan Khâm-sứ Trung-kỳ PASQUIER quyền Toàn-quyền, mà quan Phó Toàn-quyền MONGUILLOT thời về Pháp. Duyên do việc này nghe đâu là bởi hai quan Chánh quan Phó lâu nay vẫn

không được tương-dắc nhau. Quan Khâm-sứ PASQUIER nay lĩnh chức quyền Toàn-quyền, vốn là người am-hiếu dân An-Nam ta lắm, Ngài chính là tác-giả bộ sách « Cờ Nam-Việt » (*L'annam d'autrefois*) mà bản-chí đã giới-thiệu năm trước. — Quan Thống-đốc Nam-kỳ COGNACQ cũng vì không tương-dắc với quan Toàn-quyền VARENNE nên về nghỉ đã mấy tháng nay và nay có tin không trở lại nữa.

Ở Nam-kỳ thời cuộc bầu-cử Hội-đồng Quản-hạt ngày 10 tháng 10 náo-nhiệt lắm. Kết-quả về phần Tây là đảng ông DE LACHEVROTIÈRE được trúng cử và về phần An-Nam là đảng ông Bùi Quang-Chiêu và Nguyễn Phan-Long-Hai đảng vốn nghịch nhau, chuyển này ra Nghị-hội chắc là chống nhau kịch-liệt.

Ở Trung-kỳ thời Hội Dân-biểu bầu ông Hoàng Thúc-Kháng làm nghị-trưởng. Ông là một nhà đại-khoa và là một tay chí-sĩ bị đi đày Côn-lôn mới về. Việc bầu-cử đó có ý-nghĩa lắm. Đại-để thời Hội Dân-biểu Trung-kỳ có đặc-sắc hơn Hội Bắc-kỳ nhiều, vì phần nhiều là những tay học-thức và có tư-tưởng về quốc-gia cả.

Bắc-kỳ thời hết võ-đé lại đến ứng-thủy, đường-sá vẫn nghẽn, hạp-long chữa xong. Nhiều chỗ tài-giá đến hai ba lần hồng cả. Dân năm nay rồi đói to. Các nơi đều mở lạc-quyên để giúp. Quan Toàn-quyền đã cho phép mở một cuộc đánh số một triệu đồng để cứu dân bị nạn. Chính-phủ lại trích ra hai triệu đồng để cho số Công-chính liền từ-bỏ các đé.

CÁCH-NGÔN

Thi-giờ là cái nguyên-liệu tạo ra sinh-mệnh của ta, ta đã biết yêu cái sinh-mệnh của ta, sao ta lại nỡ bỏ phí mất thi-giờ.

Cái vật qui-báu nhất trong thiên-hạ không gì bằng thi-giờ, những người xa-xỉ hoang-phi nhất trong thiên-hạ không gì bằng bỏ phí mất thi-giờ.

Ban ngày phải nên tiếc bóng mặt trời, ban đêm phải nên tiếc ngọn đèn giông. Ông Hạ Vũ là bậc thánh-nhân còn tiếc từng tấc bóng mặt trời, huống chi người thường nên tiếc từng phân bóng mới phải.

Lo tính việc lớn trong thiên-hạ chỉ cốt lưu-tâm cố sức vào chỗ khẩn-yếu mà làm, còn những việc tầm-thường không cần phải nghĩ đến. Ví như đánh cờ, chỉ cốt lưu-tâm vào cái đại-thế được thua cả toàn-cục; còn như mất một con mã, thiệt một con tốt, không cần phải nghĩ đến chi. Nếu người bàng-quan thấy thế mà vội-kê là cao thấp, người đương cuộc vì thế mà đã hoa cả mắt rồi cả bụng, thì hỏng mất cả việc lớn.

